HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 13 tháng 10 & 11 năm 1993



THƠ CA VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA

Telephone: (714)537-2468

Phát hành hai tháng một kỳ - số 13 tháng 10 & 11, 1993

Đại diện tại Florida:
Triều Hoa Đại, 2835 Cranberry Cir, Middleburg, FL 32068.
Tél: (904)282-2419

Đại diện tại Âu Châu:
Mr & Mrs Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris, France.
Tél: 45.83.19.12

Đại diện tại Na Uy:
Hoài Mỹ, Olsvikaasen 138, N-5079 Olsvik, Norway

Đại diện tại Canada:
Trân Sa, P.O.Box 232, Station "C", Toronto, Ontario M6J 3P4
Tél: (416) 762-4659 và (416) 652-1384
Hồ Đình Nghiêm, 3360 Barclay, Apt # 10, Montréal PQ. H3S 1K4.
Tel: (514)342-8018
Vũ Đình Kh., 102 - 830E. Sixth Ave. Vancouver, BC V5T - 1M1
Tel: (604) 873-1697

Đại diện tại Australia:
Thường Quán, 9 Portsmouth St., Mt Waverly, VIC 3149.
Tél: 011-61-3-8071797

*

Chủ trương:

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Vũ Quỳnh N.H., Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh Hương, Đỗ Kh., Ngọc Khôi, Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Sĩ Liêm, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Nguyễn Văn Sâm, Hoàng Xuân Sơn, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Nhật Tiến, Kim Thi, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Tiến Văn, Trần Vũ, Trương Vũ.

Chủ biên
Khánh Trường

Phụ tá chủ biên:
Phan Tấn Hải
Nghiên cứu, lý luận
Hoàng Sử Mai - Đỗ Hữu Tài
Trị sự: **Nguyễn Thị Giáng Châu**

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN 1065-9323



Lê Tài Điển: *Dessin*

HỢP LƯU

Số 13 tháng 10 và 11, 1993

Thơ Ca Việt Nam Hiện Đại



mục lục

Lê Tài Điển: *Dessin* 1 / **Mục Lục** 2 / **Thư Tòa Soạn** 3 / **Chân Phương:** *Ngõ cụt và sinh lộ* (nhận định) 5 / *Một mình với Pari - Trắc nghiệm...* (thơ) 19 / **Bùi Vĩnh Phúc:** *Mấy suy nghĩ thơ* (nhận định)23 / *Rồi một buổi nào...* (thơ) 39 / **41** / **Trinh Đường:** *Thanh khí một quan điểm bình thơ* (nhận định) 45 / **Nguyễn Hồi Thủ:** *Hát trong mùa thu* (thơ) 49 / **Mai Thảo:** *Vẫn còn* (thơ) 50 / **Nguyễn Tôn Nhan:** *Thiên cơ - Tàn kiếm* (thơ) 50 / **Nguyễn Đăng Thường:** *Tri ân* (thơ) 51 / **Khế Iêm:** *Đi tìm một nhân cách thơ* (nhận định) 52 / **Phố Thị Ngọc Ni:** *Điệu lý hoàng phi* (thơ) 54 / **Khế Iêm:***Cà phê - Ngẫm...* (thơ) 55 / **Thanh Thảo:** *Liên tưởng của nhà thơ* (nhận định) 56 / *Người mãi võ Sơn Đông* (thơ) 59 / **Nguyễn Vĩnh Long:** *Tĩnh vật - Lối về...* (thơ) 60 / **Đỗ Kh.:** *Về thơ, phi cơ* (nhận định) 61 / *Tự kiểm* (thơ) 67 / **Hoàng cầm:** *Đêm thổ* (thơ) 68 / **Hoài Hương:** *Những tiếng nấc* (thơ) 69 / **Hoàng Hưng:** *Thơ mới và thơ hôm nay* (nhận định) 70 / *Hai bài thơ không đề* (thơ) 74 / **Ngu Yên:** *Thi sĩ và thơ* (nhận định) 76 / *Ngày 24 tháng 8, 1993* (thơ) 85 / **Trần Nhược Mai:** *Một thời đã qua* (thơ) 86 / **Nguyễn Tiến:** *Thi ca trong thế giới mới can đảm* (nhận định) 87 / *Trầm ẩm* (thơ) 90 / **Trầm Phục Khắc:** *Đã lâu - Ngoài đêm...* (thơ) 91 / **Diễm Châu:** *Johannes Bobrowski* (ghi nhận) 92 / *Những tín hiệu - Tiếng kêu...* (thơ) 93 / **Johannes Bobrowski (Thủy Trúc** dịch) *bờ* (thơ) 95 / **Nguyễn Hoàng Nam:** *Nhảy liền tới đoạn 4 cũng được* (nhận định) 96 / **Nguyễn Chí Trung:** *Niềm vui hội thoại* (thơ) 102 / **Hoàng Tư Thiện:** *Ngày đứa con hoang trở về* (thơ) 103 / **Nguyễn Châu Phong:** "*Nhà thơ trẻ*" *Văn Cao...* (phỏng vấn) 106 / **Nam Dao:** *Đên ung thư* (thơ) 110 / **Nguyễn Chí Hoan:** *Trong hành lang, lúc ấy* (thơ) 112 / **Nguyễn Đỗ:** *Thơ và tôi...* (phỏng vấn) 113 / **Du Tử Lê:** *Ở Virginia, đêm* (thơ) 117 / **Võ Hồng:** *Thầy tôi, sư tử rừng Hốc Lá* (truyện ngắn) 120 / **Khoa Hữu:** *Lời tự tình với Sài Gòn* (thơ) 125 / **Đoàn Nhật:** *Thức dậy ở cố quận* (thơ) 126 / **Nguyễn Xuân Hoàng:** *Ai cũng cần phải có một bà mẹ* (tùy Bút) 127 / **Đỗ Quí Toàn: Ngụ ngôn ở trong rừng - Mùa hạ rừng dương xỉ** (thơ) 131 / **Thường Quán:** *Từ một thềm cửa phố Cảng* (thơ) 132 / **Nguyễn Quang Thiều:** *Hai người đàn bà xóm Trại* (truyện ngắn) 133 / **Đỗ Quyên:** *Sự tích thơ* (thơ) 141 / **Nguyễn Mạnh Trinh:** *Mắt bão* (thơ) 142 / **Hoàng Xuân Sơn:** *Chuyện tầm thường... - Nam ai* (thơ) 143 / **Hồ Đình Ngiêm:** *Trầm Tích* (truyện ngắn) 144 / **Lê Thị Thấm Vân:** *Bài học vỡ lòng* (thơ) 154 / **Bùi Giáng:** *Cỏn con chút này... - Kính thưa Trần Tuyết.* (thơ) 155 / **Phạm Hổ:** "*Phàn Lê Huê*" (truyện ngắn) 156 / **Thế Dũng:** *Tự Vấn* (thơ) 167 / **Vũ Đình Kh.:** *Căn Nhà ông Ách* (truyện ngắn) 168 / **Luân Hoán:** *Xuất hồn* (thơ) 176 / **Nguyễn Thị Hoàng Bắc:** *Ngày ấy chưa thể nói được* (tạp bút) 177 / **Nguyễn Lập Đông:** *Lõ* (thơ) 181 / **Thanh Thảo:** Về Bến Lạ (đọc sách) 182 / **Phạm Xuân Nguyên:** "*Tâm hồn anh dằn vặt đời anh*" (đọc sách) 184 / **Thụy Khuê:** *Giáo sư Hoàng Xuân Hãn...* (phỏng vấn) 186 / **Các mục thường xuyên:** *Ngày... Tháng - Giới thiệu sách mới - Thư tín* 201 - 218.

Tranh bìa: **Đinh Cường,** *Khỏa Thân* (Sơn dầu trên bố. 30"x40")

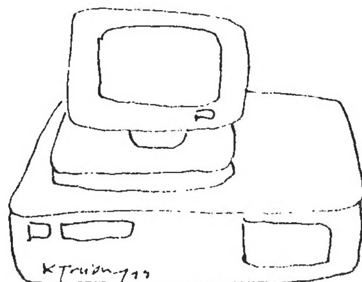
CÁO LỖI QUAN TRỌNG

Do sơ xuất kỹ thuật, quảng cáo bìa sau là tập truyện
THẰNG BẮT QUỶ *của Cung Tích Biền.* Hợp Lưu *xin lỗi tác giả và độc giả*





thư tòa soạn



Ngoài phần sáng tác thường xuyên, *Hợp Lưu* số này dành non hai phần ba số trang cho những bài viết của các cây bút trong, ngoài nước, ít nhiều liên hệ với thơ ca. Có thể nói, rất hiếm khi trong khuôn khổ một tạp chí, thơ được soi ngắm, lý giải, phân tích, nhận xét ở nhiều mặt như thế, qua đại biểu của ít nhất ba thế hệ văn học. Từ Văn Cao thời Tiền Chiến, rồi Thanh Thảo, Hoàng Hưng, Trinh Đường, Nguyễn Đỗ, Nguyễn Châu Phong... (trong nước) đến Diễm Châu, Nguyễn Tiến Văn, Bùi Vĩnh Phúc, Chân Phương, Ngu Yên, Phạm Việt Cường, Khế Iêm, Đỗ Kh., Nguyễn Hoàng Nam... (ngoài nước). Mỗi người một góc độ, một chỗ đứng, một lăng kính khác nhau. Và mỗi người, bằng kinh nghiệm bản thân xuyên qua quá trình sáng tác cũng như đọc, viết, đã cho chúng ta một lượng thông tin khá phong phú, đủ để có được một kết luận tương đối đúng đắn và khách quan về nền thơ ca Việt Nam trong giai đoạn hiện tại.

Tất nhiên, do tuổi tác, vị trí và môi trường tiếp thụ kiến thức, ý kiến của những người góp mặt trong số báo này có thể không đồng qui. Cũng tất nhiên, sẽ có nhiều vị đang cầm bút (kể cả độc giả) không đồng ý với một số quan niệm, về thơ, ở vài bài viết. Sự bất đồng, theo chúng tôi, chả phải là điều không nên. Ai cũng từng hiểu: chân lý thường nẩy mầm trên tro than dị biệt. Chúng tôi lạc quan tin rằng, chính nó - những dị biệt - sẽ là chất xúc tác, giúp thơ ca Việt Nam có thêm nhiều dữ kiện để đến gần hơn với sự hoàn chỉnh.

Ngày 3 tháng 8, 1993 là ngày giỗ đầu của cố thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên, nhưng vì *Hợp Lưu* số trước (số 12) đã phát hành vào đầu tháng 8 (trên thực tế, để kịp gởi báo đến các tiểu bang xa và nhiều quốc gia ngoài Hoa Kỳ, báo thường hoàn tất trước hạn kỳ phát hành khoảng 20 ngày), nên chưa có một dòng tưởng niệm nào. Nay, tuy muộn, cũng xin thay mặt anh chị em văn hữu và những người yêu thơ, gởi đến hương hồn người quá cố một nén tâm nhang. Đồng thời, được sự cho phép của gia đình cố thi sĩ, trong mục *Ngày... Tháng...* Kim Thi sẽ giới thiệu cùng độc giả 4 trong 11 *Minh Khúc* Nguyễn Tất Nhiên đã sáng tác trong khoảng thời gian từ 1989 đến 1990, là giai đoạn anh còn

tương đối tỉnh táo. Tuy gọi là *Minh Khúc*, và chỉ gồm 11 bài, nhưng những sáng tác này lại thể hiện trọn vẹn và chân thật một quãng đời âm u, tuyệt vọng, đầy bi kịch của tác giả.

Song song với số báo này, nhà xuất bản *Tân Thư* (thuộc tạp chí *Hợp Lưu*), qua hệ thống phát hành của nhà *Hồng Lĩnh*, sẽ gởi đến bạn đọc trên toàn thế giới tuyển tập truyện ngắn *Thằng Bắt Quỷ* của nhà văn Cung Tích Biền, đã sáng tác trước và sau tháng Tư, 1975, đánh dấu chặng đường dài trên ba thập niên hệ lụy với văn chương. Đây là một nỗ lực lớn của nhà *Tân Thư*, nhằm giới thiệu đến độc giả những tác phẩm giá trị của những nhà văn hiện đang sống trong nội địa, mà vì nhiều lý do, tác phẩm của họ đã không thể ra đời tại nơi họ đang sống. Cũng cần nhắc lại: trước *Thằng Bắt Quỷ, Hợp Lưu* đã in *Từ Man Nương Đến AK Và Những Tiểu Luận* của nhà văn Phạm Thị Hoài. Để có đủ phương tiện tiếp tục công việc đang làm, *Hợp Lưu* đề nghị độc giả hãy chiếu cố đến *Thằng Bắt Quỷ*, một tác phẩm, chắc chắn sẽ làm độc giả vừa lòng, từ hình thức đến nội dung.

Hợp Lưu số 14 sẽ là số Xuân Giáp Tuất, 1994, dự định tăng trang, với nhiều sáng tác giá trị, cùng 10 tranh màu của các họa sĩ lẫy lừng trong, ngoài nước. Ngay từ bây giờ, xin mời văn hữu, độc giả tiếp tay đóng góp thêm bài vở để số báo phong phú hơn. Cũng xin lưu ý: hạn nhận bài (cho số Xuân) sẽ chấm dứt trước ngày 5 tháng 11 năm 1993, và nếu vị nào viết trên computer (hệ VNI, VNLab, VNU, Viet-Std, Việt-Net...) đề nghị gởi đĩa cho chúng tôi.

Hợp Lưu



CHÂN PHƯƠNG

ngõ cụt và sinh lộ



I

Il y a des écrivains dont l'oeuvre n'est que nourritures de mots; d'autres, excréments. (1)

Edmond Jabès

Trong năm 1992 sự kiện đánh dấu sinh hoạt văn học trong nước là cuộc hội nghị kỷ niệm sáu mươi năm Thơ Mới tiền chiến. Ở hải ngoại không có bàn tròn, hội thảo, tưởng nhớ lôi thôi. Bù lại có cái chết thương tâm của thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên tạo cơ hội cho nhiều nhà thơ họp mặt lên tiếng trong dịp tang lễ và sau đó. Nếu giới sáng tác nghiên cứu trong nước đã nhân cơ hội kỷ niệm nói trên để kiểm điểm, đánh giá lại phong trào thi ca tiền chiến và ảnh hưởng của nó đối với thơ Việt hôm nay, nhà phê bình hải ngoại căn cứ vào phản ứng tập thể qua những bài thơ khóc viếng Nguyễn Tất Nhiên cũng có thể đúc kết được đôi điều về hiện tình thi ca hải ngoại. Khách quan bình xét như một giám khảo trong một cuộc thi thơ, con mắt phê bình tinh tế sẽ nhận ra hai xu hướng. Tiêu biểu cho xu hướng thứ nhất là Trần Mộng Tú, ngòi bút nữ có sáng tác khá đều đặn trên các tạp chí hiện nay. Mời bạn đọc lại bài *Thi sĩ* khóc Nguyễn Tất Nhiên.

Anh đã đến nơi chưa
Hỡi!(sic) Giải mây đi lạc
Hãy trôi thật nhẹ nhàng
Về thiên hà bát ngát

Cơn bão khô định mệnh
Đã đi qua cổng chùa
Không còn gì để lại
Tất cả là giấc mơ

Bài thơ nào viết dở
Xin thả vào hư không
Tinh thể nào đập vỡ
Cũng chỉ là bụi hồng

Thôi, quên đi nắm đất
Ân huệ - người ném theo
Lệ ai như giọt nước
Có nhuộm tím hoa bèo

Nhớ làm gì dĩ vãng
Núi nhọn và vực sâu
Ô! kìa ngàn bản thảo
Bay bay trong tinh cầu

Hỡi! Giải mây thi sĩ
Trăng đang đón anh vào
Ngâm bài thơ thứ nhất
Viết tặng các vì sao (2)

Bài thơ đạt yêu cầu, vần điệu ý tứ ăn khớp trong một bố cục hoàn chỉnh. Ngôn từ trau chuốt, hình tượng thanh cao.

Ô! kìa ngàn bản thảo
Bay bay trong tinh cầu

Ở đây đậm nét trường phái tượng trưng, đặc biệt gợi nhớ Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương; lùi xa hơn là cổ thi Trung Hoa của họ Khuất, họ Lý,... nhất là đoạn kết. Nhưng nếu người đọc biết những nguyên nhân riêng tư cũng như xã hội - lịch sử đã giết lần mòn Nguyễn Tất Nhiên thì sự thi vị hóa ấy trở nên lạc điệu; nếu không nói là cách nhìn lãng mạn như thế trước một thảm kịch quá đau lòng không ít thì nhiều đã mắc cái bệnh khá phổ biến của lối đại ngôn khuôn sáo.

Cũng thi vị hóa, Phạm Việt Cường biết tự chế và chua chát một cách tinh vi.

Tự giữ cho mình nguyên vẹn
giữa biết bao đổ vỡ là điều quá khó khăn
thì tạm thời ký tên mình dưới bài thơ
nơi một sân chùa vắng *dài bốn mươi năm*
(tiếp tục làm thơ ở một chốn khác) (3)

Trực diện hơn, khôi hài đen và trào lộng hơn, Vũ Huy Quang chọc đúng vào bài toán sống còn của dân tị nạn, nỗi khổ sinh kế đã dồn người nghệ sĩ vào một ngõ cụt.

Xưa
Lý Bạch say thì làm thơ

Nay say thì chúng ta đều đi làm
Nguyễn Tất Nhiên không đi làm
bực mình nên uống thuốc ngủ
(Nguyễn Tất Nhiên khôn lanh như quỷ)(4)

Ngu Yên thì chơn chất, thê thiết và cũng đời hơn.

Mặt nệm xe quen thuộc mùi vải áo xa xưa
Thương nhau đã bao năm
Sao nỡ xa cách này
Viên thuốc ngủ đắng trong cổ họng
Những nỗi buồn quá sức muốn nôn
Anh nuốt từng viên thuốc
Mà nhớ em nhớ con đau quặn đáy lòng
(Rạng ngày 3 tháng 8 năm 1992) (5)

Không thể nhẫn nại với thói sướt mướt cải lương, thẳng tay lột trần sự nhố nhăng hời hợt là nhà thơ trẻ Nguyễn Hoàng Nam. Anh tố cáo, không phải một cá nhân nào, là mà sự lố bịch của đời thường. Trước cảnh thương tâm của tài năng bị số kiếp dập vùi thô bạo, nỗi bi phẫn và sự kinh tởm của anh so với các vần điệu điểm trang đánh bóng cần thiết hơn nhiều.

mưa nước bọt nhễu ngập đầu thi sĩ
lết ê chề cho cùng kiếp tài hoa
tự phơi ba sườn trên thánh giá
cho cuộc người, chẳng đáng một câu thơ!
...
Nắng hạ đỏ hoe nhìn thiên tài nằm chết
ngoài phố vẫn dập dìu kên kên cá mập
...
chưa bao giờ phải tiếp quá nhiều người như vậy
đã lỡ thắt cà vạt nằm trong quan tài
làm sao trốn đi nhậu

nhưng có kẻ
ngoài lý do thủ phạm
vẫn rất tiếc không đến được
thơ đang bận giết những thằng còn sống!
(Nguyễn Tất Nhiên, nhắc lại) (6)

Tôi xin lỗi bạn đọc vì đã dài dòng trích dẫn. Không thể nhầm lẫn được, thơ Việt trong cũng như ngoài nước đã tách biệt thành hai xu hướng. Dòng sông bắt nguồn từ thơ tiền chiến của thập niên ba mươi đã rẽ làm hai nhánh ngày càng cách xa nhau. Gắn chặt với nghệ thuật hiện đại chân chính không né tránh sự khốc liệt của thế kỷ này, một thế hệ nhà thơ mới đã và đang "chủ động thành lập lên thẩm mỹ mới cho người đọc" như Văn Cao đã từng nhấn

mạnh (7). Bên cạnh đó, xu hướng lãng mạn - tượng trưng thoát thai từ thơ tiền chiến lâu ngày đã biến làm thiên tính thứ hai tiếp tục chi phối thị hiếu cũng như quan niệm nghệ thuật phần lớn giới cầm bút và đọc giả. Tại hội nghị trong nước năm qua nhà thơ Hoàng Hưng đã cảnh giác về "ảnh hưởng vẫn mang tính áp đảo của Thơ Mới đối với đời sống thơ Việt nam hôm nay... cho thấy ảnh hưởng sâu xa của Thơ Mới đối với những người đang làm thơ và những người đang giữ quyền chính thống đánh giá thơ." (8)

Điều này giải thích không khó. Dù là ở quốc gia nào đám đông công chúng vẫn thích tiểu thuyết ma quái, truyện chưởng Kim Dung, điện ảnh Rambo với phim khiêu dâm, nhạc nhẹ nhạc vàng hơn là Proust, Eisenstein, Shubert, Giacometti,... Nhà thơ kiêm phê bình Anh Michael Schmidt gần đây có nhận xét như sau về sinh hoạt thi ca Anh quốc:

Hiện nay có hàng chục ngàn người làm thơ nhưng không có nhiều bài thơ hiện đại được viết ra. Mỗi năm ban biên tập tòa soạn tôi nhận được hàng trăm bài thơ gửi đến trong đó tôi phát hiện những ngòi bút thấp kém vẫn sáng tác theo giọng điệu Keats và Emily Bronte, Masefield và Edward Thomas hoặc Christina Rossetti và Bishop Heber...

Tựa các họa sĩ nghiệp dư (Sunday painters), tuy rằng hăng say hơn và không vui nhộn bằng, các ngòi bút kể trên bám cứng vào tâm hồn một kiểu ngôn từ không phải là tiếng nói tự nhiên của họ... (9)

Tôi có vài người bạn, trẻ có trung niên có, thuộc loại sính thơ, và được họ đưa bản thảo cho xem. Cảm nghĩ của tôi trước những trang viết của họ không khác mấy nhận xét trên đây của Michael Schmidt. Dù là dân du học, dù khá thông thạo ít nhất là một ngoại ngữ, trong xúc động tâm tình và biểu hiện họ vẫn lạc loài thế nào ấy. Có phải thơ văn tiền chiến đã điều kiện hóa thị hiếu và ngôn ngữ họ? Trong các buổi thảo luận của nhóm Sáng Tạo năm 1960, nhà thơ Thanh Tâm Tuyền đã nhận xét chí lý:

Vấn đề ảnh hưởng nghệ thuật tiền chiến có thể xét đến hai khía cạnh. 1) Sự non kém về kiến thức của lớp người mới lớn. Ảnh hưởng vô ý thức này có thể tan rã khi người ta trưởng thành. Trưởng thành, người ta sẽ thoát khỏi (...) chỉ trừ những người không bao giờ muốn trưởng thành. 2) Khía cạnh thứ hai, cần chê trách hơn. Đó là những kẻ cố tình tuyên truyền cho ảnh hưởng đó, đầu độc những trí óc non nớt, bỏ tù những trí óc ấy, cướp sự tự do của chúng sau này. Vô tình hay hữu ý, đó là trách nhiệm những nhà văn tiền chiến còn sống sót ở đây. Còn phải kể đến một lớp người làng nhàng, muốn dựa dẫm vào những tên tuổi đã có, nhận thân phận những vệ tinh đón chút ánh sáng thừa của những hành tinh đã rụng. (10)

Hoàng Hưng trong bài nói chuyện tại hội nghị cũng có những ý kiến tương tự. Đã hơn ba mươi năm qua - dù nhóm Sáng Tạo đã khai tử thơ và nghệ thuật tiền chiến, và Trần Dần vào thời điểm ấy cũng tuyên bố: "Chúng ta phải chôn thơ mới." - Một bộ phận lớn những dòng thơ Việt đã dậm chân trong ngõ cụt. Căn cứ vào sách báo tạp chí tràn ngập thị trường hải ngoại,

nhà phê bình hay nghiên cứu về thơ Việt có lý do để lo ngại về sự khống chế của mỹ quan tiền chiến đối với sự phát triển của thơ Việt hôm nay. Kể từ 1945, vì chiến tranh và không khí tâm lý chiến ngột ngạt ở cả hai miền một phần, phần còn lại vì thói quen của thị hiếu bị điều kiện hóa, tiến trình đổi mới thơ Việt do một số nhà thơ có ý thức chủ trương đã bị ngăn chặn ở một mức độ đáng quan ngại. Hoàn cảnh chia đôi đất nước; bạo lực, nghi kỵ, và thù hận; nạn bế quan tỏa cảng chủ quan và khách quan do trình độ lạc hậu về văn nghệ - biết bao điều tiêu cực đã giam hãm thơ Việt từ nửa thế kỷ này. (Ở đây chúng ta chưa bàn đến tội ác văn hóa của của các bộ máy kiểm duyệt, tuyên truyền, tuyên huấn.) Tình trạng sa lầy và mất hướng này làm tôi nhớ lời phán xét của Ortega Y Gasset về sự bế tắc tư tưởng và nghệ thuật ở Tây Ban Nha vào mấy thập niên đầu thế kỷ này:

Không trừ một ai, hết thế hệ này đến thế hệ khác tự lừa dối chính mình, có nghĩa là tự bó rọ mình trong những phong cách nghệ thuật, các chủ thuyết, phong trào chính trị, cũng như ngụy tín để lấp đầy sự trống vắng của xác tín chân thật. Đến khoảng độ bốn mươi tuổi, những thế hệ ấy trở nên rỗng tuếch và vô tích sự, bởi vì ở vào tuổi đời ấy con người ta không còn sống trong hoang tưởng hư cấu được nữa. (11)

Tác hại nhân văn do chiến tranh, đặc biệt là Chiến Tranh Lạnh, và khủng hoảng với phá sản ý hệ gây ra ở Việt Nam cần phải được tìm hiểu, phân tích cặn kẽ bởi các ngành khoa học nhân văn và xã hội, chứ không riêng gì văn nghệ. Giới hạn trách nhiệm một cách cụ thể rõ ràng, phần lỗi dễ thấy hơn đối với sự phát triển của thơ Việt thuộc về trình độ của giới biên tập, và sự thiếu vắng phê bình. Xuân Diệu trong một bài viết cuối dời dã nói minh bạch về điều này:

Làm thơ dở trong bản thảo, người làm thơ không có lỗi, vì chưa thành một hành động xã hội (chỉ có lỗi với hồn thơ và tâm hồn mình thôi); đem thơ dở mà đăng báo in sách là lỗi của những biên tập viên, và lỗi không nhỏ, vì làm cho sự non yếu về thẩm mỹ lan tràn, trở thành một thiên tính thứ hai, có thể cả một xã hội trong một thời kỳ không còn phân biệt được thơ dở. (12)

Một điều xét ra sơ đẳng như thế vẫn chưa phải là ý thức phổ biến ở Hà Nội, cái nôi tiếng Việt, nói làm gì đến hải ngoại tạp nham, và dễ dãi trong lạm phát chữ nghĩa như hiện nay! In được tập sách vì có tiền thuê nhà in, điều đó đâu có nghĩa tác giả nó là nhà thơ nhà văn. Nơi vàng thau lẫn lộn của thị trường phát hành, sự vắng mặt của phê bình cộng thêm thói vỗ vai xoa lưng bè phái gây ra tác hại nghiêm trọng hơn là những hạn chế, non kém cá nhân người cầm bút bởi lý do giản đơn là chất lượng của văn nghệ - sản phẩm vừa văn hóa vừa xã hội - không thể phó mặc cho thiên kiến hoặc chủ quan tùy tiện của phe nhóm, của vài bộ mặt trưởng lão nào đó trên văn đàn. Thay đối thoại thẳng thắn và nghiêm túc giữa sáng tác với phê bình bằng nhân nhượng tình cảm, thỏa hiệp quyền lợi, nuông chiều thị hiếu sáo mòn là trực tiếp đầu độc sinh hoạt văn chương, là thao túng dư luận, là trình độ công chúng chưa

đủ trưởng thành, là phá hoại tiến trình giáo dục thẩm mỹ trong cả cộng đồng. Chúng ta không được phép quên rằng văn nghệ Việt Nam vẫn còn ở bước đầu thành hình sau giai đoạn tiếp thu gấp gáp và khá sơ lược văn hóa Tây phương đồ sộ đến choáng ngợp, khởi đi từ nền văn học Pháp. Cơn lốc lịch sử trong hơn một thế kỷ nay đã xô ngã ngôi đình nghệ thuật dân tộc truyền thống và chúng ta vẫn chưa làm xong việc xây nền đặt móng lại cho một tòa nhà kiến trúc hiện đại về văn chương, nghệ thuật, và thẩm mỹ cho cả nước đang gào gọi sự đổi mới. Làm sao có thể tự mãn và tự ru ngủ bằng những khẩu hiệu hời hợt như "mỗi một người Việt là một nhà thơ", đại loại...

Chỉ cần bước vào bất cứ nhà sách, thư viện nào ở các nước phương Tây ai cũng có thể nhận ra sự cách biệt vô tận giữa học thuật, lý luận, phê bình văn học phương Tây và mấy cái bồ chữ đáng thương của giống Tiên Rồng. Tự hào chỗ nào khi sinh hoạt phê bình văn học của người Việt hầu như đã ngừng lại từ thời Hoài Thanh và Vũ Ngọc Phan tiền chiến. Trong khi Âu Mỹ đã có hàng vạn luận án, bài viết, đầu sách nghiên cứu, biên khảo, phê bình rất hệ thống về tiểu sử, phong cách, tư tưởng, thi pháp, kỷ xảo... của từng nhà thơ đã thành danh, bất kể lớn nhỏ. Có lắm học giả bỏ cả đời sưu tầm, khảo sát những trang nhật ký, sổ tay sáng tác hoặc các bản nháp đầu tay để soi sáng sự hình thành của một đoạn thơ hay chẻ sợi tóc làm tám đến từng câu, từng chữ, từng dấu của từng bài. Ở phương Tây không sao đếm hết những phân khoa văn - sử đã đầu tư nhiều thế hệ học giả vào một nhà thơ lớn, bất kể kim cổ đông tây, hoặc một phong trào hay trường phái thi ca. Nhìn người rồi xét lại ta, cái tĩnh từ "non yếu" đặt cạnh nhóm chữ "trình độ sáng tác và thưởng ngoạn thi ca " xem ra còn nhẹ.

Tóm lại, nếu không dày công khổ luyện thì khó mà theo kịp trình độ nghệ thuật thế giới, dù anh là họa sĩ, nhạc sĩ hay nhà cầm bút gì đó. Hoàng Hưng phàn nàn về tình trạng kiêm nhiệm của nhà thơ chế độ trong thời đại của xã hội phân công triệt để. Hơn nửa thế kỷ trước, nhà phê bình hàng đầu của thi ca Anh-Mỹ F.R. Leavis đã thừa nhận sự kiện chuyên môn văn học nghệ thuật, không riêng gì thi ca. Đó là lý do khiến những độc giả trung bình không cảm nhận được thơ văn hiện đại. Những tác phẩm văn nghệ có tầm vóc của thế kỷ này đòi hỏi ở người xem người đọc một trình độ thưởng ngoạn cao cấp kèm theo mỹ cảm tinh tế hơn xưa nhiều. (13)

Không thể đổ lỗi cho hoàn cảnh khách quan mãi. Nếu những người chịu trách nhiệm về đời sống tinh thần cũng như sinh hoạt văn nghệ của dân tộc với cộng đồng, không tích cực học hỏi cái hay cái mới của thế giới, không chủ động phá vỡ những khuôn sáo và chuẩn mực lỗi thời để thoát khỏi các lối mòn tù đọng, một cách gián tiếp họ sẽ làm thui chột mọi mầm tài năng trong thế hệ chưa đủ kinh nghiệm và bản lĩnh văn nghệ để có thể trưởng thành một cách độc lập. Sự thật đáng lo ngại cho thơ Việt hôm nay trong cũng như ngoài nước là "những bài thơ sáo rỗng mang cái xác thơ mới đang tràn ngập...","bởi sau năm mươi năm chúng ta đã chắt hết tinh túy của Thơ Mới và bắt đầu

nhai đi nhai lại cái bã của nó mà vẫn yên tâm coi đó là chuẩn mực" (14)

II

Le crime capital pour écrivain c'est le conformisme, l'imitativité la soumission aux règles et aux enseignements... Sa seule excuse est d'être original... (15)

Remy de Gourmon

Thật ra chạm trán và xung đột đã liên tục diễn ra giữa hai xu hướng thơ tiền chiến và hiện đại. Lúc thì ngột ngạt nặng nề như cuộc tranh luận về thơ có vần và thơ không vần ở Việt Bắc năm 1949. Lúc thì sôi động đầy khí thế như thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm ở Hà Nội hoặc lúc nhóm Sáng Tạo kịch liệt đả phá văn nghệ tiền chiến tại Sàigòn. Rõ ràng không phải chỉ một mình Trần Dần đòi chôn thơ tiền chiến. Vì sự chia cắt đất nước, vì chiến tranh, vì xung đột ý hệ - những việc chẳng liên can gì đến sự phát triển nội tại của thi ca và nghệ thuật - thời hiện đại đã đánh mất cơ hội thống lĩnh thi đàn kể từ những năm năm mươi, sáu mươi.

Thế hệ của những Thế Lữ, Xuân Diệu, Chế Lan Viên vậy mà may mắn hơn thế hệ những Trần Dần, Lệ Đạt, Quách Thoại, Thanh Tâm Tuyền. Mặc dù các nhà thơ tiền chiến sống dưới ách thực dân, nhưng nước Việt và tiếng Việt lúc bấy giờ là một. Khi phong trào Thơ Mới bùng lên chống phá thơ cũ của những ông đồ, luồng sinh khí của phong trào đã nhóm lửa trong tâm tình thanh niên khắp nước, lôi cuốn sự tham gia của những tài năng mới khắp ba miền, đó là chưa kể thành phần Việt Kiều sống ở Cao Miên, Lào, hay tận bên Pháp. Lật lại *Thi Nhân Việt Nam* của Hoài Thanh và Hoài Chân, chúng ta không khỏi đau lòng nghĩ đến những bất hạnh mà thơ Việt phải gánh chịu từ ngày giành được độc lập năm 1945. Đất nước thì được tiếng độc lập, thơ ca và văn nghệ thì bị xé làm trăm mảnh. Các nhà thơ hậu tiền chiến mặc dù có ý thức và quyết tâm đổi mới thơ Việt như Văn Cao, Nguyễn Đình Thi hoặc Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, tựa những hòn than rực cháy nhưng lẻ loi người một góc trời, đã không thể tập trung năng lượng để đốt cháy sạch mớ tàn dư của tiền chiến để lại. Đó là chưa nói đến bi kịch của những nhà thơ trẻ trong Nhân Văn Giai Phẩm đã bị bịt miệng hàng chục năm hoặc thảm trạng của những thi quan như Xuân Diệu, Chế Lan Viên đã phải ngụy trang tâm hồn, phản bội chân tài của mình để tồn tại. Trong suốt gần nửa thế kỷ qua, không phải đất nước nhân dân mà luôn cả thơ văn nghệ thuật cũng phải lê bước qua cây cầu đoạn trường!

Sau 1975, nhờ thông thương cả nước được cải thiện dần, giới văn nghệ ở những phần đất bị ngăn cách trước đây tương đối dễ gặp nhau hơn. Mặc dù nhà nước cộng sản vẫn phân biệt đối xử với thành phần văn nghệ sĩ Sàigòn cũ, với tư cách cá nhân người ta vẫn có thể thăm viếng nhau. Thế hệ mới gia nhập vào sinh hoạt văn nghệ thì thoải mái hơn nhiều. Quanh bàn rượu bình

dân hay quán cà phê ngoại ô, giữa hớp trà đặc và hơi thuốc lào, các nhà thơ trẻ tìm đến nhau để tìm hiểu đời sống, giải bày tâm tư, trao đổi kinh nghiệm sáng tác và tin tức về nghệ thuật thế giới. Bản thảo còn trong ngăn tủ, sách báo nước ngoài, đặc biệt là tài liệu dịch thuật văn học, mớ tạp chí của Sàigòn cũ, tất cả được kín đáo truyền tay. Vào đầu thập niên 1980 một nhóm nhà thơ tiên phong của hai miền đã hình thành, người nào cũng đang thai nghén tác phẩm.

Mấy năm gần đây những thi tài được hàm dưỡng trong lặng lẽ lần lượt xuất hiện. Đó là những cá tính sáng tạo đã trưởng thành, có ý thức về trách nhiệm của người nghệ sĩ. Xa lạ với trò theo đuôi làm dáng, thế hệ này tự tin và độc lập. Không chịu bằng lòng với chút thành công đầu tay, họ không ngừng tìm tòi và thể nghiệm. Một đội ngũ đầy sinh lực đã lên tiếng, báo hiệu tiềm năng mới của thơ Việt hôm nay. Ở họ hoàn toàn vắng bóng thói tật tự mãn và tự ru ngủ của những ngòi bút cạn hơi chết đuối.

Rồi tới lúc tôi sẽ nói, bằng cách nào tôi thoát khỏi
các nhà thơ uốn éo và các bài thơ uốn éo.
... Hơn cả tắm trong lửa, trong nước,
là tắm trong những ý nghĩ chân thực.
Thanh Thảo (16)

thơ không chịu cắt xén
theo khuôn khổ những chiếc ghế
thơ không chịu trải thảm
cho bước chân của nhà thơ
Từ Quốc Hoài (17)

Tránh viết lời thơ đua tiếng chuông
Ngân lên một cách rất tầm thường
Những bài thơ viết như với lá
Trong lòng thi sĩ nước canh suông
Phạm Khải (18)

Tôi nhổ toẹt những câu thơ nhạt toét
Một thứ than không cháy được bao giờ
Đến máy móc cũng đang đòi lột xác
Sao nhà thơ không dám lột trần?
Ngô Mai Phong (19)

Tự ý thức là điều kiện tiên quyết của thơ văn và nghệ thuật hiện đại. Nhà sáng tác phải thường xuyên giữ khoảng cách giữa mình và tác phẩm của mình. Nếu không có khả năng tự mình khám phá những hạn chế non kém trên từng trang bản thảo, đến một lúc nào đó ngòi bút sẽ dẫn dắt người cầm bút theo những lối sáo mòn quen thuộc.

Một số nhà thơ từng có một thời sáng tác mạnh đã bình xét lại chính mình. Chẳng hạn Bằng Việt trong nước và Nguyễn Mạnh Trinh hải ngoại.

Nửa đời chưa định hình
Những câu thơ nhiều chưng diện hão
Chưng hết, mà chưa thật phải mình
(...)
Bây giờ chỉ cười thầm Sao sự ồn ĩ thời xưa dễ thế! (20)

Viết rồi vứt vào thùng rác
Những lối cũ hôm qua
Đi lối khác
Mở toang cánh cửa.
(...)
Gót chân dẫm lại
Thơ phải đâu nhai lại cho vui.
Vứt vào thùng rác
(...)
nắng hôm nay sẽ khác nắng hôm qua
giọt mưa cũng lạ hơn mưa ký ức (21)

Một tên tuổi hàng đầu của thơ Đức hiện đại là bà Hilde Domin đòi hỏi ở nhà thơ hôm nay tối thiểu ba loại can đảm: 1) can đảm phát hiện và nhìn ra đúng sự vật; 2) can đảm nói thẳng nói thật về bản chất sự vật, không tránh né mơ hồ, không vì an ninh bản thân mà lẩn trốn; 3) can đảm phơi trần suy nghĩ và tình cảm mình, tuyệt đối trung thực không ngụy trang che dấu con người mình trên trang giấy. (22) Ba dạng can đảm này ít nhiều đã có trong ý thức các nhà thơ Việt hôm nay, đặc biệt trong nước nơi mà sự dối trá lâu năm của chế độ đã đánh thức lương tâm thế hệ trẻ chưa đánh mất sự trong sáng của tâm hồn và lý tưởng. Dĩ nhiên không phải các ngòi bút thuộc những lứa tuổi cao hơn đã biến chất suy sụp hết thuốc chữa. Đôi lúc họ cũng giật mình xét lại quá khứ như Chế Lan Viên, người đã từng dùng hùng biện và kỹ xảo để tô hồng cho một chế độ.

Cuộc sống đánh vào thơ trăm, nghìn lớp sóng
Chớ ngồi trong phòng ăn bọt bể anh ơi (23)

hoặc Việt Phương, từng là cán bộ nhà nước cấp cao, từng long đong vì mấy câu thơ trung thực.

Cuộc đời này không biết khai man lý lịch
Ghi chân thực bố đẻ cuộc đời là chúng ta (24)

GHI CHÂN THỰC LÝ LỊCH CUỘC ĐỜI. Có thể nói đây là tuyên ngôn cô đọng của thơ Việt hôm nay, nếu chúng ta hiểu rộng rằng trong LÝ LỊCH CUỘC ĐỜI ấy bao gồm cả LÝ LỊCH NHÀ THƠ. Chính ý thức này làm nên trọng lượng và giá trị của xu hướng hiện đại cách tân đang thay da đổi thịt cho sinh hoạt thi ca trong cũng như ngoài nước. Những trang thơ đang thực

sự tham dự vào đời sống sôi động trong nước cũng như trên trái đất, bất cứ nơi nào nhà thơ có mặt. Vừa có trách nhiệm bám sát hiện thực đa dạng phức tạp nhưng cũng sinh động nhiều ý nghĩa, vừa có trách nhiệm với lương tâm người cầm bút, tư cách của những nhà thơ đại diện cho thơ Việt hôm nay là một phẩm chất đáng quí phải được dư luận và xã hội trân trọng. Tư cách với phẩm chất ấy là nền móng cho bất cứ công trình nghệ thuật có giá trị nào tự cổ chí kim, và trong tương lai cũng thế. Không phí thời giờ thương hại hoặc khinh bỉ mớ vần điệu véo von uốn éo, sáo rỗng và nhạt nhẽo, họ không ngừng tìm tòi và tu luyện nghề thơ đồng thời nghiêm khắc trau dồi bản lãnh và nhân cách của mình. Cách nhau gần nửa trái đất và gần nửa thế kỷ tuổi đời, Thanh Thảo có những suy nghĩ không khác gì nữ thi hào Hilde Domin:

Với nhà thơ sự can đảm bộc lộ trước hết sự trung thực với lương tâm mình; trong bất cứ trường hợp nào nhà thơ cũng không được phép nói dối trong thơ.

(...)

... Đã qua rồi thời những nhà thơ tô chuốt vần điệu cất lên giọng tụng ca nhàm chán. Qua rồi những bài thơ tròn trịa và trơn nhẫy, trượt qua đời sống, trượt qua số phận con người... (25)

Ở hải ngoại, giữa thị trường chữ nghĩa hỗn loạn bị đám con buôn với cai thầu văn nghệ thao túng, giữa bọn thần tượng làm dáng và đống sách báo dễ dãi đến mức vô trách nhiệm, một lớp nhà văn nhà thơ trẻ đã dõng dạc cất tiếng phê phán giới văn nghệ lớn tuổi đang đuối hơi, không rõ vì bất lực hay thỏa hiệp với nỗi ngột ngạt tù đọng. Bên Úc vang lên tiếng nói cương trực của các ngòi bút trong nhóm Tập Hợp:

Hãy nhìn kỹ đám nghệ sĩ chối từ cuộc đời để nhận ra rằng họ đã thực sự đánh mất tất cả. Họ đã bán máu để mua ảo ảnh. (...) trong lúc đám con buôn đang biến nghệ thuật thành trò đĩ thõa, thì đám nghệ sĩ ích kỷ này ngồi ngái ngủ trong xó nhà chật chội, tô son trét phấn lên những bộ mặt xanh xao mất sức rồi thẫn thờ chiêm ngưỡng dung nhan chính mình soi trong tấm kính vỡ nát của cuộc đời. ... (26)

Giữa quận Cam Cali nhà thơ trẻ Nguyễn Hoàng Nam không chỉ than phiền thế hệ nghệ sĩ lão suy mà còn cảnh cáo những người bạn cùng lứa tuổi với anh đã bị ru ngủ, nhồi sọ bởi thứ thơ văn giả hiệu lỗi thời:

Ai cũng phải công nhận: thơ là một trong vài lối thoát cuối cùng để một cá nhân có thể chân tình, thành thật với chính mình và với độc giả.

Không thể có một sự thành thật hàm thụ.

Hơn nữa, thói quen sáng tác hàm thụ sẽ dẫn đến thái độ chối bỏ đời sống hiện tại—một căn bệnh thông thường của giới đi trước trong làng văn chương Việt Kiều. Nhưng giới đi trước có quyền bám lấy quá khứ, vì nó đã từng là hiện tại của họ. Còn đối với giới trẻ nó chỉ là một quá khứ giả, một quá khứ tự nhận. Do đó, nếu không chấp nhận hiện tại, không có gì để nói về hiện tại, không có gì để sáng tác về hiện tại, thì không khác gì một kẻ không thể tự nhận diện lấy

mình. Thật đáng khinh bỉ, và cũng đáng tội nghiệp. (27)

Trong nghệ thuật, cái giá phải trả cho sự man trá là tha hóa nhân cách của kẻ nghệ sĩ ngày càng đánh mất bản thân để đổi lấy cái bóng của những cái bóng nhạt nhòa. Mẫu số chung của các gương mặt tiêu biểu cho thơ Việt hôm nay chính là ý thức trách nhiệm cao với đời sống hiện tại và tính chân thực của họ với người đọc và bản thân mình trên trang viết. Nhưng phải có cái gì hơn cả ý thức thẩm mỹ và đạo lý, cũng như phải có cái gì vượt trên hình thức bề ngoài để tạo nên giá trị tự thân của một bài thơ hay một thi phẩm bởi tuyên ngôn với phái nhóm dù có ồn ào đến đâu cũng không đẻ được một câu thơ hay và cũng chẳng thiếu gì cái trò làm dáng ráp từng câu phá thể phá vận tầm thường vô vị. Chỉ có cá tính độc đáo của nhà sáng tạo được hun đúc bởi thiên tư và khổ luyện may ra mới giải thoát được thơ văn nghệ thuật khỏi dòng chảy bình lặng của thói quen thưởng ngoạn với thị hiếu lỗi thời.

Cuộc đấu tranh thầm lặng đơn chiếc trong hàng chục năm của một Đặng Đình Hưng hay một Văn Cao bị chế độ công an trị và đám kiểm duyệt cô lập hóa, những nỗ lực cách tân tiếng nói thơ của nhóm Sáng Tạo hoặc Trình Bày ở Sàigòn trước đây bị rơi vào khoảng chân không của dư luận và công chúng thờ ơ là những dòng suối mát róc rách giữa sa mạc cằn khô của các ý hệ chết và biển lửa của bạo lực chiến tranh, thường khi phải biến làm mạch ngầm rúc dưới lịch sử tàn khốc bên trên, không ngớt chờ mong sự tiếp sức của một trận mưa rào hoặc một luồng gió đầy hơi nước. Như đã nói qua ở trên, sau 1975 sinh lực và tiềm năng của những người lần lượt gia nhập đội ngũ nhà thơ chính là nguồn mạch mà dòng thơ Việt hiện đại khao khát trông đợi. Có một điều cần nhất nhấn mạnh: ngoài sự liên đới tinh thần với các thế hệ đàn anh có đóng góp vào việc canh tân thơ Việt, lớp nhà thơ có thi phẩm giá trị trình làng khoảng chục năm trở lại đây không thuộc nhóm phái thời chiến. Dù có gặp gỡ quen biết hoặc quan tâm theo dõi sáng tác của nhau, hầu hết đều độc lập khai phá con đường sáng tạo riêng. Chính sự tìm tòi ấy cộng vào cá tính với nhân cách đã làm nên bản sắc không thể lẫn lộn của từng người. Đặt cạnh nhau các bài thơ của Hoàng Hưng, Nguyễn Duy, Nguyễn Đỗ, Nguyễn Quốc Chánh, Trần Vàng Sao, Phạm Việt Cường, Đỗ Kh., Thường Quán, Ngu Yên... bạn đọc yêu thích thơ hôm nay sẽ phân biệt được tác giả ngay dù cho tên họ nhà thơ bị che dấu hay bôi xóa.

Ngoài sự tìm tòi đóng góp của từng nhà thơ, có hai yếu tố lớn đã thay đổi cục diện thơ Việt từ 1975.

1) Hiện thực mới chưa từng có kể từ ngày Pháp xâm lược. Đó là một nước Việt Nam thống nhất về mặt địa lý, độc lập về mặt chính thể. Mặt trái của hiện thực đó là nạn chuyên chính đảng trị lần đầu tiên người dân trên cả nước cùng được nếm mùi. Nhưng khác xa với gian đoạn 1945-1975 là cao trào cộng sản trên khắp thế giới, từ 1975 về sau là thời kỳ thoái trào, biến chất, và phá sản vô phương cứu vãn của chủ nghĩa này. Và hơn dân chúng bình thường, giới nghệ sĩ trong đó có các nhà thơ đã làm chứng nhân từng ngày một trước

cái hiện thực hai mặt khốc liệt, bi hài, hàm hồ phức tạp vừa đe dọa sinh mệnh vừa thách đố lương tâm và ý thức của những cá tính chưa mất tự do cùng nhân phẩm. Đây là đề tài to tát cần được suy nghiệm lâu dài. Mà những trang thơ trung thực chúng ta được đọc gần đây chỉ mới là lời mở đầu can đảm. Bên cạnh hiện thực nói trên là sự kiện chưa từng có trong lịch sử dân tộc: cuộc lưu vong tị nạn ồ ạt của người Việt trên khắp thế giới. Đây cũng là đề tài rộng lớn, một tấn kịch trường thiên còn chờ đợi những ngòi bút tài năng có đủ tầm cỡ để thử sức với nó. Khách quan mà nói, văn nghệ Việt Nam hiện đại đang đứng trước kho tàng hiện thực vô tận đang trông đợi một Homer, một Shakerspear, một Dostoievski của nó.

2) Yếu tố thứ hai liên quan nhiều hơn đến lịch sử văn học nghệ thuật và sự phát triển nội tại của văn nghệ cũng như thơ Việt từ 1975. So với thơ văn tiền chiến nằm gọn trong quĩ đạo văn chương Pháp và so với không gian khá chật hẹp của thơ miền Bắc và thơ miền Nam trong suốt hai mươi năm phân tranh, các nhà thơ Việt hôm nay có điều kiện tiếp xúc rộng rãi hơn với thi ca thế giới. Đối với cộng đồng hải ngoại có quan hệ trực tiếp với văn hóa và ngôn ngữ các nước phương Tây, lợi thế so với trong nước là điều dễ hiểu. Nếu chịu khó tìm hiểu học hỏi, lớp nhà thơ Việt hải ngoại hiện nay sẽ đóng vai trò tiên phong trong công cuộc khai phá mở mang bờ cõi cho nền thơ Việt tương lai, mặt khác họ sẽ rút ngắn khoảng cách quá lớn giữa trình độ thơ Việt hôm nay và những thành tựu của thi ca nhân loại. Ở đây tất nhiên dịch thuật có vai trò quyết định, có dấu hiệu đang mừng cho thơ Việt hải ngoại là phần lớn các nhà thơ đáng kể như Nguyễn Hồi Thủ, Đỗ Kh., Ngu Yên, Thường Quán, Trân Sa, Phạm Việt Cường, Nguyễn Hoàng Nam đều có khả năng đọc và dịch thơ nước ngoài. Nhà thơ Diễm Châu với nhà xuất bản Trình Bày là một ngoại lệ đáng quan tâm trên thị trường xuất bản hải ngoại. Trong năm năm qua, Trình bày đã cho ra mắt những bản dịch điêu luyện của thi sĩ Diễm Châu, người đã giúp cho các độc giả Việt yêu chuộng thơ biết đến các đỉnh cao và mũi nhọn của thi ca hiện đại thế giới như Pesso, Amichai, Seifert, Holan, Juarroz, Borges, Adonis, Cardenal, Bobrowski... Cũng nên nhắc lại rằng Văn Cao, Đặng Đình Hưng, Trần Dần, Lê Đạt, Dương Tường, Hoàng Hưng... cũng không xa lạ gì với văn nghệ và thi ca Pháp, và chính khả năng sinh ngữ của họ là lợi khí phục vụ đắc lực cho việc làm mới tiếng thơ dân tộc.

Bài viết này không nhằm liệt kê tên tuổi và danh mục hay bình phẩm ưu khuyết điểm của từng thi phẩm, thi sĩ của dòng thơ Việt hiện đại, do đó những thiếu sót dĩ nhiên là không thể tránh. Còn nhiều điều cần đề cập như sự góp mặt gần đây của những ngòi bút trong nước như Hoàng Hưng, Thanh Thảo, Thụy Kha, Vân Long trong sinh hoạt giới thiệu, điểm sách cho các thi phẩm mới ra mắt, cũng như những bài viết về một vài nhà thơ Việt hiện đại của Đặng Tiến, Thụy Khuê, Thường Quán, Tiến Văn cho thấy sự trưởng thành của ý thức phê bình và trình độ thẩm định thi ca của giới văn nghệ hôm nay nói chung. Đây là dấu hiệu đáng mừng khi chúng ta nhớ lại rằng phê bình

vẫn là mặt non kém nhất của văn chương Việt. Là người trong cuộc, có từng tham gia tùy nơi tùy lúc vào nỗ lực chung của những nhà thơ muốn đổi mới và thúc đẩy sự phát triển của thơ Việt, tôi chỉ muốn phác họa một số nét chính của một hiện tình đáng phấn khởi để trả lời cho những người như nhà thơ Khế Iêm mới đây đã nêu thắc mắc: "*Chúng ta có quá nhiều người làm thơ, và rất hiếm nhà thơ. Nhà thơ, ông ở đâu?*" (28). Thật ra chúng ta không thiếu những nhà thơ tài năng trong nước cũng như ngoài nước đang có mặt trong sự vận động thường trực của tiếng nói dân tộc mà thơ chỉ là sự kết tinh nghệ thuật nhất. Không còn nghi ngờ gì nữa, đội ngũ các nhà thơ Việt hôm nay đang viết một chương văn học sử mới cho thi ca và tư tưởng nghệ thuật. Như Văn Cao từng nói, thơ Việt hôm nay đang thật sự "tập trung ước mơ và khát vọng của con người thành một mũi nhọn kéo lê đi phía sau cái thực tế chậm chạp." (29)

Những tên tuổi với sự việc được trình bày trong bài viết này không phải do trí tưởng thuần túy hư cấu nên. Những nhà thơ và các thi phẩm có giá trị được viết bằng tiếng Việt đang có mặt trong đời sống của dân tộc và cộng đồng, bất cứ ở đâu trên quả đất. Nếu bạn là người thật sự yêu thơ, nếu bạn có thành tâm với sinh mệnh của tiếng Việt mẹ đẻ, tại sao và cái gì ngăn cấm bạn tìm đến dòng thơ đích thực hôm nay? Không những cần sự yêu quí của bạn, nó còn đòi hỏi ý thức trách nhiệm của bạn. Bởi xét cho cùng, thi ca đâu phải công chuyện riêng tư của các nhà thơ.

Cambridge, cuối tháng 7, 1993
CHÂN PHƯƠNG

Chú thích

(1) Edmond Jabès, Le Seuil La Sable, Gallimard, 1990, trước. 193. Đây là văn phong một nhà thơ lớn. Nếu không lĩnh hội được thần thái tiếng Pháp sẽ khó cảm nhận sự khinh bỉ cộc lốc trong cách dứt câu: d'autres, excréments. Tạm dịch: *trong tác phẩm một số nhà cầm bút, từng chữ từng câu là dưỡng chất; còn những trang chết của một số kẻ khác là đống phân do chữ bài tiết ra.*

(2) Văn Học, tháng 9-1992, tr.101.

(3) Thế Kỷ 21, tháng 9-1992, tr,31.

(4) Như trên.

(5) Văn Học, tháng 9-1992, tr.103.

(6) Hợp Lưu, tháng 10&11, 1992, tr.143.

(7) Văn Cao, "*một vài ý nghĩ về thơ*", Hợp Lưu, tháng 12&1-1992, tr.93.

(8) Hoàng Hưng, "*Thơ Mới và Thơ Hôm Nay*", tạp chí Văn Học (quốc nội), tháng 4&5-1993, tr.21.

(9) Michael Schmidt, Reading Modern Poetry, Routledge, New York, 1989, tr.45.

(10) Thảo Luận, NXB Sáng Tạo, Sàigòn, 1965, tr.40.

(11) Ortega Y Gasset được dẫn bởi Rpbert Bly, American Poetry, Harper & Row, New York, 1990, tr.22.

(12) Xuân Diệu, "*Sáu Mươi Năm Phía Trước*", trong Bốn Mươi Năm Văn Học, NXB Tác Phẩm Mới, Hà Nội, 1986, tr.62.
(13) F.R. Leavis, New Bearings in English Poetry, Penguin Books, tái bản 1963, ấn hành lần đầu 1932, tr.171-172.
(14) Hoàng Hưng, bài đã dẫn.
(15) Remy de Gourmon, Livres des Masques, 1896. Tạm dịch: *Tội lớn nhất của người cầm bút là bệnh rập khuôn theo đuôi, bệnh phục tùng các qui ước trường ốc... Nếu không độc đáo có một không hai, người cầm bút chẳng còn lý lẽ gì để biện hộ cho mình.*
(16) Thanh Thảo, "*Liên Tưởng của Nhà Thơ*", Văn Nghệ 9, tháng 6-1990. Câu dưới trích từ tập Khối Vuông Ru Bích, NXB Tác Phẩm Mới, Hà Nội, 1985, tr.10.
(17) "*Thư Ngỏ*",Từ Quốc Hoài, Chứng Chỉ Thời Gian, NXB Hội Nhà Văn, 1992
(18) Phạm Khải, "*Tự Nhủ*", Văn Nghệ, 26-6-1988.
(19) Ngô Mai Phong, "*Mùa Hè Khắc Nghiệt*", Văn Nghệ, 26-3-1988.
(20) Bằng Việt, "*Cười*", Văn Nghệ, 9-4-1988.
(21) Nguyễn Mạnh Trinh, "*Những Bài Thơ Trong Thùng Rác*", Thế Kỷ 21, tháng 4-1991, tr.61.
(22) Trong Karl Van D'elden, West German Poets on Society and Politics, Wayne State University Press, Detroit, 1979, tr.83.
(23) Chế Lan Viên, "*Di Cảo*", Văn Nghệ, 30-6-1990.
(24) Việt Phương, "*Con*", Người Việt tháng 4&5-1989, tr.69.
(25) Thanh Thảo, "*Phải Lao Vào Phá Vỡ Bức Tường*", Đất Việt, tháng 12-1987, tr.50.

(26) *Tập Hợp* 2, 1987, "Những Tín Hiệu Đến Từ Trái Tim", tr.4.
(27) Nguyễn Hoàng Nam, "*Có Những Bực Mình Tức Không Thể Nói*", Thế Kỷ 21, tháng 4-1991, tr.42.
(28) Khế Iêm, "*Thơ, Một Giả Dụ*" Hợp Lưu, tháng 6&7 - 1993, tr.51. (29) Văn Cao, bài đã dẫn.



CHÂN PHƯƠNG

một mình với paris

Tặng Võ Đình và các bạn ở Pháp

đằng sau mọi tấm bưu thiếp Paris
tôi vẽ đôi cánh chim hóa đá

mùa hè đang vui đùa cùng bầy ngư nữ
rồi sẽ tan thành bọt biển

trên con sông cổ tích
đàn tàu ruồi chở đi bọn du khách kiến

ngày xưa hỡi
ký ức là mũi tên gãy vụn

nơi hồng tâm chiêm bao
còn đâu hạt nước mắt em

thánh đường   đền đài   bảo tàng   cung điện
biết cất giấu vào đâu hai mươi năm lỗi hẹn

châu Á châu Âu châu Mỹ
rạn nứt lục địa chằng chịt trái tim

các chuyến tàu ngả ba số mệnh
đã hết sạch vé khứ hồi

dưới nhịp cầu Pont Neuf đứt đuôi
dòng nước vắng ngắt trôi xuôi

chung thân lưu đày
hoặc
khổ sai hạnh phúc
tôi chỉ còn biết
đóng vai...   du khách
lên xuống ngóc ngách đường tàu hầm
đi theo lời độc thoại nội tâm

lê bước say vào từng nghĩa trang
tham quan đủ kiểu mộ phần

chào hỏi lũ tượng đứng ngồi
giữa thiên thu sương khói

nốc cạn cốc bia thiếu chất đắng
của cuộc chia tay lần cuối

*

nếu còn trẻ
tôi sẽ mua con cá mập sống nhe răng
kéo chơi
trước tam cấp Notre-Dame
dùng mỏ hàn
tự khắc chân dung
vào cột đèn của Nerval
leo lên nóc Panthéon
ôm ghi-ta sáng tác
tặng Apollinaire
tình khúc tuyệt vời nhất thế gian

nhưng mọi sự đã muộn màng

kể cả cái chết
giờ đây cũng lỡ làng

đặt hai bàn tay Rodin
lên đầu Khải hoàn môn
khai mạc Lăng Tẩm Thi Ca

xong

tôi cười to trước những hoàng hôn:

tiếng thét của thiên tài
rồi sẽ hóa thành trang giấy ố vàng

nhanh lên Paris
tao đợi mày dưới quán

(Paris hè 1990 - Boston hè 1993)

trắc nghiệm cho con cháu lạc đà

1.HỎI
mấy chấn song thưa nhân với đám mây mùa thu
lũy thừa cơn ghiền thuốc lá?

ĐÁP
a- lời tên tù than thở
b- thuyết biện chứng duy tâm
c- triết học về tánh không

2.HỎI
lên mặt trăng ngắm nhật thực trong hố xí phòng giam?
ĐÁP
a- câu chuyện tiếu lâm của nhà thiên văn chột
b- chiêm bao của kẻ đồng tính luyến dâm mù
c- công án bắc phái mới

3.HỎI
món gia chánh chủ yếu cho nồi cháo lú?
ĐÁP
a- nước mắt mẹ già
b- máu đồng trinh
c- chả cá sấu
ĐÓN XEM
lời giải trong tuyển tập văn tế sắp in
âm ti tổng phát hành

dưới bóng biện chứng

1. đề
thay thế mấy tảng đá khổ sai
mây trắng mây hồng dư sức đè bẹp
trí tưởng nghèo nàn

2. phản đề
vượt qua chân trời của cặp kính lão
ngựa lừa khám phá hàng rào kẽm gai cao thế

3. tổng luận
cần gì tinh thần bất nhị
sáng dim sum
chiều pizza
bồ đề đạt ma có khác chi whisky pha soda

dẹp hết công án với hương án

tôi treo khắp buồng tắm
đủ kiểu hình mông ngực đàn bà

tàn mùa dạ hội

quăng bánh sinh nhật cho thủy triều
vứt gia phả vào sa mạc

halloween trái bí tha hương
halloween cỏ bồng vô tổ quốc

như con bạc chán chường
gió lật mặt mấy chiếc lá rơi

chim chóc co ro đậu kín
bả vai mùa thu đói

holloween da vàng gói quả tim không địa chỉ
holloween chân đất lê giày vớ lưu đày

quạ đen tha mất đũa thần
bà tiên trông ngóng bóng mây

halloween hoàng tử ăn mày
halloween công chúa mồ côi

trên cái giường phù thủy
nheo nhóc đàn con chó sói

CHÂN PHƯƠNG



BÙI VĨNH PHÚC

mấy suy nghĩ thơ



"Một thi phẩm là một bí mật mà để giải mã nó độc giả có chìa khóa trong óc tưởng tượng của mình" (Stephane Mallarmé)

"Qua nhà thơ, người ta trông thấy tầm cỡ của thời đại mà ông ta sống" (Jirí Wolker)

1.

Một nhà thi pháp học có cho rằng thơ là một "kiến trúc đầy âm vang". Điều này chắc khó ai có thể phủ định được. Dù sao, cẩn thận hơn, tôi muốn nói rằng, thế giới thơ là một không gian đầy sóng. Sóng âm thanh, sóng ngữ nghĩa, sóng hình ảnh, tư tưởng, liên tưởng đan quyện vào nhau. Bồng bế, ôm ấp lấy nhau. Hơn một bài văn rất nhiều, một bài thơ là một chỉnh thể hết sức chặt chẽ (mặc dù từ nó ta vẫn có thể thênh thang bước ra ngoài để trở về với thế giới riêng tư của những kinh nghiệm cá nhân mình, và chính kinh nghiệm cá nhân này của ta lại làm cho bài thơ khi được ta đọc càng tăng thêm độ dày và độ lóng lánh của nó).

Không gian của một bài thơ, nhìn dưới một góc cạnh nào đó, giống như không gian trong ý niệm *bootstrap* của vật lý cực vi(1). Ý niệm này cho rằng vạn vật nương tựa vào nhau mà thành, mà sống. Mỗi một chất điểm cực vi của vật chất, của thực hữu, thật sự không phải là những điểm hoàn toàn độc lập. Chúng không có những thực thể riêng biệt. Chất điểm này phát sinh và có mặt chính là vì chất điểm kia. Hãy hình dung một khối cầu. Nó được tạo nên bởi tất cả các điểm trên diện tích hình cầu cũng như tất cả các điểm trong lòng cầu. Thiếu một trong những điểm đó, hình cầu sẽ không hiện hữu nữa. Hãy nối tất cả mỗi một điểm với tất cả những điểm khác nó trong hình cầu, ta sẽ có một mạng lưới chằng chịt tạo nên bởi sự kết nối này. Mỗi điểm trong

hình cầu, bây giờ, liên hệ với tất cả những điểm khác nó.

Vậy thì để lập lại, một bài thơ, nhìn ở một góc cạnh nào đó, chính là một thế giới như thế. Thường thì bài thơ càng ngắn, độ áp dụng ý niệm *bootstrap* này đối với nó càng tăng. Những sóng âm thanh, ngữ nghĩa, hình ảnh, tư tưởng, liên tưởng của hệ thống ấy càng bị ép sát và va chạm, soi chiếu, dội đập vào nhau để cho ta những cảm xúc mãnh liệt, những ấn tượng sắc nét. Mỗi một từ trong bài thơ đều rất quan trọng. Chúng như những con cờ khác nhau trong một bàn cờ. Những con cờ có ý nghĩa vì chúng được đặt nằm ở những vị trí nào đó trong sự bố trí chung. Một con cờ sẽ chẳng còn gì giá trị khi nó không được liên hệ đối chiếu với những quân cờ khác. Các từ trong một bài thơ cũng vậy. Chúng chỉ có giá trị khi được đặt ở một vị trí nào đó trong một cấu trúc hoàn chỉnh; ở đó, ý nghĩa nó được nâng dậy nhờ những từ, những ý khác bao bọc xung quanh.

Bài thơ, như thế, là một trường-ngữ-nghĩa (semantic field / champ sémantique), đồng thời cũng là một trường-liên-hợp (associative field / champ associatif), hay, nói cho đúng hơn, một bài thơ là một hệ thống ký hiệu lồng ghép vào nhau, bồng bế xoắn xít lấy nhau. Đó là một văn bản di động trên nhiều bình diện, gồm nhiều *trường*, nhiều hệ thống, nhiều lớp sóng chồng chất, đan chéo vào nhau. Chúng tạo ra những liên hệ, làm cho mỗi từ ngữ cũng như vị trí của nó trong một bài thơ trở nên quan trọng. Và cũng chính là ở trên căn bản của một sự di động chồng chéo, bồng bế, lồng ghép đó mà một bài thơ dễ trở nên lóng lánh. Ý nghĩa của nó trở nên giàu có hơn.

2.

Một bài thơ có thể là bất cứ cái gì. Nó có thể nói bất cứ một điều gì. Tiếng nói của thơ có thể nhẹ nhàng như nét rung của một cánh bướm non trong rừng vắng. Nó có thể như một chấn động dữ dội đánh ngay vào màng tang ta, như một tiếng nổ chát chúa làm rung chuyển cả tâm can và con người ta. Nó có thể như từng đợt sóng òa lên bao phủ ta trong tấm màn lưới trắng xóa kín bưng của nó để rồi từ từ du đẩy ta vào một thế giới của bao cảm giác khác lạ mà ta chưa từng kinh nghiệm. Nó cũng có thể là một cánh rừng mọc dần lên những chồi non trong nắng, và những lá cây mới mẻ, những cành cây vươn ra, những đóa hoa chứa đầy hương thơm, những con côn trùng say sưa vò vẽ; rồi từng bước, cả một rừng cây bất chợt lớn lên với tiếng xôn xao của trời đất, của vũ trụ trong nó. Rồi cả rừng cây ôm trọn lấy ta trong một niềm hoan lạc bùng vỡ (dĩ nhiên niềm hoan lạc ấy cũng là niềm hoan lạc của chính ta nữa).

Một bài thơ có thể nói lên những điều nhỏ bé hay những sự lớn lao. Nó có thể nói về những điều có thực hay về những điều chỉ hoàn toàn ở trong mộng tưởng. Một bài thơ có thể là một tiếng cười, mà nó cũng có thể là một giọt nước mắt. Nó là tiếng tôn vinh, là lời tụng ca, nhưng cũng có thể là câu chửi mắng. Nó có thể nói về lòng thiết tha, nhân ái hay về sự độc ác, dã man của con người; về tình yêu và sự sinh nở của tạo vật hay về lòng thù ghét và cái chết của muôn loài... Một bài thơ có thể cho ta hương vị ngọt ngào nhưng

cũng có thể đem đến cho ta những chất đắng cay. Nó mang đến cho ta mùi thơm của cánh hoa vừa hé và cũng có thể mang lại mùi hôi thối của cái chết đang rữa nát và trở về lòng đất. Hận thù và yêu thương, công bằng và độc ác, hiện thực và mộng tưởng, trắng và đen, sớm mai và bóng tối... Tất cả đều có thể có mặt trong thơ. Tất cả đều có thể là thơ nếu chúng được thi sĩ thổi vào sức sống. Thơ là giấc mộng đồng thời cũng là hiện thực của đời sống con người.

3.

Thơ giúp con người tiếp cận với không gian vật lý bên ngoài và thế giới tâm lý bên trong của nó một cách thâm sâu hơn. Thơ giúp cho nó nhìn, ngửi, nghe, động chạm và thưởng thức những hương vị trần gian, hương vị cuộc đời với những giác quan mới. Nó giúp cho con người đi sâu vào vùng ý thức, tiềm thức và vô thức của mình với những ngọn đuốc bùng lửa. Trước khi có thơ, con người chỉ là một sinh vật quờ quạng giữa đời. Trên cõi đất mênh mông và giữa vô cùng vũ trụ, nó là một sinh vật nhỏ bé, yếu đuối, nằm sát với mặt đất mà không có một phương cách gì để giao tiếp, đối thoại với thần linh, với những sức mạnh bên ngoài nó. Còn đối với thế giới thâm sâu bên trong của chính hồn mình, con người lại càng chỉ nhìn thấy đó là một mê lộ tối tăm, chằng chịt. Khi chưa xây dựng được ngôn ngữ và hình tượng thơ, con người chỉ là một sinh vật câm cứng và u mê trước vũ trụ và với chính linh hồn mình. Trong buổi bình minh của trí óc nhân loại, chính Thượng Đế đã đặt thơ vào giữa trái tim của con người như một đóa hoa thơm mát còn vương những giọt sương mai.

4.

Con người, trong thế kỷ hiện tại, đang bị hút đẩy vào một cuộc sống đua chen với tốc độ. Chúng ta bị ám ảnh vì thì giờ, bởi thế, cái gì ta cũng phải làm vội làm vàng. Trong việc đọc, chúng ta cũng có khuynh hướng đọc thật nhanh để thu được một số lượng thông tin tối đa trong một thời gian tối thiểu. Nhiều mẫu quảng cáo và nhiều bản văn được tước sạch tất cả những lớp vỏ bên ngoài, chỉ để phô ra cái cốt yếu, cũng cốt là để cho người đọc đỡ mất thì giờ và tiêu hóa cái lượng thông tin ấy cho mau và dễ.

Dù sao, thơ là một văn bản đặc biệt và khác hẳn những loại văn bản khác. Nó đòi hỏi sự tinh tế, chọn lọc. Thơ đòi hỏi thời gian. Một bài thơ làm rung động lòng người không thể được viết như một bản văn hay một mẫu quảng cáo. Nó đòi hỏi người viết phải ăn nằm với nó một cách kỹ lưỡng hơn.

Người đọc thơ cũng thế. Muốn thấy cái hay của thơ, muốn nhìn thấy trái tim mình được làm mới lại trước cuộc đời, họ phải xếp đặt thì giờ để có thể chia sẻ với thơ một cách thiết tha. Thơ đòi sự chân thành và tha thiết. Nếu không, thơ sẽ chẳng mở cửa lòng mình.

Thơ là một đóa quỳnh hoa đòi người thưởng thức phải chuẩn bị để bước vào chia sẻ hương thơm của nó.

Có những khi, một câu thơ có thể nói với chúng ta nhiều điều hơn là một đoạn văn; cũng như, có những khi, một đóa hoa có thể tỏ lộ cho chúng ta thấy nhiều bí mật của cuộc đời, của trái tim con người, hơn là cả một thân cây đầy cành lá.

Sở dĩ như thế, là vì thơ chủ vào âm thanh và ý nghĩa của từ trong một chỉnh thể toàn vẹn hơn là văn xuôi.

5.

Một thi sĩ nói rằng, "Nếu ta tước bỏ cái phần âm thanh ra khỏi thơ thì có lẽ cũng giống như ta xé cánh một con chim đi vậy". Thật thế, ta có thể nói tất cả các âm trong thơ đều chứa nghĩa. Thi sĩ, cũng giống như các nhạc sĩ, là những người rất nhạy cảm với tác dụng của âm thanh. Bằng cách biến đổi hay thay đi một số âm thanh và nhịp điệu nào đó, thi sĩ có thể gợi lên trong tâm hồn chúng ta những cảm xúc khác biệt. Nắm vững ngữ âm là một trong những điều quan yếu giúp cho một nhà thơ thành công. Điều này đúng cho thơ có vần cũng như cho cả những loại thơ không vần, thơ tự do, thơ xuôi... Bởi lẽ, một người làm thơ, dù là thơ được viết theo thể thức nào đi nữa, cũng không thể không quan tâm đến - một cách ý thức hay vô thức - những âm thanh của những từ ngữ mà mình viết ra. Ở tầng thấp nhất, nhìn một cách nào đó, một người thật sự là thi sĩ, khi viết ra những câu thơ, vô thức của người ấy sẽ tự động làm việc để giúp người thi sĩ phối hợp và phân bố các âm thanh trên những từ ngữ mà người ấy phải dùng để diễn đạt ý mình. Ở một tầng cao hơn, ý thức của người thi sĩ sẽ phải làm việc để giúp người ấy chọn lựa các từ ngữ với những âm thanh thích hợp để được đặt gần nhau hay cách xa nhau. Không phải chỉ chọn lựa không mà còn phải biến đổi, hoặc thay thế từ này bằng một từ khác, xứng hợp hơn, để tạo nên một tác dụng mong muốn nào đó. Lên đến tầng cao nhất, đối với một thi sĩ thật sự, thì cả vô thức lẫn ý thức của người ấy đều phải làm việc. Các tầng *thức* này bổ túc lẫn cho nhau. Có thế, bài thơ mới đạt được hiệu năng tối đa trong trái tim người đọc mà người thi sĩ mong muốn nó phải có.

6.

Nói về âm thanh, thơ Việt lại chia làm hai phần: âm và thanh. Về âm, ta lại phải chia làm hai loại: nguyên âm và phụ âm.

Nguyên âm lại chia làm âm mở và âm khép, âm bổng và âm trầm. Giữa các âm mở và khép, bổng và trầm này, còn có các âm ở vào khoảng giữa những độ mở và độ vang đó.

Phụ âm thì lại chia làm nhiều loại, nhưng sự đối lập quan trọng nhất liên hệ đến các phụ âm cuối. Sự đối lập này đưa đến sự phân bố phụ âm cuối thành hai loại: âm vang và âm tắc(2)

Người thi sĩ sử dụng ngôn ngữ phù thủy là người bằng ý thức hay vô thức hoặc tiềm thức, không những biết chọn những từ nào chuyển đạt được đúng ý mình mà còn biết chọn lựa đúng những từ với những yếu tố về ngữ âm - thể

hiện qua các âm vị - đem lại cho mình các tác dụng cần thiết của hình tượng mà mình muốn làm bung nở trong trái tim và tâm tư người đọc.

Hãy thử xét một hai thí dụ.

Những câu thơ như:

Lung linh bóng sáng bỗng rung mình
(Nguyệt Cầm - Xuân Diệu)

và

Những làng trung đoàn ta đi qua
(*Những Làng Đi Qua* - Quang Dũng)

chứa đầy nhạc tính vì các tác giả đã đầy khéo léo và sáng tạo trong cách sử dụng những từ chứa những âm vang trong những phụ âm cuối và những nguyên âm mở và bổng để tạo thêm tác dụng rung động cần thiết cho chúng. Những hình tượng trong các câu thơ này là những bông hoa mà các âm thanh "thần bí" và rực rỡ kia chính là những mặt trời giấu sẵn trong chúng. Khi chúng ta đọc lên những câu thơ này, mặt trời thức giấc và gõ cửa những bông hoa. Hình tượng được bật sáng.

Trong câu thơ đầu, những phụ âm vang NG, NH, được lập di lập lại liên tiếp ở mỗi từ, đã làm cho hình ảnh ánh trăng trở nên sóng sánh, lung linh, long lanh như sắp vỡ ra thành lệ. Tác giả đã chuẩn bị hết sức chu đáo câu thơ này để giới thiệu ý thơ theo ngay sau nó:

Vì nghe nương tử trong câu hát
Đã chết đêm rằm theo nước xanh

Bóng trăng đã xúc động để có thể bất cứ lúc nào sẽ chảy tan thành lệ để thương tiếc cho cái chết của người con gái kia. Những âm lướt của từ "lung linh" cũng như những âm mở "o" và "a" trong "bóng sáng" đã tạo cho người đọc cảm giác là ánh trăng đang run rẩy và có thể đang rạn vỡ. Cái ánh sáng lung linh mờ ảo của nó dập dờn như sóng. Âm "ô" trong "bỗng" và đặc biệt âm khép "u" trong "lung" và "rung" đã đột nhiên tạo ra một vùng bóng tối màu tang - dù thoảng qua - để đưa người đọc xuống hình ảnh bên dưới. Cả đoạn:

Mây vắng, trời trong, đêm thủy tinh
Lung linh bóng sáng bỗng rùng mình
Vì nghe nương tử trong câu hát
Đã chết đêm rằm theo nước xanh

được tác giả bố trí bằng những hình ảnh và âm thanh hết sức khéo léo. Đầu tiên, đó là một không gian trong và sáng, mênh mông, thinh lặng. Rồi ánh trăng, như một hữu thể đau khổ, bắt đầu như là rạn vỡ, rung lên. Trời đất như không chỉ còn một màu trong sáng nữa mà là đã bắt đầu pha màu thương khó. Bởi vì, người con gái kia đã chết trong một đêm rằm xanh xanh ánh nước.

Trong câu thơ của Quang Dũng dẫn trên, những âm vang NG và N, những âm mở A, OA, và âm bổng I đã tạo ra trong không khí bao quanh người đọc những tiếng bước rầm rập, ngân xa, vang động của đoàn quân chống Pháp.

Nhịp ngắt *những làng / trung đoàn ta đi qua* cho thấy tiếng bước chân hùng tráng của đoàn quân cứu quốc vang lên, vang lên, thổi vào không gian sức sống, rồi cứ thế mà ngân vang, ngân xa mãi.

Thanh cũng là một yếu tố quan trọng của từ. Một cách tổng quát, những thanh trắc tạo ra những hình tượng mạnh, thanh bằng (bình) nhẹ. Nhưng trong thanh bình ta lại có phù bình và trầm bình. Phù bình là không dấu, thường tạo ra những cảm giác loang xa, ngân vang, chơi vơi...; trầm bình, dấu huyền, tạo ra những cảm giác lắng đọng, tha thiết. Tuy nhiên, những thanh trầm bình, nếu được lập đi lập lại trong một câu hay một đoạn thơ có thể sẽ tạo ra được những cảm giác dồn dập, có khi đi đến mạnh mẽ, như cách Quang Dũng đã sử dụng chúng ở câu trên.

Nói tóm, âm thanh trong thơ rất quan trọng. Nó quyết định phần hồn của một bài thơ. Để lập lại, tôi muốn nói rằng âm thanh chính là mặt trời soi chiếu và bật sáng những hình tượng thơ.

7.

Một nét đặc sắc khác của thơ, đó là vấn đề ngữ pháp.

Thơ có khả năng mang trong nó một chìa khóa ngữ pháp khác biệt so với chìa khóa đã được chế định cho văn xuôi. Một cách tổng quát, ngữ pháp thơ mở và không có tính chất chặt cứng. Nhờ thế, nó giúp cho thơ tỏ lộ dễ dàng chất sáng lóng lánh và bất ngờ của nó. Nói như vậy không có nghĩa là người làm thơ có quyền phá bỏ tất cả mọi hiểu biết về ngữ pháp mà họ phải có khi sáng tác. Nhưng, thơ có những ngoại lệ của nó. Và chính những ngoại lệ này, khi được áp dụng một cách sáng tạo, sẽ làm cho chất thơ trở nên giàu có hơn.

Bàn về mặt ngữ pháp của thơ, trong phần phân biệt giữa thơ và văn, Nguyễn Hưng Quốc, trong tập tiểu luận *Nghĩ Về Thơ*, có viết:

"... Thơ có quy luật ngữ pháp riêng của nó. Ngữ pháp của văn xuôi là đòi hỏi sự có mặt đầy đủ của các thành phần tạo câu. Phải có chủ từ, phải có động từ, rồi phải có các thành phần phụ thuộc như giới từ, liên từ v.v... Những thành phần ấy tạo nên sự chính xác cho câu văn. "Ngữ Pháp" của thơ nhắc đến, trước hết, mục tiêu biểu cảm và truyền cảm. Nó là một thứ ngữ pháp tình. Nó chấp nhận là đúng, cái câu thơ này của Tản Đà: Cỏ vàng cây đỏ bóng tà tà dương. *Trong tiếng Việt, làm gì có* tà tà dương. *Thừa một chữ* tà. *Nhưng nếu bỏ đi một chữ* tà *hoặc thay thế nó bằng một chữ gì khác, câu thơ lại thành dở ngay tức khắc. Trong cái sai của nó, nhóm từ* tà tà dương *đã miêu tả được cái cảnh dần dần nghiêng bóng của mặt trời, cái cảnh dần dần nhạt màu của nắng, cái cảnh dần dần rộng thênh của bóng tối. Đạt được hiệu quả ấy, nó cần gì những qui luật về cú pháp của văn xuôi?"*

Về cách phân tích tác dụng của cụm từ "tà tà dương", Nguyễn Hưng Quốc có những lý giải khôn khéo và khá lý thú. Dù sao, đang lúc bàn về ngữ pháp thơ, và trên căn bản cho rằng có những sự hoặc những độ "lệch chuẩn" về ngữ pháp trong thơ đầy chất bất ngờ và sáng tạo có thể làm cho một câu thơ, hay cả một bài thơ, lóng lánh và phất phới hơn, tôi thử đưa ra một lý giải khác

về cách sử dụng cụm từ "tà tà dương" này của Tản Đà.

Tản Đà rất mới, rất sáng tạo, rất phóng túng và rất tài hoa. Chính vì thế nên Hoài Thanh đã trang trọng đưa ông lên trang đầu tập *Thi Nhân Việt Nam* như một người bắc cầu giữa hai thế hệ thơ, cũ và mới, vì Tản Đà đã là người đầu tiên thoát ly ra khỏi những khuôn sáo, những tù túng của những tập quán văn thơ cũ.

Chính vì thế, tôi nghĩ, có thể Tản Đà đã bố trí, dàn xếp câu thơ và ý tưởng của mình như sau:

Sắc dâu nhuộm ố quan hà
Cỏ vàng / cây đỏ / bóng tà tà dương

Để hình tượng hóa câu đầu, làm cho ý nghĩa của nó được linh động và lóng lánh hơn, Tản Đà đã đưa ra một kiến trúc với ba vế song song ở câu thứ hai. Và đó chính là câu mà ta muốn bàn đến.

Trong câu này, ta thấy có 3 mệnh đề [hoặc nếu không, nó là ba danh ngữ (noun phrase)] đồng đẳng và song song: *Cỏ vàng - cây đỏ - bóng tà tà dương*. Các chủ từ ở đây là *cỏ, cây* và *bóng*. Các tính từ (trong phần vị ngữ hoặc trong kết cấu danh ngữ) là *vàng, đỏ* và *dương*. *Tà tà*, dùng theo tinh thần câu *tà tà bóng ngả về Tây* của Nguyễn Du, đứng làm trạng từ, bổ nghĩa cho *dương.*

Sự phá bung cái cũ, sáng tạo cái mới ở đây của Tản Đà, theo tôi, là cụ đã dám biến danh từ *dương* [có thể đứng một mình với các mạo từ (article) thuần Việt như *vầng* hoặc *bóng*...(3)], có nghĩa là *mặt trời* hay là *chỗ có nắng, (Hán Việt Từ Điển* - Nguyễn Văn Khôn), trong ngữ cảnh này, thành ra một tính từ [*Bóng tà tà dương*, như thế có nghĩa là cái bóng sáng (của nắng) đang ngả dần dần, đang phai nhạt nhạt đi...] Bởi lẽ, tôi nghĩ, trong một kiến trúc song song như ta đã thấy, *bóng tà tà dương* không thể chỉ là một danh từ (*bóng tà dương*). Nó phải có kết cấu của một mệnh đề (hiểu ngầm động từ *thì*: Cỏ (thì) vàng, cây (thì) đỏ, bóng (thì) tà tà dương), hoặc ít nhất của một danh ngữ, kết hợp bởi một danh từ và một *tính từ* (cỏ + vàng, cây + đỏ, bóng + dương; *tà tà* là một trạng từ chỉ sắc độ, phải bám vào nhau).

Sở dĩ tôi dám đề nghị một cách lý giải như thế là vì cả trong chữ Hán lẫn trong chữ Việt của ta, trước đây cũng như bây giờ, và cả trong ngôn ngữ Âu Mỹ, sự biến đổi phận sự của một từ bằng cách biến đổi tính chất của nó là một điều vẫn xảy ra. Đặc biệt là trong tiếng Hán cũng như trong tiếng Âu Mỹ. Trong ngữ pháp Việt, sự đột biến này ngày xưa rất hiếm khi xảy ra, nhưng vẫn có; còn bây giờ, nó đã có mặt trong thơ. Chẳng hạn trong tiếng Hán, những từ thông dụng có thể biến đổi phận sự là *thượng, hạ, trung*. Chúng thường được dùng như những tính từ với nghĩa *ở trên, ở dưới, ở giữa*; nhưng trong một số trường hợp, nó được biến thành động từ với nghĩa *lên, xuống, trúng* (đúng). Trong những trường hợp ấy, có khi, chúng sẽ được đọc là *thướng, phá, trúng* như: Thượng xa, hạ mã, *trúng* đích

hoặc như trong:

Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu
Xuân nhật ngưng trang thướng thúy lâu

(Khuê Oán - Vương Xương Linh*)*

hay:

Phản cảnh nhập thâm lâm
Phục chiếu thanh đài thượng (Lộc Trại - Vương Duy*)*

hay:

Vương tuấn lâu thuyền há Ích châu
(Tây Tái Sơn Hoài Cổ - Lưu Vũ Tích*)*

Đó là trong Hán ngữ. Hán ngữ có những qui định cho phép hiểu một cách rõ ràng tính chất và ý nghĩa của những từ như thế. Trong Việt ngữ, đó hoàn toàn là một sự sáng tạo. Hoặc vì lý do tu từ, hoặc vì tài ba, phong cách của người làm thơ.

Thật ra, trong văn chương Việt, chưa bao giờ tôi thấy có ai dùng từ *dương* như một tính từ, mà theo ý tôi, nếu được dùng, thì nó có thể có nghĩa như là *sáng* (sáng ở một độ không, trung tính, chưa có trạng từ chỉ mức độ bổ nghĩa). Cách đây hơn 50, 60 năm, một số đồng bào miền Bắc dùng tính từ "*già*" để chỉ động từ "*chết*", "*mất*. Vú già trong *Chân Trời Cũ* của Hồ Dzếnh nói với tác giả về cái chết của bố ông: "Ông *già* rồi cậu ạ!" (*Con Ngựa Trắng Của Ba Tôi*, 1940)

Trong văn thơ hiện đại, ta cũng có thể tìm thấy những cách sáng tạo này. Chẳng hạn:

- Thu vươn này, thu vươn ra như ý
Mau rất mau trong lương hoa kiều my
Mùa rất trai *và ánh sáng rất cao*
(Đừng Cho Lòng Lang Thang - Hàn Mặc Tử*)*

Trai là danh từ biến thành tính từ, chỉ một cái gì tươi trẻ, phương phi.

- Tôi qua tìm nàng vay du dương
Tôi mang lên lầu lên cung thương
(Tỳ Bà - Bích Khê*)*

Du dương là tính từ biến thành danh từ

- Sóng thiên cổ khóc / biển tang chế
Hữu hạn nào không tủi nhỏ nhoi
(Trường Sa Hành - Tô Thùy Yên*)*

Tang chế là danh từ biến thành động từ, để tạo thành một kết hợp song song và đồng đẳng với *khóc*. Dùng như thế, *tang chế* tạo một ấn tượng rất mạnh để chỉ màu trắng tang tóc, thê lương của biển. Tác giả nội tâm hóa biển.

- Lòng ta trăng đã tràn muôn cửa
Gió đã cài then, hương đã đêm.
(Mùa Xuân Nhìn Gió Trời Ngất Ngất - Bùi Vĩnh Phúc*)*

Đêm là danh từ biến thành tính từ. *Đêm*, như một tính từ, ở đây, diễn tả cả một mệnh đề dài, ý muốn nói rằng đêm đã xuống, mùi hương trở nên thanh thoát và lan tỏa trong không gian, không gian được lọc để đón lấy mùi hương

tinh khiết.

- Thôi nhé thôi thì xuân đã nở
Cây đã xuân phong, *hoa đã thơm*
(Mùa Xuân Nhìn Gió... - Bùi Vĩnh Phúc*)*

Xuân Phong là danh từ (gió xuân) biến thành tính từ. Nó diễn một ý dài: trời đã vào Xuân, những chồi non đang mọc lên, nhựa sáp trong lòng cây đang reo vui, hoa đã đầy cành, và không gian thơm mùi sức sống).

- Tôi một bữa ngồi yên như bàn ghế
Nắng rọi trong đầu những trắng *bao la*
(Uẩn Tình Kẻ Xa Xứ - Cao Đông Khánh*)*

Trắng là tính từ biến thành danh từ. Nó không chỉ tính cách trắng, nhưng chỉ những khoảng trắng, chỉ sự trống trơn, mênh mông, sự bị *không hóa* của người lang thang, bơ vơ, lạc lõng và mất tất cả mọi thứ để neo nó lại trong đời sống như một con người bình thường.

[Trong phần cuối của bài viết này, tôi sẽ kết bằng một bài thơ Mỹ (có cả bản Việt dịch song song) để nói lên một yếu tính của thơ. Bài thơ rất ngắn này có đến bốn từ biến chất trong tinh thần chúng ta đang phân tích].

Tôi không dám chắc là Tản Đà đã thực sự dùng những từ *tà tà* (trong nghĩa *tà tà* của Nguyễn Du)(4), và *dương* như trong tinh thần tôi vừa phân tích. Tôi chỉ muốn đưa ra lý giải này một cách hết sức dè dặt. Dù sao, tôi cũng không muốn nghĩ, và khó có thể nghĩ, rằng Tản Đà đã không để ý đủ đến cái kiến trúc song song ba vế của mình. Cụ không thể làm đổ nhào cái kiến trúc tuyệt đẹp đó một cách rất... tà tà (nghĩa lóng của thế kỷ này) như vậy. Nhưng nếu quả thực là Tản Đà đã, một cách hết sức sáng tạo và phóng túng, sử dụng chúng như thế trong thời điểm mà bài thơ đã được viết ra, thì, có lẽ, chúng ta lại càng phải quí phục cụ hơn nữa. Bởi vì, như thế, không những cụ tài tình và lãng mạn mà cụ vẫn hết sức gần gũi với chúng ta biết bao. Ngoài ra, ta cũng có thể nghĩ đây là một lối chơi chữ kỳ tài của cụ. Vừa dùng được từ *tà tà*, cụ vừa tạo được liên tưởng cho người đọc đến hình ảnh *tà dương*, vừa sử dụng được một cách hết sức sáng tạo từ *dương* như ta đã thử phân tích. Ai làm được hơn cụ?(5).

Dù sao, hai câu thơ của Tản Đà chỉ là một "cái cớ" đáng yêu giúp tôi trình bày một số những nét mở trong ngữ pháp thơ đã và đang được thành tựu trong thơ của ta và của thế giới.

"Ngữ pháp mở" của thơ còn có thể được thể hiện ở một số những mặt khác nữa. Dù sao, những mặt đó chỉ bao gồm việc loại bỏ, không sử dụng hoặc hiểu ngầm một vài yếu tố ngữ pháp nào đó trong văn. Từ sự làm mất những yếu tố đó một cách sáng tạo khiến cho câu thơ trở nên đẹp và giàu chất thơ hơn, hình tượng thơ trở nên sắc nét và gây ấn tượng mạnh hơn, thi sĩ đã đi vào cốt tủy và yếu tính của thơ.

8.

Ngữ pháp của thơ cũng nằm ở những dấu lặng. Không gian của trang giấy

in thơ chứa đầy những dấu lặng. Bởi thế, nó có nhiều khoảng trống. Những khoảng trống này, theo tôi, cũng là một phần ngữ pháp của thơ. Đặc biệt đối với thơ tự do.

Sở dĩ trang in thơ tự do có nhiều khoảng trống là vì nó chứa những câu dài ngắn không đều. Những câu dài có thể chứa nhiều ý, chuyên chở nhiều hình tượng. Cũng có thể chúng là những câu, xét trên một tiêu chuẩn căn bản nào đó, được viết với những thành phần đầy đủ. Còn các câu ngắn, có thể chúng chỉ đưa ra một ý hay một hình ảnh. Cũng có khi chúng là những câu bị cắt ngắn đi, không được thể hiện ở một dạng ngữ pháp hoàn chỉnh. Sự tự ý thức trong việc viết ra những câu ngắn, những câu "lệch chuẩn" một cách sáng tạo của thi sĩ, chính là một điều làm cho bài thơ có "xương thịt" mà vẫn nhẹ thênh và bay lên như một tiếng chim. Những câu bị cắt ngắn như thế thường chỉ là một cụm từ, một ngữ (phrase), đưa bật ngay ra một ý tưởng hay một hình ảnh nào đó. Nó không lê thê kể lể mà, bất chợt, nở bùng ra như một đóa hoa. Có khi, nó là một đóa hoa được nhìn ở cận ảnh.

Em gối đầu sương xuống
Chuyện trò bằng bóng mình
Tôi đẹp như hình tôi
Như cuộc đời
Như mọi người
...
Em là lá biếc là mây cao là tiếng hát
Sớm mai khua thức nhiều nhớ thương
Em là cánh hoa là khói sóng
Đêm mầu hồng
(*Bài Ngợi Ca Tình Yêu* - Thanh Tâm Tuyền)

Trang in thơ, so với trang in văn, như thế, trở thành một không gian mở, có nhiều khoảng trắng. Đó là những khoảng trắng ngữ pháp, rất nhiều khi. Đó là những dấu lặng trong thơ. Đọc thơ, thưởng thức thơ, cũng như khi hát, khi nghe một bài hát, ta phải để ý đến những dấu lặng. Bởi lẽ, chúng chính là một phần của toàn thể. Không nhìn ra những dấu lặng ấy, ta không thấy được cái hay của bài thơ. Đó là *một thứ ngữ pháp không minh nhiên*. Nhưng ta phải nhìn ra, nếu muốn đến gần với thơ. Đôi khi, ta muốn áp sát má mình vào một cánh hoa còn vương vấn những giọt sương mai. Ta không chỉ bằng lòng đứng xa mà thưởng thức. Đôi khi, ta muốn áp môi mình lên một bờ má kia để ngậm đi những giọt nước mắt. Ta chẳng muốn chỉ đứng từ xa mà ái ngại hoặc chỉ ngồi bên cạnh mà vỗ về. Những câu thơ ngắn, những khoảng trống trong thơ cho chúng ta một không gian để tiến đến gần với thơ mà làm những cử chỉ thân ái ấy.

Thơ là tiếng nói cất lên từ ngôi thứ nhất. Tiếng nói ấy có khi trầm tĩnh; nhưng cũng có những lúc nó là những tiếng thảng thốt hoặc những lời đứt

nghẹn. Từ đó, nó mở ra những dấu lặng của thơ.

Đừng quên, các bạn yêu thơ, Thơ sở dĩ cứ ở mãi với chúng ta trong những lúc tịch mịch của đời mình, khi những bếp lửa đã tàn, những tro than đã nguội, và dòng sông kia đã tịch mịch hồng ở một góc chiều khuất khúc quạnh hiu, chính là vì Thơ, có những lúc, đã để rơi xuống những dấu lặng như thế. Chúng loang ra thành những nỗi buồn phong kín hồn người.

Ngữ pháp thơ cũng là ngữ pháp của những dấu lặng.

9.

Thơ hay, phải có hình tượng.

Dù chúng ta làm thơ có vần điệu hay thơ tự do, thơ xuôi..., muốn cho một bài thơ hay, chúng ta phải bật sáng nó bằng những hình tượng. Để nhấn mạnh điểm này, Victor Hugo viết: "Tầm vóc của một nền văn minh được đo bằng số lượng hình tượng". Dĩ nhiên, chúng ta đều hiểu rằng Thơ đã xuất hiện cùng với buổi rạng đông của những nền văn minh. Trong những cõi tối của lịch sử, Thơ nằm im trong mang mang trời đất và trong chốn âm u của hồn người. Chỉ khi con người bắt đầu tự giải phóng nó ra khỏi cõi u minh của trời và đất, khi nó tìm thoát ra khỏi vô minh, khi con người biết dùng ký hiệu (trong đó có tiếng nói và chữ viết) để thông báo cho nhau về những hình tượng liên hệ đến không gian sinh sống của nó - và sau đó là những hình tượng được tìm thấy trong những giấc mơ sâu thẳm của hồn nó , con người mới làm Thơ.

Thơ là để nói lên cảm xúc. Nó cũng là cửa mở để đi vào hồn người: Cửa mở của Thơ nằm trong những hình tượng.

Thơ, nếu chỉ có âm thanh và nhịp điệu, mà thiếu hình tượng, thì sẽ không thể bỏ neo trong hồn người. Hình tượng là ánh sáng của Thơ.

Bởi thế, Thơ , trên và trước, là cảm xúc và hình tượng. Kỹ thuật chỉ là một kẻ đến sau.

Thơ hay không chủ vào hình thức. Nó có thể là thơ có vần hay không vần. Nó có thể là thơ cũ hay thơ mới, là lục bát hay là tự do, là cổ điển hay là hiện đại. Nó có thể là lãng mạn hay biểu tượng, hiện thực hay siêu thực, ấn tượng hay trừu tượng, tượng trưng hay cụ thể.... Nhưng Thơ hay phải mở ra cho ta thấy những hình tượng mới.

Hãy đọc lại những câu thơ đầy hình tượng này:

Ngả nghiêng đồi cao bọc trăng ngủ
Đầy mình lốm đốm những hào quang
(Ngủ Với Trăng - Hàn Mặc Tử*)*

Phất phơ hồn của bông hường
Trong hơi phiêu bạt còn vương máu hồng
(Chiều - Xuân Diệu*)*

Vạn chướng như bôn nhiễu lục điền

Trường giang như kiếm lập thanh thiên
(Hiểu Quá Hương Giang - Cao Bá Quát)
(Núi chạy vòng quanh khu ruộng xanh
Sông dài: gươm dựng giữa trời xanh)

Vũ quá sơn dung sấu
Thiên trường nhạn ảnh cô
(Giang Hành - Thơ Chữ Hán - Nguyễn Trãi)
(Mưa bay qua dáng núi gầy
Trời mênh mông, nhạn, bóng ngây dáng buồn)

Sầu nhãn vọng cùng sương hải ngoại
Nộ quyền huy phá bạch vân đoan
(Quá Hải Vân Quan - Trần Quí Cáp)
(Rách đôi mắt ngóng sầu xanh biển
Nát một quyền vung giận trắng mây
Vũ Hoàng Chương *chuyển)*

Bergère ô tour Eiffel le troupeau des ponts bêle ce matin
...
Et tu bois cet alcool brulant comme ta vie
Ta vie que tu bois comme une eau-de-vie
(Alcools, Apollinaire)
(Kẻ chăn cừu ơi hỡi tháp Eiffel
Bầy cừu của nàng là những cây cầu sáng nay kêu be be
...
Và mi uống cốc rượu cháy đỏ này như cuộc đời *mi*
Cuộc đời mi mà mi uống như một cốc rượu mạnh)

The apparition of these faces in the crowd
Petals on a wet, black bough
(In a Station of the Metro - Ezra Pound)
(Những khuôn mặt đột ngột hiện ra trong đám người
Những cánh hoa dán chặt trên những nhành cây đen ướt)

Nguyên dạ không đình nguyệt mãn thiên
Y y bất cải cựu thuyền quyên
Nhất thiên xuân hứng thùy gia lạc
Vạn lý Quỳnh Châu thử dạ viên
Hồng Lĩnh vô gia huynh đệ tán
Bạch đầu đa hận tuế thời thiên
Cùng đồ liên nhữ dao tương kiến
Hải giác thiên nhai tam thập niên

(Quỳnh Hải Nguyên Tiêu - Nguyễn Du)
(Trăng nở đêm rằm sân bỏ không
Đẹp xưa trăng vẫn thúy em hồng
Xuân ghé nhà ai ngây ngất mộng
Quỳnh Châu dằm dặm trổ trăng song
Nhà cửa nát tan đỉnh núi Hồng
Căm căm ngày tháng trắng đầu bông
Đường đi không lối trăng gặp bóng
Biển tận trời xa ba mươi đông
(Phạm Công Thiện *dịch thoát)*

Verde que te quiero verde
Verde viento. Verde ramas
El barco sobre la mar
Y el caballo en la montana...
(Romance Sonambulo - Federico García Lorca)
(Xanh lá, ta muốn em màu xanh lá
Cơn gió màu xanh. Cành cây màu xanh
Cánh buồm trên biển và con ngựa ở tận núi cao...)

Trưa bốc cháy lòa đồng đất rung
Chênh chao khói nắng bướm bay vờn
Bướm dại quẩn quanh bên tay cuốc
Đáp đậu bàn tay xòe ngửa không
(Trưa, Tù và Bướm - Thanh Tâm Tuyền*)*

Hai đứa kéo nhau chạy vào mộng mị
giờ tắt thở nằm trên bãi hư vô
Bầy ngựa chứng hàng thùy dương vó bão
Biển đưa trăng lăn vào đá tiếng ru
(Tội Nghiệp - Tô Thùy Yên*)*

... Love has no other desire but to fulfill itself
But if you love and must needs have desires, let these be your desires:
To melt and be like a running brook that sings its melody to the night.
To know the pain of too much tenderness.
To be wounded by your own understanding of love;
And to bleed willingly and joyfully.
To wake at dawn with a winged heart and give
thanks for another day of loving;
To rest at the noon hour and meditate love's ectasy;
To return home at eventide with gratitude;
And then to sleep with a prayer for the beloved

in your heart and a song of praise upon your lips.
(*The Prophet, On Love*, Kahlil Gibran)
(Tình yêu chẳng có ước nguyện gì hơn là tự viên thành bản thân
Nhưng nếu ngươi yêu và cần có những điều ham muốn,
Hãy để cho những điều này trở nên ham muốn của ngươi:
Được chảy tan và như một dòng suối ca hát cho đêm.
Được biết nỗi đau đớn của quá nhiều âu yếm, dịu dàng.
Được bị thương vì chính sự hiểu biết của ngươi về tình yêu;
Và được chảy máu ra cho tình yêu một cách tự nguyện hân hoan.
Được thức dậy vào ban mai với trái tim thấp cánh
Và dâng lời cảm tạ đời đã cho ta thêm một ngày mới để yêu thương;
Được nghỉ ngơi lúc giữa trưa và suy ngẫm về sự ngây ngất của tình yêu;
Được trở về nhà lúc chiều hôm với lòng biết ơn;
Và rồi được ngủ đi với lời nguyện cầu trong tim cho người yêu dấu
và một khúc tụng ca trên đôi môi
(Bùi Vĩnh Phúc *dịch*)(6)

Tôi còn muốn trích nhiều nữa, nhưng trích làm sao cho hết. Đời sống có biết bao nhiêu câu thơ đẹp để nuôi dưỡng chúng ta. Hãy lớn lên và đi vào đời cùng những câu thơ mới tinh và đẹp đẽ như tiếng kèn ban sớm, nhưng cũng hãy lặng yên nghe những câu thơ như những tiếng mưa tịch tịch trong lòng. Nắng kia cũng như mưa nọ đều sẽ làm cho ta chín ngọt với đời, và từ đó, làm cho ta thêm hiểu và thêm yêu giá trị của cuộc sống.

Và nắng với mưa thì cũng là những hình tượng của thơ.

10.

Để kết thúc, tôi muốn đi một nhịp chơi.

Tôi muốn trích dẫn một bài thơ rất mới ở đây. Thơ của Nikki Giovanni. Sinh ở Knoxville, Tennessee năm 1943, hiện tại, nhà thơ nữ này đang dạy viết văn (creative writing) tại Rutgers University. Đây là một bài thơ phá thể (dù tự nó đã mang thể tự do rồi) và phá ngữ pháp. Nhưng đó không phải là điều chính yếu để tôi đưa nó vào phần kết những suy nghĩ về Thơ của tôi qua bài viết này. Điểm chính là nó nói được một trong những vai trò cốt tủy của thơ (và đồng thời cũng của người làm thơ). Đó là nắm lấy ta và vất đẩy ta vào những bến bờ mới. Ở đó, Thơ cùng trời đất cỏ cây thiên nhiên âm nhạc hoa lá mở ra đánh bẫy ta. Và ta hân hoan để cho thơ trói ta lại và đẩy ta ra hứng chịu những cơn mưa của khát vọng đời. Và rồi, bấy giờ thì thơ sẽ chuốc rượu mời ta.

ever been kidnapped
by a poet
if i were a poet
i'd kidnap you
put you in my phrases and meter

you to jones beach
or maybe coney island
lyric you in lilacs
dash you in the rain
blend into the beach
to complement my see
play the lyre for you
ode you with my love song
anything to win you
wrap you in the red black green
show you off to mama
yeah if i were a poet i'd kid
nap you
(Kidnap Poem, Nikki Giovanni)(7)
có bao giờ bị bắt cóc chưa
bởi một nhà thơ
nếu tôi là một nhà thơ ấy à
tôi sẽ bắt cóc bồ
bỏ bồ vào trong những câu thơ tôi và nhồi
bồ ra biển
hay có lẽ một đảo hoang
làm cho bồ say sưa nhã nhạc trong hoa tử đinh hương
đẩy bồ vào mưa
trộn bồ vào biển
làm cho ngát cái nhìn tôi
chơi đàn thất huyền cho bồ nghe
tụng ca bồ với bài hát tình của tôi
bất cứ cái gì để chiếm lòng bồ
gói bồ lại với các thứ xanh đỏ tím vàng
đưa bồ ra khoe với má
ừa nếu tôi là một nhà thơ tôi sẽ bắt
cóc bồ
(Thơ Bắt Cóc - Bùi Vĩnh Phúc *tạm dịch)*

Mong bạn, kẻ yêu thơ, luôn luôn để cho mình bị bắt cóc đi như thế.
Thi sĩ sẽ bắt
cóc
BỒ.

BÙI VĨNH PHÚC
irvine, california (VIII, 1993)

Chú thích:

(1) Ý niệm "bootstrap" được trình bày trong quyển *The Tao of Physics* của Fritjob

Capra. Việc dùng ý niệm này để giải thích cấu trúc của thơ là trách nhiệm của riêng tôi.

(2) *Âm mở*: e, a, ă, o; *âm khép*: i, ư, u; *giữa mở và khép:* ê, ơ, â, ô; *âm bổng:* i, ê, e; *âm trầm*: u, ô, o; *giữa bổng và trầm*: ư, ơ, â, a, ă; *âm vang*: m, n, nh, ng; *âm tắc*: p, t, ch, c.

(3) *Vầng, bóng*... có thể là mạo từ (*article*) hay danh từ tùy theo cách chúng được sử dụng. Mạo từ trong tiếng Việt là một đề tài lý thú nhưng không thuộc phạm vi của bài viết này.

(4) Thật sự, *tà tà* trong *tà tà bóng ngả về Tây* của Nguyễn Du là một trạng từ chỉ thể cách, bổ nghĩa cho động từ *ngả*. *Tà tà* của Tản Đà là một trạng từ chỉ mức độ (ở đây, rõ hơn, chỉ sắc độ), bổ nghĩa cho tính từ *dương*, nếu *dương* được dùng như tính từ.

(5) Thêm một chú thích về vấn đề ngữ pháp ở đây:

Bóng tà tà dương, nếu dùng theo hướng một mệnh đề như đã thử phân tích, sẽ có kết cấu giống như câu thơ đã dẫn ở phần trên của Hàn Mặc Tử, "*Mùa rất trai* và ánh sáng rất cao". Kết cấu ngữ pháp của cả hai câu sẽ *phải* là: chủ từ (danh từ) + động từ thì(hiểu ngầm) + trạng từ + tính từ. *Bắt buộc* phải có trạng từ trong kết cấu này. Nếu không, câu loại này vẫn có nghĩa, nhưng không phải là nghĩa mà tác giả muốn dùng: *mùa trai* khác hẳn *mùa rất trai, Bóng dương* khác hẳn *bóng tà tà dương. Mùa trai*(? !) có thể là một ngữ danh từ *(noun phrase*); *bóng dương* là một danh từ (để chỉ mặt trời; *bóng*, ở đây, là mạo từ). Còn *mùa rất trai* và *bóng tà tà dương* là những mệnh đề mà ý nghĩa của chúng đã được thử phân tích.

(6) Trong phần trích thơ này, tôi để nguyên bản Pháp, Anh, Tây Ban Nha và Hán Việt trước khi giới thiệu phần dịch cốt là để cho ta nhìn rõ được tài hoa của các nhà thơ trong việc chọn từ ngữ với những âm thanh và ý nghĩa của chúng.

(7) Trong bài thơ này, ngữ pháp bị phá nơi việc bỏ chủ từ ở nhiều chỗ, xuống dòng lạ đời giữa *meter* và *you*, cắt kidnap ra làm hai mảnh ở cuối bài. Các danh từ *meter, lyric, ode* được biến thành động từ với những nghĩa rất thơ, đặc biệt là... động từ *(to) meter*. *See*, ngược lại, đang là động từ được biến thành danh từ.



BÙI VĨNH PHÚC

rồi một buổi nào thì tôi cũng sẽ bay đi

Tặng một người ngồi trên mái nhà

Tôi đi vào một cánh rừng trăng
Trăng dãi đầy trên cây trên lá và mướt thơm như
những giọt nước mưa ôm phủ lấy những sợi lông măng hồng mịn
Lá cây long lanh ánh trăng xanh. Một mùi thơm bí ẩn của trần gian
Dòng sông cạnh khu rừng róc rách chảy qua những ghềnh đá
Dòng sông xanh và khu rừng xanh
Con trăng xanh vẫn còn nằm mãi trên đỉnh non cao
Bọt ngầu lên ở một vài chỗ
Cả bọt và những ghềnh đá cũng mượt mà ánh trăng
Và tiếng sao trôi nhỏ to róc rách theo dòng nước kia
chảy mãi vào rừng sâu
Cánh rừng yên ắng như một tấm chăn, như một tấm dạ xanh mềm mại
Nó phủ kín lên những hoài vọng tuổi thơ, những giấc mơ tuổi nhỏ
Dưới tấm chăn trùm kín trên bốn thành ghế
Trong căn gác kia, ngày xưa,
thằng bé nào ẩn mình nghe tiếng mưa rơi thổi dài trong khu xóm vắng
Tiếng mưa rơi như đến từ một xứ sở nào xa thẳm
Trong mưa cũng có ánh sáng của những vì sao
Những vì sao trốn mẹ theo mưa đi chơi mấy triệu năm ánh sáng
Thằng bé chui dưới tấm dạ xanh mềm
căng tai nghe ngóng những tiếng mưa sao
Chung quanh nó là tối đen
Và những vì sao cười đùa khúc khích trong khu xóm nhỏ
Những vì sao bay qua những khu nhà gỗ, những ngôi nhà đá,
những mái nhà tranh
Chân không, chúng chạy nhảy trên những nóc nhà, những mái ngói,

những tàu chuối và những tàng cây.
Trên những hàng hiên, lũ sao chơi đánh dáo và ô ăn quan
Trên những chạc cây, chúng ẩn núp và bắn nhau bằng ná cao su bật gió.
Ôi những vì sao trốn nhà đi chơi mấy triệu năm ánh sáng
Thằng bé trong tối mịt dưới tấm dạ mềm vẫn để ý lắng nghe...
Bây giờ, trong cánh rừng trăng này,
những vì sao vẫn khúc khích đuổi nhau chạy vào rừng sâu
Những vì sao long lanh trên đầu bọt ngầu xanh sáng
Rồi bỗng thấy một cô gái đi về phía tôi
Chẳng biết cô từ đâu hiện ra
Tóc cô dài ngang vai và chân cô đi đôi hài tím
Tại sao cô gái hài tím trong rừng trăng xanh?
Đến bên tôi, cô hỏi anh đang tìm gì
Tôi bảo, có lẽ là cuộc đời, có lẽ thế
Cô gái cười một nụ trăng xanh
Rồi vục tay vào dòng sông đầy ánh sáng, cô múc lên
một dòng sông nhỏ và đưa tôi
Mắt cô mềm như lá xanh
Trong tay tôi, dòng sông vẫn trôi róc rách và lấp lánh ánh những vì sao
Tôi đưa nó lên ngang tầm mắt và nhìn
Một vũ trụ nhỏ đang hát ca trước mắt
Dòng sông và những vì sao thuở nhỏ
Những vì sao đã chạy nghịch những đêm mưa trong khu xóm vắng
của mấy chục năm về trước
Chúng đã chạy kịp về nhà và không bị mẹ đánh đòn
Bây giờ chúng lại đi chơi
Tại sao những vì sao di chuyển quá nhanh?
Tại sao mấy triệu năm ánh sáng?
Tôi bỏ dòng sông nhỏ và những vì sao
của mấy triệu năm lấp lánh kia vào túi áo
Tôi nghe chúng xô đẩy reo vui bên trái tim mình...
Bỗng chỗ tôi đứng như nghiêng đi cùng với tiếng gió giông thổi đến
Tôi ngã vào khoảng không và chỉ nhìn thấy một màu trăng đỏ quạch
Đâu rồi ánh trăng xanh?
Tôi rớt ra bên ngoài thời gian
Rơi vun vút vào tương lai hay vào quá khứ tôi làm sao biết
Bên cạnh trái tim tôi, dòng sông và những vì sao vẫn thở
Tiếng thở của rừng
Và tôi rớt vào một ngôi nhà nhỏ

Trên lầu, có một cái cửa sổ mở ra những hàng cây
Trên thành cửa sổ có những chậu hoa nhỏ màu vàng tim tím
Tít ở góc phòng bên kia cũng có một cái cửa sổ

Nó trổ ra những mái nhà
Những mái nhà ngói đỏ mềm mềm như sóng
Những mái nhà dẫn lên bầu trời buổi chiều đang chụp xuống
lơ thơ những vì sao
Một cô gái đang ngồi chơi trên mái nhà
Tóc cô chấm lưng cõ vài chiếc lá khô vướng vít
Đôi chân thon dài, co lại. Hai bàn chân cô để trần
Tôi trèo ra ngoài cửa sổ
Chiều vẫn tiếp tục thả xuống những chùm bóng tối mùi ngọc lan
Cô gái trông quen quen làm tôi ngỡ ngợ
Nhưng cô làm như đã biết tôi tự thuở nào
Thỉnh thoảng em thích leo lên mái nhà ngồi chơi mỗi khi chiều xuống
Ở đây có nhiều chim
Ở đây có nhiều chim như ở quảng trường San Marco bên Venice, Italia
Có cả những con mèo. Nhưng mèo chẳng đuổi bắt chim
Chúng chỉ ngồi chơi hoặc đi dạo bên nhau
Có khi em còn thấy cả một, hai con chó nhỏ
Đi lang thang trên những nóc nhà
Chúng nó, những con chim con mèo con chó ấy
Hình như cũng biết nhìn sao
Tôi ngồi xuống bên cô gái
Những mái nhà uốn lượn rộn ràng như sóng trôi mãi vào vô biên
Chiều đã mất hút và đêm ập xuống
Đôi mắt cô gái vương màu tím than của những ánh sao xa
Để em lấy cho anh một ngôi sao
Cô gái nói rồi với tay về phía những vì sao
Nhấp nháy, nhấp nháy
Xanh, tím, và hình như có cả ánh vàng
Trong bóng trăng xanh,
dáng em với tay lên cao trông như một cánh chim
Một nốt nhạc
ở phía những octave réo rắt
Tôi nói nhỏ như thế trong lòng mình
Nhưng cô gái chưa kịp lấy được gì cho tôi
thì cô đã bị hút lên cao về phía những vì sao vẫn còn bồi hồi nhấp nhánh
Tôi chẳng thể làm gì
Sức hút của những vì sao quá lớn
Những vì sao đã quá yêu cô
Và cô đã bay lên cao khỏi những mái nhà
Như một nốt nhạc và một cánh chim
Ở bên kia thời gian. Anh ơi, ở bên kia thời gian
Tiếng cô gái yếu ớt vọng lại
Tôi nhìn mãi cho đến khi cô gái mất hút vào mây

Tại sao những vì sao? Tôi tự hỏi tại sao những vì sao.
Trở lại cửa sổ và trèo vào nhà
Tôi thấy một đôi hài tím để ở góc phòng...

Rồi tôi thấy tôi lang thang ở vùng biển Địa trung hải
Saint-Paul-de-Vence, gần Nice, Côte d'Azur
Những con đường nhỏ lát gạch cũ kỹ ngoằn ngoèo dẫn mãi lên cao
Những kiến trúc để lại từ thời Trung cổ
Những bức tranh của Picasso, Klee, Dufy, Utrillo, Derain
treo đầy những bức tường ở Colombe d'Or
trả giá cho những bữa ăn thời các họa sĩ còn đang lang thang đói rét
Và mộ Marc Chagall nằm trên ngọn đồi cao gió thổi
Giữa những um tùm cây cối và những tiếng đùa vọng của chim
Ánh sáng ở đây như được lọc qua những tấm kính màu
Ở Chapelle du Rosaire do Matisse làm ra
Ánh sáng thơm và mát
Chagall đã ra đi từ 1985
Tôi gõ tay vào ngôi mộ xi-măng giản dị
nguệch ngoạc hình thiên thần hai cánh tung bay cầm một chân nến nhà thờ
(Ngôi mộ giản dị hơn bất cứ một ngôi mộ nào ở cái nghĩa địa gió này)
Ông cụ mở cửa hỏi tôi cần gì
Tôi hỏi tại sao con người lại bay đi như chim
Tại sao con người là một nốt nhạc
Ông bảo rồi anh cũng sẽ bay đi
anh cũng là một nốt nhạc
Con người ai cũng có khả năng bay
Còn khi rung động thì họ là một nốt nhạc
Con người sẽ bay lên và họ sẽ trở thành những nốt nhạc
Nhất là khi họ yêu thương và muốn với lên những vì sao
Tôi cám ơn ông cụ và đi lang thang về những con đường,
những thành phố khác
Ở Czechoslovakia,
mùa xuân vẫn còn đang nở tại Praha
Những con đường ngoằn ngèo nguệch ngoạc
vẫn chạy mãi vào những trang lịch sử
Cầu Charles trên dòng Vltava
và nhà thờ Saint George ở Xóm Cũ
Tại Budapest, lịch sử Hung Gia Lợi vẫn trôi
trên dòng Danube
Con người vẫn sống vẫn thở vẫn yêu thương trên hai bờ Buda và Pest
Ở Nam Tư, tôi nằm nghe gió thổi miên man trên cái kapia
của cầu trên sông Drina
Những cuộc đời lại quày quả trở về

xôn xao trong tim trong mộng
Và chiếc cầu đá cổ ở Mostar
Bao thế kỷ rồi vẫn nhìn đời sống lướt trôi về vô tận
Tôi đứng trên cầu nhìn những xóm nhà heo hút
dần dần khuất bóng vào sương núi lam chiều
Ở Sarajevo, ở Dubrovnik, và ở biển Adriatic cô liêu
Những con người vẫn bay đi bay về trên dòng thời gian quạnh quẽ
Đó là một dòng chảy xanh lơ
Bây giờ máu đang chảy ra ở những nơi chốn đó
Những mộng mơ tôi nơi ấy chắc cũng hoảng hốt đập cánh tung bay
Tôi lại nhớ đến quê nhà
Những con đường và những bóng cây
Những làn khói xanh lơ và những dòng sông thuở nhỏ...

Tôi vẫn đi trên những con đường của cuộc đời
Gió mưa nắng quái và những sáng bạch chiều rơi
Những ánh sáng và những hương hoa tôi thầm ôm ấp
Có khi là những con chim dịu dàng mềm mại
Chúng thổi tiếng vi vu của cuộc đời vào lòng tôi sâu thẳm
Có khi, ừ có khi, chúng biến thành những vệt gai đâm
Hay có khi chúng thành những mảnh kính sắc
Đâm cắt vào lòng rạch nát vào tim
Tại sao những mảnh kính tại sao những mẩu gai?
Tại sao tiếng cười tại sao dòng lệ?
Thế nhưng tôi vẫn mãi yêu cuộc đời
Tôi vẫn chẳng thôi yêu thương những con chim, những dấu gai,
và những mảnh kính sắc kia
Chúng dạy cho tôi biết thế nào là cuộc sống
Thế nào là dòng máu thế nào là trái tim
Thế nào là khổ đau thế nào là hạnh phúc
Và bảo rằng tôi vẫn ở giữa muôn thuở con người
Và thế nào là một niềm tin.

Cậu bé nhỏ vẫn còn nghe mãi những tiếng mưa rơi
Những tiếng mưa rơi mịt mù trong khu xóm vắng
Tiếng mưa chạy đuổi nhau với những vì sao
rớt về từ triệu năm ánh sáng
Tôi vẫn đứng trong khu rừng kia
Người con gái mắt mềm như lá múc tay xuống dòng sông ấy
(Dòng sông lổ đổ tiếng cười của những vì sao)
Cầm lên đưa tôi một dòng sông nhỏ
Dòng sông giờ vẫn xao động trong tim
và những vì sao trong đó vẫn còn thức giấc

Tôi vẫn ngồi trên một mái nhà
Những con chim con mèo con chó vẫn còn lang thang dạo chơi trên ấy
Và người con gái kia
với đôi mắt vương màu tím than của những vì sao
vẫn cầm lấy tay tôi
và định đặt vào trong đó ánh sáng của một ngôi sao chấp chới
Đêm vút thành một nốt nhạc
Rồi lặng yên bao phủ cuộc đời
Tôi vẫn đi trên những con đường
Ánh sáng và bóng tối,
những sớm nắng và những chiều sương
Có khi tôi hát ca có khi tôi ngồi quạnh quẽ
Một nửa ánh trăng che mái hiên đời
Những mảnh sắc, những gai đâm, những con chim, những đóa hoa,
những cây lá...
Xếp lại dần thành vóc hình tôi

Rồi một buổi nào thì tôi cũng sẽ bay đi
Một ông cụ già đã bảo cho tôi biết trước
Tôi sẽ ra ngoài thời gian
Như trèo ra ngoài cửa sổ trổ ra song sóng những mái nhà
Trổ ra một bầu trời xanh xa sâu thẳm
Có những ngôi sao thơm mùi ngọc lan
Và tôi sẽ bước đi
ở một chiều biên giới khác.

BÙI VĨNH PHÚC
Saint-Paul-de-Vence, VII, 1993
California, VIII, 1993



TRINH ĐƯỜNG

thanh khí một quan điểm bình thơ

(Trích)



Không phải từ lúc mới tập mà đã đàng hoàng là một nhà thơ rồi, cũng phải đọc thơ, tìm hiểu thơ người khác. Làm, cố nhiên khó nhưng hiểu thơ cũng chẳng phải dễ dàng. Phải có một cái vốn văn hóa, một hiểu biết bác học.

Cái quay búng sẵn trên trời

Có biết phép tu từ mới hiểu sức sáng tạo kỳ tài của Nguyễn Gia Thiều.

Thành xây xương lính,
hào đào máu dân
Ba bốn đời vua khéo chóng ghê

Phải hiểu lịch sử.

Đã không biết sống làm vui
Tấm thân nào biết thiệt thòi
là thương

Không dày dạn phong trần không chiêm nghiệm được câu này của Nguyễn Du viết về quãng đường cùng của Kiều.

Thị ơi, thị rụng bị bà
Bà đem về ngửi chứ bà không ăn

Ngoài tấm lòng đôn hậu, câu này còn thoảng một màu sắc phù thủy, như câu:

Tay cầm bầu rượu nắm nem
Mảng vui quên hết lời anh dặn dò

Một thụy miên trong lúc tỉnh. Tôi và một bạn học tìm hiểu một câu thơ

của Thôi Hiệu:

Tiên nhân chưởng thượng vũ sơ tình.

Mặc lời chú giải Chưởng thượng là đại danh từ, chúng tôi cứ hiểu câu này theo nghĩa *Trên tay người tiên mưa đã tạnh*, sự việc có thể là ông tiên đưa bàn tay để ngửa ra ngoài cửa sổ thử cuối cơn mưa có còn nhỏ giọt trong lòng tay không thì thấy trời đã tạnh. Không ai nghĩ là có văn hóa rồi, tự khắc hiểu được thơ.

Phiến vân thiên cộng viễn
Vĩnh dạ nguyệt đồng cô.

(Ta) và làn mây trên trời cùng xa, ám chỉ bước ly hương thường xuyên của Đỗ Phủ, (nên) Đêm sâu (ta) cùng cô độc với vầng trăng. Hiểu đấy mà không dây và không tài nào dịch thành thơ được. Nên hiểu thế nào câu này của Heine:

Tường trắng, bông hồng trắng, sao cái bóng nó lại đen?

Trong bài Nghĩa Trang Biển của Paull Valéry khó mà hiểu ngay từ câu đầu

Trên mái nhà xanh những con bồ câu đang đi.
(Le toit bleu òu marchent les colombes)

tả cánh buồm trắng bay trên mặt bể. Càng khó hiểu ngụ ý của tác giả khi đem đặt cái chết , cái im lặng chết bên sự sống động của bể cả. Có thơ đời, lại có thơ thần, thơ đạo.

Trường kiến nhất thanh hàn thái hư.

Biết tác giả Không Lộ là một thiền sư thì dễ hiểu câu này hơn. Dịch ra là

kêu dài một tiếng lạnh tầng không

thì hai chữ tầng không, cũng không sao đựng hết chữ nghĩa thái hư là cõi vô cùng. Và hiểu như thế nào ba từ nhìn không ra trong câu thơ huyền diệu của Hàn Mặc Tử:

Áo em trắng quá nhìn không ra.

Hiểu là bước đầu tiên của *bình*, mà phải thấu hiểu chứ không phải là hiểu. Hiểu cái ý ở ngoài lời. Sự gởi gấm thầm kín của tác giả. Hiểu đã khó thì bình càng chẳng dễ. Sự phát triển của thơ từ hiện thực đến siêu thực làm cho nó đa dạng đến không còn vương vấn bất cứ một ước lệ nào, đa tầng đa nghĩa khó nhận ra mặt kim cương nào sáng hơn mặt nào, và huyền ảo chỉ còn cảm nhận bằng linh giác. Có người nói: lan man và phóng túng là bản chất của sáng tác. Lại nói sáng tác là đi ngược chiều ví như nói:

Lươn nằm cho trúm bò vào

hay

Phù du không thuộc về con thiêu thân mà là con người.

Và hẳn là không nắm bắt được nội dung, nếu người phê bình, người bình lại đeo kính màu, chưa nói là anh ta còn bị ràng buộc trong những gông cùm của hệ tư tưởng giáo điều cũ kỹ, lỗi thời. Cũng vì thế nên từ xưa, người làm thơ sợ bị hiểu sai, đã tự chú, tự thích, có khi tự bình như Tản Đà, và hầu hết đều do người khác cùng thời hay khác thời như Phan Khôi với Chương Dân

Thi Thoại, Huỳnh Thúc Kháng với Thi Từ Tùng Thoại, Ngô Tất Tố với Thi Văn Bình Chú, Xuân Diệu với những tập bình về một số tác giả cổ điển. Tất cả đều có chung một mục đích: nâng cao thẩm mỹ thơ cho người đọc, đưa thơ đến người yêu thơ, đến đông đảo quần chúng...

Thơ có nhiều trường phái và bình thơ cũng có nhiều lối khác nhau. Khổng Tử trọng đạo và chi ly qua Kinh Thi, Lưu Hiệp theo sóng lần về nguồn, Trịnh Nhiếp nhấn mạnh chủ đề và cách cấu tứ, Thánh Thán tung hoành phóng túng nhưng cả vú lấp miệng em, Viên Mai thấu triệt nghề thơ vì ông có làm thơ dù thơ ông không hay. Gaucheron rút ra từ cái cốt tủy, Hoài Thanh biết cảm thụ, sàng lọc nhưng có phần tùy hứng, tùy tiện, Xuân Diệu đầy chất thơ và tài tình ở nhiều đoạn bình về Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến...

Lúc nhỏ học thơ Đường, tôi có học cả phần chú thích và những lời bình sau mỗi bài thơ. Cho đến nay tôi vẫn không hiểu vì sao những lời bình thơ trong đó lại có thể ngắn hơn chính bài thơ mà thơ thường cô đúc từng chữ, từng câu. Về nội dung các bài bình, cảm tưởng còn lại trong tôi là, dường như người bình thơ đã gợi ý cho tác giả viết nên bài thơ, hay nói cách khác, tác giả đã kể lại ý đồ làm bài thơ với người bình. Tôi lớn lên nhờ đọc, thuộc và thấm nhuần thơ hay kim cổ, cũng đặc biệt lớn lên nhờ ở nhiều bài bình hay, nhất là các lời bình uyên bác, sáng tạo và hàm xúc trong tập Đường Thi Tam Bách Thủ. Có lẽ vì ảnh hưởng những bài bình đầy màu sắc phương Đông đó nên tôi không thích hợp mấy với phương pháp bình luận lý trí, chẻ sợi tóc làm tư, mã hóa ngôn từ với ngữ điệu và lạnh lùng đặt bộc phá cho nổ tung lên để tận mắt thấy, tận tay sờ từng loại chất liệu, làm một cuộc khảo sát từ ngữ, mở một cuộc thẩm vấn, lên một hồ sơ về tiểu sử tác phẩm và tác giả. Cái ưu điểm của phương pháp này là cách giải phẫu xác chết, một truy tìm bệnh lý hơn là bình để thưởng thức một bài thơ. Nó có thể rọi ánh sáng vào mọi ngóc ngách, mọi chỗ tiềm ẩn của bài thơ về mặt vật chất, nhưng có thể nào mã hóa được chất thơ, chất "yên-sĩ-phi-lý-thuần" nghệ sĩ; cân, đong, đo, đếm cả cái hồn của bài thơ, sự gửi gấm của tác giả? Ngay cả đến với thơ bằng lý sự, bằng tiếng nổ đã là một hành động lỗ mãng rồi. Thơ hay, thơ thần có khi đột nhiên đến chính tác giả cũng không tự biết. Thơ hay là cái đẹp. Cái đẹp thường huyền diệu, gần với hoặc đượm màu sắc tôn giáo thần linh. Ở phương Đông không phải là không có quan hệ chủ, khách nhưng vẫn là sự cảm thông, sự hòa đồng giữa con người và vũ trụ, một tiếp xúc tâm linh.

Vầng trăng ai xẻ làm đôi
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường

Hay như

Thập nhất nguyệt trung trường chí dạ
Tam thiên lý ngoại viễn hành nhân

Đêm dài tháng một nói thời gian, người đi xa ba ngàn dặm chỉ không gian xa nhà. Hay như câu

Bạch vân phi khứ, thanh sơn tại

Các loại thơ này chỉ có thể cảm nhận hơn là dùng phương pháp phân tích duy lý, cơ học. Làm thế nào đọc được tâm hồn người kia trong tư thế quì xuống chắp tay lại nguyện cầu? Hiểu thế nào việc người Tây Tạng trên cao nguyên ba nghìn cây số, nằm sấp, lấy cả người mình, làm thước đo sau mỗi cái lạy để tiến tới ngôi đền thâm nghiêm từ cách xa nhiều dặm núi? Có ai cắt nghĩa được thơ khi nó đã đi vào địa hạt huyền bí, tâm linh, mơ hồ giữa thực và mộng, giữa mê và tỉnh, mông lung như trong những màn sương khói huyền hoặc của Bồ Tùng Linh? Tôi thú thật là vừa hiểu vừa không hiểu thơ Tagore, Kali Gibran, tôi đánh mất cả bóng mình trong Đạo Đức Kinh, hóa thành người vô học khi đọc kinh Vệ Đà... Cùng một luống đất trồng mà hoa cúc thì vàng, hoa huệ lại trắng, hoa chân chim lại tím... Tôi đành lấy cái điều bí mật không giải thích được của thiên nhiên để tự an ủi mình vì càng lý giải càng lạc vào mê cung.

... Giống như người làm thơ, phải biết tạo ra những quãng lặng, không nói mà gợi, ý ở ngoài lời... Giành cho người đọc, qua tư duy thẩm mỹ, hoàn chỉnh sự hiểu biết tác phẩm. Đó là cách "dùng sức mạnh của bình luận ở độ không" như Gérard Genette phê bình cuốn *Đỏ Và Đen* của Stendhal. Không thể thưởng thức hết hương vị trà nếu không biết việc lấy nước, cách ướp trà, pha trà, việc độc ẩm hay song ẩm, với cả việc bình bài thơ trên ấm trà... Nhưng cũng không nên làm thay cả phần tưởng tượng của người thưởng thức. Cái đẹp nào cũng gần với đạo. Thưởng thức một bài thơ là thưởng ngoạn cái đẹp, và tâm thức của Đạo nằm sâu trong cái tầng nghĩa đen như ngọc ẩn trong đá, và lẫn trong đất, chỗ ký thác, cất dấu tâm tư thầm kín của tác giả. Một cuốn sách nói người Nhật xem tranh bằng tai, ngụ ý lắng nghe màu sắc, đường nét, hình khối trong tranh nói gì.

Cũng vậy, đối với thơ. Nói hồn, nói thần một bài thơ là nói điểm này, bên cạnh sự tài tình của kỹ năng diễn đạt. Thăm chùa, thắp hương mới là hình thức nếu cái tâm không hướng về Phật. Ngay cả việc bình giảng ở nhà trường chứ đừng nói là bình thơ một cách tài tử, cũng phải làm cho học sinh thấy được cái hồn của bài thơ.

Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.

Đâu chỉ là những đụn cát gió thổi vun lên trên bờ biển, đám bụi hồng dấy lên do nhiều người đi? Đi vào địa tầng, câu thơ muốn nói đến cái chết không sao tránh khỏi của đời người, sự chen chúc lợi danh ở cõi trần. Đưa tới tầng nghĩa đen, thức tỉnh ngọn lửa tiềm tàng trong bài thơ có khi cách ta nhiều trăm năm, làm cho người đọc đập theo trái tim, chảy theo dòng máu của bài thơ, thấy được chỗ vô hình, nghe được chỗ không tiếng của bài thơ, thậm chí phát hiện ra những chỗ chính tác giả cũng không ngờ tới vì mải mê "lên đồng" trong khi viết, đấy mới là chỗ lý tưởng cần đạt tới của người bình thơ.

Và như thế là người bình đã trở thành tác giả thứ hai, vừa tri âm với tác giả, vừa tri âm với độc giả.

Đang song song lưu hành trong công luận hai cách bình. Một cách là duy

lý, mã hóa từ yếu tính nắm bắt được đến những cảm xúc mơ hồ(!). Cách thứ hai là gợi mở, tìm nguồn, chỉ ra những mối tương quan để người đọc cùng tham gia tìm hiểu bài thơ, trao đổi tâm tình với tác giả. Tôi nghiêng về phương pháp sau này. Đó là cách cùng người đọc hình dung lại đường bay của mũi tên, buông mình trôi theo các tần sóng cảm xúc của tác giả. Đó là cách chỉ đường cho du khách tự tìm đến các danh lam thắng cảnh, trao cho họ cái chìa khoá để họ mở ra xem xét, suy ngẫm và cùng họ đánh giá lấy vẻ đẹp và châu báu của các kho tàng.

TRINH ĐƯỜNG
(Trong nước)



NGUYỄN HỒI THỦ

hát trong mùa thu

Người đi người ca rằng
mùa này là mùa xuân
mà trong lòng không hoa
mùa này là mùa hạ
mà trong lòng không quả
mùa này là mùa thu
mà sao lòng lạnh giá
mà sao lòng lạnh giá
Không phải không tình và không nhà
Không phải đường xa và nẻo xa
Không phải bạn bè mất trắng cả
nhưng mà
trong lòng không có hoa
trong lòng không có quả
trơ cành như mùa đông
trong rừng cây mặt nạ
đi đầy trong phố xá
hèn mọn lẫn vô tình
nhỏ nhoi cùng xa lạ

Nishi Shinjuku, Tokyo, Thu 91
NGUYỄN HỒI THỦ



MAI THẢO

vẫn còn

Sau mấy ngày mưa trời lại cao
lại nắng lại gió lại gió nắng
nhìn trời học được bài học ấy
là ta vẫn còn ta dẫu thế nào

MAI THẢO



NGUYỄN TÔN NHAN

thiên cơ

Máy huyền vi mở đóng ào
Mịt mù hồn vía lên cao đến trời
Hỡi ôi thiên cổ im hơi
Không cho ngửi chút mùi đời với nhau.

tàng kiếm

Vào non cất kiếm đi thôi
Muôn năm cỏ áy đến ngồi bên ta
Mây cao chở nặng chiều tà
Dế dun nén tiếng khóc òa với nhau.

NGUYỄN TÔN NHAN



NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

tri ân

At most a mere minimum - *Sam Beckett*
Ngù ngờ ngôn ngữ ngổn ngang - *Tô Thùy Yên*

1.
Của một cái giống
Giống mà chẳng giống
Ai hết

Của một đòn gánh
Gánh tuy không gánh
Cỏ hoa

Của một hình tam
Giác thiếu hoặc thừa
Một cạnh
Ngoài không gian trên thời gian
Vĩnh viễn vĩnh viễn không
Xanh

2.
Ba xạo cù lần là cái chắc
Cô đơn chuyện dĩ nhiên

3.
Cà ri cà mọ
Cà rịch cà tang
Không mỏi không chán
Trèo lên rớt xuống
Rớt xuống trèo lên
Cây cột mỡ trơn trượt oái ăm tuyệt vời
Của kiếp sống

Tồi tê tái tả tơi tàn tạ tương tư.

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG



KHẾ IÊM

đi tìm một nhân cách thơ



Thơ là một thể loại riêng biệt của văn chương, bật lên thành tiếng nói và xuất phát tự nghìn đời. Thơ, như một cánh chim phiêu du, bay mãi, chòng chành giữa khoảng không thời gian.

Và nhà thơ, hắn chỉ là hạt bụi giữa muôn vàn hạt bụi khác. Hắn lấy thơ từ cõi không, gửi vào đâu đó, trong hư không. Đó là cảm xúc có thật hiện hữu nơi nhà thơ, và là ý niệm khởi đầu để xóa đi chính hắn.

Nhà thơ, hắn phải lắng nghe và chờ đợi. Chờ đợi một biến cố mà hắn không hề biết. Cho đến một giây khắc bất ưng, thơ tới. Nhưng mới chỉ là cái bóng của thơ, và nếu bắt lấy, hắn sẽ mang cái bóng ấy đi suốt cuộc đời. Đó không phải là thơ, nhưng hắn vẫn tưởng là thơ. Sự lầm lẫn này kéo theo những lầm lẫn khác.

Thơ có ma lực của một ảo tưởng. Một nhà thơ tự gạt gẫm mình khi nghĩ rằng nếu không làm thơ, hắn sẽ chết. Sự thật, đời sống vẫn có thơ dù rằng không có những nhà thơ.

Tại sao chúng ta làm thơ? Đó là câu hỏi thường vang lên ở từng thời kỳ trong đời một nhà thơ. Không có câu trả lời nào thực đúng trong cuộc hành trình không hề có vinh danh ấy. Thật ra, thơ cũng chỉ là một trò chơi như bất cứ trò chơi nào khác. Nhà thơ, hắn phải biết phủ nhận chính hắn bởi cuối cùng rồi hắn cũng bị xóa sổ vì đời sống không hề mang ý nghĩa của sự tồn tại.

Một số nhà thơ khi được hỏi về tương quan giữa người đọc, họ thường trả lời, nhà thơ, hắn làm thơ cho chính hắn. Câu hỏi hàm chứa một điều, có một loại người đọc đã được nhà thơ chọn lựa ở bên trong hắn và sẽ hiện thực ở ngoài đời thường khi bài thơ được truyền rao. Người làm thơ có thể không

biết mình, nhưng người đọc và thời gian là hai yếu tố đóng khép cánh cửa thơ.

Nhà thơ, hắn viết cho những người đồng thời, không thể chỉ viết cho thế hệ mai sau.

Không có ngôn ngữ nào thuộc về dòng chính và một ngôn ngữ khác không thuộc về dòng chính. Sự mặc cảm ở nơi những nhà thơ, không phải ở ngôn ngữ.

Nhà thơ, hắn viết vì một ngôn ngữ hắn yêu mến. Sự tương quan giữa hai ngôn ngữ là lằn ranh khó vượt qua. Bởi vì thơ không hề là phương tiện để mở mang kiến thức. Người đọc phải tiếp cận với chính ngôn ngữ của nhà thơ để bắt được âm thanh và nhịp tiết của thơ. Gạn lấy chất thơ từ ngôn ngữ khác là một vui thú, làm đầy quê hương thơ. Nhưng thơ cũng nằm trong điều bất khả. Dịch thơ là một cách học, không phải học ngôn ngữ người mà có lẽ là học chính ngôn ngữ mình.

Nhà thơ, chừng như hắn sẽ không phát biểu bất cứ điều gì về thơ, hắn mới bắt đầu làm thơ. Bởi vì tiếng nói nằm trong phần hữu hạn, và thơ ở vô hạn. Chúng ta hay nói đến sự im lặng như sự tận cùng của thơ nhưng mỗi bài thơ tạo ra một chuỗi dài những định mệnh và kết thúc ở một chỗ không phải là sự im lặng.

Bình minh của thơ là hoạt động chống lại mọi lề thói. Kỹ thuật cũng là một thứ lề thói. Và hoàng hôn của thơ là nghi lễ chôn cất, khoảnh khắc của sự gian trá bị đốt cháy.

Triết lý của bài thơ là sự trở về với không có triết lý. Bao lâu chúng ta còn cho thơ mang một ý nghĩa, thơ rời xa ý nghĩa. Nhưng thơ không phải là sự vô nghĩa. Sự nghịch lý này nằm ở một điểm, chúng ta cứ loay hoay cố hiểu một điều chúng ta không bao giờ hiểu được.

Bài thơ cô đọng lại trong một tích tắc, rồi buông ra mênh mông.

Sự nổi giận của thực tại và nối kết của tai ương tạo ra biến cố. Biến cố khai sinh tư tưởng nhưng phẩm chất của tư tưởng lại nằm đằng sau những biến cố.

Và cứ cho rằng đêm hội hóa trang đã qua, nhưng chúng ta quên chưa gỡ xuống chiếc mặt nạ: đạo đức hay thông thái, đồi trụy hay thanh cao, kiêu ngạo hay khiêm nhượng. Thơ trở nên vô hồn, vô cảm, bị ngộp hơi vì thiếu dưỡng khí vì người làm thơ không thấy thơ.

Thơ chắt lọc tinh chất của đời sống và chưng cất thành nguồn trong là sự thật. Thơ biểu lộ một hành động, theo nghĩa tích cực. Chúng ta làm thơ và không nghĩ thơ.

Sự lụi tàn của thủ thuật là thơ không phát ra được từ trái tim và lấy ra được từ cõi sống. Bởi vì người làm thơ vẫn thở, tiếp nhận và suy nghĩ nhưng không hề sống đến một giây, với hết sinh mệnh và cách thế điêu linh của hắn.

Thơ Việt Nam đang trôi nhanh, chẳng phải để bắt kịp bất cứ chuyến tàu nào, mà để vỗ sóng ra khơi. Đi tìm một nhân cách thơ là định hình thơ. Thơ đã là mới. Đổi mới chỉ là cách nói khác để nhìn thơ cho đúng.

Nhà thơ luôn luôn là kẻ thất bại, từ khởi đầu, khi hắn sinh ra. Sự thành công không hề có trong tự vựng đời một nhà thơ. Và vì thế, hắn không ngừng xóa đi mọi dấu vết để làm lại một khởi hành. Mỗi bài thơ là một truân chuyên khác, mở ra một bến bờ.

Thơ giải phóng những ràng buộc. Sự phiêu lưu của ngôn từ là một bất ngờ không báo trước. Và nếu không nắm được điểm này, người làm thơ chỉ hoài công để chứng tỏ sự hiện hữu của chính hắn. Quyết định đuổi theo cái mộng và quyết định ném cái mộng đi đều là thái độ can đảm. Hành trình thơ là tuyệt đối, đòi hỏi những cánh bay ngàn dặm.

Thơ Việt Nam đang mở ra, và chờ đợi.

KHẾ IÊM



PHỐ THỊ NGỌC NI

điệu lý hoàng phi

Tặng Q.P.

1.
mảng vui tay níu nhánh đào
rụng hoa xuống mái tóc nào
cúi đầu cái thẹn xa dần
cái còn đứng lại tần ngần ngó theo

2.
phất phơ cái thuở xuân thì
quế thơm trêm má hoàng phi đến giờ
bạn tình như đôi dòng thơ
gói trăm năm lại một tờ thủy chung

PHỐ THỊ NGỌC NI
8.93



KHẾ IÊM

cà phê

Gác mái
Con đò không
Giả dụ vậy

Ẩn dụ lời
Đừng đùa bỡn với ký ức

Nóng nảy

Đã đến lúc phải chôn sống
Cả hơi thở

Tí tách
Giọt cà phê rơi.

ngẫm ra

Con gió trắng
Trói buộc

Đừng tưởng rằng
mọi chuyện đều êm đẹp

Nỗi buồn gắt
Hẳn nhiên

Đánh rơi mất bực bội
Khi đi rong

Ngẫm ra là
Chỉ tại cơn hắt hơi lúc rạng đông.

đêm

Lang thang
Đầu ghềnh cuối bãi

Lảm nhảm
Hôm qua hay hôm nay
Cũng chẳng làm ai phiền hà gì

Khi nào gió lên thì bảo

Đi hái ít nụ hoa về
Cho thơm đêm.

chợ trời

Bụi bặm
Ngổn ngang nắng gió

Thở chút hơi ngày hát cuồng

Nghe ngóng
Phế thải cả

Xao xác, xao xác
Chim muông bay

Coi chừng hoàng hôn
Đóng cửa lại.

KHẾ IÊM



THANH THẢO

liên tưởng của nhà thơ



Liên tưởng của thơ là liên tưởng của trẻ thơ, kiểu như *con sư tử khóc nhè...*

Những cái nhạt nhẽo cũng có thể giết người.

Anh thấy sư tử khóc nhè chưa?

Đôi cánh của tiếng động, con mắt của cơn bão, độ nóng của tia nhìn... những cái đó chỉ là sản phẩm của tưởng tượng.

Thơ bao giờ cũng đi trước trong việc phát hiện những bí ẩn.

Tài năng và trí tuệ là những thứ không nằm trong tem phiếu.

Mi-rây Ma-thiêu âm nhạc ở ánh mắt, âm nhạc ở làn da, âm nhạc ở đôi môi, âm nhạc ở mái tóc, âm nhạc ở tất cả hợp lại, âm nhạc ở nơi không còn tất cả.

Những kiệt tác đều mang tính vũ trụ. Vũ trụ khép hay mở?

Một kiệt tác vừa khép vừa mở. Sự chấm dứt những từ ngữ hữu hạn làm mở ra cái vô cùng của ý nghĩa.

Muốn hay, thường phải hơi liều một chút.

Thà chọn giọt nước mắt nóng còn hơn nụ cười lạnh.

Sung sướng và đau khổ cho những ai có tâm hồn ở làn da.

Bão giật cấp mười ba, cuồn cuộn qua nơi tôi vừa đặt mảnh gỗ đầu tiên cho ngôi nhà.

Tôi đã thấy những cây cổ thụ hàng trăm năm nhào đổ.

Tôi lặng lẽ thu nhặt những miếng phi-brô xi-măng ngôn ngữ là vật chất, nó phải đương đầu với những qui luật của vật chất.

Trước ngôi nhà thơ sẽ không có cơn bão cuối cùng.

Trong cơn bão có những con tàu không thả được neo đã phải rồ máy chạy liên tục, mũi tàu lao tới xuyên ngược hướng bão.

Đó là cách duy nhất để khỏi bị nhấn chìm.

Tôi sẽ lái ngôi nhà nhỏ bé này chạy thẳng vào đời sống, dù ở đó gió cấp không hay bão giật cấp mười ba.

Là kẻ nghèo, tôi không thể liều cho bão xô đổ nhà mình nhưng tránh né, co ro tất sẽ ngã qui nếu Chúa không phù hộ, tôi cầu mong chính cơn bão thẩm định ngôi nhà.

Biển tấp lên bờ những gì?
những vỏ ốc, con đẻ của mặt trời và đáy sâu
những màu gỗ, những thanh kiếm gẫy, những chỉ dẫn bí mật
những lời trăn trối
dấu tích những con tàu
vài chú cá nhỏ làm quà tặng em bé nghèo
những nét vu vơ có lẽ con còng đã viết
mùi bọt bèo tanh mặn
rác rưởi
tôi nghe thời gian thổi vào hốc đá như người ta thổi tù và bằng vỏ ốc
giống như thứ ngôn ngữ đã chết mà vẫn đang phát triển
giống như tiếng kêu trầm không rõ lời.

Rồi tới lúc tôi sẽ nói, bằng cách nào tôi thoát khỏi các nhà thơ uốn éo và các bài thơ uốn éo.

Ta ca ngợi các người, sự trong sáng dại khờ và sự trong sáng không dại khờ. Ta ca ngợi mùi lá cây sau mưa, những vũng nước trên đường, bàn tay nâng đỡ ta và bàn tay vùi dập ta.

Một đứa trẻ sống trong chiều chuộng sẽ trở nên yếu đuối hoặc ích kỷ. Một đứa trẻ sống trong hắt hủi sẽ dễ đa nghi đối phó, tâm hồn luôn dằn vặt.

Buổi sáng những con chim nhỏ tha rác về làm tổ. Những sợi rác óng ánh dưới mỏ chim
buổi chiều hoa phượng nhóm lửa trong thành phố
buổi tối những hành tinh lang thang vô định trên bầu trời.
Tiếng va chạm. Những hạt mưa trên mái tôn. Tiếng bát đĩa.
Người xe đi lại qua tấm kính.
Có những điều không nói được ban ngày
Ban đêm mới nói được
Chúng ta thèm ánh sáng vô cùng
Nhưng thiếu bóng tối thì chết mất
Có nhiều khi ngôn ngữ
Giống một số loài hoa
Chỉ thơm về đêm.

Napoléon chinh phục nửa thế giới. Nhưng F.G. Lorca chẳng hạn chinh phục toàn thế giới. Napoléon kết thúc đời mình ở đảo saint Hélen còn Lorca kết thúc bằng trái tim con người.

Anh trả giá bao nhiêu phiền muộn
Để yêu em như thế anh yêu

đó là sự chinh phục bất chợt của một khoảnh khắc đẹp trời hay xấu trời, mưa hay nắng. Tự nhiên mình nghĩ đến vài dòng thơ ấy, rồi tự nhiên nó ở lại với mình, như sự cư trú không nhà cửa, không hộ khẩu mà không dễ gì trục xuất được.

dù ta thuộc hết đường hết lối
chẳng bao giờ tới được coóc-đu

Thật không chính xác khi gọi nghệ thuật là hành động chinh phục.

Sonata Kreutzer. Cái đẹp phải mạnh. Cái đẹp ngự trị. Sự dịu dàng tìm kiếm tuyệt đối. Hạnh phúc cho ai hiểu rằng âm nhạc chiếm lĩnh thế gian này. Thơ - kẻ tiên tri, kẻ dọn đường cho âm nhạc.

Thơ sẽ đứng gần nhất với âm nhạc. Ta biết số phận của thơ, kẻ bắt đầu giữa con người với vũ trụ, trong khi âm nhạc đi thẳng tới bầu trời. Nhưng có phải vì thế mà thơ sẽ được ân thưởng nhiều hơn do những thiệt thòi đã chịu nhiều hơn.

Như mật ong cứu lại hệ thần kinh đang suy nhược
như mật gấu làm tan máu những vết bầm
như mật mía cất thành rượu nhen trong lòng ngọn lửa
như thánh ca như lời chửi rủa vu vơ ngoài đường
như dòng sông như ống cống thoát nước bẩn trong thành phố
như bánh mì cơm khoai như những trò vô bổ nhất
ánh sáng que diêm cuối cùng em bé nghèo trong truyện Anderson
lời lảm nhảm người điên
sự minh triết các trường ca cổ đại
tia chớp cặp mắt bò say máu giữa đấu trường
hoa hồng hoa huệ hoa tử đinh hương
lời tự thú nhức nhối hay ráo hoảnh
ngôn từ im lặng gào thét thì thầm những chữ những khoảng trắng

Chúng ta sống trong những kiểu nhà xây cất từ thời đại này qua thời đại khác, chúng ta vui buồn khổ đau hạnh phúc trong giới hạn do chính mình tạo nên

khi dựng lại ngôi nhà này tôi biết mình không thể siêu thoát, mình vẫn phải chấp nhận những giới hạn

nhưng nếu chính những giới hạn sẽ ngân vang sẽ im lặng
những giới hạn tỏa lan những vòng sóng
những giới hạn chứng tỏ quả cam là quả cam quả ớt là quả ớt
tôi là tôi bạn là bạn: không có gì giống nhau hơn chúng ta
và cũng không có gì khác nhau hơn chúng ta.

THANH THẢO (Trong nước)
(trích *Từ một đến trăm)*



THANH THẢO

người mãi võ sơn đông

Sơn đông mãi võ giang hồ khách
H.P.Q.

I

Như những chiếc vòng bỗng móc chặt vào nhau
anh đã móc đời mình với hiểm nguy với manh áo chén cơm
với tiếng cười những cặp mắt hân hoan
với nỗi sợ đứng tim từng giây phút

những thanh gỗ xoay tít
âm nhạc vỏ chai đập vào đầu
nổ hàng vạn chấm sao

hãy giữ thăng bằng
vì chúng ta đều đang đi trên giây
hãy rũ bỏ
thật nhẹ mình
vừa tung lên khoảng không những quả bóng màu sặc sỡ
vừa thản nhiên huýt gió

II

Có bao nhiêu con đường dẫn về minh triết
anh đã chọn con đường nguy hiểm nhất
dang tay đi giữa đỉnh cao và vực sâu
nói không ngừng những điều nhàm chán
rồi thốt nhiên im lặng

như thi sĩ anh đã rao bán đức tin dầu cù là
thuốc ban nóng hiệu con bìm bịp
những niềm vui hiếm hoi dễ dãi
những thần dược rẻ hơn tô bún bò
khiến ta bừng tỉnh trước khổ đau

III

lên đường!
là ngọn gió không nhà chen chúc trong toa tàu đen đũi

là trái banh từ bàn chân định mệnh

lên đường!
thành phố bến xe công viên những vồ vập hững hờ cùng một lúc
nụ cười nở giữa những toà nhà lam nham sỏi cát
nụ cười như bông hoa quái ác dính cứng vào miệng anh
chiếc mặt nạ đã hóa thành da thịt

lên đường!

theo bốn mùa xoay chuyển
ghé lại nhiều ga xép
và luôn luôn trễ giờ

THANH THẢO (Trong nước)



NGUYỄN VĨNH LONG

tĩnh vật

Trái cây vàng sám hối
Bên chùm nho tội lỗi
Cách hoa hồng màu hồng
Trên dĩa đời hư không!

lối về

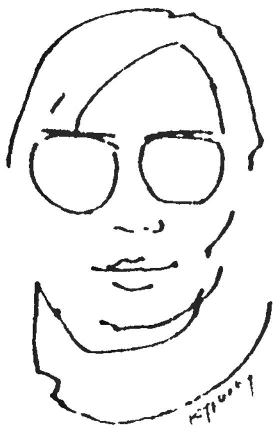
Có những lúc ngỡ mình là Lưu, Nguyễn
Chốn thiên thai ngồi nhớ chén cơm quê
Hương trầm tỏa ngát thơm mùi gốc rạ
Trần thênh thang sao chẳng có lối về...!

NGUYỄN VĨNH LONG



ĐỖ KH.

về thơ, phi cơ



Bài thơ đầu tiên của tôi là:

Cái tàu bay
Trong đám mây hồng
Mày bay vô mây

Bài này ngắn. Năm đó tôi mới lên bốn, chưa đi học, ở nhà chơi trên cái lan can góc đường Trương Minh Giảng, cả ngày ngâm nga cùng với Tư con chị bếp lớn hơn tôi vài tuổi. Trong những xướng họa này, như thấy phi cơ đã chiếm một vị trí vô cùng quan trọng, giữa trời và mây.

Tôi lớn hơn, bớt làm thơ hẳn để... đi học. Thế nhưng, phi cơ vẫn tiếp tục âu a ám ảnh. Phi cơ là du lịch huyền bí, như những tấm ảnh mẹ tôi mang về, kính mát cười, dưới chân chiếc tàu hai đuôi bên Ấn Độ, vào cái dạo mà đi Tây còn mất những ba ngày Constellation vất vả với những chặng nghỉ li kì, Tân Đề Li, Bây Rút. Phi cơ là mơ mộng đến những phương trời xa lạ như ông Bécaud 45 tua trong bài hát:

Ngày chủ nhật
Ta đến (sân) Orly
Nhìn máy bay...

(Như những em bé trường Tây khác, tôi biết đến Orly trước khi biết đến Tân Sơn Nhất, nhưng đây không phải là chỗ để nói về âm hưởng của Thực dân). Vâng, ngày Chủ nhật, tôi ra nhà sách Liên Châu xem những sách Tàu, phản lực F86 *Sabre*, chiến đấu cơ F 104 *Starfighter* siêu âm mấy Mach, phi cơ là hiện đại cơ khí, phi cơ là hiện đại tân kì.

Phi cơ Mĩ. (Nhưng đây không phải là chỗ để nói đến ảnh hưởng của Đế quốc đương trị.)

Một buổi sáng ngày trong tuần, bố tôi vừa lùi xe đến đường, tôi mắt nhắm mắt mở lếch thếch cặp chạy theo thì bị hàng xóm tụ tập trước hè ngăn lại. Bà

nhà kế bên nghếch mắt bảo:

"Cái thì bị hỏng, cái này nó kéo cái kia."

Tôi nhìn lên, tưởng phi cơ cần trục. Người lớn rất lạ, không biết gì, cũng phải làm ra thành thạo. Tôi chẳng thấy cái nào kéo cái nào , hai cái AD4 *Skyraider* nối đuôi nhau trầm bổng thấp cao.

"Nó tập biểu diễn."

Một ông bình phẩm. Dưới cánh (lấp lánh) tôi thấy rõ ràng những cột hỏa tiễn, những cột bom. Tàu này võ trang cẩn thận và nó tập... liệng. Ầm. Mọi người chạy thụt cả vào trong, nhốn nháo. Đảo chánh và, dĩ nhiên, nghỉ học.

Hôm sau, cô tôi solex đến nhà, khoe: "Em thấy quả na-pam nằm trước vườn Tao Đàn, dài bảy thước, may mà nó không nổ." Thật ra, đây là bình xăng phụ được phi công tháo không phải bom, nhưng người lớn... Tôi nhớ, tờ Ngôn Luận số mới ra do cô tôi mang đến, ngoài Bé Ngôn, Bé Luận và Bé Sơn, còn có chuyện tên Phạm Phú Quốc, lúc bị bắt, trong túi còn một gói kẹo hẳn để cho con.

Tôi chấn động, nhưng được có hai ngày nghỉ học, không đủ dịp làm thơ đánh dấu và kỉ niệm. Đến vài năm sau, khi nhân vật này bị bắn rơi lần nữa, tôi nhận được tờ Thế Giới Tự Do của Sở Thông Tin Hoa Kì gửi tặng. (Báo này, tự động gửi đến nhà nhưng trừ tôi ra, không ai buồn đọc). Trên bốn trang hình màu kẹp giữa minh họa bài *"Huyền Sử Ca Một Người Mang Tên Quốc"* của Phạm Duy. Tôi lúc đó, đã tinh vi về mặt truyện hình ném bom mạo hiểm, tôi vẫn đọc Buck Danny liên tiếp. Nhưng Buck Danny không có thơ nhạc kèm theo. (Dân tộc Bỉ, không phải là một dân tộc thi sĩ, bởi thế chỉ có *truyện kể Bỉ* - histoires belges - chứ có ai nghe nói đến thơ Bỉ bao giờ.) Và nhất là, như tên ông ta cho biết, Buck Danny không phải là người Việt Nam: Đặt tên cho anh anh là Quốc

Đặt tên cho anh anh là Quốc
Đặt tên cho người
Đặt tình yêu nước vào nôi

Giờ, phi cơ là phi công, áo mười mấy túi có khoá kéo đầy mình, hiệp sĩ huyền hoặc của thời đại trên cánh những đại bàng bay bổng. Miền Nam bắt đầu có truyền hình (sau sách hình đến truyền hình, Sở Thông Tin Hoa Kì lên cấp.) những anh ca sĩ, bảy giờ chiều, quấn khăn cổ cho ấm giọng, thò đầu ra khỏi lỗ cắt trên phông vẽ hình tàu ngộ nghĩnh ngắn, hò:

Rồi anh bay lên gìn giữ một miền
Rồi anh bay lên đập vỡ bạo quyền...

Làm tôi mê. Phi cơ là phi công, phi công là yêu nước, anh hùng. ("Đi quân dịch là thương nòi giống.") Trên tờ Paris Match, tấm ảnh ông tướng ngồi trong cockpit chiếc B57 *Canberra* chỉ vào nách nơi ông ta vừa bị đạn phòng không "xém" khi oanh tạc miền Bắc trở về làm tôi rùng mình. Eo ôi, ghê, phi công gồ ghề. Miền Bắc (chiến dịch) xa vời, nòng súng (đại bác 20 ly, 30 ly) nhân đạo cứu người lầm than (*"Bao nhiêu chàng trai tay siết mạnh / Cùng hẹn ngày về quê Bắc ơi"*). Tôi vỡ tiếng vào dạo ấy, phi cơ là râu mép, kính mát,

khăn tím Thần-Phong-Hiên-Ngang:

Áo chàng đỏ tựa ráng phá
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in

(Trong một bài về thơ, nếu không trích được Kiều - ở đây không tiện hình ảnh ngựa - Thần phong thì cũng phải Chinh Phụ Ngâm ít ra). Phi cơ ngoài bay bổng còn là bay bướm. Phi cơ ngoài súng ngắn còn là vợ đẹp. Từ li kì Tân Đề Li đến tân kì hiện đại cơ khí, phi cơ giờ giơ nách tự tin như trong quảng cáo thuốc Shure (về sau này) bên Mĩ. Phi cơ giờ... cao kì. (Tôi xin lỗi độc giả ở đây có những cái diễu rất dở nhưng không cách nào im nổi.) Ờ.

*

Năm 67, bố tôi mua cho tôi một con chó. Đó là con chó ta ốm yếu, lông vàng bẩn thỉu nhưng mang đốm lạ lùng khắp người như một con beo. Tôi thấy ngoài chợ trời, đòi bố bằng được, đặt tên cho nó (cầu kì) là con Puma. Chuyện này thì ăn nhập (chó) gì đến thơ, phi cơ và phi công, rồi bạn thấy. Được một tháng, con Puma mất hẳn những cái đốm do người lái (lái chó, không phải lái tàu bay) nhuộm, chắc bằng thuốc tóc Mĩ, dạo đó vừa xuất hiện ở Việt Nam cùng với kẹo sô-cô-la nhân dừa và oanh tạc cơ phản lực siêu âm. Tôi đọc báo (Magazine de Mickey, của cơ sở Walt Disney, không phải của Cơ Quan Thông Tin Hoa Kì) mới biết là không ngờ mình đặt tên lại khéo, loài puma tức beo núi, lúc sanh ra thì có đốm, được vài tháng thì mất hẳn, y như con chó của tôi vậy. Tuy vậy tôi chẳng tránh được cái buồn beo-chó. Chó là chó mà beo là beo, con chó mà tôi tưởng là chó-beo thực ra chỉ là chó-chó (tuy là beo và chó, trong trường hợp puma, đều có đốm và đều có mất.) Tôi buồn nỗi buồn tuổi trẻ (Nỗi buồn tuổi trẻ, ai hiểu?) Cận tết, chị Bảy Bếp (má thằng Tư) đã từ lâu thôi việc bỗng dưng đến thăm gia đình tôi giờ ở Bình Lợi. Tư ở quê không lên, nên thi phú tôi lại không có dịp (tuy tôi giờ đã biết buồn, như vừa nói trên.) Dĩ nhiên là con Puma tôi đã chán nên nhân cơ hội này gửi nó luôn cho Tư để làm quà. Tôi tốt với bạn, gửi cho Tư một con chó vàng thật, không phải một con chó đốm giả. Cái tết đó, là tết Mậu Thân.

Tổng công kích đợt hai, tôi nằm dí bẹp trong căn hầm nổi vừa đắp vội trong đêm, lẩy bẩy nghe tiếng lốc cốc lạ lùng của súng AK. Đến sáng, như kị binh Liên Hiệp Hoa Kì trong phim cao bồi, có sành sạch tiếng trực thăng đến cứu. Tiếng cánh quạt tôi nghe như ríu rít nhạc quân hành của Đệ Thất Kị Binh, Custer, rùng rình những tên lửa 2.75 phân Anh bắn Mọi. Âm chíu, *Hueycobra* lè lưỡi, trời, lạy Chúa, giải thoát, chết mẹ tụi mày, tôi yêu tàu bay.

Tôi thấy nó lượn lượn rất là thơ mộng.

Cái thơ mộng này, một cách lãng mạn trở lại, không phải là cái lãng mạn của những chuyến bay trắc trở tình hè (rực nắng), chia xa nhớp nháp đường mật và sữa đặc.

Tàu bay cánh vươn mịt mùng

Đường bay não nùng...

Phi cơ chơi xa lạ lùng, phi cơ hiện đại máy móc, phi cơ phe ta hào hùng và phi cơ gió-trăng từ-đây-cách-xa-nghìn-trùng tổng hợp lại trong cái thơ mộng vô cùng đã.

Cái thơ mộng đó, một sáng thật sớm miền Nam trời còn chút mát, tôi quần đùi ngồi ăn xôi bắp uống cà phê trong lon thiếc. Ở đằng xa, cây dừa, bụi chuối, ruộng mía lả lơi, nhà tranh lên khói, những cánh đồng vàng ối. Trên cao, trời xanh ngắt lia tia mây ráng, một phi tuần A 7 Dragonfly gầm rít lấp lánh. Tôi quần đùi nón sắt vắt vẻo nóc hầm ngồi. Nhà tranh ngùn ngụt khói. Gió hiu hiu thổi đưa tiếng đài ở đâu lẻo nhẻo "Phước Long ơi, Phước Long ơi..." Giờ tôi đã biết chửi thề quen miệng và làm thơ trở lại.

"ĐM nó, mấy thằng máy bay coi đã chưa."

Rất là đã, ầm ì bom bi. Nhưng tôi không còn ngán những chàng không quân nữa. Tới hồi tôi nghênh ngang, ờ, đồ đen lấm túi, đến khi nhu cầu chiến thuật đòi thì di tản siêu âm, di tản phản lực trước mọi người. Tôi không sợ và tôi cũng chẳng ghen gì, ờ, khăn lụa Ray-ban nhưng ai chẳng biết rằng, trong các thứ lính

Đừng gọi anh là thiên thần mũ đỏ
Cọp Ba Rằn Hắc báo Trường Sơn
Anh là anh lính giữ biên cương
Cho bé đó sáng trưa chiều đi học
(Không nhớ tác giả)

Phụ nữ người ta (mẹ cũng như con) thích nhất là quân nhân y sĩ.

Ngày 30 tháng 4-75 tôi bập bềnh một cách rất hờ hững ngoài khơi Phú Quốc cạnh những bé áo trắng và những bé trường đầm bỏ học. Trên tàu lúc đó chưa có ai kịp ngẫu hứng cầm đàn sáng tác "Sàigòn ơi, Sàigòn ơi..." nên vô cùng (dễ chịu và) yên lặng. Tôi đang gật gưỡng trong cái nắng chói chan của biển Đông bỗng từ đâu, ngang tàu, một chiếc A 6 *Intruder* của hải quân Hoa kì vụt hiện. Chiếc phi cơ bạc trắng, nghiêng đôi cánh ngấp nghé gần đến nỗi tôi nhìn thấy cái liếc của người lái khựng lại trước khi máy bay gầm gừ vụt-mất-về-phía-chân-trời. Khỏi sợ lạc, an toàn, an toàn rồi, tôi nhếch mép (cái cười thời buổi.) Đệ Thất Kị Binh đây Đệ Thất Hạm đội.

*

Những năm về sau, nhọc-nhằn-cuộc-sống-lưu-vong-nơi-xứ-người, tàu bay đối với tôi ít khi nào quyến rũ. Ở bên này, tàu bay không như bên quê nhà những chiều gió lộng khăn choàng cổ em ơi. Tôi lên tàu này, xuống tàu kia mà không thiết, ngủ gật trước màn ảnh, ăn lơ là những bữa nhạt thếch trên khay nhựa và cọ quậy mông thỉnh thoảng để đỡ ẩm ê người trên những chiếc ghế chui rúc của hạng tiết kiệm. Sân bay ở đây đó, dần dà rồi cũng giống nhau hết. DC 10, 747, phi trường, ở nơi nào cũng vậy. Và, nếu có làm thơ thì tôi làm thơ *blasé*. Been there, done that (chỗ này đã đến, trò này đã

chơi), *Déjà-vu*, như người Mĩ nói. Phi cơ trong đời tôi, chỉ là một phương tiện di chuyển không thích thú nhưng cần thiết và ích lợi.

Mùa hè 82, trong đêm lặng như tờ tôi nằm dài trên sàn nghe đài tường thuật bóng đá thế giới. Thỉnh thoảng đến những pha gay cấn mới văng vẳng đâu đó trong thành phố tiếng reo hò phụ họa. Trong nhà đen ngòm. Ngoài đường đen ngòm. Cả thành phố đen ngòm không có điện, trừ một vài nơi may mắn tìm ra xăng chạy máy phát, chớp nháy nhợt nhạt những màn ảnh truyền hình. Tôi theo dõi, thực ra là để cho có chuyện, để cho bớt căng thẳng. Thật ra là để cho đỡ sợ. Bán chung kết, Đức đá với Pháp, huề, gia hạn, vẫn huề, mười giờ đêm, đến đoạn phạt đền, vô cùng hồi hộp, bỗng dưng tôi lặng người. Cái lạnh, rùng mình chạy dọc dài xương sống. Hình như tôi nghe tiếng rù rì tàu bay.

Trong Bây Rút đang bị các lực lượng Ixraen vây hãm. Tôi làm quen trở lại với một hiện tượng đã cũ nhưng lần này dưới một khía cạnh đối với tôi cho đến giờ độc đáo. Đó là phi pháo. Khía cạnh *mới* là họ (không lực Ixraen) phi và họ pháo. Tôi (và cái thành phố công thủ này) nằm hai tay ôm đầu. (Bài này về thơ, nên dù viết xuôi, trong ba câu trên *đáo* vẫn vần với *pháo* vần với *đầu*.) Giữa hành lang của căn nhà ông nhạc ở tầng bốn, có được thêm một tầng che chở ở trên đầu, tứ bề những mấy mặt tường đầy ắp các tủ sách của bố vợ, tôi không sợ đại liên, dĩ nhiên, tôi không sợ đại bác, tôi không sợ cả hỏa tiễn trên những chiếc tuần duyên đang gườm ngoài cửa biển. Bê tông, gạch, xi măng cộng với bằng ấy giấy mực thế nào chả ngăn được miểng. (*Biển* vần với *miểng* ở hai câu vừa rồi.) Nhưng tôi sợ bom, từ những Kfir, Con Ma gớm ghiếc trên trời vần vũ, gầm rú một ngàn cây số giờ dọc ngang thành phố chẳng có đến một cái hỏa tiễn phòng không. Anh phi công gìn-giữ-một-miền ngày nào giờ đột nhiên trở thành tên giặc lái, mặc dù muốn gọi thế nào thì anh cũng vẫn rất oai. Anh là chú tài lai một nửa thần thánh, hoa tay là nhà cửa tan tành như một trò ảo thuật dã man. Anh quá mạnh và tôi ghét. Chẳng phải vì những ông già run rẩy, những phụ nữ yếu đuối và những trẻ thơ vô tội. Cũng không phải vì bá quyền Trung Đông, vì Zion chủ nghĩa. Thây kệ. tôi ghét, vì giản dị, họ vì vèo ở trên và tôi co người nằm dưới, hai tay bịt và hai mắt nhắm lại. Vì tôi thôi, tôi run rẩy, tôi yếu đuối và tôi vô tội (tôi thì tội gì, ngoài tội lấy vợ người ở đây.) Mày giết người, tao không cần nhưng tôi sợ... chết. Đéo mẹ mày, đã những thằng tàu bay.

"Tụi bay rất giỏi" anh bạn Li Băng nói.

"Ai giỏi?" tôi hỏi.

"Mày giỏi, Việt Nam mày, giỏi bắn tàu bay" anh ta chỉ lên trời.

Tôi đỏ một tí mặt, ấp úng một chút nhưng cũng ậm ừ nhận. Chẳng qua, đây là một sự thật, Việt Nam giỏi bắn tàu bay, và sự thật đó, ở đây chỉ có tôi Việt Nam đại diện. Nhân danh những đứa trẻ chăn trâu bị trực thăng lùa, nhân danh những chị công nhân nhà máy tay súng dài nón rạ, tôi hãnh diện.

Ở đây, không có rặng tre, ruộng mạ, con kinh, tôi nhìn quanh, cao ốc xám chập chùng chung quanh những cột khói vươn mình ẻo lả. Giữa một bên Địa Trung Hải mượt mà và những ngọn đồi mềm vàng. Ở tầng mười mấy, trên sân thượng một cao ốc, chổng chơ một ụ đại liên kép ZPV hằn lên nổi giữa nền trời.

"Mày cũng giỏi" tôi ngước đầu "Đứa nào chạy ra sân thượng này bắn vào máy bay đang chúc xuống với cái cặp súng cà tàng phải là anh hùng."

"Ờ" anh bạn ngô nghê cười "Nhưng tao bắn không trúng."

Anh bạn khiêm tốn. Tôi chưa được thấy những bà mẹ nhai trầu bắn rơi Thần Sấm nhưng anh bạn hiền hòa này, trên nóc nhà chơ vơ lách cách 14 ly 5 vào Con Ma đang sà xuống thì nhất định anh hùng. Không trúng, nhưng biết đâu anh chẳng "Xém" nách một tên phi công nào đó, làm thủng bộ đồ bay lắm túi có cả cái để đựng kẹo (dĩ nhiên là kosher) cho con của hắn.

Tôi tặng anh câu thơ kỉ niệm:

Những Con Ma nơi nào cũng vậy
Li Băng, Việt Nam
Những Con Ma trên vùng trời nào
Cũng đều như nhau

*

Tất cả cái chuyện lẩn thẩn về tàu bay và đời tôi lớn, bé cả chó lẫn mèo (lẫn beo) mang ra đây chỉ vì một câu thơ mà tác giả tôi không đích xác nhớ là:

Kìa phi cơ đang sà xuống săn mồi.

Câu thơ này tầm thường, chắc hẳn là chẳng có gì đặc sắc và được làm ra trong thời kì chiến tranh Đông Dương lần thứ nhì (để tránh chữ chữ chiến tranh chống Mĩ) bởi hoặc nhà thơ nổi tiếng Chế Lan Viên hoặc nhà thơ nổi tiếng Tố Hữu.

Bởi ai thì cũng không có gì quan trọng. Việc là, trong một số "Trăm Con" gần đây, nó được Nguyễn Tiến Văn ("Thơ: Tiếng nói Jảioan trên Đường về Zântộc") mang ra (cùng một số thơ dậy lửa khác của hai vị nói trên) để điển hình cái mà ông gọi là thái độ "hiếu chiến ĩinhân" và "trâng tráo đánh đĩ" của những ông quan văn nghệ miền Bắc. Cái trân trọng của tôi với tác giả không kể, bài viết này của Nguyễn Tiến Văn cho tôi hiểu thưởng thức thơ không phải là một nghệ thuật lúc ngồi rồi.

Ở trường hợp này, có lẽ phải "được" ngồi dưới bom nữa, tay cầm súng hay trong những hầm trú ẩn, tám viên đạn Simonov đối diện với 16 tấn tên lửa và bom là điều mà Nguyễn Tiến Văn cũng như tôi có cái may chưa từng phải trải qua, khác với hàng triệu người thưởng thức thơ khác ở Việt nam. Thành thử, cái "phi cơ sà xuống" này, đối với ông, chẳng những tồi, mà còn làm thêm "lợm giọng." Sự kinh tởm thành thật này, tôi có thể thông cảm. Nhưng sự chủ quan thưởng lãm của ông có lẽ vượt giới hạn khi ông mang nó ra so sánh với "thái độ ung dung đối thoại giữa người và người" của một Tô Thùy Yên:

Vì sao người tới đây?

Hỡi gã cộng quân sốt rét, đói.

Sự trân trọng của tôi với nhà thơ không kể, hai câu này chỉ ung dung (cũng)... tồi. Nó chỉ điển hình được cái thái độ ú ớ của một ông (sĩ) quan tâm lí chiến miền Nam, với chính mình không có nổi một câu trả lời nên vớ vẩn vặn hỏi người đối diện. Ta nghĩ sao nếu một Chế Lan Viên (sự trân trọng của tôi với Chế Lan Viên không kể) đặt bút viết:

Vì sao người tới đây?
Hỡi tên xâm lược Mĩ trắng, béo.

Hoặc một Tố Hữu (sự trân trọng của tôi với Tố Hữu không đáng kể):

Vì sao người tới đây?
Hỡi tên lính ngụy no, dễ bảo.
(hay *"khó bảo" cũng được đi*)

Cái trơ trẽn của nó sẽ thành dễ hiểu. Mặc dù, dĩ nhiên là ngoài mặt thi phú, còn có những trơ trẽn khác mà ở đây không tiện bàn, như ai dành độc lập, ai làm tay sai, vì sao hiếu chiến, vì sao nhân bản ("Nòng súng nhân bản"?) và đủ loại vì sao? vì sao vân vân và vân vân khác.

Thơ, rất nhiều khi, chỉ ở góc độ nhìn.

Cũng như phi cơ vậy.

Từ "Huyền Sử Ca" đến cái "đánh đĩ" không mấy xa, cũng một cái máy bay, chỉ tùy vị trí. Bài viết này đã lỡ dành cho toàn những thơ... không hay, tôi bèn nhắc thơ tôi lại:

Những con Ma trên vùng trời nào
Cũng đều như nhau

Có khác, là vị trí của từng người ở dưới với đường bom.

(*Nhắn riêng*: Tư, ở đâu làm ơn cho tao biết tin. Từ từ cũng được, không cần gấp.)

ĐỖ KH.



ĐỖ KH.

tự kiểm

Tôi viết
Tôi không biết

(Không phải là tôi biết
Mà tôi không viết)

(Không phải là tôi không biết
Ờ, ờ...
Mà tôi viết
Vân vân...)

ĐỖ KH.



HOÀNG CẦM

đêm thổ

Cúi lạy mẹ con trở về Kinh Bắc
Chiều xưa giẻ quạt voi lồng

Thân cau cụt vẫy đuôi mèo trắng mốc
Chuồn chuồn khiêng nắng sang sông

Đê mười tám Khúc Văn Giang
Chuông Bách Môn đổ xô gò má
Mây thành thổi lửa
Nẻo Đông Triều khép mở gió Kỳ Lân
Chớp rạch dáng tiên vén xiêm xõa ngủ
thoắt chìm
Gấu đẩy đá Thiên Thai

Đi đâu
trăng mày xếch vòng cung bắn nát chiều mai ráng đỏ
Châu chấu ma vần cổ yếm xây

Không gặp người quen
hờ
ngõ cũ

Đêm xuống
làm lầu hoang
Trò chuyện gì
ai đâu

Mồ tháng giêng mưa sũng
Đầm ca dao sáo diều chiều lịm tím lưng trâu

Bưởi Nga My sao mẹ bắt đèo bòng

HOÀNG CẦM
(Trong nước)



HOÀI HƯƠNG

những tiếng nấc

"Cổ trắng,
vạt thân nâu,
chân mượt vàng, hai tai thẳng nhỏ
bỏ nhà đi từ ngày Hai Mươi Tư tháng Tám
Tên gọi là Ege. Ôi, con mèo tội nghiệp - Cuộc đời tôi!
Ai tìm thấy ở đâu
Xin gấp báo về: địa chỉ..., số telephon..., nơi làm..., nhà ở...
Cám ơn rất nhiều! Xin hậu tạ..."

Tôi gặp hai lần những hàng chữ đó
nơi trang nhất
trên hai tờ báo lớn ở Berlin
Hai lần tôi đẫm lệ
cả thân mình
- cái thân xác phó gởi nơi này
tị nạn!

"Mẹ Việt Nam ơi, Mẹ Việt Nam!
Có khi nào
vọng tới nơi đâu
Người tìm hỏi
hai triệu đứa con lạc của mình
phải đắm biển sâu
hay còn vất vưởng phương nào?"

Những tiếng nấc
Xuyên thủng hai tờ báo lớn ở Berlin
Vừa đăng tải lời kiếm tìm một con chó lạc..

Công viên nhỏ lại
Hoàng hôn về ngang vai...

HOÀI HƯƠNG
Tây Đức 28.8.1991



HOÀNG HƯNG

thơ mới và thơ hôm nay



Cát trắng sông đầy cây ngẩn ngơ
Không gian xao xuyến chuyển sang mùa
Tên mình ai gọi sau vòm lá
Lối cũ em về nay đã thu

Mây trắng bay đi cùng với gió
Lòng như trời biếc lúc nguyên sơ
Đắng cay gửi lại bao lời cũ
Thơ viết đôi dòng theo gió xa

Khắp nẻo dâng đầy hoa cỏ may
Áo em sơ ý cỏ găm đầy
Lời yêu mỏng mảnh như mây khói
Ai biết lòng anh có đổi thay?

Không thể nói gì khác: đây là một bài "thơ mới" trăm phần trăm với giọng điệu tổng hợp từ Huy Cận đến Hàn Mặc Tử. Có điều là nó được viết nửa thế kỷ sau Thơ Mới và là một bài tiêu biểu trong một tập thơ nhận giải thưởng Hội nhà văn Việt gần đây.

Điều đó nói lên gì? Còn quan trọng hơn hiện tương đón nhận nhiệt thành của công chúng đối với Nguyễn Bính, Hàn Mặc Tử... hiện tượng nêu trên khẳng định ảnh hưởng vẫn còn tiếp tục của Thơ Mới đối với đời sống thơ Việt Nam hôm nay, còn cho thấy ảnh hưởng sâu xa của Thơ Mới đối với những người đang làm thơ và và những người đang giữ quyền chính thống đánh giá thơ.

Giải thích thế nào đây?

Có người cho Thơ Mới đã tạo ra một cái chuẩn cho thơ hiện đại Việt Nam, giống như xe Honda hay quần áo Âu phục, những thế hệ sau chỉ có thể thay đổi chút ít về mẫu mã, kiểu dáng mà thôi.

Riêng tôi thì lưu ý nhiều hơn đến hoàn cảnh lịch sử của việc Thơ Mới được khôi phục giá trị. Sau gần nửa thế kỷ dân tộc triền miên trong cuộc mất còn

dẫm máu., đến cái nhà để ở chúng ta còn sẵn sàng phá đi làm công sự, nói gì đến Thơ (đương nhiên tôi ghi nhận trong điều kiện ấy ta vẫn có Thơ, và có Thơ hay, thế là quá giỏi). Nhưng giờ đây, người ta dang nô nức sửa lại nhà cũ, xây thêm nhà mới, và nhà bây giờ không chỉ để ở mà yêu cầu làm đẹp chiếm đến năm *mươi phần trăm giá thành* và *tám mươi phần trăm đầu óc.* Một công trình có mục đích vụ thực vụ lợi là chính mà còn như thế huống chi Thơ. Dĩ nhiên sau khi phục vụ hết mình như một vũ khí, bây giờ Thơ phải trở về đúng nó - dù trở về chậm chạp và lừng khừng. Thơ Mới đón nhận như điểm trở về của Thơ với thơ.

Ý nghĩa quan trọng nhất của Thơ Mới chính là tư tưởng thẩm mỹ mà nó đưa vào văn học Việt Nam. Vâng. Sau hàng ngàn năm bị phong bế bởi tinh thần "văn dĩ tải đạo", lâu lâu mới vùng ra để tạo nên những kiệt tác Hồ Xuân Hương, Kiều, Chinh Phụ Ngâm... lần đầu tiên văn học của ta công khai tuyên ngôn "nghệ thuật vị nghệ thuật". Những khẳng định của Thế Lữ, Xuân Diệu, Hoài Thanh hồi ấy có cái cực đoan ngây thơ và đáng yêu của những người trẻ thấy mình phát hiện ra chân lý mới. Vả lại cái gì dã biến thành tuyên ngôn, khẩu hiệu cũng đều giáo điều và nghèo nàn hơn thực tế. Với thời gian, ta hiểu ra rằng: nghệ thuật nào chả vị nhân sinh theo con đường của nó, miễn rằng nó thực sự là nghệ thuật, càng "vị nghệ thuật" (tức đi sâu khai thác triệt để đặc trưng của nghệ thuật) thì đóng góp của nó cho đời sống càng đích thực. Bởi lẽ đơn giản: xã hội hiện đại là xã hội phân công triệt để. Một thời kỳ quá dài anh nhà thơ của ta đã kiêm nhiệm nhà chính trị, nhà tuyên huấn, nhà giáo, nhà cạo giấy, và cả... nhà buôn. Kiêm ở ngoài đời đã hại, nhưng không hại bằng kiêm trong Thơ. Vậy mà nhiều người đến lúc này tuy dè dặt không dám chất vấn: một bức tranh trừu tượng có ích gì nhỉ, vẫn rất gay gắt đối với những bài thơ mà họ không thấy rõ mục đích thực dụng. Thơ hôm nay về giọng điệu và không gian thể hiện so với Thơ Mới thì phong phú và rộng lớn hơn nhiều, nhưng phải chăng vì óc vụ lợi còn chi phối tinh thần vị *nghệ thuật nên có rất nhiều ý thơ, phác thảo thơ mà còn ít bài thơ toàn bích* có thể đứng lâu dài như một tòa kiến trúc?

Ý nghĩa quan trọng thứ nhì của Thơ Mới là nó đưa thơ Việt Nam hội nhập vào thơ thế giới, dù với hạn chế là chỉ thông qua thơ Pháp và rất khiêm tốn đi ở phía sau khoảng 80 năm.

Càng ngày ta càng thấy rõ nghịch lý này: muốn hiểu hết mình thì phải biết người, muốn khai thác hết tiềm lực dân tộc thì phải được trang bị những công cụ tiên tiến nhất của nhân loại. Không thể không thừa nhận rằng thơ Pháp thế kỷ XIX đã thúc đẩy Huy Cận, Xuân Diệu tìm ra những ý vị lãng mạn của thơ Đường mà suốt một thế kỷ trước đó các vị túc nho đã không cảm nhận nổi mà chỉ nhai cái bã niêm luật nghìn năm. Cũng chính thơ lãng mạn Pháp kích thích người ta cởi bỏ mũ cao áo dài để tìm đến cái tình tứ và hồn nhiên của ca dao.

Nhìn rộng ra ngoài thơ ca càng thấy rõ chính trường Mỹ thuật Đông Dương con đẻ của "Ecole de Paris" đã khuyến khích Nguyễn Phan Chánh

nghiên cứu tranh lụa, Nguyễn Gia Trí đi vào sơn mài và sau này Nguyễn Tư Nghiêm khai thác tranh tượng đình chùa với phương pháp của hội họa hiện đại phương Tây, đã mở ra một giai đoạn huy hoàng của mỹ thuật Việt nam. Tôi luôn luôn tin tưởng rằng Thượng đế sáng tạo ra con người bất kể da trắng da đen, tộc này hay tộc nọ đều có cấu trúc tinh thần giống nhau. Quá trình phát triển nghệ thuật các nước sẽ diễn ra theo một qui luật, quy luật của sự phát triển tư duy, chỉ có nhanh hoặc chậm và với những sắc thái khác nhau. Đối với thơ sau cổ điển là lãng mạn, sau lãng mạn là tượng trưng, sau tượng trưng là siêu thực, sau siêu thực là hiện sinh... đó là những bước đi tự nhiên của con người không ngừng tìm kiếm mình, phát hiện mình và tìm kiếm bản chất của đời sống.

Năm mươi năm qua, do hoàn cảnh lịch sử thơ của ta, mặc dù có những nỗ lực đáng ghi nhận, nhìn chung vẫn bị tách khỏi tiến trình phát triển của thơ thế giới. Tất nhiên những cá nhân kiệt xuất vẫn luôn tìm cách vươn ra nhưng họ rời rạc lẻ loi lắm khi cô độc. Nguyễn Đình Thi đã phải sửa thơ không vần của mình cho vần trở lại. Chế Lan Viên luôn luôn phải dấu một nửa khuôn mặt. Đặng Đình Hưng lặng lẽ sáng tác trong ba mươi năm để chết rồi mới được công bố một tác phẩm đáng coi là hiện đại của thơ Việt Nam nhưng cũng chỉ tìm nổi tri âm trong một thiểu số. Ở đây tôi không nói đến thơ Sàigòn từ 1954 đến 1975 do hoàn cảnh lịch sử đã có điều kiện đi được những bước tiếp tục Thơ Mới trong việc hội nhập với thế giới với Thanh Tâm Tuyền, Bùi Giáng, Nhã Ca, Đỗ Quí Toàn. Một dịp thuận lợi khác chúng ta phải nhìn lại những giá trị và đóng góp của thơ Sàigòn đối với thơ hiện đại Việt Nam. Để chậm việc này thật là đáng tiếc.

Trở lại với Thơ Mới. Đến Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Bích Khê, Xuân Thu Nhã Tập, Thơ Mới đã đi vào quĩ đạo thơ tượng trưng của Âu Mỹ. Với thơ tượng trưng các hình ảnh không còn là để diễn tả cuộc sống bình thường mà là những ký hiệu của đời sống siêu nhiên, những phát lộ về thế giới ám ảnh của giấc mơ. Câu thơ tượng trưng có sức khơi gợi rộng lớn của âm nhạc, lời thơ tượng trưng có sự phong phú của các giác cảm giao hòa. Tất nhiên các nhà thơ Việt nam không triệt để tượng trưng đến thế. Chế Lan Viên còn quá tinh xảo và nhân tạo, Bích Khê còn quá rườm lời và lộ ý. Còn Xuân Thu Nhã Tập theo tôi đã đi lạc đường, muốn đạt đến cái mơ hồ họ lại dùng sự lắt léo của lý trí, họ lẫn lộn sự mù mờ tăm tối mà tiềm thức trực cảm được với sự khó hiểu cầu kỳ phải dùng trí năng để giải thích. Chỉ có Hàn Mặc Tử lê cả tấm thân bệnh hoạn đau thương của mình vào thơ nên nhiều lúc đã vào được cõi hư ảo tâm linh. Và như thế ông phải được coi là người mở đầu của thơ hiện đại đúng nghĩa. Cổ điển là lý trí, lãng mạn là tình cảm thì hiện đại là tâm linh, là vô thức, tiềm thức. Toàn bộ nghệ thuật thế giới thế kỷ XX từ thơ, văn đến kịch, mỹ thuật, âm nhạc đều có sự ngự trị của tâm linh, vô thức. Từ khi Freud phát hiện ra sức mạnh ghê gớm của vô thức, hoạt động sáng tạo cả nghệ thuật lẫn khoa học đã có một bước ngoặt vĩ đại, lần thứ hai loài người hái được quả cấm của thượng đế. Tất nhiên qua nhận thức ấy cũng là quả tội

lỗi. Thiên tài sát liền với thác loạn. Song cái gì mà chẳng có hai mặt. Tránh mặt này e cũng chẳng có luôn mặt kia.

Cái cõi mênh mông tăm tối mà bước chân cuối cùng của Thơ Mới vừa dắt vào, đã lập tức khép lại khi thời cuộc cần tỉnh táo để tranh đấu. Và đến tận bây giờ, với cõi ấy chúng ta vẫn đầy nghi ngại, đầy thành kiến, thiện chí lắm thì cũng chỉ "kính nhi viễn chi " như Hoài Thanh 50 năm trước. Họ có tất cả sự chân thành của Apollinaire:

Chúng tôi không phải kẻ thù của các anh
Chúng tôi muốn đem cho các anh
những miền đất lạ lùng rộng lớn
Nơi sự bí mật nở hoa hiến dâng người muốn hái
Những ngọn lửa mới, những sắc màu chưa ai thấy
Ngàn ảo ảnh khinh không
Mà ta phải biến thành hiện thực

Ý nghĩa thứ ba của Thơ Mới: lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, thế hệ trẻ đồng thanh cất cao giọng khẳng định mình trước sự lỗi thời của già nua thủ cựu. Sức sống tươi mới dài lâu của Thơ Mới là ở đó...

Nhìn vào thơ hôm nay, ta giật mình thấy: những gương mặt chủ đạo của thơ đều là "trung niên thi sĩ", không có ai dưới tuổi ba mươi. Có phải thế hệ trẻ hôm nay đã có những hình thức tự bộc lộ, những con đường thăng hoa khác, hiệu quả hơn nhiều so với Thơ, hay cũng bởi sau năm mươi năm chúng ta đã chắt hết tinh túy của Thơ Mới và bắt đầu nhai đi nhai lại cái bã của nó mà vẫn yên tâm coi đó là chuẩn mực? Những bài thơ sáo rỗng mang cái xác Thơ Mới đang tràn ngập nhiều tờ báo.

Rất có thể trong lớp trẻ hôm nay đang ấp ủ những nhà thơ thực sự của thế hệ họ mà sự già nua của chúng ta đang đè nặng thi đàn chưa cho phép lộ diệm?

Cách đây ba mươi năm, nhà thơ Trần Dần đã tuyên bố: "Chúng ta phải chôn Thơ Mới." Bây giờ ông vẫn nhắc lại khẩu hiệu ấy. Tôi hiểu ý ông theo cách của tôi. Học Thơ Mới thì phải "chôn" Thơ Mới, vì học Thơ Mới là học tinh thần Đổi mới của nó.

HOÀNG HƯNG
(Trong nước)



HOÀNG HƯNG

hai bài thơ không đề

...

Những bậc thang đưa ta lên đâu
Hoa bìm tím, mảng tường trơ thịt gạch
Những bậc thang đưa ta lên đâu
Khói cà phê quán rách.

Nhà đổ lâu rồi
Những bậc thang còn lại
Như còn tiếc những bước chân lên cao
Lên cao mãi.

Lên cao bắt làn khói trắng
Lên cao bắt đàn chim trời
Bắt ngẩn ngơ bắt cơn chóng mặt
Bắt tiếng rầm rào phố phường lên hơi.

Nhà đổ lâu rồi
Những bậc thang còn lại

Những bậc thang đưa ta lên đâu
Trời mù không cánh bay
Những bậc thang sững lại

Lòng phố đứa trẻ buồn ngước mắt.

...

Đường phố hôm nay mùa đông
Sao áo em mùa hạ?

Những sọc áo xanh cuộn sóng
Em mang trên ngực biển đầy

Biển những ngày hè đẹp lắm
Ngày nào tìm biển ta say

Những mùa hạ đã ra đi
Chân trời xa không ngấn nắng

Sao em còn mang áo mỏng
Có còn mùa hạ nữa đâu

Sao em làm lòng ta đau
Nhớ ngọn lửa hè đã tắt

Chắc biển ngoài kia cũng xám
Lạnh co những sóng rộng dài

Ngực em cao làm tức ngực
Hãy chôn dưới lớp áo dày

Đường phố hôm nay mùa đông
Hãy để mùa hè yên nghỉ.

HOÀNG HƯNG
(Trong nước)



NGU YÊN

thi sĩ và thơ



Nhân vật chính trong cõi thơ là thi sĩ. Trời đất sinh thành đã có thơ. Thơ ấy vô hình. Trước một cảnh hữu tình, có người thảng thốt: Cảnh đẹp như thơ. Nghe lời thi vị, có kẻ gật gù: Nói hay như thơ. Những người ấy chỉ mới cảm nhận được thi tính. Phải đợi có thi sĩ, cảnh đẹp mới thành thơ:

Ngày mỏng quá ngày ơi
Sắc xanh là sắc da trời
Mong manh là khói lặng lời là mây.
(Thu Ca - Võ Phiến)

Phải chờ có thi sĩ, ý hay mới nên thơ:

Thế giới có triệu điều không hiểu
Càng hiểu không ra lúc cuối đời
Chẳng sao khi đã nằm trong đất
Đọc ở sao trời sẽ hiểu thôi
(Không Hiểu - Mai Thảo)

Thi tính ở khắp nơi. Cảnh vật, sự việc, ý tưởng đều có thi tính. Thi tính làm lòng người rung động. Thi tính gợi cảm hứng. Thi tính gây ra những phản ứng của tâm tình. Thi tính không những ở trong cái đẹp, cái hay, cái thi vị, mà cả trong cái xấu, cái dở, cái không thi vị. Một phần, vì chẳng có thứ gì xấu mà không có cái đẹp, vì chẳng có điều gì dở mà không có cái hay. Chỉ thấy mặt trước mà không thấy mặt sau, ấy là vì mắt người có giới hạn. Chỉ nghe được bên ngoài mà không nghe được bên trong, ấy là vì lòng người không có lá nhĩ. Phần khác, chính cái xấu, cái dở, tự nó cũng gây nên những xáo trộn trong hồn người. Bất cứ là gió Xuân hoặc gió Đông, hễ có gió thì có sóng. Gió lớn làm sóng lớn. Hễ tâm tình có phản ứng, thì hoặc buồn, hoặc vui, hoặc đau khổ, hoặc khoái trá, hoặc phẫn nộ, hoặc khinh bỉ, hoặc thắc mắc,... Bất

kể ở trạng thái nào, hễ có tài, thì có thể làm thơ. Thơ tình cảm, thơ trí tuệ, thơ tả cảnh, thơ thân phận, thơ thời cuộc, thơ trào phúng, thơ đen, thơ điên, thơ ngông, thơ giập mật, thơ trào máu, thơ cù nèo... Thơ nào cũng có thể hay. Thơ hay không do loại thơ mà do người làm thơ. Ai cũng có thể cảm nhận được thi tính, nhưng thi sĩ là người duy nhất có linh năng biết dùng những thi tính ấy để khai sinh ra thơ.

Rất nhiều học giả đồng ý với nhau rằng: Thơ là một loại văn chương có trình độ cao nhất và cô đọng nhất trong văn học. Suy ra, người sáng tác thơ có một địa vị oai phong. Văn chương là cái gốc của văn hóa, là động cơ của văn minh. Không thể không tin, thi sĩ đóng một vai trò quan trọng trong lịch sử phát triển của nhân loại.

Người ta thường nghe: làm thơ không thành mới viết văn. Viết văn không thành mới viết khảo cứu phê bình. Suy ra, danh vọng của thi sĩ dẫn đầu trong giới sáng tác văn chương. Vược ra khỏi văn chương, danh vọng ấy còn bao trùm cả thời đại và thế kỷ. Muốn chối cãi danh tiếng của thi sĩ Nguyễn Du còn khó hơn là chỉ một cây cổ thụ mà bảo là cỏ dại.

Không tin? Hãy nghe từ bên kia, nhà thông thái Wallace Stevens xác nhận: "Thi sĩ là gạch nối giữa con người và vũ trụ". Denise Levertov còn ví von một cách thi vị: "Thi sĩ là những khí cụ mà huyền lực của thơ dùng để hòa nên âm điệu". Thi hào Czeslaww Milosz trong bài diễn văn đọc khi lãnh giải Nobel văn chương, đã diễn tả khả năng siêu thường của thi sĩ, là "người bay trên cao, nhìn bao quát cả mặt đất, nhưng cùng một lúc, có thể nhìn rõ mặt đất từng chi tiết nhỏ". Không những chỉ rình rập canh chừng để tri hô báo động cho thiên hạ biết những tin lành tin dữ, những cái đẹp cái xấu, những điều hay điều dở., từ bên này, Xuân Diệu còn cho thi sĩ là kẻ bậc nhất phong lưu lãng mạn: "Là thi sĩ nghĩa là ru với gió, mơ theo trăng, và vơ vẩn cùng mây..." Chưa hết, với Nguyễn Tất Nhiên, thi sĩ còn là kẻ ngông nghênh. Sinh ra để làm những chuyện nghiêm trang. "Kẻ biết thế nào là đứng đắn khi đùa giỡn với ngôn ngữ. Đứng đắn khi hiến đời cho thơ. Đứng đắn khi hiến thơ cho đời". Cả Tây lẫn Đông, người tung kẻ hứng, người hô kẻ ứng. Thử hỏi, trên thế gian này, còn có mấy ai hơn được thi sĩ?

Chưa đủ tin? Hãy vào thư viện. Còn có hàng vạn câu nói cao kỳ của trăm ngàn danh nhân, học giả ca tụng người làm thơ. Có người nhận xét rằng: Thánh nhân hoặc anh hùng cũng chỉ được khen ngợi nhiều đến thế là cùng. Lời nói này không đến nỗi khoác lác.

Lấy cái lý thông thường mà xét. Một bác sĩ hành nghề bất cẩn bất chính, sẽ bị treo bằng. Một danh tướng bị đảo chánh có thể trở nên thường dân. Nhưng một người đã trở thành thi sĩ, sẽ không bao giờ bị tước đoạt danh hiệu ấy. Dù không còn làm thơ hoặc làm thơ trái nghịch với ý nghĩa sáng tác, như Tố Hữu, vẫn được nhắc đến như một thi sĩ. Nói cách khác, danh vị thi sĩ khi đã có thì không mất. Có lẽ vì vậy mà thời nào, ở đâu, cũng có lắm thi sĩ. Có người tỉ mỉ so sánh: Nhân số thi sĩ nhiều hơn cả tinh tú trên trời.

Thi sĩ ở khắp nơi. Đi đâu mà không gặp thi sĩ. Ra đường thấy thi sĩ thì

không dám tin những gì đã nghe. Thấy được mặt trước và mặt sau khác nhau, thường sinh sự nghi ngờ. Nghe được bên ngoài và bên trong nghịch nhau, thường gây lòng hoang mang. Không tin không phải vô cớ. Khó mà dám tin một kẻ có nhiệm vụ canh phòng báo động những chuyện quan trọng mà tính khí lại bất thường, mơ nhiều hơn tỉnh. Khó mà dám tin một kẻ đang làm đẹp làm hay cuộc đời chung mà cuộc đời riêng của hắn không có gì hay đẹp. Kẻ không biết lo cho mình, làm sao biết lo cho thiên hạ? Khó mà dám tin một kẻ thường ngày thích tưởng tượng mông lung. Có người xét rằng, thơ lãng mạn tả một con gà trống thành con công. Thơ siêu thực tả con gà trống thành con đại bàng. Đến thơ biểu tượng, con gà trống chỉ còn cái mồng. Qua thơ ấn tượng, con gà hoàn toàn biến mất.

Cái khí cụ để thơ hòa nên âm điệu thường như không mấy hữu ích. Cái gạch nối giữa người và vũ trụ thường như không mấy cần thiết. Không tin là thực tế. Nếu có bay trên không trung và bò sát mặt đất, thường chỉ làm cho thi sĩ tăng thêm vẻ rồ dại. Nếu vớ vẩn ru gió, mơ trăng thường chỉ khiến cho thi sĩ ngớ ngẩn ngô nghê. Còn đứng đắn hiến thơ cho đời thì chắc gì đời đã muốn nhận? Có lẽ vì vậy mà thơ càng ngày càng thừa thãi, thặng dư.

Nghe năm không bằng thấy một. Nghe chuyện xưa, chuyện xa không bằng nhãn tiền. Nghe kể thi sĩ như một nhân vật siêu phàm. Không hiểu đã hiển lộng nơi nào? Hoặc thời ấy đã qua rồi. Hàng ngày thấy thi sĩ thì tầm thường, xoàng xĩnh. Trời cũng có lý do sinh cho con người đôi mắt ở trước và chính diện, còn đôi tai nằm hai bên. Mẹ của hiền nhân Tăng Sâm, nghe đồn con mình phạm tội trọng. Đến lần thứ ba thì bỏ nhà chạy trốn vì sợ vạ lây. Há chẳng phải là người nhẹ dạ ư?

Việc danh vị thi sĩ có mà không mất, được người trào lộng giải thích rằng: Người đời thường chỉ tước đoạt những danh vị có giá trị. Lấy cái lý thông thường mà xét: khi không còn tại chức, người ta vẫn kính nể những danh vị quan trọng. Họ xưng tụng nhau: Cựu Đại Sứ, cựu Dân Biểu, cựu Trung Tướng... Nào có ai xưng là : cựu Thợ Thuyền, cựu Phu Xe, cựu Rửa Chén... Chẳng nghe ai gọi là cựu Thi Sĩ cả. Danh vị Thi Sĩ có đáng gì. Thiên hạ hơi đâu mà cất công phế bỏ. Danh nhân thời xưa đã có an ủi: "Hãy choàng cho thi sĩ một vòng hoa, rồi đuổi ra khỏi thành phố".

Ngay cả trong văn chương hiện nay, văn sĩ, người bạn đồng sàng chia mộng với thi sĩ, cũng đã lấn lướt cả thế lẫn danh. Giới thưởng ngoạn, giới cầm bút, giới xuất bản đều nâng niu văn hơn thơ. Cần gì chứng cớ, cứ xem sách ai in nhiều bán chạy thì biết. Cần gì đếm sách, cứ tự hỏi lòng mình thì rõ. Cái cao nhất và cô đọng nhất của văn học đã thua sút cái dài nhất và rườm rà chi tiết nhất rồi chăng? Thậm chí có kẻ nhận xét: "Thơ dùng để trám vào những chỗ trống, những trang thiếu quảng cáo trong một tờ báo". Hết thời đến như thế ư?

Nói xa rằng: Thi sĩ như tinh tú. Chỉ lấp lánh rạng rỡ trong những đêm trong sáng. Hơn nữa, phải tùy thời. Khi lòng người không rối rắm tơ vò cơm thiếu áo khan, khi mắt người không bận bịu cúi gầm chăm chú dò đường, thì

mới có thể ngước lên nhìn vũ trụ. Cả vạn tinh tú, chỉ có mặt trời, mặt trăng là sáng sủa đáng nhớ đối với nhân gian. Khi người ta không biết có những ngôi sao lớn hơn cả mặt trời, là tại vì người ta kém hay sao mọc quá xa? Trong những ngày tháng âm u, dông tố, những thứ mây đen phủ du, những lũ sương mù mong manh, cũng có thể che kín ánh sao vạn kỷ.

Nói gần rằng: Cọp chết để da. Thi sĩ chết để thơ. Da có đẹp mới được chưng bày ở những nơi cao quí, mới được lưu truyền. Da xấu đành chịu quên lãng ở xó núi hay vực sâu. Thi sĩ là nhân vật siêu phàm hay xoàng xĩnh là tùy vào thơ của mỗi thi sĩ. Thơ dở, thi sĩ có cũng như không. Thơ hay, thi sĩ là gạch nối, là khí cụ, là siêu nhân, là người ôm trăng gió vào lòng, là kẻ đứng dấn hiến đời cho thơ.

Thi sĩ như nhân vật chính trong truyện cổ tích Hoàng Tử Cóc. Từ thuở sinh ra đã đội một lớp da sần sùi, bị người đời ruồng bỏ xa lánh. Trời muốn giao trọng trách cho người nào thì đày đọa thử thách người ấy trước. Cho đến khi nào làm được thơ hay, sẽ như con cóc gặp được phép lạ. Lớp da xấu xí kia sẽ biến mất. Con cóc hóa nên một vị hoàng tử khôi ngô, quyền thế hơn người. Từ lúc làm thơ hay, thi sĩ cóc trở thành thi vương. Không có một thi sĩ nào mà không có một thời như cóc.

Thơ dở, danh vị thi sĩ chỉ tạm thời, lấy lệ. Thơ hay, danh vị ấy trường tồn, chính hiệu. Định như thế chỉ là lý thuyết. Thực tế, người thưởng ngoạn, người phê bình, người làm thơ, đố ai dám khẳng định thế nào là thơ hay?

Hay, không có một định nghĩa toàn vẹn.

Hay, không có một cảm nhận chính xác.

Hay, mỗi người mỗi nhận xét khác nhau.

Hay, mỗi thời mỗi đổi thay, tiến hóa.

Hay này và hay kia có khi như trắng với đen.

Hay trước và hay sau có khi như núi với biển.

Hay trái và hay phải có khi như tướng cướp với thầy tu.

Hay một, hay hai, hay ba... Nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vô cùng. Không có gốc thì không có ngọn, nhưng ngọn thì không phải là gốc.

Hay có thể đồng dạng nhưng khó chung chi tiết.

Hay có thể giống lời nhưng thường khác ý.

Hay có thể quen ý nhưng dễ lạ lòng.

Sẽ không bao giờ có một cái hay mà tất cả mọi người đồng ý. Sẽ không bao giờ có một cái hay mà không bị chê bai. Sẽ không bao giờ có.

Bao giờ cũng có một cái hay tương đối: cái hay của thời gian gạn lọc. Cái hay của văn học sử chọn lựa. Cái hay của một số người có trình độ cao, ca ngợi. Nhưng cái hay tương đối thường do người đời sau thẩm định. Người cùng thời thường chỉ biết rõ cái hay của quá khứ.

Trong thi ca, nếu cái hay hiện tại rập khuôn theo cái hay cũ, là cái hay nhàm. Nhàm quá thành dở. Cái hay hiện tại hoặc đồng dạng, hoặc tiến hóa, hoặc khác mới so với những cái hay đã qua. "Hay khác mới" chính là mấu chốt của sự tiến bộ trong thi ca. Cái hay hiện tại là cái hay khó lường. Đếm

biến có bao nhiêu sóng còn dễ hơn.

Đã là thi sĩ, ai lại không muốn làm thơ cho hay. Mà cái hay đương thời thì vô định. Biết làm sao để lường cái hay? Mỗi thi sĩ đành phải hết sức mình tự định mỗi ý nghĩa và giá trị của cái hay. Chuyện còn lại chỉ có trời mới biết. Khó mà chối cãi được kết luận của Đỗ Phủ: "*Văn chương thiên cổ sự. Đắc thất thốn tâm tri. Tác giả giai thù biệt. Thanh danh khởi lãng thùy" (Văn chương việc ngàn đời. Hay dở lòng biết thôi. Mỗi người mỗi vẻ khác. Tiếng tăm để cho đời)*. Và khó mà biết được cái hay nào, của ai, là cái hay tương đối của tương lai.

Chưa tìm được cái hay, chưa cởi được lớp cóc. Chưa tự định được cái hay mà đã xông xáo, tự hào, gắng phình bụng cho lớn bằng người, coi chừng sẽ nổ tung cái bụng. Chết tươi rồi vẫn chưa hiểu vì sao. Mà hay thì không dễ tìm thấy. Thật là lẩn quẩn. Làm thi sĩ là chơi trò lẩn quẩn. Xưa mai, biết bao nhiêu là thi sĩ vì đi tìm cái hay mà xơ xác cả một đời. Cao ngạo "ba bồ chữ" như Cao Bá Quát mà còn có lúc hởi ơi: "*Ta ngã bế hộ điêu trùng, xỉ khẩu giảo văn tự... Hướng tích văn chương đẳng nhi hý" (Đáng khinh ta làm thơ xó bếp, nhai từng câu từng chữ bo bo... Văn chương nghĩa lý ngày nào, buồn cười như thể trẻ con chơi đùa...* - Tường Vũ Anh Thy dịch)

Đa số thi sĩ thì giống như một linh hồn. Sau khi chết không được lên thiên đàng, than van oán trách. Thượng Đế kêu đến, hỏi rằng: "Người có điều gì bất mãn chăng?" Linh hồn ấy trả lời: "Vâng, thưa Ngài, Ngài sinh cho tôi một trí khôn nhỏ bé, một óc nhận xét có giới hạn, một linh cảm mơ hồ. Làm sao tôi biết rõ cái gì hay, việc gì tốt mà làm. Không được thành thánh ấy là lỗi của Ngài. sao Ngài lại trừng phạt tôi?" Thượng Đế hỏi lại: "Ngươi có biết thế nào là lầm lỗi chăng?" - "Thưa, vâng" - "Ngươi có biết cái gì là xấu chăng?" - "Thưa, vâng" - "Ngươi có biết điều gì là dở chăng?" - "Thưa, vâng." - "Thế thì đủ rồi. Chỉ cần lúc sống ngươi không làm việc xấu, tránh những điều dở, không phạm lỗi lớn, thì ngươi đã vào được thiên đàng. Ấy là lỗi của ngươi.

Giữa hay và dở, dở dễ định hơn hay. Con người vốn từ chỗ dở cố trèo lên chỗ hay. Con người quen biết với cái dở, thường phải tập tành để hay hơn.

Trong thi ca, người ta khó thỏa thuận với nhau về một bài thơ hay, nhưng dễ đồng ý với nhau về một bài thơ dở, hoặc những điểm dở trong bài thơ. Dở không cần nhiều thời gian gạn lọc. Dở không được văn học sử chọn lựa. Dở không có các cao nhân ca ngợi. Có thi sĩ nào muốn tìm tòi, học hỏi những cách làm thơ dở chăng?

Dưới hay là dở. Giữa dở và hay là trung bình. Trung bình có nghĩa luận lý là không hay không dở. Thông thường có nghĩa là hay dở lẫn lộn, hay nhiều hơn dở.

Suy nghĩ, luận tầm cái dở trong thơ tương đối dễ hơn tìm cái hay. Hàng ngày thơ dở xuất hiện nhiều hơn thơ hay. Hàng ngày cao kiến về thơ dở tề chỉnh hơn nhận xét về thơ hay. Chí nhỏ dễ tương phùng hơn là chí lớn. Vô duyên vẫn thường xuyên đối diện hơn là hữu duyên mà thiên lý. Người xấu

không tìm vẫn thấy, người đẹp muốn thấy phải tìm.

Có những cái dở dễ tìm và những cái dở khó tìm. Cái gì khó tìm thì đòi hỏi thời gian và sức tầm tập công phu. Có những cái dở bắt đầu từ quan niệm về thơ. Có những cái dở phát xuất từ lòng tin về thơ. Có những cái dở về nghệ thuật sáng tác. Có những cái dở trong kỹ thuật làm thơ. Cái dở lớn nhất là biết dở mà không sửa đổi.

Tránh xa nhiều cái dở chừng nào, thì tiến gần được cái hay chừng nấy. Người làm thơ chỉ cần tránh phạm những thứ làm cho thơ dở, thì sớm muộn gì cũng đạt đến cái hay. Hoặc có khi hết dở đã tự nhiên hay rồi.

Thi sĩ không cần phải gồng mình cử những bút tạ ngàn cân. Cây bút tầm thường tuy nhẹ, nhưng cầm cho lâu, cho khoái chí, cho thông suốt, đã đủ khó. Có người ngụ ý rằng: Bậc hạ nhân cầm bút nặng nề vì chữ hạn chế ngòi bút. Bậc trung nhân cầm bút nhẹ nhàng, chữ tuôn như nước sông. Bậc cao nhân cầm bút, không còn bút, chỉ có chữ.

Nếu vẫn còn nghi ngờ rằng, tìm cái dở cũng khó như tìm cái hay. Xin hỏi: Tìm vợ xấu dễ hay tìm vợ đẹp dễ? Đây là ví dụ: Một người chọn vợ theo đúng tiêu chuẩn: cao ráo, mắt phượng, mày ngài, mũi cao, miệng nhỏ, môi trái tim, khuôn mặt trái xoan, má lúm đồng tiền, vòng ngực 38, vòng eo 24, vòng mông 36... Đi khắp nơi, tìm khắp chốn. Hai mươi năm ròng, người ấy mới tìm được một thiếu nữ vừa ý. Tưởng từ đây đã tròn trịa ước mong. Sau đêm tân hôn, người ấy mới khám phá ra vợ mình là một thân chủ lớn và thường xuyên của các thẩm mỹ viện chuyên giải phẫu sắc đẹp. Đẹp mà đụng mạnh thì méo. Đẹp mà chạm tức thì sợ vỡ. Đẹp như thế vốn chỉ để chụp hình. Hỡi ơi, hỏng cả một giấc mơ.

Cái dở ví như tóc và cỏ. Tóc không cắt sẽ dài. Cỏ không nhổ sẽ rậm. Tóc có cắt trông mới gọn gàng. Cỏ có nhổ mới trồng được hoa quả. Trước khi sáng tác, tìm thấy những cái dở, ấy là chuẩn bị. Trong khi sáng tác, cảm nhận được cái dở, ấy là tự chế. Sau khi sáng tác, sửa chữa những cái dở, ấy là hoàn tất. Có chuẩn bị công phu và thấu đáo thì tự chế mới tự nhiên và biến hóa. Bậc trí giả khi chuẩn bị việc gì thì thấy rộng nghĩ xa nên kết quả thường có chỗ hơn người.

Thi sĩ đúng nghĩa là người làm thơ hay, nhưng trước hết phải là người làm thơ không dở.

Người ta không chỉ phân biệt thi sĩ tạm vị và thi sĩ trường vị. Người ta còn phân biệt thi sĩ lớn và thi sĩ nhỏ.

Thi sĩ lớn là người làm thơ hay hơn những người làm thơ hay. Cái hay của thi sĩ lớn khác với cái hay lớn trong quá khứ, bao trùm và vượt lên cái hay đương thời, thành cái hay trường tồn trong tương lai.

Cái hay của các thi sĩ lớn không giống nhau. Mỗi người, mỗi vẻ, mỗi độc đáo, mỗi hay riêng. Nếu một dòng thi ca chỉ có toàn những đại thi hào như Nguyễn Du, thì nền thi ca ấy thoái bộ. Đem cái hay của mình núp dưới bóng cái hay của tiền nhân. Đấy là bản lãnh của các thi sĩ nhỏ. Thi sĩ lớn khâm phục chào tiền nhân rồi đường ai nấy đi. Vượt khác được cái hay của tiền

nhân mà vẫn hay. Đấy là sự tiến bộ.

Đương thời, cái hay của một thi sĩ lớn gói gém được cái hay của thời đại, nhưng lại có những độc đáo riêng tư để vượt lên cao, bay thật xa vào tương lai. Do đó, có người gọi thi sĩ là những nhà tiên tri của nghệ thuật. Thi sĩ lớn thường là những người tạo nên những tiến hóa, những thay đổi trong thơ.

Thi sĩ lớn đương nhiên phải có lượng lẫn phẩm. Mộı bông hoa đẹp không tạo nổi mùa Xuân. Vài trăm viên gạch không xây được ngôi nhà đồ sộ. Ngoại trừ làm thơ hay, nhiều tác phẩm quan trọng, thi sĩ lớn còn có đặc tính thao thức về cái mới. Và có đức dũng cảm dám thí nghiệm những điều đã khám phá.

- Có khi nào mặt đất tròn hay không?

Nếu hiện tại vẫn có người thắc mắc như thế, người ấy quả thật kém văn minh. Nhưng thử đi lui lại mươi thế kỷ trước, khi mọi người đều tin rằng mặt đất là một mặt phẳng nổi trên đại dương thì thắc mắc này là câu hỏi lớn. Kẻ tìm ra câu trả lời là một vĩ nhân.

Sự tiến bộ thường khởi đầu bằng những câu hỏi khó được trả lời. Đa số những thao thức như thế thường bị xem là quái đản. Xét lại lịch sử văn minh, có rất nhiều ý tứ "quái đản" đã giúp cho con người thoát khỏi sự ngu dốt. - Làm thế nào để bay được như chim? - Phi cơ. - Làm thế nào để bơi được như cá? - Tàu ngầm. Lãnh vực nào cũng cần có những câu hỏi "quái đản" như thế. Kể cả thơ. Nếu dò lại tiểu sử và sự nghiệp, đa số các thi sĩ lớn đều có nhiều ý tưởng "quái dị".

Không phải bất cứ thắc mắc "quái đản" nào cũng thành công. Nhưng không có câu hỏi tất không có câu trả lời. Không phải bất cứ thi sĩ nào cứ thắc mắc "quái đản", đều trở thành thi sĩ lớn. Nhưng không có thắc mắc, chắc chắn bộ óc sáng tạo ấy nhỏ.

Thi sĩ lớn thao thức câu hỏi lớn và thắc mắc ấy mới lạ. Câu trả lời có khi mang lại được một không khí tươi mát cho thơ. Có khi làm cho dòng thơ đương thời thêm độc đáo, đậm đà hương sắc. Có khi giải tỏa được những bế tắc của thi ca. Có khi cho thấy thơ không phải là thơ như người ta thường nghĩ.

Thắc mắc như thế không thể là thắc mắc tào lao, lập dị. Câu hỏi chỉ là kết quả của sự âm ỉ thao thức lâu ngày từ bên trong. Vượt qua người khác tuy khó, nhưng không khó bằng tự vượt qua chính mình. Nhận thức được cái dở, cái nhàm, cái bế tắc của bản thân, của thơ, cho thấu triệt, cho nãn lòng. Thời cuộc nhiễu nhương, không gặp minh chúa, không ra làm quan, thì sự hối thúc truy tầm cái mới, cái khác, cái hay hơn, mới trung thực và cháy lửa.

Tiến bộ là cái nhìn từ bên ngoài. Khai tiến là cái nhìn từ bên trong. Nếu hay là yếu tố để thẩm định giá trị của thi sĩ, thì sự thành công của sức khai tiến là mức độ để đo lường chiều cao của thi sĩ. Hay và tiến quan hệ với nhau như bậc thang và khoảng cách giữa hai bậc thang. Thi sĩ từ chỗ thơ hay mà lớn lên để hay hơn nữa. Cây cao thì dân trong một làng đều thấy. Núi cao thì dân trong một tỉnh đều biết. Ngôi sao cao thì cả thế giới đều ngưỡng mộ.

Không cần phải định nghĩa thi sĩ là ai vì không có thơ thì không có thi sĩ. Không có thơ hay thì không thành thi sĩ. Không có mức hay của sức tiến bộ thì thơ ấy không thể vượt thời gian. Nói ngược lại, thi sĩ là người làm thơ, vượt cái dở để tìm đến cái hay, vượt cái hay để hay hơn, và làm thơ với ý thức khai tiến.

Vì khó dám định cái hay, vì cùng một cái tiến bộ mà có người nói tiến có kẻ chê lùi, nên sự khai tiến của mỗi thi sĩ là điểm đáng ghi nhận. Và được thua, hay dở, lòng biết thôi. Danh là phước của trời. Nếu có một thi sĩ sau khi chết, người ta mới khám phá ra thi tài, thì có biết bao nhiêu tài hoa chết tiêu mà không ai biết. Điều gì không thể không xảy ra trong cõi người ta?

Thơ khai tiến về ký hiệu diễn tả:

–
+
X
:
Kết quả là:

Số 0
+ 1
Vẫn là ta

+ em
Ta có hai lần một

Trời rách
Em về thôi Nữ Oa.
(Trời Rách - Viên Linh)

Thơ khai tiến về sự hòa dụng âm điệu, tiết tấu, văn phạm, ngôn ngữ và ẩn ý:

Nó ở đâu ra. Cái nhe răng
Nó ở đâu ra. Cái trợn mắt
Nó ở đâu ra. Cái gầm gừ
Nó ở đâu ra. Móng và vuốt
Chúng ta đã gặp gỡ. Đã hẹn hò
Đã ôm ấp. Đã vuốt ve
Đâu thấy có nó

Chúng ta đã yêu dương. Đã sinh nở
Đã ghen tuông. Đã giận dữ
Đâu thấy có nó

Chúng ta đã sụp đổ. Đã chia lìa
Đã nhắm mắt. Đã tưởng tượng
Đâu thấy có nó

Nó ở đâu ra. Sao nó ra vậy
Cụp nó lại. Dấu nó xuống
Bẻ nó. Chặt nó. Dục nó đi

Khó đấy
Làm cách nào bây giờ
Từ từ. Cẩn thận nhé
Anh hôn em.
(Thơ Tình Kiểu Nguyên Sa - Trần Dạ Từ)

Nó là cái gì? Sao mà dơ vuốt, nhe răng, trợn mắt. Xưa, nó êm ái và lãng mạn, sao bây giờ dữ tợn như thế. Nó là phần nào trong tình yêu? Tình yêu vốn đã không đơn giản. Dù có trừ cộng nhân chia, tính nghĩ như thế nào, vẫn là một. Một mình. Có người đã nói rằng: Yêu nhau là cùng nhìn chung về một hướng. Ở đây, thi sĩ cho rằng: Yêu nhau, mỗi người nhìn về mỗi hướng. Chỉ có yêu mới quan trọng. Không nhất thiết phải cùng nhau chung nhau.

Tiến không chỉ cần thiết cho cá nhân mỗi thi sĩ, còn quan yếu cho mỗi dòng thi ca. Dân tộc nào cũng có thơ hay. Nền thơ ca nào cũng có núi cao và cổ thụ. Nhưng ít cổ thụ thì hiếm gỗ quí, ít núi cao thì hiếm chỗ trèo cao. Một dòng thi ca chảy lờ đờ, chậm chạp, ấy là lỗi của thi sĩ. Gỗ kém, dễ bị mối mọt ăn mòn. Đứng thấp làm sao thấy được xa. Dòng thi ca nào càng tiến bộ càng nhiều cái hay hơn những dòng thi ca khác.

Tiến không phải lúc nào cũng mới, nhưng đa số trường hợp là tìm đến cái mới. Nhắm mắt, bịt tai trước cái mới bây giờ, sao dám cười cổ nhân?

Không xưa lắm, khi ông Nguyễn Trường Tộ đi xuất ngoại trở về, giữa triều đình nhà Nguyễn, báo tin người Tây phương có cái đèn treo ngược. Quan lớn, quan nhỏ, người học rộng, kẻ tài cao, đều lắc đầu quầy quậy nghi ngờ. Làm sao có thể tin khi một cây đuốc treo ngược mà không tắt? Bây giờ thì sao? Ai ai cũng tưng bừng bật đèn. Mấy ai nhớ đuốc. Quyền thế càng cao, càng muốn bảo vệ. Văn hóa càng lâu, càng muốn bảo thủ.

Đuốc và đèn đều là nguồn sáng. Và còn nhiều nguồn sáng khác nữa. Thời nào nguồn nấy. Tùy mỗi chỗ mà dùng nguồn. Mỗi bước tiến, ánh sáng thêm rực rỡ. Thi sĩ là người đi tìm ánh sáng cho thơ. Không phải là người dập tắt ánh sáng. Không phải là người chờ kẻ khác thắp sáng rồi đến đứng ké, soi chung.

Thi sĩ là người như thế.

NGU YÊN



NGU YÊN

ngày 24, tháng 8, năm 1993

Tội nghiệp con mắt
Nhìn mãi môi người
Người cười không thấy
Cặp mắt si tình

Người ngồi bên kia vài tầm tay thôi
Người ngồi bên đây nghìn trùng xa xăm
Thở gió người cười
Nuốt hết từng lời
Muốn nói bằng nhìn đăm đăm
Môi cong vòm trời
Son đỏ tuyệt vời
Hé trắng tinh hàm răng xinh
Đầu lưỡi thơm tho
Nhẹ liếm tim môi
Là liếm say sưa một đời
Người sắp xoay ngang
Nhìn thấy ai đây
Lòng quá hân hoan rộn ràng

Mừng thầm đôi mắt
Chờ đón môi người
Vài tầm tay thôi
Gặp gỡ nhau rồi
Này người chưa quen gọi thầm tên chi
Nhìn thành câu thơ thì thầm yêu đương
Mé trái nửa vòng
Áo trắng sọc hồng có thắt cà vạt xanh đen
Mí mắt cười cười
Ánh sáng dịu dàng
Khóe mắt chờ hẹn trăng sao
Hẹn tối tân hôn
Hẹn sớm bên nhau
Nhìn sát cho yêu tràn tình
Nhìn xéo qua đây
là kẻ vẫy tay

Này nở sao môi lạnh lùng

NGU YÊN



TRẦN NHƯỢC MAI

một thời đã qua

nỗi buồn nào không cớ nhìn tôi đăm đăm
có tiếng nói đuổi theo tôi tới những đường không cùng
từ những dòng sông mờ ảo trí nhớ
tôi nghe mình đang khóc
trong mùi hương dạ lý dịu dàng những giọt sương
dĩ vãng đã không còn tên
tôi đứng trên đôi chân trần truồng đầy vết tích thời hoang sử
anh không đến và phố cũng quạnh hiu
bầy hải âu mang về từ biển cả
mùi vị những chuyến đi xa
ai thổi vào lòng tôi chút khói xanh mùa quê cũ
trí nhớ vàng theo mùa thu
không có tôi không có anh trong một ngày bất động
tôi đau tôi chiều nay lòng biển lặng
trời không gợn mây mà vẫn nhớ
ai vội nghĩ rằng tôi đã quên thời con gái xanh ngời nét bút
chao ơi một thời đã qua
nỗi buồn phơi trong nắng lặng câm

TRẦN NHƯỢC MAI (May, 1993)



KHÁNH TRƯỜNG

chỗ lay-out thừa giấy

Rất cần thiết lấp đầy
những vực tối u mê trong mỗi trái tim người
ví như trang báo này
không bao giờ hoàn tất
nếu dưới một thời đã qua
không có THƠ
để trám!

THƠ!
nhỏ bé vô cùng mà vĩ đại xiết bao.

KHÁNH TRƯỜNG



NGUYỄN TIẾN

thi ca trong thế giới mới can đảm



Nguyễn Tiến qua Đăng Lạt

Chén độc dược mà mấy ngàn năm trước Socrate quả cảm nâng lên miệng uống còn để lại vị đắng chát trong lưỡi Platon, và cho tới nay trong tâm khảm những người làm thơ, mệnh danh thi sĩ. Socrate muốn cải biến xã hội, thi sĩ muốn cải biến cái nhìn trước cuộc đời, trước thân phận, trước mọi khả hữu của ngôn ngữ sáng tạo, đôi bên, kẻ bị hàm oan, người bị đời chối bỏ. Đau xót trước thời đại, Platon hốt nhiên thốt lên: *thi sĩ, bậc thánh nhân (holy individuals)*. Mấy mươi thế kỷ về sau, Mallarmé, thi sĩ tượng trưng Pháp, vào năm mới hai mươi tuổi, lại vinh danh, coi thi ca là linh thiêng nhất trong mọi bộ môn nghệ thuật.

Thi ca, tiếng hé môi đầu tiên của người, trường tồn với lịch sử, mãi xuất hiện như đốm lửa bùng lên trong đêm tối rùng rợn của kiếp phù sinh. Thi ca, bản ngã nhị trùng, từng chặng, đánh thức người dấn vào thời đại mới, vượt qua bên "bức tường thời gian" mà một Ernst Junger đã kỳ vọng, luôn cả Mallarmé, Rimbaud, Rilke, G. Trakl, vv...

Kỳ diệu thay, nói theo hương hồn Trakl, một thiên tài yểu mệnh: *"Thi sĩ ôm hoài bão cùng thế giới lại bị thế giới đẩy lùi tới ngôn ngữ, với tiếng cầu cứu vô vọng."* Ngôn ngữ với hắn là nhà tù không chấn song, kiểu nhà tù mà công trình bằng hồ vữa, gạch đá lại hóa thành cõi cư trú. Nói như Heidegger, cõi cư trú của thi sĩ cũng là cõi cư trú của hữu thể. (Xin nhắc đến sự trùng ngữ thơ mộng, trong cổ ngữ Đức, *bauen* :xây dựng, xuất xứ từ nguyên ngữ *buan còn có nghĩa là chỗ ở, chỗ cư trú.)*

Trong cõi xứ mà mọi tiếng cầu cứu đều vô vọng, thi sĩ ứng phó ra sao?

Hắn giăng mạng lưới đánh bẫy mộng thực giả chân vào tròng ngôn ngữ. Ngôn ngữ đồng vọng với mệnh lệnh thi ca. Nói cách khác, ngôn ngữ tung chiếc tròng giam nhốt những hình danh sắc tướng của đời sống, cuối cùng, tự để rơi chiếc còng đó vào cổ mình. Cho nên, ngôn ngữ một lần nữa, chỉ tự do khi chúng tự giải thoát ra khỏi hạn cuộc mà đời sống an nhiên đặt ra.

Nếu kẻ giáng bút nẩy mực không đủ khả năng phá bỏ hay vượt qua tấm chắn ngôn ngữ, nếu tự vẫn không phải là lối thoát duy nhất khỏi mối trói buộc hiện sinh, thi ca sẽ biến chén độc dược thành chén nhân sâm, phục hồi lại cốt cách cho nghệ thuật. Ý chỉ tối mật của Platon trong câu phán *"thi sĩ, bậc thánh nhân"* cũng là như thế, như thế.

Nói rõ ra, thi ca xóa bỏ biên cương niềm sống, nỗi chết, cho dù nỗi chết, mẫu số chung của mọi loài; xóa bỏ luôn biên cương hạnh phúc khổ đau, nói như Trần Công Tiến, trong *"Heidegger et le nihilisme"*, *nó xé rách sự dị biệt (le déchirement de la différence)*.

Ngôn ngữ chính thức, đích thực của người là ngôn ngữ thi ca. Thi ca nạy bật chữ nghĩa ra khỏi phần mộ của thế giới dường như phân hóa, rời rạc, tĩnh đọng và gióng tiếng chuông đằng hắng cho mỗi chiều nhân loại, kêu gọi chân tính quày quả trở về. Về đâu? Chân tính trở về chân tính, thi ca trở về thi ca, gõ phách cái tiết điệu: hồn ai nấy giữ; nhà ai nấy ở. Thế nhưng, ngôn ngữ, tên thừa sai dàn trải định mệnh mà chính thi sĩ tự lựa chọn, cũng là chiếc cầu nối thế giới thực tại và thế giới tâm thể.

Heidegger, khi diễn thuyết về Nietzsche, năm 1937, nói rằng, mọi triết lý là thi ca tự thân dù vẻ ngoài, triết lý không phải là một loại hình nghệ thuật, mãi tới năm 1957, trong *"The essence of language"*, xác nhận lại điều đó, ông đã nâng thẳng tay địa vị ưu thắng của thi ca trước triết lý.

Heidegger từng đáp lại lời kêu gióng của Husserl: *"Hãy trở về sự thể (the things)"* bằng cách *tư duy lại (denken: re-thinking)* và nghe lại lời gọi nguồn *(andenken)*.

Về lại nguồn, còn có nghĩa về lại chân tâm thuở vô minh chưa hắt bóng. Nhưng vô minh là khí chất của đời sống. Tước bỏ vô minh tức tước bỏ niết bàn, tước bỏ thiên đàng cực lạc và, đời chẳng còn chút lý do gì để sống. Mà đời không còn thì thi ca không còn, thi ca không còn thì đời kết liễu. Bởi vì, đời chính là thi ca: người ở đời như nhà thi sĩ (Holderlin). Thi ca chính là đời: thi sĩ như người ở đời (Kierkegaard). Trù yểm, triệt hạ, khinh miệt thi ca là phần hành của đám hạ nhân.

Làm thơ là cách thế sống bằng bản thể *(existence ontologique)*, là bám lấy vô minh mà vẫn không ngơi dòn dã trở về nguồn, trở về chân tâm, nên bước chân thi sĩ dù là những bước hẫng hụt, vẫn bước, bước và trầm ẩm đời như Rilke, con ong hút mật vô hình *(invisible bee)*, như chàng Tantale thần thoại, quẫy lộn mình trong nỗi khát khao bất tận. Và lúc đó thời gian, với thi sĩ, không còn là giòng suối trôi chảy hiền hòa mà tuôn trào dữ dội (*It no longer flows. It gushes,* theo Gaston Bachelard). Hiểu tại sao, Kierkegaard trong *"The concept of irony"* mong mỏi người sống đầy thi tính và Nietzsche nồng cháy muốn thi hóa hữu thể.

Nếu thi ca cùng đời sống kịch hóa thi sĩ thì thi sĩ cũng kịch hóa thi ca, kịch hóa đời sống, nói với tha nhân qua chiếc mặt nạ (chiếc mặt nạ đẻ ra nhân cách: *persona* đẻ ra *personalité*) chỉ vì không thể nhìn đời sống qua lăng kính thường tục mà chuyển hóa nó *(metaphor)* như Nietzsche đã nhận ra. Thi sĩ

đi vào thi ca bằng ngả ẩn dụ như nhãn thức đi vào vật thể bằng ngả võng mô. Dĩ nhiên, chiếc mặt nạ vừa nhắc tới không hề lẫn lộn với chiếc mặt nạ mà đám đông (*la masse*, chữ của Heidegger) mang lên để gạt gẫm nhau.

Thi sĩ có khi hờn lẫy chủ nghĩa, có khi choáng váng bởi chúng, như Wittgenstein đã xét đoán, có khi nhảy tõm vào chân tướng thực tại, buộc thi ca bày cuộc tế lễ linh thiêng cho trời giao hợp đất, người giao hợp người, ngôn ngữ giao hợp ngôn ngữ.

Nhớ lại Mallarmé :*"Thơ không dệt bằng ý mà bằng chữ"*, tiếp ứng bởi W. H.Auden: *"Thiên tài vẫn là kẻ chơi giỡn với chữ nghĩa hơn là muốn tỏ điều."* Tỏ điều gì? Sum la vạn tượng vốn hư huyễn. Mỗi người thơ, mỗi dáng vẻ, riêng tây như dấu chỉ tay. Tỏ điều gì? Thơ không muốn tỏ điều gì mà chỉ phanh phui, thêu dệt chân tính vốn đã ăn chay nằm đất tại đó (*da-sein, être là, being there*). Hãy nghe Goethe khôn khéo phân trần với Eckermann: *"Người sinh ra không phải để giải đáp những vấn đề vượt hạn mà giới hạn mình trong những giải đáp khả thể."* Thi sĩ, như Goethe sẽ không bao giờ sa vào miệng giếng lần thứ hai, như một Thalès de Milet.

Nghệ thuật chung và thi ca riêng là giòng chảy xuôi, thuận lưu nhi hạ, đồng thời là giòng chảy ngược, nghịch lưu nhi thượng. Xuôi, khi thi ca thế thiên hành đạo (xin hiểu đạo theo nghĩa tùy thuận chúng sinh). Ngược, khi thi ca là con trốt thiên thời thổi bật ngửa những giá trị cổ hủ lỗi thời, còn là cơ hội phản tỉnh chính mình, phản tỉnh nghệ thuật.

Hẳn nhiên, nghệ thuật là công trình của người, không phải của thần. Sự can dự của thần chỉ tổ biến thi ca thành tế vật bất ưng. Bởi thế, chỉ khi nào phủ nhận thần thì thi ca mới có lý do xuất sinh, tồn tại. Nói khác, sự hiện hữu của thần sẽ bóp chết thi ca, bóp chết nghệ thuật. Nói theo thể điệu tứ cú của ngài Long Thọ: Thần hiện hữu thì thi ca vắng bóng, thi ca hiện hữu thì thần vắng bóng; thần vắng bóng thì thi ca hiện hữu, thi ca vắng bóng thì thần hiện hữu.

Nói cách dứt điểm, một lần rồi thôi: Thi ca không thể đội trời chung với Thượng đế.

Có thể, sứ mệnh độc lập bi tráng, một mình một ngựa của thi ca sẽ là phần đóng góp lớn vào chủ nghĩa nhân bản mới, vào nhân loại mới, vào thế giới mới sẽ có lắm bất ngờ và cũng đòi hỏi nhiều can đảm,

NGUYỄN TIẾN
San Jose, 7, 1993.



NGUYỄN TIẾN

trầm ẩm

Trầm ẩm hoài, loài ong lút mật
Mùa xôn xao, túy khúc đương thì
Chụm nhấp nháy, tồn sinh, hủy diệt
Bẫy sập tình nhau quánh đáy ly

Búng rãy nổi đời xan bão biển
Mỗi hồ trường thết một thân phao
Sóng cồn bức hiếp, sóng ngời ngợp
Rách máu đêm, đêm lóc vỡ sao

Trầm ẩm mạch rừng hoang hão huyễn
Lộ đóa sầu thiên cổ trổ hoa
Bỗng nức dậy tiếng cười sặc sụa
Nhánh giang hà, cuồng lưu tẽ qua

Hồn xanh rộng, buồm căng tróc nã
Trầm ẩm nguồn chìm đâu, hạ ngươn
Thạch sùng trắng trên nền tường trắng
Ai dâng vương tửu tráo đào nương

Trầm ẩm, trầm ẩm, lại trầm ẩm
Ngồi bệt, trăng thềm hoang đắm xiêu
Bụi rền công hãm đâm tim đá
Vô hình, cười vang mọi lãng phiêu

Trầm ẩm giòng lưu linh ẩn mật
Thẳm sâu lẩn lút một bình minh
Cuống quít lắm, bàn tay đỡ đẻ
Quặn mình hon đỏ, ý sơ sinh

NGUYỄN TIẾN



TRẦM PHỤC KHẮC

đã lâu

Vẫn những tay lao phóng ngược về
Những vòng xe ngược dốc điên mê
Khi em hé cửa mùa chim chết
Tôi ngủ hoàng hôn rợn máu kia

Có thể sông là đôi cánh tay
Trăng còn thơ ấu bấy lâu nay
Và tôi rộng rãi xa xôi mãi
Em vẫn điên nào ai có hay.

ngoài đêm

Kể như nụ cười kia đã tắt
Gã cuồng điên đuổi bắt âm binh

Bình minh ồ đã bình minh
Thì thôi tiến kiếp lưu linh chớ về.

âm

Vỡ tan và không ồn
Vỡ vụn trong bao la
Phố phường xao xác vỡ
Âm thầm đôi chúng ta.

TRẦM PHỤC KHẮC



DIỄM CHÂU

johannes bobrowski



Thoạt kỳ thủy tuồng như không có Lời. Ấy là những sức mạnh của Tự nhiên thô bạo, bất ngờ, ào ạt tới, che lấp tất cả, dìm con người vào thực tại nguyên thủy. Những núi, sông, đất, đá, cát bãi, sò, ốc, chim, cá, cây cối, lau sậy... trong giông bão, ánh sáng, lửa, nước dưới mọi dạng.

Nhưng thoạt kỳ thủy cũng vẫn là Lời. Bởi đã có người thi sĩ, kẻ được ban cho lời. Ấy là một ý thức tìm cách nắm bắt thực tại - trước cả suy nghĩ. Hoà nhập Tự nhiên và Tự nhiên cất tiếng người. Thế nên mới có những"ghi nhanh" vượt thoát mọi phân tích, vượt thót cái Tôi tỉ mẩn của con người, phô bày sự vật bằng cách xưng danh chúng, lặp đi lặp lại, đột ngột, không thứ tự... Nhưng cũng có những kêu cầu, không phải là van xin nài nỉ, cũng không phải những mệnh lệnh truyền khiến mà là những ao ước hòa nhập. Kỹ thuật ở đây cũng chính là nội dung. Và Lời lúc này chính là Tự nhiên đã biến thành rung động. Ở đây nữa cũng chẳng hề có ai thắng ai. Bởi quê hương của Tự nhiên cũng chính là cõi dấu yêu của Người, mọi người.

Tôi hình dung Bobrowski trước những phiền trọc của cuộc đời. Hơn gì hết, Thơ. Không phải như cầu siêu, không phải như một vong thân mới. Những bước ngắn ngủn, rụt rè, vấp váp - ngắt ở những chỗ không ai thường ngắt, như cuộc sống, trúc trắc, khó hiểu. Ngôn ngữ giản lược tới khuyết vắng cả đến những mối nối lô-gich và cú pháp, chỉ còn những danh từ và động từ (thường ở thể phân từ hoặc vị biến cách!); và như thế, hàng nối hàng, ngời lên những từ-ký hiệu, xen lẫn những mẩu, đoạn hoài niệm, kêu gọi người đọc tới chiêm nghiệm và tích cực dự phần. Thơ. Ấy chính là luôn luôn mò mẫm, tìm tòi, đi tới... những dạ khúc, "tình yêu-màu trắng", ánh sáng tìm thấy nơi kẻ khác... Chính Bobrowski cũng đã từng xác nhận cái "thiên chức" của mình là "hoà hợp" các dân tộc mà bao thế kỷ đã đặt vào thế đối nghịch nhau, "là vì tôi đã lớn lên trên cả đôi bờ dòng Niémen, nơi người Ba lan, Lituanie, Nga và Đức đã chung sống..." Dễ thương biết mấy những bài tình ca của bobrowski!

DIỄM CHÂU



DIỄM CHÂU

những tín hiệu

Cuộc đối thoại giữa những người chết bắt đầu
Chúng tôi sử dụng những máy khuếch âm cực mạnh
để có thể tiếp nhận những âm ba nhỏ yếu nhất
từ thế giới bên kia

qua những mùa đông dài dặc
chúng tôi nghe không thiếu những nhiễu âm
có khi chỉ đôi tiếng vo ve từ một ngôi cổ miếu
có khi cả những tiếng đàn hặc từ một triều vua
nhưng trong những đêm hè xanh biếc
những đêm gợi nhớ những đóa hồng nhung
chúng tôi bắt được một âm thanh thật lạ
không phải tiếng hkóc đã quá quen
cũng không phải tiếng cười vay mượn của những mặt nạ
ấy là một làn sóng
dập dồn và dai dẳng
cả những khi bị lấp nghẹn vì gió lá
làn sóng ấy vẫn tiếp tục vẳng tới
đều đặn như một nhạc cụ xưa
hay một mình sinh vật siết trên da cây
trong âm thanh ấy
chúng tôi nghe cả mùi đất đá
đồng cỏ
những dòng sông
lửa rực của những đóa hoa
và đôi khi tiếng nói câm nín của những vuông vải xé vội
phất phơ trên những cành đước
hòa lẫn những bước chân
hay tiếng trống ngực ./.

tiếng kêu

Gởi mn

Có tiếng kêu nào không tới từ xa
có tiếng kêu nào không kể từng tội ác?
nhưng sao đêm nay, tôi nghe tiếng m gần gũi:
hãy viết cho m
hãy gửi thư cho m
đừng quên
đêm nay
tôi vẫn còn nghe tiếng chim chiêm chiếp gọi hè
nhưng hoa phượng
hoa phượng đã nở dưới vực sâu
chúng ta không còn thời gian cho hận thù
và cả đến tiếng khóc ngất
chúng ta chới với gọi nhau
ôi những tiếng kêu có trôi giạt về đâu
giòng hợp lưu nào dưới địa cầu
những trái tim
như mây
(27.6.93)

đốm hương

Tình yêu của một đốm hương rực sáng trước bàn ông Thiện
có soi đủ mặt những đứa con trong đêm tối của Mẹ?

những đoàn tàu

Tôi không sao hiểu được
tại sao lại có những đoàn tàu dài đến thế
những đoàn tàu kéo suốt đêm thâu
những đoàn tàu đi hết đêm này qua đêm khác
những đoàn tàu di chuyển từ mùa đông sang mùa xuân
những đoàn tàu nối tiếp nhau chạy vòng quanh trái đất
chạy vòng quang giấc ngủ và mất ngủ
xuyên qua tiếng chuông khuya
xuyên qua từng giọt giờ đều đặn
không ai còn muốn biết nhịp điệu của thời khắc

khi những đoàn tàu ròng rã ấy đi qua
những đoàn tàu chạy mãi trong tim
như một sợi dây mảnh lần nhưng không đứt
những đoàn tàu không một vòng bánh
không một tiếng còi thét trong đêm
ngay cả khi trái đất im

DIỄM CHÂU



JOHANNES BOBROWSKI
THỦY TRÚC *dịch*

bờ

Những gì còn sống
trong cát lún
dưới những chiếc vây cũng là những chiếc cánh
của những con cá lớn, màu xanh lục
mờ nhạt đi, những cành rong, một lớp bọt biển,
đang lan trên vành trăng,
buổi sáng, khi trăng chìm đắm

Cũng tựa như một lời, không nói,
nghe trong hốc miệng,
trong ớn lạnh của thái dương,
trong tóc. Chúng ta bơi vào bờ,
với đôi tay tái nhợt - tình yêu,
màu trắng.

Vô đi em,
trời lạnh, chiều theo ta
sẽ là rơm, là chăn
bên trên tiếng thở dài, là vách ván
đang lách tách. Giấc ngủ, tiếng thì thầm
nằm bên ta

JOHANNES BOBROWSKI



NGUYỄN HOÀNG NAM

nhảy liền tới đoạn 4 cũng được



1. NHỮNG CHUYỆN RUỒI BU

Trong thời gian gần đây, dư luận bàn nhậu chia thi sĩ Việt kiều ra làm hai phe: phe có vần và phe không vần.

Ai đã dám to gan đưa ra chiêu bài này để chia rẽ hàng ngũ thi sĩ, thi sĩ vốn ưa yêu nước, và chuyện yêu nước ưa liên quan đến chính trị?

Ai? (Ải ải!...ải ải ải...)

Một cây cổ thụ muốn hùng hồn khẳng định lập trường ly khai hẳn với lũ mất gốc, bọn con hoang của văn chương? (Thôi mà anh, thôi mà, mình đều là người di tản buồn với nhau cả thôi. Mình đi kiếm một chai J.D.? Hay Johnny Walker? Tequila nha? Anh thông cảm, cognac không phải là rượu nhậu. Hay thôi, mình đi uống cà phê, OK sir?)

Một Trương Vô Kỵ muốn đạp đổ bàn thờ, cướp cờ súy, giựt le và nhân tiện xưng bá võ lâm? (Ê, ê...Này, này, này...Không phải tôi! Không phải tôi đâu đấy nhé!)

Một agent provocateur của cộng sản? (Ha ha ha ha ha ha, hố hố hố, ha ha ha, cứu tôi với..., hố hố hố, đau bụng quá...,ui ui, ha ha ha, ui ui da, ha ha ha, cứu tôi với...)

Mới nghe qua, người có đầu óc khoẻ mạnh bình thường phải cho những thứ kể trên là chuyện đùa giỡn ba làng.

Nhưng làng văn chương Việt kiều là một loại chế độ, và chế độ không phải là nơi của người có đầu óc khoẻ mạnh bình thường.

Đã có bao nhiêu chuyện được hô hào khét lẹt trên báo. Cãi lộn về giải văn chương, truyện ngắn gì đó trong nước, cãi lộn về quốc ca, quốc kỳ, cãi lộn về trung tâm văn bút, cãi lộn về nơi triển lãm, cãi lộn về chuyện cãi lộn, cãi lộn để cãi lộn, cãi lộn để được cãi lộn.

Trước tình thế nhiễu nhương và bệnh hoạn này, kẻ sĩ phu của thời đại —

như tôi đây — do, vì, và cho văn chương, với lý tưởng phát huy và b...(ý quên, xin lỗi, bảo tồn còn phải xét lại) kho tàng văn hóa của dân tộc, đành rơi lệ ngậm ngùi mượn cảm xúc của P.J. O'Rourke khi viết về thâm thủng ngân sách Mỹ:

What, what the fuck? I mean, what the fucking fuck?

Có trầm kha như budget deficit không? Xin thưa, vâng ạ, rất ư là trầm kha. Thập niên 1980 ếch ngồi đáy giếng tự múa gậy vườn hoang loạn cào cào để lại tệ nạn lạm phát chữ nghĩa khó lòng chữa khỏi. Nhà xuất bản không có trình độ, những người viết phê bình lại bè phái hoặc nịnh hót nhãn hiệu. Vả lại, cần gì nhà xuất bản, ai có vài trăm in sách và vài chục cà phê hủ tiếu là đủ làm nhà văn, nhà thơ, đủ để tự xưng và được gọi bằng bút hiệu trên bàn nhậu, trên bàn nhậu của các buổi ra mắt sách, và nhất là các cuộc họp của— các —trung tâm văn bút (chẳng khác gì bàn nhậu), để lẫm liệt ký bằng bút hiệu, khi tặng sách (cho những người trên bàn nhậu), và vào các kháng thư, nghị quyết, quyết nghị, tuyên cáo. (Ôi, cuộc đời trí thức chỉ có thế? Tôi sẽ gia nhập khi nào trung tâm văn bút ra quyết nghị mỗi năm đi Disneyland một lần, ở đó chụp hình đẹp hơn bàn nhậu nhiều.)

Giữa những nhi nhô mù mịt đó, thi ca, đáng lẽ là nơi để theo dõi những thử thách và tiến bộ mới, đã bị gạt vào bóng tối. Số người làm thơ mới đã quá ít, bao cố gắng của họ còn bị đặt ngang tầm quan trọng với lỗ trống "lời hay ý đẹp" ở một xó trang báo của diễn đàn văn chương.

Trong khi đó, độc giả ngày càng xa lạ hơn với thơ. Báo, tạp chí, nhà xuất bản, tiệm sách đã thuyết phục độc giả đồng nghĩa hóa thơ với rác. Một lý do không nhỏ khác là có quá nhiều bài thơ dở ẹt đã ra đời từ nạn lạm phát chữ nghĩa chung còn kéo dài đến nay.

Thi ca Việt kiều giờ ngày càng bị xem là trò chơi của một thiểu số điên điên khùng khùng — bà con có thể sấp làm thịt nhau vì vần hay không vần.

Đã hết thuốc chữa? Còn một tí hy vọng nào không?

Thuốc dĩ nhiên đắng, và dĩ nhiên phải tự uống rất nhiều. Còn hy vọng lúc nào lại chả thừa. Chỉ có điều, đừng cứ ngồi thừ ra đó mà hy vọng. Uống thuốc đi chứ.

2. CHO RĂNG VÀNG SÁNG CHÓI

Vài tia sáng le lói, nhắc lại, chỉ le lói thôi đấy nhé:

1) Tờ báo này.

2) Thi ca Việt kiều vẫn bỏ xa thi ca trong nước và các thứ văn học và nghệ thuật khác của trong lẫn ngoài nước.

3) Màn ra mắt sách để ăn nhậu và giành microphone đã lỗi thời ở Bolsa.

4) Cuộc bàn luận — và bàn luận và bàn luận, thật ra chỉ mới bàn luận, giống quốc hội Mỹ cái gì không giống, nhưng dù sao có còn hơn không, có còn hơn không — khá nhức nhối về vấn đề ghetto. (Thật ra tôi đã nói về chuyện ốc đảo từ ba bốn năm về trước, nhưng lúc đó chế độ còn mãi bận tung hô nền văn chương nấu cơm thay tả, với khẩu hiệu "Ủa, lạ nhỉ, chúng nó cũng

viết văn nữa à, lạ nhỉ?")

3. CẢM PHIỀN, CHO TÔI TRIẾT LÝ MỘT CHÚT

làm thơ khó bỏ mẹ
(Đỗ Kh.)

Tôi lập lại, *làm thơ khó bỏ mẹ*. Đã làm được thơ rồi, cái quái gì cũng làm được cả.

Thơ là lối thoát, chứ không phải là nghiệp chướng. Thi sĩ tà tà với cuộc đời. Kẻ còn quay cuồng loạn cào cào là vì đã ngu ngốc bố láo trong thơ mình, tự bít lối thoát của mình.

Thơ là một lối sống.

Đó là lý do tôi giữ thơ, dù trước mặt là hai trở ngại lớn: Sự bừa bãi, vòng dốt-nát-sinh-chậm-tiến-chậm-tiến-sinh-dốt-nát của thế hệ trước; và sự xa lánh thơ, bỏ rơi Việt ngữ của thế hệ tôi (ai có từng phải tự giải thích thơ mình bằng hai thứ tiếng mà ghệ vẫn trơ ra như vịt nghe sấm, mới biết thế nào là đêm dài).

4. ĐÂY LÀ ĐOẠN 4, ĐÂY LÀ ĐOẠN 4

Vì vận mệnh thi ca Việt kiều, tôi đã trằn trọc suốt đêm. Mãi gần sáng, vừa chợp mắt thì thấy có một lão già mình mẩy ướt sủng, tự xưng là Lý Bạch, chẳng nói gì thêm, xong cầm kèn saxophone thổi một điệu jazz vô tận. Lý Bạch improvise đã đời, trở lại melody chính, đang thổi một nốt cao và lê thê thì tôi giật mình tỉnh giấc.

Tôi đã nghĩ ra giải pháp. Nghĩa là bài viết này không chỉ la làng rồi hết. Tôi thấy khoái trá và hãnh diện vô cùng.

Phần A

Những biện pháp cấp tốc để cứu vãn thi ca Việt kiều thật ra tương tự như đề nghị đối phó budget deficit của Bill Clinton:

Cắt giảm chi tiêu:

Đừng nhậu và lãnh giấy phạt lái xe say rượu nữa. Thời giờ và tiền bạc nên dành cho ghệ, một nguồn thơ lớn.

Cắt giảm ngân sách quốc phòng:

Đã qua thập niên 1980, đừng lì lợm ăn bám vào loại thơ cứu nước nữa.

Cắt an sinh xã hội, hưu trí:

Thơ dở là tòa soạn cho vào thùng rác, bất kể thơ của quý vị cao niên hay quý vị tên tuổi.

Giảm lạm phát:

Nên gối đầu giường bài thơ *"Tuyên Chiến Với Bọn Giả Hình."* Khổ quá, tự giác giùm, đừng in tiền giả nữa. Đừng khiêu gợi thêm bút-hiệu-sĩ nhảy vào in tiền giả nữa. Có thể bắt đầu bằng cách gọi nhau bằng tên-một-chữ. Gọi bằng nguyên con bút hiệu dễ bị tưởng lầm là Bá Tước, Công Tước, Hoàng Thượng, Đại Sư, Đại Hiệp v.v.

Tăng thuế:

Ra một quyết nghị — sướng nhé — với đầy đủ chữ ký — cực lạc nhé — của tất cả thi sĩ Việt kiều cực lực phản đối sự khinh rẻ thi ca và yêu cầu tất cả nhật báo, tuần báo, lá cải báo, tạp chí, nhà xuất bản phải trả mỗi bài thơ gấp đôi nhuận bút mỗi truyện ngắn. Ráng đấu tranh nhé. Thế nào tôi cũng được mời điều khiển chương trình Thúy Nga Paris. Tiền bạc thương lượng sau, nhưng ít nhất cũng phải gấp đôi, nhớ nhé.

Phần B

Chương trình dài hạn, được tôi đúc kết sau bao năm bị sự tra tấn của hàng loạt những bài thơ dở (một số của chính mình):

1. *Căn bản*

Cần trở về căn bản để luyện công lại, để uyển chuyển, thích ứng khi tung chưởng mới. Mỗi người có một căn bản riêng, nhưng tôi nghĩ ít ai không bắt đầu bằng thơ ghệ. Thơ ghệ căn bản nhất, tương đối dễ hiểu, tạo nhiều ảnh hưởng nhất, và thi sĩ siêng làm nhất. Do đó, thơ ghệ quan trọng nhất.

Đổi mới căn bản thơ ghệ mở rộng những hướng mới cho thi sĩ và độc giả bây giờ, và giải thoát những thế hệ sau khỏi những khuôn mẫu đa số nhập cảng từ Tàu và được tôn thờ một cách vô lý. Nên nhớ: ghệ số một của Việt Nam, Âu Cơ, rất ngon lành, chịu chơi vô cùng, và không theo khuôn mẫu nào cả.

Căn bản thơ ghệ mới phải bỏ những loại ghệ nhãn hiệu mà đến giờ người ta vẫn còn thường lắp đại vào bài thơ chỉ vì thuận tiện:

Ghệ giao liên, em gái hậu phương—Loại ghệ này là lý do giết giặc, nên em không được thọ mấy.

Ghệ pháo đỏ rượu hồng—Loại ghệ này suốt ngày không làm gì cả, ngoài đi lấy chồng. Em chuyên trị chuyện đi lấy chồng, em phải lấy chồng cho bằng được, còn tôi không phải giống chồng, tôi giống khác, bởi vì giống chồng lúc nào nó cũng lạnh lùng với em cả.

Ghệ Trưng Vương khung cửa mùa thu—Loại ghệ này rất ngây thơ, đến độ trung học rồi mà vẫn chưa biết nói, và khoái kiếm chỗ có gió ra đứng cho tà áo bay chơi, nếu không làm sao thi hoa hậu, mẹ đánh đòn chết.

Ghệ trinh nữ—Loại ghệ này không cần giải phẩu thẩm mỹ, em còn trinh mãi nghìn thu, anh đi nhớ giết nhiều thù nha anh.

Ghệ kiêu sa—Tôi rất ghét hai chữ "kiêu sa." Tôi viết ra đây cho bỏ ghét.
Ghệ dáng liễu—Loại ghệ này khoái đứng bờ sông, bờ biển, nhưng không bao giờ nhảy xuống tắm. Nếu trời nóng quá, em mặc áo dài tắm hồ.
Ghệ em gái tinh thần—Phần thể xác để ai?.
Ghệ trả thù dân tộc -- Loại ghệ này hễ nhắc tới là phải nhấn mạnh "tóc vàng mắt xanh," "tính tình đơn sơ khù khờ." Lúc nào cũng sẵn sàng để tác giả ... cưỡng bức, nhưng không bao giờ độc giả biết lý do tại sao. Để tôi đi hỏi Hillary Clinton.
Ghệ ngai cao—Loại ghệ này chân chưa từng chấm đất, tóc là mây, mắt là bầu trời, khuôn mặt là trăng. Thi sĩ học không nổi chương trình phi hành gia, nên cứ thấy em la đà là quỳ mọp xuống lạy.
Ghệ bồ tát—Loại ghệ này tương tự như loại ngai cao, chỉ có thêm phần "yết đế yết đế ba la yết đế" và "tu rị tu rị cẩn trì." Chẳng ai hiểu gì cả.
Tóm lại, những thứ ở trên mới nghe qua có vẻ rất phong phú, rất đẹp, nhưng thật ra rất nghèo nàn vì cùng có một điểm chung: đọc xong cả bài thơ vẫn chẳng biết dung nhan, tính tình con ghệ như thế nào cả. Rất có thể chẳng có ghệ nào cả, tất cả chỉ là lắp ráp cho thành bài.

Vậy kiếm ghệ, biết ghệ trước đã, rồi hãy làm thơ.
Em lỡn cỡn hai chân nhún nhảy / Em vung vẩy xoè hai bàn tay / Em hô hấp đầu ngực phập phồng / Tôi nhớ không / Mắt cá tròn lúc lắc / Như có dầu bên trong / Đẩy đưa em di động / Đẩy đưa tôi di động / Em chân mày rậm em nhiều lông / Mông/ Như hai quả xoài tượng (Đỗ Kh.)

Mười năm tình cũ, mười năm yêu em, tốn chữ quá, nói nhiều quá. Một kỷ niệm đã nói đủ.
Đặt tay vào chỗ không thể đặt / Vậy mà đặt được chẳng làm sao / Mười năm gặp lại trên hè phố / Cười tủm còn thương chỗ đặt nào (Mai Thảo)

Đừng sợ vợ, đừng quên vợ. Vợ cũng là đề tài thơ ghệ vậy. Thơ tắm với vợ, cũng good idea lắm chứ.
Sáng nay / Rạo rực / Tâm tư đầy hương hoa / Đánh thức em / Kể chuyện / Giấc mơ và đàn bà ... / Rủ nhau tắm / Cách nhau bọt xà phòng / Xoa nhau vừa đơm bông / Xoa / Trơn mềm / Xoa / Nhám êm / Bọt vỡ kêu hổn hển / Cảm giác dần lên ... / Mười ngón tay nghệ sĩ / Đàn tình ngân trên da (Ngu Yên)

Ghệ đã có chồng, ờ, đó là chuyện của ghệ. Thi sĩ làm thơ (chứ chẳng lẽ ngồi ngâm *"Hai sắc hoa ti-gôn"* à.)
Giờ em nhảy trên giường trong khách sạn / Em đâu có lấy tiền chồng đi chơi với đàn ông / Em nhún ở trên nệm / Tôi nhìn em bay bổng / Cổ chân em tiến lui / Cổ chân em mía lùi lát nữa tôi nằm gặm / Em uống thuốc ngừa thai thằng chồng em bực lắm / Không cách nào hắn làm em tiết đủ chất nhờn / Thuốc ngừa thai làm trong người em khô khan / Thằng chồng em tối về ôm máy điện

toán / Thằng chồng em tối về đọc Wall Street Journal (Đỗ Kh.)

2. *Kỹ thuật*
Chịu khó đọc sách đi chứ.

3. *Hình ảnh*
Hình ảnh mới nằm trong cuộc đời. Muốn gia nhập cuộc đời, chính thi sĩ phải là một hình ảnh mới. Bộ xương cách trí ngồi phì phèo thuốc lá, râu tóc bù xù, mình mẩy hôi hám, chỉ còn đôi mắt sáng với tia nhìn cương nghị, rũ áo phong sương trên gác trọ là thứ hình ảnh cũ rích rồi. Phật đã dạy chả cần tự hành xác. Thi sĩ chẳng thua và chẳng hơn người đời, cũng khoái ăn ngon, mặc đẹp, chạy xe láng, cũng thể thao, cũng đẹp trai (gái), nhiều triển vọng đóng phim, làm người mẫu, lên bìa băng, bìa báo.

Trong thời đại quảng cáo này, thi sĩ phải là một biểu tượng khoẻ mạnh thì thơ mới hay, mới cạnh tranh nổi với ca sĩ.

Phỏng vấn thi sĩ, đừng hỏi những câu buồn ngủ về triết lý, chân lý, đạo lý, lý tưởng; bộ chưa đọc thơ người ta mà đã phỏng vấn hay sao. Bắt buộc phải tránh những câu hơi theo kiểu *"anh có cảm tưởng gì về nền văn chương hải ngoại"* hoặc *"anh có mơ ước, hoài bão gì cho quê hương"* vì độc giả sẽ vặn nút "who cares" lên và bỏ đi xem ti vi, đi hát karaoke ngay.

Độc giả rất cần biết về biểu tượng của họ. Phải hỏi những câu về sở thích, thói quen hàng ngày, và nhất là đời tư rất phong phú của thi sĩ. Tôi nêu vài thí dụ, *"Superbowl anh cá độ đội nào"*, *"theo anh nhạc Trịnh Công Sơn bài nào dở nhất và tại sao"*, *"anh thích late night show nào nhất"*, *"anh nghĩ gì về sushi và waterbed"*, *"cho biết nơi nguy hiểm nhất và nơi bệnh hoạn nhất mà anh từng làm thơ"*, *"ngủ với ca sĩ có gì phi thường không"*, đại loại như thế. Thi sĩ trả lời cũng sướng và độc giả đọc cũng sướng. Chắc chắn thơ sẽ bán chạy.

5. SECRET WEAPON
Tôi hoàn toàn tin tưởng rằng những điều vừa trình bày sẽ khôi phục niềm tin cho mọi thế hệ thi sĩ Việt kiều để tạo cái mới một cách hãnh diện và khoẻ mạnh. Nếu bẻ tôi rằng tại sao nói nhiều cái *"đừng làm"* hơn cái *"nên làm,"* chẳng phải là tiêu cực lắm ru, thì tôi xin thưa rằng từ ngày dan díu với văn chương Việt kiều đến giờ, trên 90% những gì học hỏi được là những thứ *"không nên làm."*

Ngoài ra, nếu có quý vị nào sau khi theo giải pháp của tôi mà vẫn chưa lên nổi, hoặc giữa chừng thấy mệt mỏi, cần một sự khuyến khích để lên tinh thần, thì lại gần đây tôi nói nhỏ, hứa đừng tiết lộ với ai nhé: cuối bài thơ của quý vị, sau khi ký tên, nhớ đề thêm y hệt câu thần chú này
(Trong nước)
là sẽ được đăng trên *Hợp Lưu* ngay. OK, đủ lên tinh thần chưa?

Tạp bút NGUYỄN HOÀNG NAM



NGUYỄN CHÍ TRUNG

niềm vui hội thoại

Mộng từ đất trích âm u
Thiên tài lá cỏ ngậm ngu ngơ hoài
Con sông nước chảy trăng gài
Mùa đông giòng lạnh trôi dài trong tim
Từ khi từ giã cõi miền
Ấy ôi là lúc mang phiền cho nhau
Ngoài thời là tiếng kêu gào
Dưới giòng dấu kín niềm đau ngậm ngùi
Tỷ như lá cỏ phanh phui
Bên trên mặt đất còn vui điều gì?
Bên trên mặt đất mấy khi
Chiều hè im lặng thầm thì nghe nhau
Bên trên mặt đất ôm ghì
Niềm Vui Hội Thoại một khi xum vầy
Ôi Rừng Ôi Lá Ôi Cây
Nếu không giữ được Lời này thời thôi
Ngõ sâu đêm nặng tu bồi
Cuộc sinh sống đó còn dôi vài điều
Thi Ca mặt trận cô liêu
Ra vào gãy đổ đìu hiu linh hồn

(Thi Ca, Tập 1)
NGUYỄN CHÍ TRUNG



HOÀNG TƯ THIỆN

ngày đứa con hoang trở về

(Trích trường ca Rimbaud)

1.
Ngủ bên bờ một dòng sông
tôi là người ở lại
thân thể tôi trôi nổi bềnh bồng
chân bén rễ những cánh rừng hoang dại
úp mặt buồn sông như cội nguồn
hoi hóp thở buồn tàn đông cuối bãi

2.
Tôi thức dậy một ngày bão tới
khắp sông hồ rộn bước chân qua
muông thú gọi nhau niềm hốt hoảng
đêm buông xuống thấp
đồng hoang
Bầy đá tảng chất chồng vô vọng
suối nguồn cao tiếng nói thật gần
hồi chuông gióng dả ngoài muôn dặm

Tôi chờ đúng đêm nay
khi chỉ còn mặt trời, sự sáng
đêm ôi đêm
đêm mở mắt kẻ tật nguyền
có những vì sao ngậm ngùi làm chứng
hãy sáng lên đóm lệ con tim

cay nồng hơn chung rượu tiễn

3.
Tôi ngước trông mây xám kéo màn
thiên đường xưa đã khuất
còn nghe mình cất tiếng cười vang
nhìn khoảng trời bao la tôi trỏ:
quê hương mày dưới đó

4.
Gió buổi sáng giục tôi xuôi buồm hạ bạn
dòng sông vỗ về hai bên mạn thuyền:
này đứa con vong bản
quê hương mày bên kia
đừng bao giờ trở lại

Nắng buổi chiều bám vai thuyền ngần ngại
nguồn sông còn uốn khúc trong tôi:
có phải đây là chốn nghỉ ngơi
Sao linh hồn mày mọc cánh?

Tôi ngồi xuống và thật đều hơi thở
niềm im lặng dập dồn hai lá phổi.

5.
Nào, bác thợ mộc già nua
hãy xây nhà mình toàn đá sắc
chúng ta cùng khởi công cho kịp lúc
nào chú thợ nề trẻ tuổi ba hoa
hãy dựng nhà lên bằng gỗ mục
xin góp lời dối trá đầu tiên
nếu là người nông phu chân thực
tôi cấy quả tim hồng xuống đất đen
vẫn muôn đời cổ thụ

6.
Giả thử
người tha phương sống sót trở về
lạc loài vườn xưa cảnh cũ
bữa tiệc mừng điểm mặt bà con
khúc hát dâng ngày đoàn tụ

mỉm cười khắp đám đông
tôi nằm ngủ

Kìa ai mắt nhìn đăm đăm
rót bùi tai những lời mật đắng
vườn xưa treo bóng lá chim cành
cổng vẫn khép ngàn năm phẳng lặng
mà lòng mình như phiến thạch trời đêm

7.
Chúc mọi người chuyến đi bình yên
tôi ở lại như dòng sông kia chảy mãi
tẩm dăm ba lần một khúc quên
xót dấu đinh đời trên thánh giá
tôi bẽ cong cánh tay loài rắn dịu mềm
ôm cho tròn đất lửa
bởi có mầm đông trong nỗi hàn tháng hạ
sau cơn hồng thủy cuộc hồi sinh

8.
Đó là giờ những vì sao
mọc im giữa linh hồn quằn quại
một hôm nào
thân thể bỗng căng tròn sự sống
đại dương dạt dào tình thương hôn gò má chiêm bao
trên mặt sóng hằng đêm thao thức

Ngày phấn thông vàng ngõ trước
lửa mơ già hồng cốm theo sau
tâm sự của cây ngàn ru cỏ nội
ôi giờ phút thật ngọt ngào
mời em về mở hội
thay xiêm áo hoang vu trời thần thoại

9.
Trong dòng sống khát khao này
hãy kiên tâm chờ đợi
và xin cùng làm chứng cho tôi.

HOÀNG TƯ THIỆN
(Trong nước)



NGUYỄN CHÂU PHONG *thực hiện*

"nhà thơ trẻ" văn cao với nàng thơ hom hem việt nam



Văn Cao (*ảnh* Nguyễn Hữu. 1, 8, 1993)

Văn Cao nhạc sĩ với Văn cao thi sĩ và họa sĩ. Văn Cao huân chương độc lập hạng nhất với Văn Cao bảy mươi năm rượu đế và vôi hóa cột sống. Dù là gì đi nữa, ông vẫn hiển hiện trước mắt tôi với những *buổi sáng có thực* và ly rượu trắng Hà thành trên tay khi tôi gặp lại ông tại Sài Gòn thời mở cửa. Và, ông vẫn là *nhà thơ trẻ*. Chính tôi đã giới thiệu ông với bạn bè tôi cái "danh hiệu" trên trước lúc cùng ông trao đổi về những cái mới của thơ ca Việt Nam từ 1945 đến nay. Hình như lưng ông bớt chùng xuống và những nếp nhăn giãn ra, sáng lên trên mặt khi bàn về thơ...

■

Theo anh, sau "Thơ Mới" 1930-1945, thơ ca Việt Nam phát triển và có yếu tố khai sáng không?

- Thơ Việt Nam trước 45 đã phát triển với nhiều thành công mà ta đã biết. Còn sau 45, cụ thể hơn là trong thời gian kháng chiến chống Pháp thơ chủ yếu chỉ là sự mò mẩm tìm đường. Cả một chặng cái nổi cộm nhất vẫn chỉ xoay quanh một việc: *thơ có vần hay thơ không vần*. Tác giả tạo nên cơn lốc đó chính là Trần Mai Ninh. Lúc ấy, tôi làm ở báo Văn Nghệ, cùng tham gia một lớp nghiên cứu các bộ môn văn nghệ. Ngô Tất Tố, Nam Cao, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Huy Tưởng... thì nghiên cứu về văn xuôi. Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Nguyên Hồng và tôi... thì nghiên cứu về thơ. Mỗi người tự đặt ra vấn đề để thuyết trình riêng, như Nguyễn Đình Thi có bài *Tìm Đường*, tôi có thơ *Ngoại Ô, Mùa Đông 1946*. Tất cả đều chưa có một nhận định nào hẳn hòi xác đáng. Ví dụ Nam Cao đưa định nghĩa *tiểu thuyết là bịa y như thật*, Trần

Mai Ninh với *Nhớ Máu* cho rằng thơ không vần mới vượt được mọi trở ngại để thơ có thể tự do thỏa chí sáng tạo và phổ biến rộng rãi đến công chúng. Nam Cao không đồng ý với việc thơ không vần và cho rằng *thơ không vần thì khác nào văn xuôi cắt đoạn xuống dòng.* Tại cuộc tranh luận về vấn đề trên do Tố Hữu tổ chức ở Việt Bắc năm 1949, Tố Hữu là "tổng tư lệnh" với Xuân Diệu "tham mưu" cùng các "tác chiến gia" như Hoài Thanh... đã "tổng tấn công" vào thơ không vần. Tố Hữu muốn dẹp ngay thơ không vần. Xuân Diệu thì: *không vần không thể là thơ, thơ không vần không làm cho người ta thuộc được. Không vần làm cho sự liên hệ về tư tưởng bị ngắt quãng, quần chúng không hiểu được. Cần phải quần chúng hóa trong cả sinh hoạt thơ ca.* Nguyễn Đình Thi, Nguyên Hồng, Văn Cao, Nguyễn Huy Tưởng... thì bảo vệ thơ không vần và cho rằng đó là loại thơ quần chúng nhất, nói tiếng nói tự nhiên nhất. Vì thế Nguyễn Đình Thi đã sáng tác bài thơ *Đất Nước* không vần được phổ biến ở Việt Bắc, được thu nhận và có nhiều độc giả mới. Tôi có *Chiếc Xe Xác Qua Phường Dạ Lạc* (Tạp chí *Tiền Phong* 1945) hơi hướng tuy là mới nhưng vẫn có vần. Cũng thời gian ấy Tố Hữu cho ra bài *Bầm Ơi* có vần để đáp lại. Cuộc "chiến" càng quyết liệt, Nguyễn Đình Thi đã phải đầu hàng, sửa lại bài thơ *không vần* thành *có vần* của mình. Tôi và chị Tâm Chung vẫn kiên quyết không đầu hàng. Và cho tới tận hòa bình lập lại, vắt qua năm 56 tham gia *Giai Phẩm*, tôi có *Anh Có Nghe Thấy Không*, Trần Dần có một loạt thơ leo thang kiểu Maiacobski...

Thế ra yếu tố mới nhất trong thời kỳ này vẫn chỉ là một vấn đề ấu trĩ, i tờ của thơ ca nhân loại: vần hay không vần? Và đó là sự phát triển?

- Vâng, thực chất của sự thay đổi chỉ bấy nhiêu đó thôi. Nếu như trước 45 với Hàn Mặc Tử, Bích Khê thì thời gian này Trần Mai Ninh là người có công nhất.

Trong thời gian này anh thích nhất là bài thơ nào?

Từ đầu buổi đến giờ, điếu thuốc trên tay đã tàn nhưng Văn Cao vừa trả lời vừa liên tục gạt một điếu thuốc đã không còn cháy. Cứ như là cái mẩu thuốc kia cùng ông trả lời cho tôi hay:

-Thơ mò mẫm về cái mới nên tôi thấy không có bài nào để lại trong tôi cả. Các nhà thơ khác như anh biết đấy. Huy Cận làm người chính phủ, Xuân Diệu thì sát khí đằng đằng...

Thế giai đoạn sau 1954, trong kháng chiến chống Mỹ?

- Giai đoạn này - ngoại trừ thơ ở miền Nam tôi không được đọc nên không biết - tuy có mới hơn vì lịch sử nhưng thơ vẫn theo dòng kể lể theo kiểu thơ Tố Hữu mà thôi. Thơ thiên về ý tưởng nhiều. Tác giả đáng chú ý nhất trong thời kỳ này là Thanh Thảo. Thanh Thảo là một khác lạ mạnh mẽ của thơ

chúng ta bấy giờ.

Thế Phạm Tiến Duật?
- Thơ vẫn cũ, theo đường ray cũ.

Người ta bảo rằng thơ thời kỳ này là thơ minh họa cho chính trị. Anh nghĩ sao?
- Rất đúng, thơ bị đông cứng lại, nhất là sau khi dẹp *Nhân Văn* thơ càng ngày càng khuôn vào chính trị. Thơ cứ như người bị bệnh chốc chốc lại phải đi khám.

Nhưng một số tác giả vẫn thầm lặng viết tuy không được xuất hiện.
- Số đó, như Hoàng Hưng chẳng hạn, rất ít. Bởi vì đa số bị choáng váng. Ít, nhưng sức mạnh truyền cảm vẫn rung động được nhiều người.

Còn tập "Lá" của anh?
- Tập này chủ yếu tôi làm sau vụ *Nhân Văn*. Tôi làm nhiều nhưng còn họa và nhạc nên không có dịp phát triển sâu hơn về thơ.

Anh nghĩ gì về hiện tượng Đặng Đình Hưng?
- Đặng Đình Hưng tôi cho là một hiện tượng đặc biệt. Anh Hưng gần như không biết gì về thơ cũ nên không bị ảnh hưởng như tôi. Với lại thời gian đó anh làm chính trị, sau đó dính vào *Nhân Văn* do tham gia ý kiến với bạn bè mới đẩy anh vào một tình thế mới. Thời kỳ đó mọi người đều bị đày vào những công việc phi nghệ thuật như dịch sách, dịch triết học... Quay lại bản thân anh Hưng, do không bị tác động ngôn ngữ thơ cũ nên tự mình giải phóng mọi ước lệ cũ.

Anh có thích thơ Đặng Đình Hưng, cụ thể là tập "Bến Lạ" và sắp tới là "Ô Mai"?
- Thích. Tôi giật mình về sự mới lạ này. Đây là một đột phá về ngôn ngữ thơ. Thơ anh Hưng là một dạng tâm thần, hư vô. Lần đầu Hưng đưa cho tôi đọc, tôi cho là nguy hiểm. Nhưng sau này lại được công nhận. Thơ anh Hưng cứ như tranh anh ấy vẽ. Không biết gì về hội họa, vẽ bừa mà thành. Thành hiện tượng phi thường.
Cùng với Đặng Đình Hưng, chảy theo dòng này anh thấy có còn ai?
- Hoàng Hưng!

Ngoài Hoàng Hưng?
- Ngoài Hoàng Hưng không còn ai cả!

Thế Trần Dần, Lê Đạt?
- Tôi không đọc được hết, nhưng tôi thấy các ông ấy chủ yếu dịch thuật.

Thế còn thơ hiện nay, anh thấy có gì mới không? Có tác giả nào anh chú ý?

- Tôi ít đọc, nhưng thỉnh thoảng đọc thơ trên báo *Văn Nghệ* nghe cứ chuồi chuội. Có một vài câu thơ ngồ ngộ vui vui, nhưng không có tư tưởng. Mà con chữ cứ sền sệt xút xít nối đuôi nhau.

Anh có cho rằng nền kinh tế thị trường sẽ làm cho thơ mất thơ?

- Không, tư duy con người và cuộc sống vật chất vẫn có khoảng cách nhất định. Tư duy mãi mãi vẫn là tư duy...

*

... Càng nói, Văn Cao càng hứng, tôi thấy anh đã trở lại trẻ trung mạnh khỏe. Anh châm tiếp một điếu thuốc. Phải chăng thơ Việt Nam đã sang một *điếu* khác. "Xin chị cho anh ấy làm nghệ sĩ", tôi đùa với chị Thúy Băng - người bạn đời chung thủy với trọn vẹn nghĩa đen của từ này - khi chị ngăn không cho anh hút tiếp. "Nhưng ông ấy chết thì sao?"

Tối hôm qua đêm thơ nhạc Văn Cao khai mạc ở quán Nhạc Sĩ đã trả lời hộ phu nhân nghệ sĩ: hàng trăm người yêu Văn Cao đợi chờ từ bảy giờ tới tận hơn chín giờ đêm mới mở màn. Và đêm ấy chỉ có những ai đó chết chứ Văn Cao thì không bao giờ. Nếp nhăn trên mặt anh, tóc trắng trên đầu anh và thơ anh, nhạc anh, họa anh đều vĩnh hằng như biển.

Sài Gòn 8.93

NGUYỄN CHÂU PHONG

(Trong nước)



NAM DAO

đêm ung thư

Đêm ung thư
Bật máu
Vi khuẩn đỏ
Tùm lum
Vi khuẩn đen
Gậm nhấm em
Vi khuẩn mặt lạnh như tiền
Ngồi canh cổng

Mẹ gọi
... không lời thưa.

*

Tội chịu
tôi không yêu bằng tình yêu có tổ chức
Tội chịu
đêm tân hôn vợ tôi chưa xin được hộ khẩu
chuyện ăn nằm đăng ký nơi đâu
Tội chịu
khi dòng sông sinh lực tôi vượt mãi đê em
giờ này đã quá giới nghiêm
dòng sông trôi
không có phép

*

Vi khuẩn hồng
Chớt nhả
Bước tới quay lui
Mở ra đóng lại chập chờn
Trên cánh đồng cuống rạ xác xơ

Vi khuẩn say
Chân đông đá chân tây

Lè nhè chủ nghĩa suốt ngày

Vi khuẩn lở
Thi nhau ùa đến tâm can
Đục nhân nghĩa bằng lời hay ý đẹp
Ý như gió bay
Và lời?... nước trôi sông

Vi khuẩn chuyên việc lập công
Loại sống lâu này đủ màu xanh vàng trắng đỏ
Chạy ra đóng cổng
Cây gậy tầm vông
Giơ cao
Quật xuống

Mẹ quặn mình
Mẹ thất thanh kêu

*

Tội chịu
tôi ước mơ làm chim bay trên cao xa
chơi với gió và bạn bè với nắng
Tội chịu
tôi chẳng thể an tâm phất cờ hô khẩu hiệu
khi áo cơm không đủ, ai dành?
Tội chịu
tôi chẳng thể làm thứ tội đồ
mà không sao biết được tội mình
lúc nào cũng gươm treo trên cổ
lưỡi gươm lạnh
gớm ghiếc
và tanh
Tội gì
Cũng phải chịu!
Tội gì?

*

Đêm ung thư
Mẹ khóc
Nước mắt nhỏ vào ngày mưng mủ
...

Đêm Âu lạc
Mẹ kêu
Âm ba vô vọng
...
Đêm Lạc Việt
Mẹ gào
Núi đỏ sông xanh
...
Đêm vẫn đêm
mẹ gọi thất thanh
Những tế bào trong cơ thể còn lành
Hãy theo hướng tim vẫn đập
Lên đường về phía lời ru

À a à a ơi...

Rồi ra núi đổi sông dời
Gió bay nhưng tiếng à ơi vẫn là...

NAM DAO



NGUYỄN CHÍ HOAN

trong hành lang, lúc ấy...

Bóng tối chở che tháng năm quay lại
lúc ấy, tôi là cậu bé xưa thôi
lúc ấy chàng trai với đóa hoa vàng rực trên môi
lúc ấy góc hành lang hơi ấm tỏa mùi tinh khiết

Có ai đi ngoài kia, ánh đèn vàng nhạt ngoài kia
ai đứng sau cửa kính rèm buông ánh đèn xanh nhạt
bóng tối cũng run như một tiếng thở dài thầm thì như hát

Tôi vẽ bằng tay đường viền trong bóng tối
nói với tiếng thở dài kia một chút thầm thì
lúc ấy bóng tối run như ai vừa chạm đến
từ đáy sâu của lưỡi và răng và mắt thẳm, chìm đi

NGUYỄN CHÍ HOAN
(Trong nước)



NGUYỄN ĐỖ *thực hiện*

thơ với tôi như là hơi thở, như là bài tiết...

(Trao đổi với Thanh Thảo)



Ghi chú hay lời dạo đầu cuộc trao đổi:

Để có cuộc trao đổi này, chúng tôi đã phải làm một cuộc phiêu lưu bằng tàu "chùa" tốc hành ra tận Quảng Ngãi, nơi mà thi sĩ đang an tọa với trọng trách là Tổng thư ký hội Văn Học Nghệ Thuật tỉnh. Cái chức thì to to mà cái ga thì bé bé, vì vậy tàu 42 tiếng không màng đậu, nên chúng tôi phải quay ngược trở lại non 150 kilomet tính từ Đà Nẵng. Mười hai giờ trưa nắng toe toét... bụi Chinh Phụ Ngâm cuồn cuộn bay từ sân vận động Quảng Ngãi, nơi hai đội bóng Khánh Hòa và Công An Hà Nội sắp sửa thi thố tài năng, tràn đến tận nhà nhà thơ. Xẩm tối, chúng tôi mới gặp được anh. Anh cười: "Thằng Khánh Hòa thua, ông Giang Nam cười méo mặt." (Nhà thơ Giang Nam, tác giả bài thơ lừng danh "Quê Hương" hiện đương chức Phó chủ tịch phụ trách Văn Xã tỉnh Kháng Hòa dẫn quân đi thi đấu.) Cuộc trao đổi này với nhà thơ chỉ thực sự diễn ra hai ngày sau đó, khi chính tôi chứ không phải cô chủ quán than "nóng bức thế này uống rượu chi, cha!" trong thơ anh, khi mà Quảng Ngãi đang vang vang cái tin có một ông "xếp" ngân hàng vừa làm Lê Lai cứu chúa ầm ĩ trên báo *"Lao Động Chủ Nhật"*. Chúng tôi bắt đầu với nhau trên... giường.

*

Được biết gần đây anh viết rất nhiều, có phải do đời sống tù quẩn, không biết làm gì nên chỉ làm thơ?

- Có một phần như thế, nhưng thơ đối với tôi là một hoạt động sống, thích thì viết. Còn nếu chạy ngược chạy xuôi, lầm báo hoặc đi buôn thì không còn

thời gian cho thơ. Bản thân đời sống bức xúc đó mới chỉ là tác động bên ngoài. Còn tôi, tôi muốn thể hiện hướng cơ bản của thơ, đi chính vào bản thể người làm thơ mà lâu nay bị người ta từ chối. Và khi như vậy, cũng chính là chống lại hay từ chối ngoại cảnh. Mình thăm dò mình, vào tận nơi đó mới thấy còn nhiều khoảng trống để cày xới và tồn tại.

Liệu cái điều mà anh đang làm có đối lập với thơ truyền thống hay tạm gọi là thơ chính thống xưa nay?

- Thơ xưa đã từng tồn tại một dòng rất lớn, càng đi sâu vào dòng đó dù ngâm ngợi hay ca vịnh vẫn phát hiện được một khoảng trống nào đó. Thơ ta có một thời gian quá dài lấy bên ngoài làm mục tiêu, thơ phản ảnh tấm gương thời đại... hình thức chuyên tả, kể, vịnh. Thơ như vậy rất dễ làm, dễ nhớ, dễ thuộc hay còn gọi là tính đại chúng trong thơ và đại chúng trở thành một thuộc tính quan trọng của thơ. Vì thế người làm thơ chỉ cần một trình độ nhất định về vần, chữ... câu kéo cho suông sẻ, chỉnh chu là được. Anh nào tả, kể cho có duyên là hay, thay cho bút ký, ký sự.

Nhưng chính anh là người đã từng chảy trong dòng đó, vậy bây giờ anh có mâu thuẫn với anh ngày xưa không?

- Đúng thế, thơ tôi trước đây tuy có khác thơ cùng thời ở cái bên trong nhưng nói chung vẫn chảy trong hướng đó.

Anh có quan niệm rằng có hai loại thơ: thơ trữ tình nội tâm và thơ chính trị trong bản thân một nhà thơ không?

- Tôi không phân định rõ, nhưng tôi biết trong nhà thơ bao giờ cũng có hai phần nhà thơ và công dân. Tuy nhiên chính trị trong thơ bây giờ cũng đã khác trước, có thể đã ăn vào máu thậm chí tâm thức nên đây đó vẫn dội lên. Đó là cái chính trị từ bên trong khác biệt với cái chính trị bên ngoài hời hợt. Bây giờ nhiều người hay kêu gọi văn học phải có chữ tâm, nhưng khi hỏi tâm của chính anh thì sờ mãi cũng chẳng thấy đâu.

Nhưng anh có công nhận rằng, cái phần chính trị nọ bao giờ cũng ít hay và đoản thọ hơn cái phần trữ tình nội tâm kia?

- Chính trị dù sao cũng là một không gian hẹp. Những vấn đề mang tính chính trị xã hội thì bản chất xã hội luôn luôn thay đổi và phát triển nên tất yếu tuổi thọ nó sẽ ngắn. Ngắn nhưng cần thiết.

Một số độc giả cho rằng: gần đây thơ anh mặc dầu vẫn mạnh mẽ, sắc sảo nhưng một số bài hay triết lý giáo huấn khô khan, anh có thích cái nhận xét đó?

- Cái gì giáo huấn, triết lý mà người ta thấy là chỗ yếu của thơ. Chỗ không thấy mới là đích thực.

Anh là nhà thơ viết rất nhiều, anh có sợ khi viết nhiều quá không?

- Chả có gì sợ. Thơ với tôi như là thở, như là bài tiết. Không viết là táo bón, cơ thể bài tiết kém sẽ không khoẻ mạnh. Nếu quá nhiều thì lỏng, quá ít thì táo bón. Cả hai đều là bệnh tật, thơ phải là một hoạt động tự nhiên.

Thế nếu người ta đặt hàng anh làm thơ và trả thật nhiều tiền?

- Chơi luôn. Sẵn sàng phục vụ đến nơi đến chốn và sau đó chấm hết. Tiền hết, thơ cũng bay theo. Trước đây nhiều nhà thơ được đặt hàng một cách khéo léo tế nhị và cả một thời họ đã tự huyễn hoặc mình đó là những sản phẩm đích thực có giá trị trường tồn. Đặt hàng không những bằng tiền mà còn bằng máu bằng phỉnh nịnh lừa mị. Vậy tài bằng tiền còn đạo đức chán. Chính vì giá đặt hàng cao như vậy nên nhà nhơ, nghề thơ càng cao giá hơn. Tôi nhớ Rimbô đã từng nói: "Anh hãy tưởng tượng anh là một người mọc đầy mụn cóc trên mặt" hay nói cách khác thơ chính là bệnh tật, của nợ của chính anh, quái dị mà không thể nào dứt bỏ. Vì thế anh hãy để cho những cái mụn cóc của anh đặt hàng chính anh...

... Vừa trao đổi chúng tôi vừa chuyền tay nhau một chút men xứ Quảng. Một chút, thế mà cạn cả một bình rượu tự bao giờ. "Tự bao giờ con Mi mày ghếch mõm vào môi" ngồi đinh ninh trên giường thầm lặng tham gia cuộc hội thảo mi-ni này. Rượu ngấm, chúng tôi tạm dừng. Cuộc trao đổi này được nối lại vào chiều hôm sau tại.. nghĩa trang xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, nơi tôi cùng anh vừa thắp nén nhang cho Người Mẹ. Khói hương lặng lẽ bay. Sườn đồi chênh chếch hoàng hôn. Cỏ xác và đá đen. Cả hai chúng tôi ngồi trên cỏ. Tôi lại hỏi:

Anh có nghĩ rằng đời sống, nhân cách nhà thơ và thơ đồng nhất như người ta thường nghĩ?

- Chỉ lúc ngồi viết anh mới là nhà thơ, lúc đó anh hoàn toàn bỏ rơi tất cả các thứ. Ngoài ra, ngoài phút đó anh có thể khoác tất cả mọi cái như mọi người. Nói rõ hơn, lúc không làm thơ thì anh không phải là nhà thơ. Vì thế không có chuyện một người làm một bài thơ lại cứ mang danh nhà thơ suốt đời.

Anh có nhận xét gì về thơ hiện nay:

- Chẳng có nhận xét gì, nó vẫn đi con đường của nó. Chỉ có điều thơ hay bao giờ cũng khó đọc hơn, ít người đọc hơn.

Nhà văn N.T. bảo "Tôi không tin những người tuổi ngoài bốn mươi còn sáng tác hay" anh thấy thế nào?

- Tôi chỉ nghĩ đến tác phẩm, bất kể tuổi tác nào, thậm chí sáu mươi, bảy mươi tôi thấy thơ họ ngay lớp trẻ chưa chắc gì đã tiếp cận được. Đương nhiên trẻ bao giờ cũng mạnh hơn già nhưng riêng trong thơ chưa thấy rõ sự hơn

hẳn ấy. Thơ là tâm linh nên trẻ hay già nếu tự mình khám phá thì vẫn có thể được. Tất nhiên với điều kiện người già không chạy theo kiểu thơ bút ký. Già mà vẫn có thơ hay đơn cử như Đặng Đình Hưng, Văn Cao... Đó là họ đã đạt đến bản chất của thơ là sự lảm nhảm mập mờ tâm linh, đứt nối... Đó là họ đã không "Tránh phần tối tăm của thơ mà thơ bản thân là soi sáng nhưng thơ phải thăm dò những phần tối tăm như Saint-John-Perse từng phát biểu.

Anh có nhận xét gì về giải thưởng thơ của báo Văn Nghệ hội nhà văn Việt Nam vừa qua?

Nói thật, tôi không để ý lắm, nhưng thơ đã mang chất trường qui (có thi có chấm) nên tôi kính nhi viễn chi.

Nhưng anh đã từng có lúc thi?

Là vì đói khổ phải dự thi, thi thơ về đề tài lâm nghiệp. Tôi nói về cái sự thi như vậy là bởi lẽ: thi là đừng để phạm qui mới đoạt giải. Giải thưởng thơ vẫn là do một ban chấm. Họ chấm có quan điểm của họ, anh có quyền chia sẻ hay không chia sẻ. Chuyện đó bình thường không ảnh hưởng gì đến tôi cả.

Theo anh, người làm thơ có nên gia nhập vào hội Nhà văn không?

Nếu hội Nhà văn có giúp đỡ gì thì nên vào, không thì thôi. Có người rất thích vào hội vì họ nghĩ đó là một danh hiệu sang trọng. Quả là trước đây nó cũng có sang trọng nhưng dần dần nó giảm bớt sự sang trọng đó đi. Có anh thì hội vẫn còn mà không anh thì hội vẫn thế, không ai làm sang trọng cho ai. Thích thì vào không thích thì thôi.

Anh có thích chức "Tổng thư ký" của anh hiện nay?

Có người thích cái chức của tôi. Anh nên hỏi ông Nguyễn Đình Thi và ông Vũ Tú Nam xem họ có thích không. Nếu các ông ấy thích nhiều thì tôi thích vừa, nếu các ông ấy thích vừa thì tôi thích ít. Còn nếu họ bảo "trách nhiệm phải làm" hay "Đảng và dân còn tín nhiệm còn làm" thì tôi cũng thế. Chỉ có khác tôi chức nhỏ hơn nên lương thấp hơn.

Nếu người ta bầu anh làm Tổng thư ký hội Nhà Văn Việt Nam?

Làm ngay, sợ gì! Có điều tôi vẫn ở Quảng Ngãi chứ không đi đâu, vì ra Hà Nội không có nhà ở.

NGUYỄN ĐỖ *thực hiện*



DU TỬ LÊ

ở virginia, đêm

và toàn bò

khép cửa. đi. Hình bóng chẻ đôi
chiếc giằm trong mắt. Lắt con ngươi
nhân gian bày đặt trò chơi nhảm
trí lớn? - Vừa thôi bạn, dở hơi!

và bùi bảo trúc

Khua trên mái cũ. Sầu tân lập
lá đỏ. Cười-khô. Triền tịch liêu
khằn rêu vách đá: chim tiền kiếp
Tiếng gọi nghìn sâu. Tiếng gọi mù.

và đinh cường

hạt đậu. Cầu an. Hồn sóc nâu
nhành hoa thăm thẳm thắp thiên thâu
buồn em xuyên suốt vùng mưa: rối
chim, ngựa, rừng: đau; đá cúi đầu.

và nguyễn đình hùng

núi gọi ta về. Sông viếng thăm
phạt ngang thân thế. rễ đa đoan
em nhan sắc gió: đêm và lá
ta hiểu người ru lời: vô âm.

và ngọc dũng

bất động ngày. trong bất động đêm
tự ta dẹp bỏ chỗ ngồi quen
tự ta phát lạc ta: ly biệt
chỉ giữ cho mình một chấm đen.

và nguyễn văn phán và, j xưa

đâu vó câu tôi? Ngực trái người?
kiệt cùng hơi thở: trắng, tường vôi
con sông hát lạnh đôi bờ, tóc
phơ phất đời sau. Ngọn giáo tôi

và nguyễn mạnh hùng

biển vỗ vai mời: mưa. sốnsang
về như hạt bụi chứa không gian
đêm đêm trang sách: bầy dơi động
thả nốt mùa trăng xuống đáy vườn

và đỗ hùng và, nga xa

tự lột da mình: ta đỏ tươi
góc chiều sóng sánh đậu trên môi
uống hương thơ ấu nghe đời khác
luân tập về, em: tổ quốc tôi.

và nguyễn tự cường

cái răng đâu hỏi vì sao mọc
con gió không hề biết ở yên
cái tâm, ngó vậy mà xuôi, ngược
con mắt mai này: khép tự nhiên.

và nguyễn ngọc bích

bàn tay có ngón không dùng đến
nhưng vẫn cùng ta: buồn, thiết thân
cánh chim báo bão. Lầm. Ta đấy
lá mỏi đường xa: Bóng nhỏ dần.

và tam văn

cây trôi. Chiều đứng. Sương quay mặt
nắng một lần tôi. Gió hổ ngươi
những ô cửa trám hoa tiền chế
tôi nhìn tôi từng phần đang trôi.

và dương ngọc hoán

xóc dần nỗi nhớ. Lem năm tháng
treo lửng a-tỳ nửa trái tim
hồi chuông độ lượng: sinh hay vãng
bần bật môi đời. Tâm tịnh yên?

và i, 93

Gởi Trần Duy Đức

mây ở em, mà, mưa ở ta
biển hồi âm bản. Trả thi ca
cả hai tâm thất đầy hoa khế
sông núi người: thơm nỗi nhớ nhà.

DU TỬ LÊ
Springfield 9.93



VÕ HỒNG

thầy tôi, sư tử rừng hóc lá



Năm 1935, tôi học thầy ở lớp Nhất trường tiểu học Sông Cầu. Thuở ấy toàn tỉnh chỉ có hai trường tiểu học, một ở Tuy Hòa, một ở Sông Cầu. Trường tiểu học Sông Cầu là trường tỉnh ly, vậy mà chỉ có một lớp Năm, một lớp Tư, một lớp Ba, một lới Nhì A và một lớp Nhất. Mới biết hồi đó sự học quả thật là quí. Với một dân số hai mươi vạn dân cư mà hằng năm toàn tỉnh chỉ chọn 100 đứa trẻ khá nhất để cho vào lớp Nhì thì có khác nào sâm nhung cho tì vị kẻ giàu sang. Tôi học lớp Năm và lớp Tư ở trường làng Ngân Sơn. May mắn đưa đẩy, tôi được vào học lớp Ba trường Phủ Tuy An. Và lại cũng may mắn xô tới mà tôi được vào lớp Nhì trường tỉnh.

Thầy năm ấy khoảng 27, 28 tuổi. Dáng thầy cao, khỏe mạnh, nhanh nhẹn. Thầy thường mặc Âu phục màu trắng. Giày nâu, đế cao su. Mũ casque cứng lợp vải màu kaki. Đi tới lớp, tay ôm cặp da, thứ da cá sấu mềm.

Thời đó Âu phục và Nam phục song song tồn tại. Nam phục là quần trắng áo dài đen. Quần trắng bằng vải "tàu bay" hay lụa. Vải áo dài đen thông thường là vải trang đầm cho đàn bà và học sinh trung lưu. Người đàn ông thì mặc áo lương đen (miền Bắc gọi là áo the), áo xuyến (mặt láng), áo sa văn minh (một loại the mỏng, dệt có vân, có bắt hình chìm), áo sa tanh (satin). Vải Âu phục tiêu chuẩn là một loại vải thật dày bằng sợi đay, màu trắng. Sau thế giới đại chiến lần thứ hai, sợi tổng hợp Polyester mới thịnh hành và vải thường màu đen hoặc màu xanh tối gần với đen. Phép xã giao thời đó đòi hỏi phải khoác áo vét-tông chứ không được chỉ mặc sơ-mi khi đi ra ngoài. Cho

dẫu trời nóng 35 độ. Chỉ có thể, khi ngồi trong lớp dạy hay ngồi làm việc ở bàn giấy, cởi áo vét-tông ra máng vào thành ghế.

Đôi giày cũng có lịch sử của nó. Cũng sau thế giới đại chiến lần thứ hai, màu giày đen mới thịnh hành. Dưới thời Pháp thuộc, màu giày sậm nhất là màu nâu, màu cà phê rang. Lợt một chút là màu vàng thiên nhiên của da thuộc. Lợt nhất là màu trắng. Duyên dáng ăn diện là giày hai màu. Giày màu đen chỉ được dùng trong những đại lễ.

Vậy đó, cái dáng cao cao của thầy tôi, mặc Âu phục, đội mũ ôm cặp đi những bước nhanh từ góc đường phía biển, vượt qua sân quần vợt, đi vòng quanh rào trường, đi thẳng từ cổng trường oai vệ bước vô.

Vào thời chúng tôi, học trò rất sợ thầy. Chương trình học toàn bằng tiếng Pháp nên chúng tôi càng sợ thầy hơn, bởi chưng dù học giỏi hay kém thì học thuộc được một bài toát yếu 20 dòng viết bằng tiếng Pháp không phải là chuyện dễ. Chúng tôi phải chắp chữ này nối theo chữ kia bằng trí nhớ, nhiều khi hoàn toàn bằng trí nhớ chứ không hiểu vì sao. Mà một khi quên đi một chữ thì đành đứng khựng ra đó, ấp a ấp úng, tựa như rớt mất một cục gỗ thì cả cái khối gỗ chồng chất lên nhau bỗng đổ sụp. Đố mà có thể xếp lại. Thầy giáo sốt ruột, sẵn cái thước gạch vụt luôn cho một vụt. Và các cục gỗ lăn xa hơn, tan tác. Thầy nào cũng biết đánh học trò. Ngồi nghĩ lại, thấy thương hơn trách. Người Pháp không đem sang cái roi. Tổ tiên mình vót roi để sẵn, kèm theo bảng chỉ dẫn cách dùng: "Yêu cho roi cho vọt". Tiếng roi vun vút của thầy đồ còn vang vọng rất trong sáng trong tâm hồn của các thầy tôi. Các bậc phụ huynh dường như cũng chỉ an tâm khi nghe thầy giáo ban phát tiếng roi xé gió. Sống trong một không khí rèn nhân cách khắc khổ như kiểu đó, một ông thầy có lương tâm phải mượn cái thước và con roi để hỗ trợ cho lời giảng bài. Ở lớp Nhì A, tôi học thầy Huỳnh Tiển. Thầy gầy, da trắng, nói giọng Quảng, Không biết giờ này thầy có còn mạnh khỏe không. Thật là bội bạc khi hơn 50 năm trôi qua, tôi không hề biên được một cái thư thăm hỏi thầy. Với nhiều thầy khác tôi cũng có niềm ân hận đó. Chớ chi mỗi thầy đều cho chúng tôi biết địa chỉ chính thức - không kể những dời đổi nhiệm sở - thì hy vọng 20-30 năm sau còn liên lạc thư tín được, dẫu chỉ là muôn một cũng vẫn là hy vọng.

Năm lớp Nhì B, tôi học thầy Ngô Văn Lương. Thầy dẫm thấp, nói gọng Hà Tĩnh. Ấn tượng còn lưu lại là bộ Âu phục màu kaki nhạt rất nhã thầy thường mặc. Và màu da mặt trắng hồng. Thầy Trần Sĩ thì trông cao ráo linh hoạt hơn thầy Lương. Được phân công dạy lớp Nhất là cả một vinh hạnh, vì học sinh lớp Nhất, cuối năm thi bằng *Rime* (primaire: tiểu học) là được xin bổ làm hương sư dạy lớp Năm, lớp Tư ở các trường làng. Hương sư được trọng nể hơn lý trưởng, phó tổng. Đã vậy, thầy còn đứng tên với ông Kiểm học Nguyễn Đình Cầm, sáng tác cuốn *Địa Dư Tỉnh Phú Yên*. Trước khi cuốn sách ra đời, chúng tôi học ở lớp Tư phải chép bài Địa Dư Tỉnh Phú Yên vào vở để học thuộc lòng. Đi thi *Sơ Học yếu Lược*, môn thi viết có hỏi địa dư tỉnh. Dường như người học sinh nào cũng đều thuộc làu bài đọc thêm "*Sông Cầu*

Và Tuy Hòa" trong đó, bằng lối văn biền ngẫu, thầy so sánh: "Sông cầu là đất thừa lương, Tuy Hòa là nơi buôn bán, Sông cầu là bà già lão luyện, Tuy Hòa là cô thiếu nữ xuân xanh". Thầy có một cách đặc biệt theo dõi đôn đốc sự học của học sinh mình: đó là hàng đêm vào chặng 8-9 giờ, thầy đi rảo một vòng những nhà học trò ở các con đường lân cận coi thử chúng có ngồi nhà học bài hay không. Do vậy mà có những buổi sáng thầy vô lớp kêu tên một đứa bạn tôi, hỏi:

- Hồi hôm trò đi đâu lang thang ở trước tiện Chấn Thành?

Hoặc:

- Hồi tối nhà trò sao mới tám giờ mà đã tối thui? Trò học bài trong bóng tối hả?

Một đêm kia thầy đi qua nhà ông Cử Giáp, nơi trò Huỳnh và trò Duyên, quê ở Gò Duối đang trọ học. Thầy nghe có tiếng sát phạt "Xì Rô... Già Cơ... Đần Chuồng... Bồi Bích..." Thầy lặng lẽ hé cổng bước vô, đứng sau lưng trò Huỳnh đang say sưa cắt bài, chia bài. Cái miệng cứ tía lia, cười cười nói nói, đôi tay cứ dẻo queo cắt cắt chia chia, chợt thầy đằng hắng to một tiếng ở sau lưng. Quay lại. Ngó lên. Trời ơi, chết rồi! Ríu ríu bốn tay bài lặng lẽ đứng dậy, mắt mở trao tráo như khỉ bị rắn thôi miên. Thầy cúi lượm bộ bài, lặng lẽ đi ra cửa ngõ.

Ai cũng đoán được hôm sau loại bão tố nào nổ ra giữa lớp. Bốn tay bài bị rủi ro đều là học trò lớp Nhất. Ngoài Huỳnh và Duyên, hai người kia tôi quên mất tên.

Thầy hay dùng những cách xưng hô "*Tụi bay... đứa nào...*" dẫu không tao nhã bằng "*các em, cậu nào, cô ấy...*" nhưng đầy chất thân tình. Thầy la lối giận dữ khi học sinh không thuộc bài, chúng tôi sợ mà không ghét. Như vậy hơn cách nhã nhặn mà lạnh lùng, rất văn minh của nhiều thầy cô giáo thuộc thế hệ sau này. Thật giống như đi coi hát bội. Hồi tôi còn nhỏ, kép hát ở nhà quê đóng vai nịnh hét to đến đến nỗi gân cổ nổi lên như dây chão, trợn mắt cơ hồ toét luôn khóe mắt, vung tay vung chân như người đấu quyền trên võ đài. Năm 1974 coi hát bội trên sân khấu đặc biệt chọn lọc ở Sài Gòn do Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa tổ chức để mời quan khách. Y trang Thượng Hải rực rỡ, hệ thống ánh sáng và âm thanh tối tân, đào kép xinh đẹp thượng thặng... nhưng hát không ra hơi, thậm chí múa tay cũng múa lười biếng. Đó, đẹp thì có đẹp, có tinh tế, có quí phái... đủ mọi ưu điểm, nhưng thực chất của sự hát thì ... rất dở. Như ông thầy tận tình la mắng hồi xưa và cô giáo nhã nhặn thời nay. Lớn lên, gặp thầy, nghe thầy đối đãi bằng giọng xưng hô "*tụi bay...*" quen thuộc, chúng tôi vui, vừa thêm cảm động. Cho tới lúc tuổi hơn 50, gặp nhau, ngồi nhắc chuyện xưa, nhắc đến thầy, nhắc đến những "*tụi bay... đứa nào...*" của thầy, chúng tôi cười thích thú và thêm thương thầy.

Những khối óc lý luận hình thức thường đồng hóa cái mộc mạc thân tình với cái thô lỗ, tưởng ai cũng say mê sự trơn láng của một mái tóc chải bi-ăng-tin ép vuốt bóng nhẫy. Họ nghĩ rằng một khuôn mặt xác chết phấn son chải gọt đúng qui cách hấp dẫn hơn cái ấm áp hồn nhiên của sự sống.

Cứ gần cuối niên khóa là thầy được cử đi chấm thi. Năm đó, tôi nhớ thầy đi chấm ở Nha Trang. Lúc bấy giờ đường xe lửa xuyên Đông Dương mới làm được hai đoạn, đoạn phía Bắc dừng lại ở Tourance (Đà Nẵng), đoạn phía Nam dừng lại ở Nha Trang. Đoạn đường Nha Trang-Tourance có xe thơ do hãng STACA đảm rách. Xe STACA dài, rộng và cao như xe buýt thời nay, sơn màu xám trắng trông thật lịch sự. Hành khách ngồi trên xe toàn những người sang trọng, không như hành khách xe hàng (ở miền Trung, *xe hàng* là xe chở khách đi đường ngắn, trong Nam gọi là *xe đò*, còn xe hàng chỉ chuyên dùng để chở hàng hóa), áo quần xốc xếch. Thầy ghé đón xe ở nhà dây thép (bưu điện) trước mặt trường, cách trường 100 thước. Khi xe chạy qua trường, nhìn thầy ngồi oai vệ trong xe, mặt nhìn ra trước. Thời đó khách đi xe hàng phải ngồi trên những băng gỗ kê dọc thân xe, lưng quay ra hông xe thành thử ở dưới đất nhìn lên chỉ toàn thấy những lưng người. Còn người ngồi trên hai băng thì đâu mặt vào nhau nên suốt đoạn đường trường cứ phải nhìn mặt người ngồi trước. Có trải qua cảnh khổ nhọc đó mới hiểu được sự sang quí một tư thế ngồi nhìn ra *trước xe*, thong thả, rộng rãi, không như xe hàng người này giơ tay lên vịn trần xe cho khỏi té nghiêng, người nép vào nách người nọ, người khác chân bị kẹt vào giữa hai đùi của người thứ tư. Chiếc xe STACA hùng dũng lướt tới, bớt tốc độ, lượn qua cua. Chúng tôi đứng dưới đường giở nón chào, và thầy tươi cười rạng rỡ chào lại. Thật là giờ phút vinh quang!

Vài chục năm sau, tôi cũng đi dạy học và cũng được cử đi chấm thi, đi cả bằng máy bay nữa, nhưng cái hào quang rực rỡ tôi nhận thấy nơi thầy ngày trước, tôi không thấy có nơi tôi. Người Trung Hoa có nói "Tự kỷ văn chương, tha nhân thê thiếp" có nghĩa là vợ người thì đẹp, văn mình thì hay. Chẳng lẽ hào quang cũng giống như thê thiếp sao?

Với cái nhìn của tôi lúc đó thì tương lai hứa hẹn nhiều thành đạt dành cho thầy. Lấy ông Kiểm học Nguyễn Đình Cầm làm tiêu chuẩn thì tôi đinh ninh chỉ vài năm nữa thầy sẽ thi đậu vào ngạch Huấn đạo là một ngạch học quan. Nhìn sự tín nhiệm của cấp trên đặt nơi thầy và cung cách làm việc tích cực của thầy thì đoán được. Mùa hè nào cũng vậy, tôi cứ nghe mấy ông hương sư tập hợp về Sông Cầu để học sư phạm, và họ nhắc đến thầy, một trong những người huấn luyện sắc sảo mà họ tỏ ý nể sợ.

Nhà thầy ở nằm trong một khu vườn nhỏ nhìn ra biển. Tôi lưu ý đến những chùm ti-gôn nở hoa màu hồng trên lối đi. Khác với những cúc, vạn thọ, tường vi... mọc lâu đời trên vùng đất quê hương, hoa ti-gôn như mới được nhập cảng từ một lân quốc hải đảo nào đó nên nó chỉ mới hiện diện ở vài ngôi nhà nơi thành phố. Màu hồng rất tươi làm mát cả một khung cảnh. Ngôi nhà thầy mới cất, có gió biển thổi mát suốt ngày, có ánh sáng mặt trời dọi nắng suốt ngày, có hoa nở rực rỡ trên lối đi... Đời sống của thầy thật êm đềm. Các thầy giáo khác và hầu hết các ông thông, ông phán đều phải thuê nhà ở ngay trên phố. Thầy đốc Nguyễn Viết Nguyên - mãi đến khi ông Phạm Quỳnh làm Thượng thư Bộ Quốc Gia Giáo Dục mới đặt tên "hiệu trưởng' - người Thanh Hóa, mặt đẹp và phúc hậu thì thuê một căn phố của anh Nên, trước tiệm ông

Bang Chín. Căn phố của thầy Huy - học trò ưa kêu là thầy Huy-lùn - nằm ở phía cầu Thị Thạc thì vừa thấp vừa hẹp. Đã vậy mà thầy còn dựng một thùng nuôi ong mật nơi mái hiên khiến trẻ con, người lớn cứ tấp nập nom dòm. Bầy ong thì bay vù vù suốt ngày. Chỉ cần một trăm con mà mỗi con cứ bay lượn một trăm vòng là số ong tưởng đâu có mười vạn.

Đậu tiểu học xong, tôi giã từ Sông Cầu đi Qui Nhơn học Trung học. Rồi cứ thế con đường học vấn dẫn tôi đi càng xa, những cảnh mới Hà Nội, Đà Lạt, Sài Gòn nguy nga nhộn nhịp càng làm tôi yêu cái vắng lặng hiền hòa của Sông Cầu, như yêu người bạn gái đầu tiên ngây thơ, ít nói. Mười lăm năm sau, ngẫu nhiên mà tôi được điều động về dạy tại trường Trung học Lương Văn Chánh nơi thầy làm hiệu trưởng. Rồi lại ngẫu nhiên, ba năm sau thầy đi nhậm chức Trưởng Ty Giáo Dục, tôi thay thầy làm hiệu trưởng trường Lương Văn Chánh. Sau hiệp định Genève lại thêm một ngẫu nhiên thứ ba: thầy ở Sài Gòn, tôi ở Nha Trang đều đi dạy thuê ở các trường tư thục. Năm 1983, thầy từ Sài Gòn ra có ghé thăm tôi. Tôi xúc động vì lòng ân cần của thầy, càng xúc động vì nhìn dấu vết thời gian nơi *người hùng* thuở nhỏ của tôi. Thằng học trò từng sợ thầy là tôi mà tóc đã nhiều sợi trắng rồi, huống chi bậc tôn sư của nó. Mắt thầy đã yếu. *A quelque chose, malheur est bon - cái bất hạnh nhiều khi cũng có ích.* Chắc thầy không còn soi gương nữa để khỏi nhìn thấy bóng mình trong gương. Mắt tôi còn sáng, nhưng may nhờ cái gương nơi tủ áo của tôi nó mờ nên bằng một thái độ quân tử cao khiết và một tấm lòng nhân ái vô biên, nó xóa đi những khuyết điểm nơi khuôn mặt tôi, nó chỉ phản chiếu lại bằng những nét mờ ảo. Mà phàm cái gì mờ ảo thì trông cũng đẹp. Hôn 20 tháng 11, ngày Nhà Giáo, là một thầy giáo niên trưởng, tôi được mời lên phát biểu. Giờ giải lao, một thầy kém tôi chừng 5-7 tuổi tiến tới bắt tay" "Xin chào lão sư". Tôi thân ái cầm tay người bạn, cảm ơn, vừa nói: "Tôi muốn chữ sư có bộ Khuyển một bên (Cách viết chữ Hán. Chữ SƯ - *thầy* - nếu thêm bộ Khuyển ở trước thì có nghĩa là con sư tử. Nếu thêm bộ Trùng ở trước có nghĩa là một loài ốc). *Lão sư* là con sư tử già, chớ không phải là người thầy giáo già. Thầy giáo phải có cốt cách của sư tử, không được có cốt cách của loài cáo, loài chồn.

Thầy tôi! Con sư tử của vùng núi rừng Hóc Lá! Vì thầy mà tôi yêu cái tên Hóc Lá, tên của vùng quê hương thầy. Cứ nghĩ đến thầy là tôi thấy cánh đồng Chợ Đèo, trên có một bóng học sinh lầm lũi bước, cần mẫn bước, bắt đầu là những bước rụt rè, tiếp theo là những bước mạnh dạn hơn, vững chắc hơn, tin tưởng hơn, kiêu hãnh hơn, những bước đi tới.

VÕ HỒNG
(Trong nước)



KHOA HỮU

lời tự tình với sàigòn

Gởi Diễm Châu

Vẫn những lời im mùa hạ ước
đất ngậm cười mưa giọt buồn xưa
đá rêu phong cỏ bừng mắt biếc
bể dâu xanh chuyện cũ như đùa.

Hồn ta ơi là mây là gió
một đời ta mây tỉnh gió say
mây chợt giận gió rung cuồng nộ
gió chợt hờn mây chợt ngừng bay.

Ta về như kẻ về đất trích
lưu trú đời trong nỗi tang thương
ta về nghe ngàn năm oán trách
bụi thiên thu phủ buốt linh hồn.

Dẫu trái tim ta là gỗ đá
gỗ đá mòn hết cuộc phù sinh
dẫu dĩ vãng ta thành cổ mộ
lấy trăm năm chôn chặt khối tình.

Ta về lòng dọc ngang với phố
mấy mảnh đời mấy nỗi ngược xuôi
trời hạ cũ gương tan đã vỡ
nhìn mưa đau cây lá ngậm ngùi

KHOA HỮU
(Sàigòn)



ĐOÀN NHẬT

thức dậy ở cố quận

Thức dậy ở cố quận
Đợi bình minh
Bình minh, bình minh sao chưa rộn rã
Ngọn gió tự bao giờ hao hút
Có lá tinh mơ thời tuổi trẻ
xanh lên nỗi sơ sinh quạnh quẽ

Thức dậy ở cố quận
Đợi sớm mai
Sớm mai, sớm mai sao chưa mênh mang
Ngọn nắng còn bao lâu lẩn lút
mảng mây dăng ngang ngước nhìn hôn ám
khẽ kêu gọi người xưa người xưa

Thức dậy ở cố quận
Đợi mặt trời
Mặt trời, mặt trời sao chưa bừng sáng
Tiếng chim kêu hoang vu đưa về nguồn
Tình thơ tiếng hát xưa vây hãm
Giọt sương rớt trên mặt cô lạnh bất thường

Thức dậy ở cố quận
Đợi tình xưa
Tình xưa, tình xưa sao chưa bật khóc
Biệt mù đường về xa trước mặt
Xáo động cây lá ẩn dật sau lưng
Tự hỏi có thật không, cuộc đời có thật không

Thức dậy ở cố quận
Còn rất sớm
Gầy nhóm lửa trong tinh mơ chờ đợi...

ĐOÀN NHẬT



NGUYỄN XUÂN HOÀNG

ai cũng cần phải có một bà mẹ!

Tặng Châu Văn Thọ



1.

Hồi còn sống cha tôi thường nói ai cũng cần phải có một bà mẹ. Tôi vẫn nghĩ, ai mà chẳng có một bà mẹ. Tuy vậy mãi về sau tôi mới hiểu tại sao cha tôi lúc nào cũng nhắc tới câu nói trên. Bởi vì tôi là một đứa cháu chưa bao giờ thấy được mặt nội của tôi.

Có lúc tôi nghe cha tôi than, làm đàn ông con trai phiêu lưu giang hồ cũng hay, nhưng mà khi dừng chân nhìn lại không thấy bà mẹ của mình ở đâu thì cả cái thế giới này có hơn gì cái chái bếp chớ. Cha tôi thường nói ai cũng cần phải có một bà mẹ, chớ chẳng lẽ người ta chui từ dưới đất nẻ lên à!

Cha tôi cũng thường nói nhiều người trên đời này ưa làm anh hùng đến nỗi quên rằng mình có một bà mẹ. "Úi trời, làm anh hùng mà không có mẹ thì làm anh hùng làm chi!

Một lần cha tôi say - cha tôi bao giờ mà chả say- hỏi tôi rằng "mày yêu ai nhất trên đời?", tôi còn chần chừ chưa rõ ý ông muốn gì thì ông gạt phắc ngay "còn suy nghĩ gì nữa, mày phải yêu mẹ nhất, rõ chưa,đồ ngu!" Tôi thấy hai con mắt ông đỏ ngầu ẩm ướt.

2.

Hồi còn sống ông cậu tôi thường khoe cậu là người được ngoại tôi yêu nhất nhà. Cậu làm tôi ngạc nhiên. Bà tôi có hai người con. Mẹ tôi là một, còn cậu tôi là người thứ hai. Lẽ nào cậu tôi là người được ngoại yêu nhất, thế còn mẹ tôi ở đâu? Chẳng lẽ những bà mẹ trên thế giới này chỉ yêu có con trai mình thôi à? Mà có lẽ như vậy thật. Khi người ta sống trong một xã hội trọng nam khinh nữ thì chuyện thương ghét kiểu này cũng chẳng lạ chi.

Mà nghĩ cũng kỳ. Cậu tôi có phải là người hay ho gì cho cam. Ông là người khó dạy khó bảo, học hành dang dở, làm chuyện gì cũng không đến nơi đến chốn, suốt ngày chỉ biết tụm ba tụm bảy, phá làng phá xóm, gây biết bao nhiêu là phiền toái cho ngoại tôi. Ấy vậy mà bà vẫn một mực thương yêu cậu, bênh vực cậu, lo lắng che chở cho cậu... cho đến ngày bà nhắm mắt.

Khi về già, cậu nói "trễ quá! trễ quá! ước chi bà ngoại còn để tao báo hiếu. Tao làm khổ ngoại quá!" Tội cho cậu tôi, cậu không có cơ hội báo hiếu vì chưa đầy một năm sau cậu tôi cũng theo bà tôi qua đời.

3.

Hồi còn sống anh cả tôi thường nói trên đời này anh không sợ ai bằng sợ mẹ tôi. Tôi không hiểu tại sao. Anh là người bán trời không mời thiên lôi. Anh chưa bao giờ sợ bất cứ một thứ người nào. Thằng nào chơi thứ gì thì anh chơi thứ ấy. Có súng thì chơi súng, có dao thì chơi dao. Nhưng anh là người yêu mẹ nhất nhà, và đúng như anh nói, anh cũng là người sợ mẹ nhất nhà. Còn chúng tôi những đứa em nhỏ của anh thì chỉ biết sợ anh thôi. Phần tôi, tôi chỉ yêu mẹ chứ không biết sợ mẹ. Tôi nghĩ, trong tình yêu thì có gì mà phải sợ. Yêu có nghĩa là không sợ. Nhưng có một lần tôi sợ. Thực sự sợ. Lần đó tôi từ một thành phố xa trở về, khi không còn lấy một đồng xu dính túi, và tôi đã gặp một cảnh tượng rợn người. Ngôi nhà mẹ tôi ở nằm ở ngã tư một thị trấn. Buổi chiều nhá nhem, cả ngôi nhà chìm trong bóng tối. Ở giữa nhà một đốm lửa chợt sáng chợt tối. Tôi biết đó là điếu thuốc trên môi cha tôi. Và tôi nghe một tiếng nấc nghẹn ngào của mẹ tôi từ phía sau bậc cửa ngó ra một giếng nước cạn. Hình ảnh ấy làm tôi sững sờ.

Khi cha tôi biết tôi trở về, ông bật diêm châm ngọn đèn hột vịt, đặt trên chiếc bàn giữa nhà. Tôi thấy một quang cảnh đổ nát như thể có một trận bão vừa thổi qua. Tôi thấy cha tôi đến bên cạnh mẹ tôi cúi xuống thì thầm bên tai bà - điều mà ít khi tôi thấy ông làm với mẹ tôi- và bà đứng dậy, kéo chiếc khăn vắt vai lau nước mắt, hỏi tôi sao về mà không báo trước. Mẹ biết có bao giờ tôi đi hay về mà báo cho mẹ một lời nào đâu. Mẹ tôi bắt tôi đứng yên ở thềm cửa chờ bà quét dọn những "đổ vỡ" trước khi chậm rãi đến ôm tôi. Cha tôi chỉ đặt tay lên vai tôi, rồi bỏ vào buồng trong không nói một lời.

Khi mẹ tôi qua đời, cả cái gia tài mà bà để lại cho con cái không có gì khác ngoài tình thương yêu của bà. Suốt đời tôi chưa thấy bà ghét ai. Có lẽ trong trái tim của bà chỉ có tình yêu thương con người.

Nhà tôi nằm ở ngã ba đường, cách một đám ruộng nhỏ là quận đường, nơi giam giữ những người tù chính trị. Khi những người tù bị dắt từ nhà giam quận đi "làm việc" ngang qua nhà tôi, bà đã mua cho họ từng gói xôi, tặng cho họ từng chiếc áo - những chiếc áo mà bà vừa mới may cho cha tôi chưa kịp mặc một lần. Cũng có khi là một gáo nước mưa, một đòn bánh tét, một chiếc khăn lau mặt... Cả những người gác tù nữa, đôi khi họ cũng đến hỏi bà một đồng bạc, một cái bánh tráng nướng, một chai dầu trị cảm... Với bà, người tù hay người gác tù nào có khác gì nhau.

Mỗi lần gặp lại mẹ tôi, tôi thấy bà già đi một chút, nhưng bà như có vẻ đẹp hơn - người con nào mà chả thấy mẹ mình đẹp, phải không?- tình yêu thương của bà dành cho con người như tăng lên nhiều hơn. "Mẹ chẳng có gì để lại cho các con. Mẹ chỉ có tình thương yêu các con và mẹ mong các con phải thương yêu nhau."

Cái tình yêu thương tràn trề ấy nơi bà, khi bà ra đi đã để hết lại cho đám con, nhưng thật ra ít ai trong chúng tôi giữ gìn được trọn vẹn. Chỉ có ông anh cả tôi, người được mô tả là hung dữ nhất, gan lì cóc tía nhất là người thừa hưởng nguyên vẹn gia tài của mẹ tôi. Quả thật anh là người rộng lượng, quảng đại, vị tha. Anh yêu thương tất cả mọi người. Chỉ có điều là anh không bao giờ tha thứ kẻ thù. Cái đám còn lại, trong đó có tôi và các em gái tôi, thì tình yêu thương của mẹ tôi để lại có vẻ như chắt chiu hơn là ban phát. Trong gia đình tôi, những người càng nhỏ chừng nào, lòng ích kỷ càng lớn chừng ấy.

4.

Hồi nhỏ ở Saigon có lần tình cờ tôi được xem một cuốn phim Ấn Độ ở rạp Long Phụng. Tôi gọi là tình cờ, bởi vì tôi vốn không ưa phim Ấn Độ, mặc dù tôi biết mỗi dân tộc đều có nghệ thuật riêng của nó. Nhưng hôm đó trời Sàigòn rất nóng và tất cả các phim ở mấy rạp kia tôi đã xem hết rồi. Rạp Long Phụng chẳng mát mẻ gì, nhưng cuốn phim đã làm tôi suy nghĩ. Sau đó tôi quên bẵng nội dung câu chuyện, tôi chỉ nhớ hình ảnh bà mẹ Ấn Độ cầm súng bắn chết người con đạo tặc của mình. Thật không gì đau đớn bằng việc người mẹ phải cầm súng bắn con mình, bắn vào chính trái tim mình. Nhưng những ai đã xem cuốn phim này sẽ hiểu vì sao người mẹ phải can đảm lấy đi sự sống của người con. Người con trai của bà mẹ này là một tên cướp và bà đã khẩn cầu dân làng cho phép bà được chính tay mình xử tử người con. Tôi thấy đó là một người mẹ hết sức yêu con, và sức mạnh của bà đã làm tôi vô cùng sợ hãi. Tôi hiểu rằng trong tình yêu người ta có cách giải quyết riêng mà không phải ai cũng đều giải quyết như thế.

5.

Hồi nhỏ có lần chị tôi nói chị yêu mẹ nhất nhà và nhiều lúc chị hỏi không biết nếu mẹ chết đi thì "chị em mình sẽ ra sao?" Tôi cũng vậy, tôi luôn luôn có cái cảm giác bơ vơ khi thoáng qua trong đầu ý nghĩ nếu một ngày nào đó mẹ không còn nữa. Tôi ghiền biết bao nhiêu nụ cười của mẹ tôi, tôi thèm biết bao nhiêu hơi thở của mẹ tôi, ... Cái tiếng dép của mẹ cũng làm trái tim tôi hồi hộp, cái màu tóc trắng của mẹ tôi cũng làm tôi rung động...

Nhưng bà chị tôi không có dịp nhận ra cái cảm giác "nếu mẹ mất đi mình sẽ ra sao?" Bởi vì chị đã bỏ mẹ và các em ra đi quá sớm. Mẹ tôi ôm xác chị ngồi khóc. Một cây tre già ngồi khóc măng non. Mà mẹ cũng chẳng khóc lâu. Mẹ can đảm đứng dậy tiếp tục nuôi dưỡng những cây măng non khác. Những cây măng non nào mà chẳng có lúc trở thành những cây tre già để rồi lại tiếp tục khóc những cây măng non khác! Cuộc chiến tranh Việt Nam dường như

đã đi đúng với quy luật này.

6.

Hồi nhỏ tôi rất ít khi được gần mẹ. Tôi đã sớm xa gia đình ở vào cái tuổi ăn chưa kịp no lo chưa kịp tới. Mới bốn tuổi tôi đã xa cha mẹ, sống trong làng quê với một gia đình nông dân. Tuổi thơ tôi lớn lên giữa ruộng đồng và tiếng súng của cuộc chiến Việt-Pháp. Một người lính Lê Dương già bắt tôi làm con nuôi. Và ông ta đã kéo tôi đi từ mặt trận này sang mặt trận khác. Tôi sống giữa tiếng súng và bom đạn mặc dù tôi không phải là một người lính. Trong nhiều năm trời tôi chỉ có một tình cha nuôi chứ không có tình gia đình. Và càng không có "tình mẫu tử". Khi người cha nuôi tôi chết trong trận Đ.B.P., tôi mười bốn tuổi. Đó cũng là năm tôi tìm lại được gia đình. Nhưng tôi cũng chẳng ở được lâu với cha mẹ và anh em. Tôi phải đi học như những đứa bé thiếu học khác. Phải học nhanh, học giỏi. Phải nhẩy lớp cho kịp cái tuổi đã ở rừng, ở bụi, ở trong quân đội Pháp [dù không cầm súng và chưa đủ tuổi cầm súng].

Xa nhà, mỗi tuần hay đôi khi cả mấy tháng, tôi mới về thăm mẹ một lần. Mẹ tôi nói, con không về thì mẹ vẫn cứ chờ mỗi tuần. Bà ngồi ở hàng hiên mỗi chiều thứ Bảy nhai trầu chờ con. Đến tối mịt khi thấy chuyến xe đò cuối cùng đổ hết khách mà vẫn không có tôi, bà mới chịu lót tót vào nhà. Mẹ có chiếc miệng móm, nụ cười từ bi, hai con mắt bác ái. Tôi xa mẹ quá lâu, nhưng một sợi dây vô hình đã trói chặt tôi vào với mẹ tôi. Tôi biết tôi không làm gì cho mẹ đau khổ, nhưng tôi cũng biết tôi chẳng mang lại cho mẹ được chút niềm vui. Tuy vậy tôi nhận ra một điều là khi tôi yêu một người phụ nữ nào tôi luôn luôn nhận ra rằng có một cái gì đó rất tương hợp giữa khuôn mặt mẹ tôi và khuôn mặt người con gái tôi yêu.

Đôi ba mối tình đi qua đời tôi, nhưng khuôn mặt đích thực của tình yêu mà tôi không ngớt tìm kiếm vẫn là khuôn mặt mẹ tôi.

7.

Một lần cha tôi hỏi mày yêu ai nhất trong nhà? Tôi biết ông muốn tôi phải trả lời như thế nào, nhưng tôi không nói. Và tôi biết cha tôi chỉ hỏi như thế thôi. Ông không cần tôi trả lời.

Khi những buổi chiều im vắng cuối tuần, trong ngôi nhà nhỏ ở một quê hương mới, nhìn mẹ của các con tôi ngồi giữa những trang báo ngổn ngang, tôi thấy thấp thoáng đường nét khuôn mặt của em sao giống khuôn mặt của mẹ tôi một cách lạ lùng.

Ai trên đời này cũng cần phải có một bà mẹ.

Những người không còn mẹ nữa lại càng cần mẹ hơn ai hết, phải không?

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Mùa Vu Lan 1993



ĐỖ QÚY TOÀN

ngụ ngôn trong rừng

Cây cối ở trong rừng
Yêu nhau rất thắm thiết
Cành với cành khoác vai
Rễ tìm rễ xoắn xuýt

Không khí ở trong rừng
Biết chơi trò tinh nghịch
Len vào lá rung cây
Cù cổ lạnh run người
Đùa suốt ngày không mệt

Tảng đá ở trong rừng
Cũng nồng nàn cảm giác
Dưới bàn chân run run
Mặt đá cũng hân hoan
Như da người rạo rực

Khi ta ở trong rừng
Thấy mình là cây cối
Thấy mình là đá xanh

Em đi như khí trời
Em ở khắp mọi nơi
Anh thở em đầy ngực

mùa hạ rừng dương xỉ

Nắng chưa lên lá đã tỏ ngời
Cây nở vun như đóa ngọc tươi
Đất thở hơi từng chuỗi lóng lánh
Đắm trong xanh biếc rừng ban mai

ĐỖ QÚY TOÀN

THƯỜNG QUÁN

từ một thềm cửa phố cảng

Lau khô đá. Khối nước sắp đập vào, ngực sóng chờ đợi
Ôm cánh tay chiều đã kéo hết, đục xám, bỏ không
Đường rãnh xanh nhấc lên tiếng hát, cổ họng, những be sắt
tự hủy, những thân kim chìm nửa, trần trụi,
Giữ cửa phố cảng tắt lửa, thềm đá xám nhẵn xóa sạch nhiều năm
Ký ức đen đúa, từ rất nhiều giấc ngủ xa lạ đưa một cánh
tay cho mùa đông cầm cố
Cứu chuộc mùa xuân, những bậc thềm biển phả hơi cát, căn phòng
trống trải, trả lại: những con mắt bạn hữu tinh xanh
Mọc lên: một đường mái cong chiếc mền dạ mây đắp tận cổ
màu nước tối truy niệm
Đứng lại, lau khô gió ướt trên trán gió đen đôi môi, chẳng thể
bắt gặp, chẳng thể, tiếng giỡn hét ca hát vô cớ, đã bặt tăm
Trò chơi: núp bắt chạy trong những hành lang tối, lật ngược tóc,
những đứa trẻ con dễ vỡ, thương tích,
Bị huyễn dụ vì những bầu ngực thắp lên sáng trưng
Những khe rãnh, những bài ca, lũ hoa đỏ ửng mê sảng hâm hấp vào sốt
Nuôi trong những căn phòng sơ sinh đèn vàng để suốt quá khứ đang tâm
Thiêm thiếp những trận bão rớt đập vào cửa cánh sẻ sũng ướt bê bết
Những lão dơi hăng, đói rạc, tỉnh lại, tru tréo râm rít
lun lút chiều hôm phong trần
Đung đưa, những vỏ măng nâu gợi bàn tay quá quất ngày nắng
Khô đen, bất chợt, đôi mắt lun lút tràn ngập quị đổ
khuôn cửa thiên thu ghé thăm
Những chiều không hẹn trong trễ muộn những kẻ trở về để ngửa tay
vô hình đầu trán khi phố cảng một lần nữa sắp sửa biến dạng.
Tình yêu. Đá. Lau khô. Lau khô! Bước đi, bước đi khối nước lạnh tối
bài ca đơn độc hân hoan ruồng một trăm thân.

THƯỜNG QUÁN
(Australia)



NGUYỄN QUANG THIỀU

hai người đàn bà xóm trại



Vào lúc lên đèn thì trời có mưa. Có lẽ đây là cơn mưa cuối đông, vì chỉ còn mươi ngày nữa là Tết. Gió từ bãi sông rộng thổi hắt từng làn mưa bụi về phía chân đê. Tiếng mưa mỏng và nhẹ như tiếng người thì thào đâu đó. Cả triền bãi rộng chạy ven chân đê làng Chùa chỉ còn lại một ngôi nhà nhỏ. Trong ngôi nhà ấy có hai người đàn bà đã sống với nhau mấy chục năm nay. Bây giờ tóc họ đã trắng. Và lúc này họ đang ngồi trong trái bếp nhỏ ấm áp bởi hơi rơm, lá chuối khô và lửa bếp. Chiếc mâm gỗ có một vết nứt nẻ to được đặt trên nền bếp bằng đất lâu ngày cứng lại như đá. Trên mâm chỉ độc một bát canh dưa nấu tép bốc hơi nghi ngút. Hai bà lão ngồi ở hai phía mâm đối diện nhau. Hai cặp đầu gối xương xẩu nhô cao đỡ lấy hai khuôn mặt nhăn nheo và sạm đen.

- Bà mua mớ tép này của ai? Bà lão Ân hỏi và lấy đũa đảo đảo bát canh.
- Mấy đứa trẻ trâu - Bà lão Mật trả lời - Chúng nó mang vào tận đây.
- Mớ tép này mấy đồng?
- Hai ngàn.
- Bà cứ có tật mua nhiều. Không bảo chúng nó xẻ lấy một nửa.
- Có dúm tép bằng dúm muối, xẻ một nửa còn lại chúng bán cho ai?

Hai bà lão lặng lẽ bưng hai bát cơm xới vơi như cơm cúng và nhón nhén ăn.

- Nấu tép dưa phải nấu cho dừ - Bà lão Ân càu nhàu - Xương cứng ê cả răng.
- Tép bằng lỗ mũi xương ở đâu ra.
- Bà còn khỏe răng, chứ tôi sờ mãi chẳng được một cái.

Hai bà lão vừa ăn vừa lầm rầm những chuyện như thế. Bên ngoài ngôi nhà mưa vẫn thì thào. Trong tiếng mưa vẳng lên tiếng chó từ mấy gia đình ở chân đê bên kia.

- Đấy! tôi nói rồi - Bà lão Ân khẽ kêu lên và ho - Hóc xương rồi đấy. Khổ.
- Bà cứ khạc mấy cái là nó ra - Bà lão Mật lo lắng.

Bà lão Ân đặt bát cơm ăn dở xuống mâm và quay sang phía khác khạc mấy cái.

- Có khỏi không?
- Có được đâu. Không khéo lại chết vì hóc xương tép.
- Bà cứ hay dở mồm - Bà lão Mật nói. Và chợt reo lên - A, để tôi chữa mẹo cho.

Bà lão Mật vội vàng cầm lấy hai chiếc đũa cả còn dính đầy cơm và lom khom đến bên bà lão Ân.

- Bà ngồi im nhé. Cứ nhắm mắt lại.

Bà lão Mật vừa nói vừa đưa hai chiếc đũa cả cách đỉnh đầu bà lão Ân chừng gang tay. Rồi vừa gõ hai cái đũa cả vào nhau bà vừa lầm rầm như người niệm chú: "Gần ra, xa vào". Đọc đúng bảy lần thì bà dừng lại và hỏi:

- Được chưa bà?

Bà lão Ân không trả lời. Bà vất vả nuốt nước miếng. Một lát sau bà nói:

- Được rồi. Chả ăn nữa. Sáng mai đun lại cho kỹ.

Ăn xong bữa cơm tối, hai bà lão bỏ thêm cái gốc tre vào bếp và lấy trầu ra ăn. Bà lão Ân lấy một miếng cau tươi đưa cho bà lão Mật:

- Ở đâu mà có cau tươi thế này? - Bà lão Mật hỏi.
- Cau từ hôm cưới con nhà Phấn. Chúng nó nhét đầy cả túi.
- Con nhà Phấn à?
- Con nhà Phấn nó chẳng ra đón bà vào ăn cỗ là gì? Bà ốm bà không đi mà lại còn không nhớ.

Sau đó hai bà lão im lặng nhai trầu. Ngọn lửa ăn dần vào gốc tre khô. Ánh lửa gần gũi và xa xôi chập chờn trong hai đôi mắt đục mờ.

- Thế Tết năm nay định gói bao nhiêu bánh? Bà lão Ân quay lại phía bà lão Mật hỏi.
- Gói bao nhiêu thì gói. Nhưng vừa vừa thôi. Năm nào cũng bỏ mốc meo cả.
- Cứ nấu ba chục cái.
- Gớm, bà làm như nấu cho cả làng.
- Cứ nấu thế. Trẻ con trong làng ra chơi thì cho chúng nó. Rồi... nhỡ có ai về...

Nghe bà lão Ân nói vậy, Bà lão mật từ từ ngước đôi mắt đục mờ lên nhìn một lúc lâu rồi hỏi khẽ:

- Ai về?...

Mấy chục năm về trước. Cũng những đêm mùa đông giáp Tết ở trong trái bếp như thế này. Hai bà lão ngồi trước bếp lửa và hồ hởi nói với nhau về chuyện gói bánh chưng. Ngày ấy họ còn trẻ lắm. Cả hai chưa ngoài hai mươi tuổi.

"Năm nay thế nào các anh ấy cũng về - Mật thì thầm - Chị Ân nhỉ."

"Tao cũng mong quá - Ân nói như bằng hơi thở - Đêm qua tao mơ thấy con gà trống mổ vào ngón tay út. Mấy năm rồi chẳng ai về ăn tết".

"Em phải ốm vì chờ thôi."

"Giá có đứa con... thì họ đi bao giờ cũng được."

"Chị Ân ơi - Mật chợt kêu lên và ôm lấy Ân - Mấy đêm trước em cũng nằm mơ. Em thấy anh ấy về và... ngay đêm đó..."

Nói đến đó mặt Mật ửng đỏ và đôi mắt Mật vừa lấp lánh vui, vừa bối rối.

"Đêm đó thì sao? Ân lườm mắt, mắng yêu Mật - Con khỉ."

"Ngay đêm đó em mơ em có mang. Lúc tỉnh dậy sờ bụng cứ thấy khang khác. Em sợ lắm."

"Con này nói chuyện vớ vẩn."

"Thật đấy mà, đến hôm nay em vẫn thấy bụng mình khang khác như thế - Mật nói và cầm tay Ân kéo đặt lên bụng mình - Chị sờ xem. Đấy, chị thấy khác không?

Vì tò mò, Ân cũng đưa tay ấn ấn vào bụng Mật. Và một lúc sau Ân cũng hoảng hốt vì thấy hình như bụng Mật cũng không còn bình thường.

"Này... - Ân thì thào - Chồng đi vắng, hay mày chót dại..."

"Chị bảo dại cái gì?..."

"Có thằng nào rỉ rê mày không?"

"Không, làm gì có chuyện ấy. Có mà trôi sông."

"Tôi phải trông nom cô - Ân nói - Có chuyện gì thì tôi và cô cứ bỏ cái xóm bãi này mà lên rừng đấy nhé."

Ân và Mật đều mồ côi bố mẹ và lớn lên lấy chồng. Họ đưa nhau ra xóm bãi lập nghiệp. Rồi một đêm hai người đàn ông của họ khăn gói theo một đơn vị bộ đội vượt sông Đáy về phía núi Miếu Môn. Trước khi qua sông hai người đàn ông dặn: "Hai chị em dọn về mà ở với nhau. Đến Tết, kháng chiến thành công chúng tôi về". Từ ngày đó Mật dọn sang ở với Ân. Họ sống như hai chị em ruột với nhau.

Và mỗi khi Tết đến, cả hai lại xuống bếp rửa lá dong và vo gạo. Má họ rực đỏ trong gió lạnh cuối mùa đông. Tiếng cười họ trong trẻo, rực vang trên mặt sông mùa nước cạn yên tĩnh. Nhất là vào đêm luộc bánh, cả hai đều thấy hồi hộp lạ lùng. Họ cảm thấy da thịt họ thấm đầy hơi lửa bếp. Khi bánh chín, họ chọn những chiếc bánh đẹp nhất, chắc nhất để phần hai người đàn ông của họ. Nhưng những ngày Tết thường vụt đi như tên bắn. Ngoài bãi không còn tiếng pháo tép của trẻ con nữa. Và những bầy sáo tháng Giêng đã loáng thoáng bay về. Ân và Mật mang những chiếc bánh đã khô lá luộc lại. Cho đến khi ở đầu góc bánh đã lấm tấm mốc xanh thì họ không còn bình tĩnh đợi chờ nữa. Cả hai cùng khóc. Đêm xuống, hai người đàn bà trẻ nằm xoay lưng vào nhau trên chiếc giường lót rơmgiấu tiếng thở dài.

"Chị ngủ à, chị Ân - Mật thường bắt đầu câu hỏi như thế trong đêm.

"Chưa" - Ân trả lời trong chăn.

"Sao tết năm nay các anh ấy lại cũng không về nhỉ?"

"Có giời mà biết - Ân giận dỗi - Chắc chiến dịch bận."

"Mai mình cứ luộc lại bánh chị Ân ạ."

"Luộc đến thành cháo à. Bỏ ra mà ăn hết đi."

"Ăn làm sao hết những hai chục cái."

Sau những câu chuyện như vậy cả hai lại chìm vào giấc ngủ lơ mơ. Thường sang Giêng gió sông ấm hơn, đất bãi phả hương phù sa dễ chịu làm cho giấc ngủ của họ thường có những cơn mơ. Trong mơ, Ân lại thấy con gà trống tía với chiếc mào đỏ rực, cái ức rộng, và đôi cựa bóng như ngà mổ mổ vào ngón tay út của mình. Còn Mật vẫn cơn mơ vừa hạnh phúc vừa lo sợ. Mật thấy người lính trở về và ngay đêm đó Mật có mang. Và cứ tỉnh giấc, Mật lại dè dặt dặt tay lên bụng. Rồi Mật lại mơ hồ lo lắng khi cảm thấy bụng mình khang khác.

Một ngày giáp tết, chồng Ân đột ngột ghé qua nhà. Tiếng gõ cửa gấp gáp trong đêm làm Mật choàng tỉnh.

"Ai đấy? Ai đấy?" Mật quýnh lên hỏi.

"Tôi đây. Bấc đây."

"Giời ơi! Mật kêu lên - Anh Bấc..."

Khi cánh cửa vừa mở thì người lính ùa vào và ôm lấy Mật.

"Anh Bấc - Mật hoảng hốt - Mật đây. Em Mật đây mà."

Vòng tay người lính vội rời ra và thõng xuống.

"Ân đâu?"

"Chị Ân đi Kim Bôi sáng nay cùng mấy chị trong xóm, xem có lá dong rẻ hay quít cam gì đấy mua về bán chợ Tết. Em ở nhà trông nhà."

"Bao giờ Ân về?"

"Có lẽ mai chị Ân về, thế bao giờ anh đi?"

Bấc đứng lặng không trả lời. Gió sông lạnh thổi xối vào ngôi nhà tranh bé bỏng.

"Vào nhà đi anh, để em đốt lửa cho ấm"

Một lát sau ngọn lửa đã chui qua những cành củi khô và vươn lên.

"Em nấu cho anh bát cơm nhé?"

"Anh ăn rồi. Liệu ngày mai Ân có về kịp không?"

"Chị ấy sẽ nóng ruột mà về. Sao các anh biệt tin lâu ngày thế? Nhà em ra sao rồi anh?"

Mật rụt rè hỏi và đợi câu trả lời.

"Sau ngày sang sông, chúng tôi sống cùng nhau ở đơn vị được một tháng. Sau đó mỗi người đi một đơn vị. Nghe đâu Ngữ đang ở Bắc Cạn. Ở nhà không nhận được tin gì của nó à?"

"Không - Mật nói như khóc - Em và chị Ân Tết nào cũng mong các anh về. Năm nào hai chị em cũng gói nhiều bánh..."

"Mình sắp đánh lớn. Đơn vị tôi đang chuyển quân lên mặt trận Hòa Bình. Hai chị em ở nhà có khỏe không?"

"Chúng em thế nào cũng chịu được. Chỉ lo cho các anh hòn đạn mũi tên. Sao anh về chẳng tin cho chị Ân biết trước?"

"Đang kháng chiến mà cô cứ làm như..." - Người lính cười.

Gió thổi mạnh hơn qua những tàu chuối ngoài vườn. Sương xuống dầm dề trên mái rạ. Ngọn lửa như ngái ngủ cháy lờ đờ trên củi.

"Anh đi nghỉ một tí đi, kẻo mệt - Mật nói - Hết canh ba rồi."

"Cô đi nằm đi. Tôi ngồi đây. Cũng sắp sáng rồi."

Mật không trả lời. Chị ngồi im lặng nhìn những mẩu than nhấp nháy như những ngôi sao mùa đông. Giá như đêm nay Ân ở nhà thì hạnh phúc biết bao nhiêu. Và giá như người lính kia là chồng chị. Nghĩ đến đó máu trong người chị dào lên chảy xiết. Chị thấy mặt mình nóng rát. Chị nhớ đến cơn mơ thường gặp và chị muốn khóc.

"Chúng em ở nhà khổ lắm - Mật thổn thức - Giá như có mụn con thì đỡ khổ."

"Sắp hòa bình rồi. Chúng tôi sẽ về cả thôi. Rồi không có sức mà đẻ."

Người lính nói và cười lớn. Mật cũng bật cười theo. Nước mắt chị giàn dụa. Ngọn lửa cuối cùng đã chui vào đống than đỏ và ngủ vùi trong đó. Mật ngồi trong bóng tối, miệng lầm rầm "Chị Ân ơi về mau lên. Anh Bấc đang chờ chị, Ân ơi, mau lên..."

Cái gốc tre đã cháy hết. Hai bà lão ngồi im lặng. Hai gương mặt sạm đen và nhăn nheo như nằm bất động trên hai đầu gối xương xẩu. Một con chuột nhắt bé như cái hạt mít từ góc bếp bò ra. Nó rón rén leo lên chiếc mâm gỗ. Rồi bất chợt nó nhảy phốc lên miệng bát làm chiếc bát ăn cơm đổ kềnh.

- Bà ngủ rồi đấy à? Bà lão Ân quay sang phía bà lão Mật hỏi.

- Ngủ đâu mà ngủ - Bà lão Mật mở mắt nói và lại nhai tiếp miếng trầu còn ngậm trong miệng - Ăn miếng trầu thế mà say say.

- Chiều bà có che kỹ cái chuồng gà không?

- Che rồi. Tôi cho uống cả nước vối trong. Sương thế này sợ chồn vồ mất mấy con gà".

- Mẹ Phấn nó bảo Tết năm nay đón hai cụ vào nhà nó ăn Tết. Nó bảo hai cụ sống ngoài bãi như ma ấy.

- Ăn uống được gì đâu mà vào. Nó còn con cháu, khách khứa, thì giờ đâu mà hầu mình. Thôi chết, tôi bỏ quên cái rổ có cái áo giặt dở lúc chiều.

- Bà còn lú lẫn hơn cả tôi - Bà lão Ân nói.

- Chiều đang giặt dở thì bà Mến tưới trên bãi gọi nói chuyện. Thế rồi cứ quên mà về. Tôi phải xuống bến lấy.

- Thôi, mưa gió tối tăm thế này, đi rồi ngã ra đấy. Có cái rổ rách với cái áo nát ma nó lấy.

Nhưng thấy bà lão Mật cứ khăng khăng đòi đi, bà lão Ân với lấy cái nón đưa cho bà lão Mật và dặn:

- Đi chậm chậm thôi, bà ạ.

Trời đêm mênh mang. Bà lão Mật lom khom xuống bến. Bà đã đi không biết bao nhiêu lần con đường này. Và con đường đã ăn sâu vào trí nhớ bà.

Khi bà cắp rổ định quay về thì có tiếng cá quẫy mạnh sát bờ. Một vật gì

đó vô hình rơi vào ký ức bà tựa như cái quẫy của đuôi cá, rồi những vòng kỷ niệm xưa loang ra, loang mãi. Bà từ từ ngồi xuống nhìn dòng sông trong đêm. Nơi đây, mấy chục năm về trước bà tiễn chồng theo bộ đội sang sông. Cũng chính nơi đây, bà đã tiễn Bấc đi trong lần người lính ghé qua nhà không gặp vợ mình.

Suốt ngày hôm ấy vẫn không thấy Ân về - Bao nhiêu kỷ niệm đều mờ đi theo tuổi tác, nhưng những đêm như thế lại vẫn bám dai dẳng trong bà lão Mật - Hôm ấy, cứ thỉnh thoảng Mật lại chạy lên mặt đê ngóng về phía xa. Buổi tối ăn cơm xong, Bấc nói:

"Khuya rồi phải đi."

"Mai Ân về thôi - Mật nói như van - Tối mai anh hãy đi."

"Không được đâu. Tối nay tôi phải có mặt ở nơi đóng quân."

Khoảng chín giờ tối thì Bấc lên đường. Mật tiễn Bấc xuống bến sông. Khi đến sát mép nước Bấc quay lại. Anh đặt bàn tay lên vai Mật. Những ngón tay người lính mỗi lúc như bấu chặt vào vai chị. Mật thấy rét run lên, hai hàm răng chị va vào nhau lập cập.

"Anh đi nhé - Người lính thì thào - Hai chị em ở nhà thương nhau. Anh và Ngữ sẽ về sớm."

Bấc đi được một tiếng đồng hồ thì Ân về. Nghe tiếng Ân gọi cửa. Mật run bắn và òa khóc.

"Chị Ân ơi, anh Bấc về, Bấc về."

"Đâu, đâu? Anh ấy đâu?... Đâu?"

"Anh ấy đi rồi. Anh Bấc chờ chị suốt cả đêm qua. Anh ấy vừa sang sông..."

Bó lá dong lớn và sọt quít đồi đổ xuống như người ngã.

"Anh ấy đi lâu chưa? - Ân hổn hển - Anh ấy đi lối nào?"

"Anh Bấc lội qua bến nhà mình"

Vừa nói Mật vừa nắm tay Ân đi như chạy xuống bến. Đến bờ sông, Ân giật tay chị ra khỏi tay Mật và lội ào ào xuống nước.

"Chị ơi! Anh ấy đi xa rồi - Mật đứng trên bờ ôm ngực khóc gọi - Đừng sang sông nữa, chị ơi!"

Mật ngồi thụp xuống sát bờ cát ướt lạnh bưng mặt nức nở cho đến tận khi chị nghe tiếng khỏa nước mệt mỏi vào bờ. Ân rét mướt nghiêng ngả bước lên bờ. Hai người đàn bà trẻ đứng im lặng trước nhau. Rồi cả hai lao vào ôm lấy nhau nức nở. Gió sông như ấm hơn thổi dạt dào qua bãi về phía chân đê. Đâu đó thoảng mùi cỏ lên mầm hăng hăng.

Tết năm ấy, Ân và Mật vẫn lặng lẽ gói nhiều bánh. Nhưng Tết năm ấy, cả hai người lính của họ vẫn không về. Sang Giêng, hai người đàn bà mấy lần mang bánh luộc lại và mấy lần nhìn nhau khóc.

Mấy năm sau ngày hòa bình lập lại, Mật nhận tin báo tử chồng. Nhưng Tết đến họ vẫn gói nhiều bánh. Trong mơ chị vẫn thấy người lính trở về. Tỉnh giấc chị vẫn rụt rè đặt tay lên bụng mình và thấy khang khác. Nhiều lần Ân khuyên Mật nhận lời một người đàn ông nào đó. Những lần như thế, Mật chỉ

nở một nụ cười xa xăm ngơ ngác như nụ cười của một người vừa thức giấc trong giấc ngủ trưa. Sau đó thì Mật nói với Ân: "Bao giờ anh Bấc về với chị thì em đi lấy chồng."

Đợi lâu không thấy bà lão Mật về, bà lão Ân sốt ruột ra đầu ngõ hướng xuống sông gọi:

- Bà Mật ơi! Bà Mật.
- Tôi về đây.
- Đã bảo đêm hôm rồi còn mò xuống - Bà lão Ân cằn nhằn - Già rồi còn thích làm tội thân, tội mình.

Nói vậy nhưng bà lão Ân vẫn đứng lại đợi cho đến khi bà lão Mật lên đến đầu ngõ.

- Vào đi ngủ thôi bà ạ - Bà lão Ân nói - Tôi đau hết cả lưng rồi.

Gian nhà nhỏ trong đêm như rộng mênh mông. Hai bà lão nằm quay lưng vào nhau và thỉnh thoảng lại khúc khắc ho.

- Bà vẫn nhai trầu đấy à? Bà lão Ân nói.
- Tôi nhai cho hết kẻo phí.
- Nhai thế mà không mỏi mồm.

Đâu đó trên mái nhà có tiếng chuột đuổi nhau rinh rích. Từ cỗ áo quan* có tiếng mọt nghiến gỗ trèo trẹo.

- Bà có cầm bao diêm đó không? Bà lão Ân hỏi.
- Có, làm gì nữa bây giờ?
- Tôi xem con mọt. Có khi lúc mình chết thì mọt nó cũng cắn nát cỗ áo ra rồi.
- Nó nằm trong gỗ chứ nó lại chui ra cho bà xem.

Nói vậy nhưng bà lão Mật vẫn lấy bao diêm đưa cho bà lão Ân. Bà lão Ân bật diêm châm đèn soi cỗ áo quan. Bà nghiêng đầu nghe nghóng một lúc rồi lấy tay đập đập vào cỗ áo . Tiếng mọt chợt im bặt. Bà đứng bên cỗ áo quan cho đến khi yên tâm là con mọt không còn dám cắn nữa thì mới tắt đèn lên giường.

Gần sáng những ngọn gió cuối đông tuy còn lạnh như đã chơm chớm xuân thổi rạo rực qua ngôi nhà của hai bà lão. Và bà lão Mật lại mơ thấy người lính trở về. Nhưng khi nhìn rõ mặt thì bà nhận ra đó không phải là Ngữ mà là Bấc.

Vào đầu năm 1968, Ân nhận được thư Bấc gửi về. Trong thư anh nói đang đóng quân ở Quảng Bình bên cạnh một dòng sông đẹp như sông Đáy quê anh.

"Chị Ân ơi - Mật cuống quít - Chị đi vào tìm anh ấy đi. Đi ngay đi. Mọi việc đồng áng cứ để em."

Suốt mấy ngày đó, cứ chốc chốc Ân lại mang thư chồng ra đọc và khóc. Cuối cùng chị quyết định khăn gói đi thăm chồng.

Nhưng cuộc đời thật trớ trêu. Ân đi được dăm ngày thì Bấc về.

"Anh Bấc, anh gặp chị Ân không? Mật hốt hoảng hỏi khi chị linh cảm thấy điều không bình thường - Chị Ân vào Quảng Bình tìm anh rồi."

"Tìm anh hả? Đi bao giờ?"

"Chị Ân đi được dăm ngày rồi."

Nghe Mật nói, Bất đứng chết lặng. Mãi sau anh mới nói:

"Người lính nay đây mai đó, tìm làm sao được."

"Anh Bấc ơi, lần này anh phải ở nhà chờ chị ấy - Mật nói và khóc - Em không cho anh đi đâu cả. Anh Bấc ơi! Anh Ngữ hy sinh rồi!"

"Ngữ hy sinh rồi ư! Hy sinh bao giờ? Ở đâu?"

"Có giấy báo tử rồi anh ạ. Hơn ba năm rồi."

Đêm ấy Bấc nói với Mật:

"Sáng sớm mai anh phải đi. Lần này anh đi rất xa và có lẽ lâu lắm."

"Không. Anh phải ở nhà chờ chị ấy về rồi đi đâu thì đi. Nếu không chị ấy chết mất."

"Không làm sao khác được Mật ạ. Anh phải đi."

Khoảng canh tư thì Bấc khoác ba-lô lên đường. Mật tiễn Bấc lên đến mặt đê. Bỗng Mật ôm lấy Bấc khóc nấc lên:

"Anh Bấc ơi! Em thương chị Ân quá. Em thương anh hu... hu... và thương cả thân em nữa. Nếu anh Ngữ về được một lần thì em đỡ khổ, đỡ ân hận biết bao. Anh Bấc ơi, sao em không phải là chị Ân, sao anh không phải là anh Ngữ, hả anh? Hu... hu..."

Bấc không nói gì. Anh ghì Mật vào lòng. Cả hai người run lên. Mật vội đẩy Bấc ra, vội vã nói:

"Anh đi đi, anh Bấc, anh đi đi."

Nói xong, Mật nhào chạy xuống chân đê. Chị vừa chạy, vừa ngã vừa nức nở gọi tên Ân và tên chồng chị.

- Này, bà Mật, bà Mật, ngủ mê đấy à? - Bà lão Ân lay gọi bà lão Mật - Kêu gì mà khiếp thế?

- Tôi ngủ... mê à? - Bà lão Mật ú ớ hỏi - Sáng chưa bà?

- Còn chán.

- Bà cho tôi mượn bao diêm - Bà lão Mật ngồi dậy nói - Tôi dậy đi tiểu cái.

Bà lão Mật lục đục tìm đèn và bật diêm. Ngọn đèn dầu tỏa một quầng sáng vàng ấm trong nhà.

- Bà dậy đi tiểu.

- Không.

- Già thì phải chịu khó mà đi. Không nhỡ ra quần, ra áo khai lắm.

- Ôi giời! Bà lão Ân cựa mình, chép miệng - Bệnh già nó thế, ai mà muốn.

Khi gà trong xóm bên kia chân đê thi nhau gáy ran thì hai bà lão lại tỉnh giấc. Bà lão Mật lại nhóp nhép nhai cái bã trầu vẫn ngậm trong miệng lúc ngủ.

- Thế bà định Tết này gói bao nhiêu bánh? - Bà lão Ân hỏi.

- Cứ bảo mẹ Phấn nó mua cho đủ lá gói ba chục cái. Mình thì ăn là mấy,

nhưng nhỡ có ai về...

Nghe bà lão Ân nói vậy, bà lão Mật ngừng nhai trầu, hơi gnghiêng đầu về phía bà lão Ân như định hỏi điều gì đó. Nhưng bà lại thôi.

Bên ngoài, những ngọn gió sông đã chớm chớm Xuân vẫn rạo rực thổi qua ngôi nhà bé bỏng.

Hà Đông, cuối đông 1992
NGUYỄN QUANG THIỀU
(Trong nước)

---

*Ngày trước (có lẽ cả bây giờ) những người già ở thôn quê Việt Nam vẫn thường đóng trước cho mình một cỗ áo quan, tính trước chuyện "hậu sự".



ĐỖ QUYÊN

sự tích thơ

Thuở đó
thơ chưa có

Con tim những người yêu cháy đỏ
Lò tình
Hân hoan các đoạn đời
Hỏa táng
Những lọ, bình...
Tàn xương xám.

Rồi một ngày
những lọ, bình... bung vỡ:
Nước mắt những người yêu đã rỏ!
Long lanh
những lá cỏ trồi lên
... lơ đãng cúi mình
Thi sỹ lượm từng giọt thơ -
Lá cỏ...

ĐỖ QUYÊN



NGUYỄN MẠNH TRINH

mắt bão

Cuồn cuộn lòng reo từ mắt bão
Mây đùn lên vảy cá chết ươn
Húp mê lú giải oan đài cháo
Mai thế thân còn bước hoang cuồng

Gió buốt nghẹn thở vần lục bát
Nhớ và quên? Giấy trắng vẫn nguyên
Có hay không? Đất trời ẩn mật
Đời ai buồn như cạnh trăng nghiêng

Tảng bấc lạ ủ ê buổi sáng
Cỏ cây sương ngậm cũ sắc trời
Tháng ba, tháng tư đành dĩ vãng
Rứt thịt da còn vệt máu ôi

Trang cổ tích dáng ai ngồi dựa
Cõi nhân gian mỏi cánh tay chào
Nén nhang thơm cho người ngã ngựa
Sông mòn riêng cầu nhịp vẫy nhau

Vai chĩu nặng khét vầng lửa phỏng
Đáy vô tâm hằn nụ vết thương
Kỷ vật ai mặt gương hoang trống
Nhếch làn môi - chuyện kể phi thường

Sống là kết từng vần bảy chữ
Mái lầu khuya còn xám ánh đèn
Đất với trời đành hanh ngôn ngữ
Tối với ngày có khác tuổi tên

Và thơ cũng đoạn đành kết cuộc
Bụi tro than rắc tới ngàn phương
Biển xanh thẳm ngút ngàn thuở trước
Cát vẫn mòn sóng dạt hoang đường...

NGUYỄN MẠNH TRINH



HOÀNG XUÂN SƠN

chuyện tầm thường ở một góc độ

Buổi chiều Diệu My đi học về nét mặt cực kỳ thanh tú
mấy tay văn nghệ tụm năm tụm bảy
Lê Khắc Cầm ngồi dáng điệu quan trọng
nói luyên thuyên về triết lý phi-cứu-rỗi
Huỳnh Hữu Ủy hớt hơ chạy về từ đài phát thanh
nói Hoàng Ngọc Tuấn có truyện mới đặng lắm đăng ở Bách Khoa
Trần Hữu Thục gật gù tán đồng
còn mấy thằng làm thơ dở ẹt
mấy o cười cười nói Mường Mán hay lắm chớ
Lê Văn Tài vẫn điềm nhiên chấm phá những bức thái thủy
khi giọt mực cuối cùng nhòe đi như vì sao vụt tắt
Cửa Ngọ môn
đứng
khựng lại.

nam ai

Đàn nghe vẳng tiếng ru hời
chạnh lòng sông xưa ca nữ
quạ kêu sương cũng chín chiều
lạc loài mấy cung lưu thủy
phủi tay chừ phủi tay
nợ rồi xong hết nợ
tiêu dao tháng ngày
đàn đúm thê nhi dật dờ trăng gió
trầm hương chừ tắt lửa người
xa đấy gần đây
ngậm ngùi nhớ thương thương nhớ

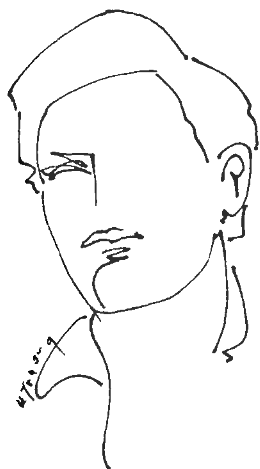
"Ừ thương thì thương,
ai hỏi đâu mà đo lường"
đa mang chi tài tử
cầm so dây rồi
khúc tư lự
nam bình gọi nam ai
giọng sầu chừ trách sông dài
trách non hờ hững mòn vai đợi chờ.

HOÀNG XUÂN SƠN
(*Trích* Huế Buồn Chi)



HỒ ĐÌNH NGHIÊM

trầm tích



Máy bay đáp xuống phi trường hồi nào tôi không hay. Chuyến bay bềnh bồng vì thời tiết xấu, vì lối kể chuyện của người ngồi cạnh ghế như một cái dĩa hát hư, quay một vòng rồi rơi đúng đường rãnh cũ đã làm tôi thiếp đi. Giấc ngủ chìm trong những cơn mưa lướt thướt, rơi hung bạo; trong đầu cũng như ngoài trời. Mưa nghiêng ngửa, mưa mù lòa. Mưa từ quê nhà dồn dập đổ sang tới tận đây.

Người đàn bà lay vai tôi:

- Chúng ta có dịp hút một vài điếu thuốc cho đã cơn ghiền rồi.

- Tạm biệt. Chúc cô con gái bà sinh nở được vuông tròn và bà được làm một bà ngoại hạnh phúc.

- Cám ơn. Nhưng mà tại sao lại tạm biệt?

Tôi đứng lên với tay mở cửa lấy cái xách nhỏ. Qua ô kính, nhìn ra có cảm tưởng như chiếc du thuyền vẫn còn trôi đi giữa đại dương. Một vài lần chớp từ trên cao vùng vằng đâm xuống, như đường đi của mạch máu kỳ quái sáng xanh. Trông rõ được tảng xi-măng xám nằm gần, và xa xăm là đường băng hút đen, tất cả mọi thứ đều sũng nước như đang mùa lụt lội.

- Mày không nghe hiểu người ta nói gì sao?

Người đàn bà đứng lên sửa lại mái tóc bằng hai bàn tay ve vuốt. Màu tóc giống như cụm rừng lá phong vào mùa Thu. Chiếc váy vằn vện tực đồ trận của những người lính qua tham dự cuộc chiến vùng Vịnh. Chỉ có mùi nước hoa, tôi yêu những mùi thơm đằm thắm và nhẹ nhàng đó đang từ người bà gởi tới. Nó có thể vực người ta đi từ sự bần thần tới được bên này bờ tỉnh thức. Hoặc ngược lại.

- Đây là Boston. Chỉ mới nửa đường. Lạy Chúa, đây là lần đầu tao gặp phải trở ngại trong chuyến đi xa.

- Vậy là nghĩa làm sao?

- Là núp gió, là đến trễ, là trời không cho chúng ta sớm gặp lại người thân. Ôi chao, đứa con gái tao tha hồ mà sốt ruột!

Than thở vậy thôi, môi bà ta còn cười được một nụ tươi. Hành khách lục tục rời khỏi máy bay. Trước khi nối đuôi, kẻ đồng hành ngồi sát ghế thò tay sửa lại sợi dây của áo lót. Da ngực nhiều tàn nhan, đồng hồ đeo nơi cổ tay bà chỉ số 10. Tôi nghe theo lời rủ rê: ra phòng đợi phi cảng kiếm ly cà phê uống cho tỉnh táo. Những cô tiếp viên hàng không đứng ở cửa máy bay cười trong yên lặng. Tôi nhớ lời bạn tôi đùa trong điện thoại: việc đầu tiên khi lên máy bay mày hãy ngắm lựa trước một người đẹp, thời buổi này ba cái vụ tai nạn trên không xảy ra như cơm bữa, rán sức tàn ôm được em tóc vàng nào đó thì khuất núi cũng có kẻ bầu bạn, đỡ vã. Cái rộng lòng và cái miệng buồn của người ngồi bên luôn huyên thuyên chuyện kể làm tôi quên khuấy lời tâm huyết của thằng bạn. Bây giờ thì tôi tìm được người rồi, nhưng liệu lần bay tiếp sấm sét thiên lôi có nhắm con chim sắt này mà phang tới một búa không? Tôi đọc được cái bản tên cài trên bộ đồng phục: Debbie B. Tôi hỏi người mà lỡ có chết đi tôi sẽ nguyện nằm sát bên thi thể cô ta:

- Bao lâu thì mình có thể tiếp tục cuộc hành trình?

Debbie, tên một loài động vật có vú biết bay nhỏ nhẹ lên tiếng:

- Khoảng nửa giờ, không chắc lắm, thưa ông.

- Cám ơn, hẹn gặp lại.

Tôi nhắm theo cái váy "lực lượng đặc biệt" đang vùng vẫy phía trước mà cất bước. Bà ấy đã nói hết sự hiểu biết của bà về Việt Nam cho tôi nghe khi máy bay lên không lâu, vừa lấy lại bình phi. Nghe vui tai như một hướng dẫn viên du lịch bảo Hà Nội có món bún bò nổi tiếng và giả dụ có đến Huế thì phải ăn cho bằng được món phở danh trấn thiên hạ. Bao giờ cũng vậy, đi xa mà có người chuyện vãn thì đoạn đường nó sẽ vơi ngắn đi, đúng không? Ôi dà, đứa con gái tao thật tội nghiệp, mang thai và tối ngày chỉ biết duy một việc là nôn mửa. Mày biết đó, đàn bà mà; đâu có thảnh thơi khỏe khoắn như đàn ông. Tôi muốn biểu lộ cho bà biết thêm đôi chút về Việt Nam: Nhưng mà những thằng đàn ông sẽ chẳng ra cái quỉ gì hết khi thiếu mặt đàn bà. Bà làm tôi nhớ tới mẹ tôi, ơn sinh thành dưỡng dục, nhớ người chị bất hạnh, và thương những cô gái phải chịu rách da xẻ thịt khi tới được xứ lạ. Cái đĩa hát như được thay đầu kim, hát hò thêm sôi nổi và lâu lâu nhập vào đường rãnh có trước: Vậy đó, bây giờ nó sắp sửa làm mẹ rồi, một người mẹ mười tám tuổi, nó hỏi ý tao con trai tên Neil có được không? Con gái Nancy có hợp nhĩ chăng? Khi sinh con mẹ rặn có lâu không? Đẻ tự nhiên hay chính thuốc giục? Tôi nhớ trước đó bà có hỏi tôi sang đây đã lâu mau, đang làm nghề gì và phải đang hưởng hai tuần lễ nghỉ hè? Tôi trả lời nhát gừng, nhưng thành thật. Tôi chẳng ba hoa mình là một cậu sinh viên y khoa gần ra trường hành nghề sản phụ khoa, vậy mà trong tai tôi chứa đầy những hình ảnh "thiêng liêng": Bụng mang dạ chửa, tắt kinh, nôi ọe, lâm bồn, máu đổ, sữa chảy, vú căng. Tôi thiếp đi một giấc ngắn. Đầu tôi đặc kín những bóng hình. Mẹ tôi mặc trên người chiếc áo dài sờn cũ đi quanh quẩn bên bàn thờ. Chị tôi đóng vai chính, khuôn ảnh đặt trang trọng ngay ngắn sau cái bát tro dùng để cắm hương, là duyên cớ xô đẩy ra không gian tù đọng trong gian nhà nhỏ cái nỗi tịch lặng đến đau

điếng. Đôi mắt chị buồn, chẳng phải vì chị mất đi tôi mới nhìn ra cái ai oán đầy số kiếp nằm đọng vũng ở trong hai cái hạt dẻ kia. Mẹ tôi đã thôi khóc, những bẹ lá chuối đứng ngoài vườn run lên bần bật dưới mưa tình cờ trút rầm rộ vào buổi giỗ trăm ngày của chị. Cây lá sum suê quanh đây còn bầm dập thế kia thì nấm mộ cô quạnh giữa bãi đất dưới chân núi trọc chịu đời chi thấu những hoạn nạn của thiên nhiên? Mẹ tôi đốt ba cây hương rồi dúi vào tay tôi: Nếu con có thành tâm ước ao một điều gì thì hãy khấn xin, chị sẽ phù hộ cho. Tôi đứng lóng cóng vụng về trước bàn thờ tệ hại như một chú rể còn trinh bị đày ải qua nhiều nghi thức trước đêm tân hôn. Tôi chảy nước mắt và tôi nghĩ khi yêu thương nhau, đôi khi người ta không cần phải thổ lộ một điều gì cả, chẳng xin xỏ l ôi gây nhiễu loạn tới lòng thương hại của người khác. Tôi cầm hương và bặm chặt đôi tay. Lần đầu tiên, nỗi thù hận ùa tới xâm thực lấy hồn tôi làm tôi say vật vờ đến bạc nhược cả cơ thể. Ở vào tuổi hai mươi tám, người ta không có quyền vắng mặt một cách đột ngột như thế. Tôi sững sờ trong những suy nghĩ dẫn tới việc trả thù cho chị trong khi mẹ tôi lẩm bẩm những điều xa vời, thiếu thực tế: Cầu xin cho em con sớm có ngày vượt biển bình an...

- Coi bộ tịch mày như một đứa thiếu ngủ. Hay là không quen đi máy bay? Ngồi xuống đó đi. Trông hộ tao cái túi hành lý này, tao thử gọi điện thoại cho đứa con gái tao biết. Trời ạ, chẳng biết nó còn ở nhà hay đã ra ngồi đợi ở phi trường rồi?

Tôi không thiếu ngủ. Đi máy bay thì cũng chả có gì lạ lùng đến nỗi phải bị say sóng gió dật dờ. Tôi không ngồi xuống ghế. Tôi đeo cái túi rất là đàn bà có in hàng chữ Lancôme-Paris vào vai rồi xớn xác đi kiếm mua ly cà-phê. Bạn tôi chắc cũng không có nhà giờ này, nó hẳn đang ngồi ở một cái quán nào đó và lỡ cuồng chân chạy đến phi trường thì tự khắc sẽ hiểu ra cái giờ cao su của những chuyến bay, của sự đến sự đi.

Khi trở lại hàng ghế, người đàn bà lộ vẻ mừng rỡ khi thấy mặt tôi. Đứa con gái bà chốc nữa đây sẽ đón nhận một chân dung giống hệt thế. Bà vội vàng tháo gỡ cái xách từ vai tôi làm như tôi đang mang bầu ì ạch vác thêm thứ khác thì ảnh hưởng tới thai nhi, không nên.

- Cũng nặng chứ không nhẹ đâu. Toàn cả quà cáp dành cho hai mẹ con nó. Trời, tao đợi mày lâu quá chừng. Kiếm đâu ra cà phê vậy?

Tôi dong tay chỉ chỗ rồi ngồi xuống một cái ghế kê sát cửa kính. Mưa vẫn chưa chịu ngớt hạt, nó làm khung cửa biết rịn đổ mồ hôi, từng giọt từng giọt chảy xuống ngoằn ngoèo, hay một triền má có nước mắt lăn về phía cằm? Tôi đốt một điếu thuốc, tôi biết gió đang chạy luông tuồng ở ngoài bóng đêm. Trong này ấm áp vậy mà tay tôi run như một bẹ lá chuối đứng giữa vườn mưa. Tại sao? Tôi nhớ tấm bia xi-măng nhám thô người thợ vụng tay nào đã viết lên run rẩy cái tên người chị. Ngày sinh tháng đẻ, ngày chết tháng mất, hưởng dương hai mươi tám tuổi. Tôi từng đứng cúi đầu trước nấm mồ mà cỏ mọc lưa thưa trông như đầu tóc của kẻ mang trọng án vừa được tại ngoại. Đứng mặc niệm, đứng nhớ li ti từng kỷ niệm vụn vặt có với chị, đứng mà gió có thể

xuyên qua một cõi lòng vốn đang trống trải những mất mác.

- Mày có thấy đứa con gái đứng khóc đằng đó không? Ở phi trường nào rồi cũng có ngần ấy hoạt cảnh. Tao nghĩ khi mày sang đây, mẹ hoặc chị mày sẽ chảy nước mắt khi tiễn đưa?

Người đàn bà lắm chuyện ngồi xuống một bên, mùi nước hoa chờn vờn và cái ly giấy đựng cà phê sóng sánh những giọt chực đổ xuống nền tapis màu xám. Bà thắp thuốc, mười ngón tay lại đưa lên vuốt sửa những sợi tóc có màu lá chết.

- Tôi không có được sự đón nhận may mắn ấy. Bà từng nghe qua hai chữ boat people chưa? Một khối biển mặn chứ không là vài hàng nước mắt.

- A, thuyền nhân. Báo chí gọi đó là sự tháo chạy làm đánh thức lương tâm nhân loại.

- Thật sao?

- Người ta còn tốn biết bao nhiêu thứ chỉ để cứu sống một đàn cá đang gặp nạn ở gần Bắc cực. Mày không xem truyền hình à?

- Bày ra nhiều trò nhỉ?

Người đàn bà nhún vai:

- Đời là thế.

Tôi đánh vần từng chữ *c'est la vie* trong đầu.

- Chẳng biết mạng sống giữa thú vật và loài người cái nào nên dành ưu tiên hơn?

- Mày đừng có nên thắc mắc kiểu như vậy. Cũng như tao không hề có ý kiến trước những câu nói: di dân là gánh nặng mà tự dưng chúng ta phải nai lưng gánh vác. Ôi dà, cà-phê gì mà dở tệ. Một kinh nghiệm, chớ nên gọi cà-phê ở sân ga, ở bến tàu và ở phi trường.

- Bà liên lạc được với người con chưa?

- Không có nó ở nhà, tao nhắn trong máy là tụi mình đang ở đây. Tao bảo, mẹ cũng đỡ nôn nóng khi có một cậu trẻ ngoại quốc ngồi tiếp chuyện qua đêm.

- Bà làm tôi nhớ tới người hàng xóm nơi tôi ở. Một bà mẹ khoảng độ bốn mươi luôn giáo dục cô con gái tám tuổi: *Don't talk to stranger*. Tôi ở trọ đã sáu năm, chữ kẻ lạ là chữ tôi vẫn chưa hiểu thấu tường tận.

- Nhưng mà chữ hạnh phúc thì chắc mày hiểu rõ. Khi người ta muốn bảo vệ hạnh phúc người ta sẽ làm đủ mọi cách, kể cả những lo ngại hiện rõ cái bất lịch sự tưởng không nên có.

- Cầm con dao mà đâm vào kẻ đã phá vỡ hạnh phúc của mình thì bà nghĩ sao?

- Mày rắc rối cũng vừa phải thôi. Đừng bắt tao phải làm đứa con gái tám tuổi học thuộc lòng câu chớ nên nói chuyện với người lạ mặt.

Bà đánh vào vai tôi rồi nhích mông ra xa để dụi điếu thuốc.

Mưa vẫn cần mẫn trong động từ rơi. Đất sẽ mềm, dễ dàng cho những nhát xẻng xắn xuống tạo thành một hố sâu hình chữ nhật. Thù hận được chôn xuống theo lần hạ huyệt hay truyền kiếp mãi dây dưa?

*

Bàn tiệc kê được mười bốn cái ghế. Đàn bà đàn ông ngồi lẫn lộn, trai thừa gái thiếu. Ly cốc chẳng đồng dạng đứng lổn ngổn trên bàn, cái rượu vàng cái nước ngọt nâu đen. Kẻ nới lỏng cà-vạt người sửa lại đôi bông tai. Ai nấy mặt mày vui tươi như thảy đều là cô dâu, đều là chàng rễ. Không, bọn họ đều đã bước chân qua cái ngưỡng cửa đầu đời ấy từ lâu rồi. Chỉ có tôi, riêng mình tôi còn xa lạ lạc loài.

Một người đàn ông nhìn tôi thăm dò rồi quay sang Hạnh:

- Hồi nãy chị hát bài đó thật hay.

Hạnh nói cám ơn. Cô hỏi tôi, anh mệt hay sao mà mặt mày xanh quá vậy? Tôi cố cười cho Hạnh an tâm. Tôi nói không khi người đàn ông vừa ban lời khen thưởng kia cầm ly rượu bỏ đi. Kỳ thực lòng tôi như đang bị tẩm cả hàng trăm thứ rượu. Hoang mang, hồi hộp, và cả ngàn thứ cảm xúc khó chịu dâng lên làm ngộp thở. Tôi tự trấn tỉnh mình bằng cách nhìn vào ngực người đàn bà ngồi đối diện. Bằng cách giả bộ ghen tuông với thằng bạn, tại sao hắn có được một cô vợ dễ thương đến thế. Hạnh trẻ đẹp, Hạnh thích sinh hoạt trong cộng đồng người Việt và dĩ nhiên, Hạnh hát rất hay.

Từ trong bếp, gia chủ bước ra với hai tay là hai đĩa thức ăn đầy vun. Ông ta đặt ở giữa rồi tới ngồi đằng mút bàn, nơi có chiếc xe đẩy đựng đá vụn và những chai soda.

- Nói một đôi lời đi chứ.

- Phải rồi. Ông đâu phải kẻ khù khờ mà cũng được trời đãi, đang mưa gió tơi bời khi không lại ửng nắng cho buổi hôm nay.

Gia chủ đứng lên. Tóc ông ta đã có những sợi bạc. Thời gian, thời gian. Nó khiến ông ta già yếu đi đồng thời tấn phong cho ông trở thành một tên nhà văn. Và nó không khắc khe cho riêng một ai hết, từ một đứa con trai thấy gái là đỏ mặt ngày nào, giờ đây tôi có thể cưỡng hiếp con mẹ mặc áo trạc ngực ngồi đối diện kia. Thời gian đã lùa mọi người đi qua cửa ải của đổi thay, tôi nhìn ra ông vì có lý do, nhưng còn ông? Tay tôi đổ mồ hôi, tôi nép mặt sau lưng Hạnh.

- Có lẽ sẽ thừa thải đi khi tôi nói cám ơn các bạn. Buổi ra mắt sách vừa rồi thành công hơn điều tôi dự tưởng, đó là do nơi cảm tình của các bạn đã bỏ công đóng góp cho. Buổi tiệc nhỏ này được gọi là hàn huyên trên nỗi vui mà các bạn làm cho tôi nhớ mãi về ngày sinh của đứa con đầu đời này.

Tay ông ta cầm cuốn truyện đưa lên. Một vài tiếng vỗ tay nghe sôi nổi.

- Bạn nào chưa có sách thì sẵn đây tôi xin được ký tặng. Có lẽ Hạnh là người đầu tiên, phần phụ diễn văn nghệ được nổi bật là do ở Hạnh nhiều.

Ông bước lại gần Hạnh. Tôi chùi tay vào quần. Những cặp mắt như đều đổ dồn về phía tôi ngồi. Tim tôi co thắt như người chồng xấu số bắt gặp vợ mình đang ngoại tình với một thằng bạn thân.

- Cám ơn Hạnh nhé.

- Dạ, cám ơn anh.

Cuốn sách nằm trong tay Hạnh khá dày, bìa vẽ một thiếu nữ có gương mặt ngác ngơ đứng dưới hai chữ *Trầm Tích.*

- Anh này đã có chưa? Đi cùng Hạnh hả?

- Dạ, là bạn của Hạnh. Vừa ở Mỹ qua thăm.

Ông ta chìa tay ra, buộc lòng tôi phải xô ghế đứng dậy. Tay tôi run, khó nhọc nắm lấy bàn tay xương xẩu. Những ngón ấy bóp chặt và bên trên tôi nhìn phải một cặp mắt sâu thẳm như biết tra vấn.

Ông hỏi tên tôi rồi cúi mặt xuống trang sách trắng vừa giở lật. Hạnh ngước mắt nhìn lên, như muốn giúp dỡ tôi nếu sự bối rối có khả năng làm tôi phải quên khuấy đi tên cha sinh mẹ đẻ của mình.

- Johnny Trần.

Tôi nói nhanh. Giống hệt một đứa Việt Nam có nhiều mặc cảm khi phải khai cái tên đã lai Mỹ. Mắt Hạnh thoáng vướng chút ngạc nhiên, lát nữa đây thế nào sự ngờ vực ấy cũng sẽ tìm cách hiểu cho ra lý do. Đó là ánh mắt của đứa bạn tôi khi nghe tôi ngõ ý muốn cùng Hạnh đi tham dự buổi lễ ra mắt sách: Bày đặt văn với hóa, mày biết con mẹ gì về cái thế giới phiền nhiễu ấy, ở nhà tao làm đồ nhậu có phải sướng hơn không? Tôi nói với hắn, ít ra mày cũng an tâm khi có tao làm hộ vệ cho Hạnh từ đây tới khuya. Hắn tiễn chúng tôi ra cửa, nhặt một sợi tóc rơi trên trên áo Hạnh và hôn nhẹ một bên má vợ. Hắn là một thằng dàn ông hạnh phúc và cả tin. Nếu tôi có tà ý để nhận chìm tình bạn giữa hai đứa xuống bùn đen bằng cách sàm sỡ Hạnh giữa con lộ vắng, liệu hắn có xách dao tìm tôi mà rửa nhục không?

Có ai đó đề nghị mọi người nâng ly uống cùng lần. Ông văn sĩ về lại chỗ ngồi và thay vì nắm lấy cốc rượu, tôi săm soi cúi nhìn món quà có bất ngờ. *Trầm Tích*. Truyện dài. Trang kế tiếp in vỏn vẹn một hai hàng chữ: Để nhớ T. cùng những ám ảnh không nguôi dẫn tôi về thế giới của chữ viết.

Hạnh ghé tai nói nhỏ:

- Anh còn nhiều thời giờ để đọc nó, và thích hợp nhất có lẽ là đọc trên máy bay khi trở về lại Mỹ.

Hạnh cầm ly và tỏ ý muốn cụng ly với tôi.

- Bớt đăm chiêu đi, rồi Hạnh giới thiệu cho một người bạn gái.

Tôi uống hết ly rượu đã nhạt. Khi ngửa cổ, tôi nhìn thấy người dàn bà ở ghế đối diện như là hình nhân bằng sáp đang bị nóng chảy. Qua vành ly thủy tinh, cổ bà ta mọc dài ra, và phần ngực móp méo như thời son trẻ đã bước ra không biết bao nhiêu cửa hiệu thẩm mỹ viện. Một người bạn gái? Tại sao tôi lại không thể được như thằng bạn? Mỗi sáng lái xe tới sở làm, buổi chiều dong ruổi ngược lại lộ trình cũ. Tẻ nhạt nhưng ổn định. Buổi tối ôm lấy Hạnh trong vòng tay, hai đứa nằm hình dung tới một khuôn mặt thứ ba, những bước chân dọ dẫm đầu đời đi lui tới rộn ràng trong căn nhà đầy tiếng cười. *Don't talk to stranger*. Đôi mắt xanh như màu biển cả ấy nhìn tôi chăm chú. Đứa bé học lớp bốn tiểu học nhích bước gần kề tới lằn ranh vô hình trên sân cỏ mọc nhiều hoa dại run rẩy giật mình bởi một tiếng la thảng thốt. Tôi cũng là kẻ lạ của

chính tôi. Tôi đăm chiêu, tôi lạc lõng giữa đám đông. Làm sao để cho Hạnh hiểu được? Cái đám đông mà sự lạc quan dường như luôn ăn nằm với họ, tới độ mới mở miệng là câu nói ấy nhuốm đầy chất khôi hài. Rồi thì những thân hình vật vã cười nghiêng ngửa. Những đôi vú có dịp giật bắn lên sau tấm vải áo, thao tác hơn cả một sự thổn thức dài lâu.

- Này, không phải nói đùa, tôi tin là cuốn sách này sẽ có một số bán kỷ lục.

- Bạn quá khen, truyện tôi soi kính hiển vi chẳng có lấy một chữ chửi Cộng.

- Đừng nói thế. Ông có phải là một nhà văn không?

Bà ngồi đối diện sửa lại cái áo hở cổ, quay mặt nhìn về phía gia chủ:

- Nếu anh là nhà văn, tôi nghĩ anh phải có một thái độ sao cho thích hợp với hai chữ cao quí đó.

Những đôi đũa ngường gắp đồ ăn. Những cái mồm đang nhai nuốt vội ba cái thứ vướng mắc trong răng lưỡi xuống cổ họng để kịp góp tiếng. Tôi thấy mỏi mệt, tôi kẹp cuốn sách dưới đùi và tôi nhìn cánh tay trần có nhiều lông măng của Hạnh. Hạnh bây giờ cũng cỡ tuổi chị tôi hồi đó. Da chị tôi xanh và mỏng, thấy được những sợi gân máu chạy li ti bên dưới. Lên gần vai có vết sẹo tròn của lần ngừa đậu mùa mà đứa bé tiểu học nào cũng không tránh khỏi. Cánh tay Hạnh mượt mà không tì vết và giả như bị say rượu cơ thể yếu đuối của tôi sẽ được tựa nương vào đó.

- Cũng chả cần băn khoăn tranh luận chi dông dài. Anh Quốc Gia anh Cộng Sản gì cũng là người hết ráo. Và cái bọn làm người thấp hèn ấy sẽ mềm lòng nếu nó đón nhận một áng văn có giá trị.

- Tôi cũng đồng ý như vậy. Tôi mà viết văn được tôi chỉ khai thác duy nhất một đề tài: chuyện tình.

- Thì cuốn truyện này không phải là kể ra một chuyện tình đó sao?

- Không. Chuyện tình gì kỳ lạ vậy? Anh thử hỏi tác giả xem sao. Vừa yêu nhau rồi thì dẫn tới cái chết của nhân vật nữ. Dông dài không định hướng một hồi thì dẫn tới chương cuối là ông X kia về lại quê nhà để sửa sang nấm mộ của người yêu xưa. Không được, nó buồn quá và chẳng đi tới đâu cả.

Hạnh rót cho tôi một ly rượu khác, cô làm tôi cảm động:

- Hồi nào thấy không thích ngồi lại thì nói cho Hạnh biết. Uống nổi chứ?

- Hạnh thường đến đây không?

- Lần này là lần thứ hai. Hôm trước thì có mặt mấy anh chơi đàn để cùng dợt trước những bài hát.

- Hạnh biết phòng vệ sinh nằm ở đâu chứ?

Hạnh cười. Đôi môi đỏ và những cái răng trắng bóng.

- Ngoài hành lang kia, sau cánh cửa thứ hai.

Tôi nhẹ đẩy ghế lui, đi đái mà cũng sợ gây cản trở tới những tranh luận ồn ào của bọn họ. Nếu nín được tôi đã chịu khó ngồi yên, bụng tôi óc ách khó chịu và nghĩ là mình phải giải tỏa một thứ gì đó trong người ra. Bạn tôi nói đúng. Mày biết con mẹ gì về thế giới phiền nhiễu ấy. Một thế giới mà trong đó người ta sống thở như có vẻ không thực. Mộng tưởng hoặc nhiều dối trá.

Nếu muốn làm khác đi, sự thành thực phơi bày ra chữ viết sẽ tức khắc được đón nhận bằng những gây hấn, mạ lị, lăng nhục. Những tên viết văn muôn đời không phải là những thằng chiến sĩ!

Những tiếng nói bên bàn tiệc vẫn còn đuổi sau lưng tôi. Tôi đứng đái, tôi kéo quần lên, tôi dội nước mà ngoài ấy vẫn chưa chịu thay đổi đề tài. Khi mở cửa, tai tôi nghe được một dòng nhạc len lỏi truyền tới. Quen thuộc và dễ chịu. *Feels good to me* của Black Sabbath. Cánh cửa thứ ba đang hé mở, ánh sáng trong phòng lùa ra hành lang một hình bình hành vàng úa. *The chapter is opened and the pages are turned*. Lời nhạc cuốn bước chân tôi lại gần. *The writings say many things but who was concerned*. Một đứa con trai ngồi rung đùi trên ghế, tóc để dài và nhìn nghiêng thấy mắt nó đang nhắm kín. Tôi gõ cửa:

- Vào được không?

- Dạ... Chú vào chơi.

Nó nhường ghế rồi tới giường ngồi thu chân dưới cái gối. Ngọn đèn nơi bàn học đọng vũng trên bức ảnh chụp ba người đứng ôm nhau như một khối thịt da chẳng hề muốn tách rời. Ông văn sĩ, người đàn bà tóc hớt ngắn, và cậu bé mặt mày kháu khỉnh. Tôi chỉ tấm ảnh:

- Hồi nhỏ đó hả?

- Dạ... Sao chú không ra nhậu nhẹt?

Tôi cười với chữ dùng của nó.

- Nhậu nhẹt? Ngoài đó họ đang say sưa bàn cãi thế kia.

- Bạn của ba toàn là như vậy hết. Cháu không hiểu họ muốn làm điều gì. Chú là gì của ba?

- Không là gì cả. Chú vừa ở Mỹ sang đây chơi lần đầu.

- Ở Mỹ? Má của cháu cũng ở bên đó.

Tôi nhìn người đàn bà tóc hớt ngắn trong ảnh chụp. Ý nghĩ có trong đầu vụt biến thành câu hỏi:

- Tại sao lại như vậy?

- Chẳng biết. Mà chú cũng không biết thật sao?

Tôi thắp lửa điếu thuốc. Chẳng hiểu sao lòng tôi đã dịu bớt những con sóng khiến tay tôi luôn run trước đó. *I wonder does it not seem strange to you, just how the tables have turned on me and you? It feels good to me...* Bản nhạc dứt. Băng hết quay và máy cassette tự động ngừng tắt.

- Có lẽ tại má cháu giống chú ở một điểm, không thích ba cùng những người bạn của ba. Họ như luôn sẵn sàng làm khổ những người khác.

Hạnh xuất hiện ở cửa. Cô đưa tay phát một cử chỉ như vẫy chào:

- Không nên vắng mặt lâu như vậy. Nếu muốn về, hãy theo Hạnh vào chào người ta một tiếng.

Tôi đứng lên. Tôi có cảm tưởng Hạnh như một bà mẹ bận rộn bởi đứa con ưa chạy phá nghịch ngợm lung tung ở nhà người bạn quý, nếu không sớm canh chừng biết đâu nó đã làm vỡ vụn một thứ đồ vật nào đó. Tôi đưa tay ra cho Hạnh dẫn dắt.

- Đừng có đùa, cháu nó cười cho.

Chúng tôi bước vào phòng ăn. Những khuôn mặt đỏ ké ngẩng lên. Có người nào chụp ngay lấy tôi để đưa vào câu chuyện đang dang dở.

- Đấy, như thế hệ cái anh chàng này đây, tôi tin là tuổi trẻ họ không có trải qua những chuyện tình lãng mạn như bọn mình đâu. Họ làm tình trước khi họ hiểu được thế nào là tình yêu.

Ông văn sĩ cúi mặt xuống nhìn những ngón tay đang đùa nghịch mẩu bánh mì nhỏ nằm trên đĩa trống.

- Tôi tôn trọng tất cả những ý kiến của các bạn. Điều mà tôi muốn lưu tâm, đó là sự thành thật. Các bạn cũng hiểu rằng, tôi là kẻ từng gặp phải những cảnh huống buồn lòng. Cuốn sách này ra đời, nó đã chịu đánh đổi thêm những mất mác khác, nhưng tôi bằng lòng với sự thua thiệt đó. Thà mà như vậy. Qua đó tôi hiểu thế nào là tình người. Buổi tiệc này còn có thêm một ý nghĩa khác, như một lời chia tay; bởi đúng theo trình tự của câu chuyện tôi viết thì cái đoạn cuối tên X. nó sẽ về lại bên nhà mà sửa sang lại nấm mộ của người yêu cũ. Vâng, mai này tôi tom góp hết tiền bán sách để về Việt Nam làm cái việc lẩm cẩm như tên X. đã làm. Về lại quê hương. Có bạn nào ở đây lên án tôi không?

Hạnh nói một câu không ăn nhập vào vấn đề. Nói rụt rè:

- Xin phép các anh chị cho bọn này được về trước.

Bà mặc áo hở cổ nhăn răng ra đùa nghịch:

- Ủa, hai người này tính về Việt Nam trước để mở đường đó hả?

Vài tiếng cười nổi lên. Ông nhà văn bước tới như muốn tiễn chúng tôi. Cứu thoát ra khỏi thế giới riêng biệt của "người lớn".

- Cám ơn Hạnh lần nữa. Bên nhà còn ai không, tôi sẽ mang hộ những thứ mà Hạnh muốn nhắn gửi.

Ông mở sáng ngọn đèn nơi hành lang. Khi ra gần cửa, ông quay sang tôi:

- Không thích không khí này hả? Rầm rộ cho đỡ buồn thế thôi, làm nên được trò trống gì!

Ông nhanh tay lấy cái áo khoát móc trên giá xuống, cầm sẵn cho Hạnh dễ luồn tay vào. Sau lưng ông, có bức ảnh đen trắng lộng gương treo tường. Bức ảnh chụp tuồng như đã lâu, và có cái gì đó ngó quen thuộc dưới mắt tôi. Nó có đủ sự hấp lực kéo tôi đến gần. Một đôi tình nhân đứng bên hồ Thủy Tạ ở lăng Tự Đức. Người con gái có đôi mắt buồn, áo dài trắng, mái tóc thề và chiếc nón bài thơ cầm ở tay. Dưới góc ảnh có hàng chữ viết đã nhòe nét mực, nhưng trong toàn thể những chữ nghiêng ngửa kia tôi còn đọc ra tên họ của chị tôi.

- Tác giả một phần cuốn truyện *Trầm Tích* đấy. Mai mốt tôi về, bằng mọi cách sẽ mang cho được một cuốn mà quỳ xuống trước mộ cô ấy để đốt từng tờ, từng tờ. Đốt cho thành tro than...

*

Vợ chồng người bạn đưa tôi ra phi trường. Trời nắng ráo và đất dường như đã cứng lại sau những cơn mưa tưởng chỉ có rơi trên một Huế khuất lấp vạn dặm đầy tai ương.

- Mày qua thật không đúng lúc. Mà cả khi trở về cũng thế, hôm nay tao mới lấy được vacation.

- Ừ. Hầu như anh chẳng biết mặt mũi thành phố này nó ngang dọc ra sao cả. Ở nán lại đôi ba hôm đi nhé?

- Sang năm. Và tôi thích nhìn thấy Hạnh vác bụng bầu đi đón tôi.

- Không, không đúng. Hạnh sẽ rủ một đứa bạn gái đi coi mặt anh thì thích hơn. Hạnh đã hứa thì không quên lời đâu. Cũng như việc anh nhờ thì Hạnh sẽ nhớ làm đúng theo.

- Việc gì thế? Ngoài bà mai ra em còn có thêm công tác nữa sao?

- Không. Tiện có người về thăm nhà, anh ấy gởi chút tiền để sửa sang mộ chị anh ấy.

- Ủa, anh mà có được một thằng bạn hiếu thảo như vậy à? Thôi, thượng lộ bình an. Chuyến bay có được một tên hành khách tốt bụng như mày thì chắc là không gặp phải trục trặc. Nhắm con mắt lại mà ngủ nghe mày, đừng có nhọc công láo liên tìm kiếm một em tóc vàng làm chi cho khổ thân.

Tôi nói tạm biệt và tôi quay lưng. Tôi nhớ tới người đàn bà ngồi cạnh ghế ở lần bay trước. Tôi tin là giờ này bà ấy đã thành bà ngoại, bận rộn với đủ thứ niềm vui do cháu con mang lại.

Tôi ngoái đầu. Chẳng thấy bóng thằng bạn tôi. Chỉ có Hạnh, mình Hạnh đứng đó với một tay dong cao vung vẫy. Cánh tay đầy lông măng, cánh tay trần không tì vết và mát lạnh. Cánh tay cho tôi gối đầu ngồi kể chuyện trong xe.

- Hóa ra anh sang đây không phải với mục đích thăm viếng tụi này.

Những ngón tay lùa sâu vào trong tóc tôi. Những ngón tay của người chị ngày nào đứng lúi húi cắt tóc cho tôi với cả một sự triều mến. Anh làm Hạnh cảm động và anh xử sự đúng như lòng tin cậy của Hạnh...

Tôi đưa tay ra và thổi về phía Hạnh một nụ hôn. Đó là nụ hôn mà khi hai mái đầu kề gần nhau tôi đã không thể ghì chặt lên môi Hạnh. Tại sao Hạnh lại có một đôi môi giống hệt chị tôi? Một đôi môi của người vấn số.

HỒ ĐÌNH NGHIÊM (7.93)



LÊ THỊ THẤM VÂN

bài học vỡ lòng

Năm mười ba tuổi
lần đầu nhìn xuống cơ thể mình
loang nhạt chút máu đỏ thắm tươi
cảm giác chới với
lẫn hoan hỉ
chợt ào ào tới...
để rồi gần gủi với mình hơn

Năm mười lăm tuổi
đứng ngắm mình trần truồng trong gương
đưa nhẹ hai tay
vuốt ve cổ vai bụng
ngực dậy thì con gái
đầu vú nở bung
trong khoảnh khắc
cảm giác chan hòa như ngửa mặt hứng lấy nước mưa
từ máng xối tuông trào
để rồi yêu thương chính mình hơn.

Năm mười bảy tuổi
trong đêm đen
lần đầu tiên
khám phá ra thân thể kỳ lạ của người đàn ông
sau nụ cười; Giọt nước mắt dâng hiến
là khoảng cách
hun hút dài
thăm thẳm dài
chập chùng dài...
...

Ơi! Em lạc mất em.

LÊ THỊ THẤM VÂN



BÙI GIÁNG

cỏn con chút này

Các con còn nhớ ông không?
Ông là rất mực một ông trời tròn
Mặt mày méo mó chon von
Riêng còn thi điệu cỏn con chút này

thưa em

Thưa em lời cuối cùng này
Từ bao giây phút kéo dài dằng ra
Anh từ vô tận đầu hoa
Tìm xuân tinh thể thiết tha lộn đường
Em từ ngọc diện mười phương
Về băng tâm gọi mộng trường cho nhau

em đi

Em đi xa vắng cuối trời
Em về vô tận tuyệt vời xuân xanh
Lời thưa vô nghĩa thập thành
Một giờ tỉnh giấc đã đành thế thôi

kính thưa trần tuyết

Kính thưa Trần Tuyết vô ngần
Cát lầm thục nữ chín tầng rụng rơi
Về đây ngọc trắng xa vời
Nghìn năm như một rạng ngời sát na

(Bùi Văn Giáng, Bán Văn Giùi,
Búi Văn Giàng, Bàng Văn Giúi)
(9.1993)



PHẠM HỔ

"phàn lê huê"



Anh ta bán xong mấy gọn lĩnh(1) định quay về An Thái thì gặp một người bạn thân rủ ở lại xem hát tuồng:

- Mày ở lại, mai sáng về sớm thì cũng vậy thôi mà! Lâu lắm, hai đứa mình mới gặp lại nhau!

Rạp tuồng ở ngay gần chỗ hai anh đứng nói chuyện. Một cô gái từ trong rạp bước ra, điềm nhiên đi về phía hai người. Người bạn liền ghé tai anh ta nói nhỏ:

- Đào đóng vai Phàn Lê Huê đó!

Anh ta hiểu ngay là người bạn mình đang nói về ai, và nói về chuyện gì. Anh ta vốn rất sáng dạ, theo như mọi người thường khen. Anh liếc nhìn cô đào đang đi ngang, sát bên cạnh anh.

Một gương mặt chỉ thoáng qua đã thấy muốn dừng lại ngắm lâu. Nhưng người đi, người đứng, làm sao ngắm lâu được. Anh ta ngoái cổ nhìn theo, chỉ thấy một cái đuôi tóc dài bỏ xõa sau lưng.

- Mày xem "người ta" đóng Phàn Lê Huê rồi à?

- Ừ, coi tối hôm qua. Tối nay lại diễn tiếp. Tối nay là đoạn Tiết Đinh San sa trận Thủy Hồng".

- Đóng có khá không?

- Hát hay mà diệu bộ cũng hay. Đám trai Đập Đá đứa nào cũng mê! Đứa nào cũng mong cho mau tối để đi gặp lại Phàn Lê Huê đó!

- Mày cũng vậy à?

Người bạn của anh ta chỉ cười. Anh ta nhìn bạn bỗng nhớ lại cái khuôn mặt vừa hiện ra và lướt sát bên cạnh mình. Anh ta lạ nhất về đôi mắt. Đôi mắt to như đang giấu kín một điều gì. Cái miệng hơi giống miệng một người em gái họ anh ta. Nếu những người có cái miệng kiểu ấy giống tính nhau thì cô đào tuồng trẻ tuổi này hẳn phải là một người hơi cứng đầu và hay cãi lại.

Người bạn nói tiếp:

- Đám trai Đập Đá chúng nó hỏi ai đó mà biết cô "Phàn Lê Huê" này quê

ở tận dưới Gò Bồi, cha mẹ sắp gả chồng thì bỏ nhà đi theo gánh hát này...

- Chắc mê anh kép nào ở gánh này chứ gì?

- Không! Nghe nói chỉ tại vì nhà chồng không muốn cô ta theo nghề hát bội.

- Thế cha mẹ không cho người đi bắt về à?

- Cha mẹ trước cũng hát, nay thấy con mê hát, thành ra cũng không biết có nên gọi về hay không?

- Hèn gì.

- Hèn gì sao?

- Tao thấy trên nét mặt, có cái gì đó hơi khác khác!

- Thiệt không? Mới liếc qua một cái mà mày cũng đã thấy vậy à?

Đến lượt anh ta cười. Nhưng anh ta chỉ cười mỉm.

- Tối nay Phàn Lê Huê đi cứu Tiết Đinh San rồi lại bị Tiết Đinh San đuổi về lần nữa...

Anh ta không thuộc tuồng bằng người bạn. Vì vậy anh ta hỏi luôn:

- Sao lại đuổi về?

- Vì ghen với Tiết Ứng Luông...!

- Tiết Ứng Luông là ai?

- Là tướng cướp, bị Phàn Lê Huê đánh bại trên đường đi cứu Tiết Đinh San, nên phải nhận Phàn Lê Huê là mẹ nuôi.

- Thế lần trước Phàn Lê Huê cũng bị đuổi à? Tại sao?

- Phàn Lê Huê gặp Tiết Đinh San, thấy chàng đẹp trai quá đâm ra mê, mới nhất định lấy Tiết Đinh San làm chồng. Cha và anh Phàn Lê Huê không cho. Phàn Lê Huê cưỡng lại nên bị cha và anh đuổi đánh. Phàn Lê Huê chống trả rồi bỏ chạy, không ngờ cả cha và anh lại té và vướng vào ngọn giáo của Phàn Lê Huê, nên chết hết. Tiết Đinh San buộc Phàn Lê Huê vào tội giết cha và giết anh nên đuổi về...

- Tối qua, diễn hay thật chớ?

- Hay lắm. Mấy ông già quăng thẻ thưởng đầy cả sân khấu. Ông cầm chầu đánh muốn bể mặt trống...

Thế là cuối cùng anh ta đồng ý ở lại con tuồng.

Một phần vì bị bạn rủ rê, nhưng phần chính là do cái vẻ mặt có chút gì khác khác của cô đào trẻ anh ta vừa thoáng gặp...

*

Tối đó, anh ta coi tuồng, có lúc quên không biết mình đang ở đâu, và lúc này là đã mấy giờ.

Mỗi lần Phàn Lê Huê xuất hiện, anh nín thở để nghe rõ từng câu nói, lời hát, từng điệu múa, từng nét mặt... Đôi mắt buổi chiều vừa gặp bây giờ càng như to hơn, sáng hơn, và có những lúc đau đớn đến cực độ. Nhất là cái màn Tiết Đinh San nghi Phàn Lê Huê và Tiết Ứng Luông có điều gì ám muội: *Có mặt, mẹ mẹ, con con, vắng mặt, chồng chồng vợ vợ*". Phàm Lê Huê mấy lần

giải bày, Tiết Đinh San mấy lần một mực đuổi đi. Phàn Lê Huê giận quá, khổ quá, mắng lại chồng mấy câu rồi bỏ về quê mẹ...

Anh ta vừa thấy ở Phàn Lê Huê một lúc cả hai con người: cô gái anh gặp lúc chiều, và viên nữ tướng tài ba xinh đẹp ngày xưa, ở tận đâu đâu, bên nước nào anh chẳng rõ. Và chính cái điều này đã làm anh bàng hoàng, mê mẩn...

Sáng hôm sau, chưa biết tâm trạng anh ta, người bạn rủ lấy lệ một câu, mời anh đi ăn bánh hỏi thịt heo ở gần rạp tuồng.

- Bánh hỏi ở đó ngon nhất Đập Đá này, chắc mày biết rồi. Đào, kép hát mới tới, ai mách cho mà cũng biết ra đó ăn; sáng hôm qua tao gặp tới mấy người...

Anh ta định hỏi có gặp "Phàn Lê Huê" không, nhưng kịp rút lại, không hỏi nữa. Anh ta chỉ nói:

- Ừ, tao ra đó ăn cho vui trước khi về cũng được.

Hai người đến một lúc, "Phàn Lê Huê" và một bác già, có lẽ đêm trước đóng vai Tiết Nhơn Quý, cũng vừa ra.

Từ lúc ấy, anh ta không còn biết mình đang ăn gì nữa. Bánh hỏi ư? Thịt heo ư? Chẳng còn có nghĩa lý gì! Trước mắt anh ta chỉ là vẻ mặt hơi buồn buồn, và đôi mắt to, sáng, cũng có lần nhìn về phía anh ta nhưng chỉ như nhìn vào chỗ không người...

Phàn Lê Huê bây giờ biến đâu mất rồi! Cô con gái trẻ kia đã dấu vị nữ tướng tài giỏi và xinh đẹp ở đâu? Nhưng cô ta đúng là chỉ còn trơ có cô gái đang ăn bánh hỏi thịt heo một cách chậm rãi và nhẹ nhàng kia không?

Người bạn của anh cũng bối rối ra mặt, cứ tìm cách nói lảng sang chuyện khác, xem như mình không hề biết cô gái đang ngồi trước mặt mình là ai và có lúc còn quên cả việc chấm bánh hỏi vào nước mắm, cứ thế ăn liền hai miếng bánh nhạt thếch.

Trong lúc đó "Phàn Lê Huê" vẫn vừa ăn vừa nói chuyện với bác già. Ơ, sao hai người như có họ hàng với nhau:

- Nếu con muốn, bác sẽ biên mấy chữ về cho cha mẹ con được biết con đang ở cùng với bác.

- Con thấy hay là cứ để thong thả đã bác ạ!

Anh ta có cảm giác lời nói của họ như có pha lẫn làn điệu mà họ thường hát. Tất cả ở họ đều có chút gì không giống người thường.

Anh ta cùng người bạn đợi cho hai bác cháu "Phàn Lê Huê" đứng dậy ra về mới đứng dậy theo... Hai người như vừa mới sực tỉnh lại sau một giấc mơ.

- Thôi, mình về đây!

- Ừ! Mày đi đi! Còn sớm lắm.

- Độ mươi bữa nữa tao sẽ xuống lại...

- Ừ!

Anh ta về An Thái, mang đủ tiền mấy gọn lĩnh đưa cho mẹ. Bà mẹ mừng lắm; cả đêm qua bà cứ sợ có chuyện gì không may xảy ra. Vợ anh cũng không băn khoăn một chút nào. Lâu ngày gặp bạn, ở lại coi hát bộ một đêm với nhau thì có gì mà đáng ngại. Cũng không thấy chồng mình nói gì tới chuyện ca hát

hết. Anh lại còn tỏ ra là người biết lo làm lo ăn. Và cũng vì nghĩ vậy nên chiều hôm đó, mẹ anh và vợ anh rất vui khi anh đội cái mũ cát lên đầu đi xuống lại Đập Đá. Theo anh nói, anh sẽ xuống đó để gặp một ông lái ghe bầu, chuyên đi bán tơ lụa ở phía trong. Hai người sẽ bàn với nhau việc mua bán lâu dài...

Anh xuống đến Đập Đá thì chạng vạng tối. Phố xá, hàng quán ở sát hai bên quốc lộ đã lên đèn. Những ngọn đèn dầu im lặng, đỏ quạch, những ánh đèn măng-sông xanh mát. Thỉnh thoảng lại một chiếc ô tô chạy ra hoặc chạy vào, hai con mắt đèn sáng lóe. Trăng mồng chín đã bắt đầu in rõ bóng người, bóng cây lên mặt đường.

Anh ta ghé vào nhà người bạn.

Bà chủ nhà cho biết người bạn chiều nay vừa đi xe ngựa ra Chợ Gồm, về thăm cha bị bệnh.

Anh vừa buồn, vừa mừng.

Xem hát một mình không thể thích bằng có bạn. Nhưng đêm nay, không có bạn, anh như thấy được tự do hơn. Và "Phàn Lê Huê" hình như cũng bớt bị chia xẻ đi cho ai khác.

Anh chưa đến rạp thì tiếng trống chầu đã nổi lên, vừa thúc dục, vừa đợi chờ. Tiếng kèn sáo, tiếng nhị, tiếng trống phách rộn rã, tưng bừng.

Anh vào rạp và thấy rạp đã khá đông người.

Anh khéo léo len được lên phía gần sân khấu để xem cho rõ hơn đêm qua. Mùi thuốc lá, mùi trầu, mùi rượu, mùi mồ hôi và cả mùi gỗ ẩm của các miếng gỗ dài bào sơ sài, bắt ngang làm ghế, lại bắt đầu trộn vào nhau như ở bất cứ một đêm hát tuồng nào khác. Thêm vào đó là cái hơi nóng của người, của các tấm cánh gà tỏa ra, làm cho các mùi vị nói trên càng nồng đậm hơn lên.

Anh ta bỗng thấy thấp thoáng hai cái lông trĩ trên mũ "Phàn Lê Huê" sau những tấm cánh gà cũ kỹ. Tất cả như đều cũ kỹ. Chỉ có "Phàn Lê Huê", hay đúng hơn cô gái đóng vai Phàn Lê Huê là mới, mới đến tinh khôi...

Tiếng trống chầu lại thúc giục.

Tiếng kèn, nhị, tiếng trống cơm lại réo rắt, rộn ràng.

Cuối cùng thì Phàn Lê Huê cũng đã xuất hiện. Anh ta có lúc cũng chăm chú nghe hát, vui buồn với nàng công chúa Phiên, nhưng phần lớn thì giờ anh chỉ lo ngắm đôi mắt to, sáng và cái miệng hơi nhô ra một cách bướng bỉnh nhưng lại rất có duyên khi cô gái hát...

Đêm nay đến lượt Phàn Lê Huê lại đuổi Tiết Đinh San về, khi chàng lặn lội đường xa đến cầu nàng cất quân đi diệt giúp giặc Dương Phàm, sau khi chàng mắc tội bắn nhầm cha ở miếu Bạch Hổ.

Anh ta vừa xem vừa nghĩ đến ngày mai, mình sẽ làm gì, nếu lại được gặp "Phàn Lê Huê" ở quán bà bánh hỏi thịt heo... Nhưng liệu "người ta" có ra ăn ở đó nữa không? Anh ta lại mừng vì anh bạn đi vắng... Mình sẽ tìm cách làm quen với ông bác kia chăng?

•

Anh ta dậy thật sớm.

Món tiền anh lấy trộm của mẹ nằng nặng trong túi. Anh đến cửa hiệu nhỏ chuyên làm đồ vàng bạc ở Đập Đá, nơi anh đã theo mẹ đi đánh đôi hoa tai bèo để đi hỏi vợ năm kia.

Người chủ hiệu già chắc đã quên anh. Mà có nhớ cũng chẳng làm sao. Anh ta sẽ nói là mua giùm một đôi bông tai cho đứa em.

Thật là may. Ông chủ hiệu già đưa ngay ra một đôi bông tai vừa đánh xong hôm trước. Nước vàng óng ánh, rực rỡ như mời gọi.

Trả xong giá, anh đưa tiền và lấy đôi bông tai bỏ vào túi.

Anh lo lắm, cứ sợ nhỡ mất việc. Anh đi thật nhanh đến cái quán bà bán bánh hỏi. Quán khá đông người ăn, nhưng không thấy "Phàn Lê Huê" và ông bác đâu hết.

Anh ta ăn chậm rãi và cứ đưa mắt nhìn về phía rạp tuồng...

Anh ta chờ khá lâu. Tiếc thầm trong bụng: "Thôi, chắc là *người ta* đã đi ăn trong lúc mình đến hiệu làm vàng rồi...!"

Anh đứng dậy, định trả tiền thì kìa, hai bác cháu "Phàn Lê Huê" vừa hiện ra ở trước cửa rạp tuồng.

Anh thôi trả tiền, lại ngồi xuống và mua thêm một dĩa bánh hỏi nữa. Anh nói với bà bán hàng:

- Bánh ngon, ăn luôn một dĩa nữa, trưa khỏi ăn cơm!

Hai bác cháu "Phàn Lê Huê" lại đến ngồi ngay trước mặt anh ta. May quá là may!

Anh ta mạnh dạn làm quen với ông bác "Phàn Lê Huê". Anh gợi ý:

- Sao gánh này không lên An Thái mà diễn hả bác? Trên con, họ mê tuồng lắm! Nhứt là mấy vở tuồng các bác, các chị diễn mấy đêm vừa rồi.

- Anh có đi coi hết à?

- Dạ, không sót đêm nào!

"Phàn Lê Huê" nhìn anh ta. Đôi mắt vẫn xa lạ.

- Con không biết ai đóng vai Tiết Nhơn Quý đêm qua...

- Tôi đấy, anh coi được không?

- Dạ, hay lắm. Con nhìn cái mũi tên cắm vào đầu, nhìn ông lăn lộn mà phát khóc...!

Ông bác "Phàn Lê Huê" cười im lặng. Hình như ông đã quen nhiều với những lời khen. Bỗng ông hỏi:

- Còn vai Phàn Lê Huê?

Bị hỏi bất ngờ, anh ta bối rối, mặt đỏ rực lên. Anh cảm thấy như ông già này đã đoán được hết lòng dạ của mình.

- Dạ, còn vai Phàn Lê Huê thì con cũng phục lắm. Hát cũng hay mà múa cũng đẹp!

- Phàn Lê Huê đây!

"Phàn Lê Huê" nhìn bà hàng khẽ mỉm cười. Giống như ông bác, người con gái này chắc cũng đã được nhiều lần nghe nhiều người khen ngợi mình rồi.

Bà quán cởi mở hơn:

- Đám con trai Đập Đá này đứa nào cũng đâm mê mẩn "Phàn Lê Huê" hết!

Anh ta đánh bạo nhìn thẳng vào mặt người con gái.

Hình như cái nhìn của anh ta có hơi khác những người con trai cô đã gặp; vừa như thú nhận, van xin vừa như liều lĩnh, táo bạo.

Ông bác "Phàn Lê Huê" bỗng hỏi:

- Đập Đá có chỗ nào bán thuốc lá Cẩm Lệ ngon hở bác?

Bà chủ quán liền mách:

- Ở phía cuối chợ đó. Hỏi bà Sáu Cẩm Lệ, ai cũng biết!

"Phàn Lê Huê" liền đứng dậy:

- Bác ngồi đây để con đi mua cho!

- Ừ, tiền đây con mua giùm cho bác lấy vài lạng, để dành hút luôn.

- Con có tiền đây rồi mà bác.

"Phàn Lê Huê" vừa bước ra khỏi quán được một lúc thì anh ta, sau mấy lời khen thêm về cái vai Tiết Đinh San, Tiết Ứng Luông, cũng đứng dậy trả tiền rồi đi ra.

Quán bán thuốc lá bà Sáu, anh ta quen lắm. Anh ta rảo bước đi nhanh. Đến gần chợ thì gặp "Phàn Lê Huê' về. Anh ta đón ngay lại và nói luôn:

- Tôi coi mấy tối nay, phục tài "Phàn Lê Huê" quá, nên xin có chút này gởi làm kỷ niệm...

"Phàn Lê Huê" nhìn anh ta ngạc nhiên vô cùng. Chưa bao giờ người con gái này lại gặp một trường hợp như vậy. Cô lắc đầu và nói:

- Cám ơn anh, nhưng tôi không dám nhận đâu.

- Cô đừng phụ cái lòng của tôi. Chẳng qua là tôi phục cái tài thôi mà!

- Anh khen vậy là tôi cám ơn anh rồi.

- Cô khinh tôi à?

Người con gái lại bắt gặp cái nhìn vừa van xin vừa liều lĩnh lúc nãy. Cô gái bỗng nhớ đến cái tâm trạng mình phải tạo nên, khi Phàn Lê Huê lần đầu gặp Tiết Đinh San. Người con trai này đẹp thật... Chắc anh ta là con nhà gia giáo...

- Anh người ở đâu?

- Tôi ở An Thái.

- Tối nào anh cũng ở trên đó xuống đây coi à?

- Cô còn diễn thì tối nào tôi cũng xuống coi...

Cô gái hơi mỉm cười, lòng thấy sung sướng. Cô vụt nhớ đến gia đình bên cái anh chồng chưa cưới của mình. Chính anh ấy và cả nhà anh ấy đều coi thường cái nghề nghề hát bội của cô. Họ còn gọi là "đồ con hát" như nhiều người thường gọi.

- Mời anh tối nay lại tới coi! Thôi anh để tôi đem thuốc về cho bác tôi.

Người con gái né qua một bên rồi đi luôn. Anh ta vừa xấu hổ vừa bực bội. Anh đâm liều, định chạy theo. Bỗng anh thấy một thằng bé, chắc là đứa ở của nhà nào gần đây. Anh liền vẫy nó lại:

- Nhỏ! nhỏ! Mày chạy theo bỏ cái gói con này vào túi áo cho chị kia, trở

lại đây, tao cho tiền ăn kẹo.

Thằng nhỏ nhanh nhẩu nhận lời. Nó cầm cái gói giấy ở trong tay, cắm đầu chạy đuổi theo người con gái...

Cô gái quay lại nhìn thằng bé đã vụt bỏ chạy. Cô đứng ngẩn người một giây lâu. Cô đoán được ngay. Cô nhìn về phía anh ta đang đứng ở giữa chợ nhìn lên. Anh chờ thằng bé chạy đến dúi vào tay nó một hào bạc rồi quay người đi nhanh như chạy trốn.

Cô gái thò tay vào túi áo bà ba trắng của mình lấy cái gói giấy, thử mở ra xem.

Đôi hoa tai vàng làm cô kinh ngạc.

Sao lại có thể như vậy được? Chưa quen biết, chỉ xem diễn tuồng mà dám cho cả một đôi bông tai bèo bằng vàng.

Cô vừa gói lại vừa nghĩ: "Có thể là vàng giả chăng?" Và cô bỗng thấy lo lo, hồi hộp.

Cô mang thuốc về cho ông bác đang ngồi chờ trong quán.

- Sao đi lâu vậy con?

- Dạ!

Cô định bụng sẽ giấu kín chuyện kia, không lộ cho ông bác biết.

Trưa đó, cô xin phép ông bác đi ra cửa hiệu làm vàng để hỏi xem hư thực ra sao.

- Vàng mười đó! Chính của tôi làm mà! Ủa, sao người đi mua lại bảo là mua về trên An Thái?

Ông già chủ hiệu vàng nhìn cô đào tuồng. Ông không đi coi tuồng nên không nhận ra cô.

Bỗng có tiếng trẻ con nói to lên ở bên kia đường:

- Bọn bay ơi, ai coi giống cái chị đóng Phàn Lê Huê quá! Chạy qua coi đi!

"Phàn Lê Huê" vội vàng chào ông già chủ hiệu rồi đi thẳng.

Ông chủ hiệu nhìn theo và với kinh nghiệm sống của mình, ông hiểu là sắp có chuyện gì đây, giữa cái anh con trai đến mua đôi bông tai bèo và cô đào tuồng trẻ, đẹp này rồi.

Và ông nghĩ: những đôi bông tai bèo, những cái nhẫn vàng mình làm ra cũng có lúc góp phần vào những câu chuyện éo le này.

*

Anh ta đã nói trước với mẹ và vợ là nếu công việc xong, anh ta sẽ trở về ngay sáng đó, còn chưa xong thì anh ta sẽ theo ông lái ghe bầu đi xuống Giã(2) vài ngày mới trở về.

Túi tiền anh đã nhẹ đi khá nhiều, nhưng lòng say mê cô gái thì mỗi lúc lại nặng thêm. Cái cảm giác ngây ngất được làm quen với một cô gái mang trong mình một con người thật và một con người không thật cứ làm cho anh ta bồi hồi...

Mình định làm gì đây?

Chính anh ta cũng không hiểu nữa. Anh ta chỉ biết cần làm như vậy.

Đúng là mình mê cô đào này rồi. Giống như bao nhiêu người đã mê trước đây mà mình đã nghe kể chuyện. Họ có làm những việc như mình vừa làm không?

Tối đó, anh ta lại đến xem. Anh lại khéo léo chen lên phía trên, đứng nép mình vào sát vách để nhìn vào sau các cánh gà. Hai cái lông trĩ lại thấp thoáng xê dịch. Bỗng anh bàng hoàng cả người khi thấy hình như đôi mắt của "Phàn Lê Huê" cũng đang nhìn ra phía người xem.

"Có phải là *người ta* đang nhìn ra để tìm mình không...?

Anh nhón gót đứng cho cao hơn.

Kìa, "Phàn Lê Huê" lại đang nhìn ra.

Qua hai cái màn cách gà, khuôn mặt "Phàn Lê Huê" chỉ hiện ra có một vệt, mà trên cái vệt ấy, nổi lên đen và to, đôi mắt của người con gái thật.

Quả đúng như là vậy, ở cô con gái ấy luôn luôn có hai người. Có phải vì vậy mà lòng say mê của anh ta bỗng nhiên cứ nhân lên gấp đôi không?

Đêm nay như chiều lòng anh, vừa kéo màn lên, Phàn Lê Huê đã xuất hiện ngay... Sau khi đuổi Tiết Đinh San về, bây giờ đến lượt Phàn Lê Huê đang mong Tiết Đinh San trở lại.

Lúc đầu, anh ta thấy "Phàn Lê Huê" đêm nay như có gì hơi khác đêm trước. Cái phần Phàn Lê Huê như ít hơn cái phần cô gái thực. Nhưng chỉ một lúc sau thì tình hình đã ngược hẳn lại. Cái phần cô gái thực lại ít hơn cái phần Phàn Lê Huê. Người ta bảo người nghiện rượu thường nửa tỉnh, nửa say với rượu. Còn anh ta thì anh ta đang nửa say nửa tỉnh với ai kia!

Rồi câu hỏi đêm trước lại đặt ra: ngày mai mình sẽ làm gì tiếp?

Đến gặp hai bác cháu ở quán bánh hỏi thịt heo lần nữa sao? Rủi cô ấy gởi trả lại đôi bông tai bèo trước mặt mọi người thì chỉ còn nước chui xuống đất cho đỡ mắc cỡ...

Nhưng không gặp lại, làm sao anh ta chịu nổi. Sắt và nam châm...! Thiêu thân và ánh đèn...!

"Giá buổi chiều hôm nọ, mình về luôn nhà, đừng gặp "người ta"...!

"Được rồi, ngày mai mình sẽ có cách khác..."

Bây giờ anh ta lo nhất là bị trả lại đôi bông tai bèo, anh biết "người ta" không phải là kẻ ham của. Anh chỉ đoán và tin như vậy, còn vì sao thì anh cũng chẳng cần biết.

"Liệu cách làm ngày mai có đạt được cái điều mình mong muốn không?"

Anh ta sực nhớ tới thằng bé con anh ở nhà! Và vợ anh nữa. Chắc cô ta giờ này vẫn còn thắp đèn để dệt. Cả ngày hôm nay, anh chỉ nghĩ đến vợ và con đôi lúc rất ngắn ngủi. Còn tất cả là "Phàn Lê Huê!", "Phàn Lê Huê!"

*

Anh bạn tôi kể đến đây bỗng dừng lại.

Anh nhìn tôi, xem tôi có còn thích nghe nữa không. Tôi nói luôn:

- Anh cứ kể đi! Nhưng điều cuối cùng tôi muốn biết, cái anh chàng, cái "anh ta" ở trong câu chuyện này là ai kìa...

Anh bạn tôi vội vàng kể tiếp:

-Sau đó, không biết anh ta đã làm cách nào mà mời được "Phàn Lê Huê" về nhà cô em họ mình chơi. Rồi hai người phải lòng nhau thật sự. Nhiều đêm hát xong, cô đào trẻ xin phép ông bác đến ăn cháo gà ở nhà cô bé đã kết làm chị em kia. Ở đó, hai người lại gặp nhau rồi bí mật hẹn nhau ra bờ sông chơi... Chắc anh ta lại lấy tiền của mẹ, đánh cho cô em họ cái nhẫn, cái vòng, để cô em giúp đỡ mình trong việc gần gũi với cô đào mà anh say mê đến quên hết mọi chuyện trên đời.

Chính cô đào trẻ cũng không hiểu vì sao mình lại đi yêu cái anh con trai vừa nhút nhát vừa lại rất liều lĩnh nọ. Có thể là do những điều họ đã tâm sự với nhau.

Anh ta đã nói với cô đào trẻ nhiều điều. Anh khoe anh là con trai một! Đúng! Cha anh đã chết và mẹ anh rất thương anh. Anh muốn gì được nấy! Đúng. Anh đã đỗ sơ học yếu lược, học tới lớp nhì thì về nhà học dệt rồi đóng khung dệt, thuê người tới làm... Đúng!... Chỉ có điều này thì anh giấu: anh đã có vợ và có con!

Và anh cũng đã thuê cô em họ nói dối như anh.

Nhiều lần cô đào trẻ đã hỏi anh ta:

- Anh lấy em về làm vợ, rồi cứ để cho em đi hát à?

- *Em có đi hát anh mới quí, mới yêu!*

- Nhưng còn mẹ anh?

- Anh đã nói, anh đã thích gì mẹ anh cũng chiều mà! Em đi diễn ở đâu, anh sẽ tìm đến thăm em ở đó...

Có lẽ chính sự rộng rãi ấy đã làm cho cô đào trẻ phục anh, yêu anh và cũng mê anh.

Bỗng một hôm cô đào trẻ giật mình thấy trong người khang khác... Cô đã có mang với anh ta.

Cô thật không ngờ, cái dứa trẻ ấy là sợi dây ràng chắc nhất, buộc cô phải về làm vợ lẻ anh ta, và sống như mọi người bình thường với bao nhiêu câu chuyện gian truân, đau khổ vì người vợ cả, vì bà mẹ chồng, và vì chính anh ta.

Nhưng rồi người vợ trẻ cũng chỉ chịu đựng được một thời gian. Cái dòng máu vốn mê hát, mê sống với tiếng đàn, tiếng trống, với cảnh đêm đêm bao nhiêu người đến xem mình trình diễn, thỉnh thoảng lại nhắc cô nhớ đến nhức nhối, những vai tuồng mình đóng... Khi là một nữ tướng, cờ bay phất phới quanh mình, đôi lông trĩ rung rinh trên mũ. Khi là một công chúa mặt hoa da phấn, áo thêu, ngọc nạm sáng ngời...

Cuối năm ấy một gánh hát kéo lên An Thái diễn nửa tháng liền. Đêm đêm, nghe tiếng trống chầu dồn dã, tưng bừng từ xa vẳng lại, người vợ trẻ ấy không ngủ được.

Cô muốn xin đi xem một vài tối nhưng lại sợ mẹ chồng và người vợ cả. Anh

ta thì lại đang đi bán lính ở tận trong Phan Thiết, Phan Rang...

Gánh hát kéo đi chừng mười hôm thì người vợ lẻ của anh ta cũng biến mất. Người mẹ trẻ khóc sưng cả mắt, để đứa con nhỏ lại cho bà nó, cha nó, gỡ trả lại hết các món nữ trang, trong đó có cả đôi bông tai bèo ngày nào, rồi ôm gói đi tìm lại cuộc sống của mình...

Anh bạn tôi lại ngừng kể và lại nhìn tôi.

Tôi liền hỏi:

- Thế sau đó anh ta không đi tìm cô ấy sao?

- Có chứ.

- Chắc cô ấy lại trở về với gánh hát có ông bác làm bầu gánh chứ gì?

- Không! Cô biết là ông ta vẫn còn giận mình nên tìm một gánh khác. Anh ta hỏi dò mãi mới ra.

- Gặp nhau chắc ai oán lắm?

- Tưởng vậy, nhưng lại không có gì!

- Sao lạ vậy?

- Vì cô ấy kiên quyết lắm. Gặp anh ta, cô ấy nói luôn: "Tôi không thể sống để đẻ con và nuôi con cho anh đâu... Thà tôi khổ mà tôi sống theo cách của tôi... Tôi đã dại nghe anh một lần rồi. Anh tha cho tôi..."

- Nhưng anh ta thì vẫn mê cô ấy chứ?

- Anh ta thấy mẹ và vợ vui mừng về chuyện ra đi của cô vợ lẻ nên cũng bị ảnh hưởng.

- Với lại khi còn là cô đào "Phàn Lê Huê" thì khác, còn khi đã là vợ chồng của nhau, biết hết nhau rồi, thì lại khác...!

Bạn tôi khẽ thở dài rồi nói:

- Cũng có thể là như vậy mày ạ!

Im lặng một giây, anh nói tiếp:

- Nhưng lâu lâu, anh ta vẫn tìm tìm cách đi thăm "Phàn Lê Huê". Một lần, anh ta mang quà bánh tới nhưng "Phàn Lê Huê" đã từ chối và nói: "Cám ơn anh, nhưng tôi không dám nhận đâu!" Hỏi gặng mãi mới biết là cô sắp lấy cái anh kéo đàn nhị trong đám hát ấy...

- Bây giờ cô ấy đã có con chưa? Và có còn hát không?

- Vẫn hát. Mới đây nhất nghe tin "Phàn Lê Huê" đã có con, anh ta lại tìm đến thăm, nhưng không cho "Phàn Lê Huê" của mình biết. Anh ta chỉ đến rạp như một người đi coi hát bình thường...

- Chắc lại gặp cô ấy đóng vai Phàn Lê Huê?

- Không! Đóng vai Lưu Kim Đính, một mình múa đại đao đánh thắng giặc ở mấy cửa ải liền!

- Cũng may cho anh ta! Không thì sẽ nhớ lại chuyện cũ, mà buồn đến chết!

- Ừ... Nhưng cũng chưa chắc hẳn là như vậy.

- Anh ta có thấy đứa con của "Phàn Lê Huê" với anh kéo nhị không?

- Có. Một đứa con gái nhỏ lên hai tuổi. Đang ngồi cạnh cha và nhìn mẹ múa, hát, trong tiếng trống, và tiếng đàn nhị của cha mình... Tiếng đàn nhị

thật hay!

- Đứa con gái ấy lớn lên chắc lại thành một "Phàn Lê Huê" khác! Và không hiểu sau này ai sẽ là *anh ta* như trong truyện mày kể.

Tôi nhìn bạn tôi ngồi im lặng không nói gì. Tôi đánh bạo nói luôn:

- Này, sao tao nghi nghi cái *anh ta* đó có lẽ chẳng ai khác mà chính là mày, mặc dù gia đình mày không giống gia đình anh ta!

Bạn tôi như kẻ đang phạm tội và bị bắt quả tang. Bỗng anh lấy lại được bình tĩnh và đáp:

- Đó cũng có thể là tao, mà cũng có thể là mày nữa! Những con người kiểu như *anh ta* thời nào chẳng có! Không phải chỉ có một, mà có rất nhiều! Chính mày cũng vừa nói ra điều ấy khi hỏi tao, ai sẽ là *anh ta* khi con bé kia lớn lên và sẽ thành Phàn lê Huê! Tao nói có đúng không nào?

PHẠM HỔ
(Trong nước)

---

(1) Lĩnh: mỗi gọn lĩnh (một loại vải trơn, láng) gồm có mười đến mười hai cây lĩnh.

(2)Giã: tức Qui Nhơn.

PHÂN ƯU

Chúng tôi vừa nhận được tin

Cụ ông MAI VĂN THÍNH

Là nhạc phụ của kịch tác gia VŨ HẠ vừa thất lộc
tại Bình Dương, Việt Nam
hưởng thọ 82 tuổi.

Thành thật chia buồn cùng anh chị Vũ Hạ và tang quyến.
Cầu chúc hương hồn Cụ Ông sớm tiêu diêu miền Phật cảnh.

Phạm Quốc Bảo - Lê Bi - Phạm Việt Cường - Lê Đình Điểu
Phan Tấn Hải - Thùy Hạnh - Nguyễn Xuân Hoàng
Cao Xuân Huy - Hoàng Khởi Phong - Trần Đình Quân
Thân Trọng Mẫn - Trịnh Y Thư - Đỗ Ngọc Yến
Nguyễn Mạnh Trinh - Khánh Trường



THẾ DŨNG

tự vấn

1.
Lẽ nào?
Tôi chỉ là lệ đắng?
Mắt mình trong mắt ai?
Lẽ nào?
Tôi chỉ là tro nóng?
Trong Hỏa Sơn trụy thai?

2.
Lẽ nào tan đam mê?
Thụy miên hoài sông biển?
Quên Địa-Pháp - Thiên-Thư?
Linh-Thể tàn chẳng biết!

3.
Lẽ nào?
Chỉ trồng toàn mướp đắng?
Lên Hồn Xác nhân tình?
Làm người thật chẳng dễ?
Ai cũng đòi Phục sinh!

4.
Lẽ nào?
Chỉ một Quốc tịch khác
Đủ thoát khỏi uất hờn?
Lẽ nào
Ngừa thai cho tuyệt chủng
kiếp lưu vong u cuồng?

5.
Lẽ nào không đẻ đái?
Giao hợp chỉ để chơi?
Lẽ nào mình tuyệt tự?
Trong Cõi: Ma lẫn Người!

6.
Lẽ nào?
Chút tinh trùng Cà cuống
Phóng sinh trứng Di cư?
Nguyện Hồn về Cực lạc...
Ôm Đêm cười: "Hu...! Hu...!"

7.
Lẽ nào không Dòng Tộc?
Việt nhân đang phục Hồn?
Giao hoan hay hội nhập?
Chỉ xin đừng Liệt Dương!

8.
Lẽ nào không Dòng Dõi?
Việt Vương đâu há Giới?
Không có Vua? - Thú thật:
Tôi dành làm... Vua Tôi!

THẾ DŨNG
Berlin 22.08.1993
Mồng 5 tháng 7 (Canh Thân)
Quý Dậu niên



VŨ ĐÌNH KH.

căn nhà ông ách



Chuông đồng hồ ngoài phòng khách, chậm rãi gõ mười hai tiếng mệt mỏi .

"Mười hai giờ đó anh. Ngủ thôi, mai còn đi làm."

Thùy che tay ngang miệng ngáp dài, xếp trang sách. Nàng đặt cuốn sách trên ngăn tủ kê ngang đầu giường, đoạn kéo mền trùm ngang cổ, nhìn chồng.

"Em ngủ trước đi."

Thùy biết, dù có nhắc chồng thêm đôi lần nữa, cũng hoài công. Tuy nhiên, nàng vẫn vớt vát trách yêu.

"Thức cho khuya lắm, mai dậy không nổi, nghen ông! Một tuần, hổng biết đi làm trễ mấy ngày. Thôi, em ngủ trước đây."

Thùy kéo chăn phủ trùm cả mặt, xoay đầu sang bên tránh ánh đèn từ trên cao dọi hắt xuống.

"Ừ, em ngủ trước đi"

Nguyễn lơ đãng lặp lại, mắt vẫn không rời trang sách. Anh đã quá quen với những lời "âu yếm" trên, gần như một thông lệ, hằng đêm.

Hằng đêm, từ mười năm nay, hai vợ chồng vẫn giữ thói quen đọc sách. Hình như đối với họ, văn chương, ở mặt nào đó, cũng giống như một cái "van", có khả năng giải tỏa bớt bao điều bất ưng do những tháng nămdài đầy ngán ngẩm tạo ra; dù cả hai tuổi vẫn còn trẻ. Chả bù với thời gian đầu, khi mới định cư nơi xứ người, hai vợ chồng đã không bỏ sót bất cứ một sinh hoạt vui chơi nào của cộng đồng, thế mà chỉ vài năm, giờ đây, những hội hè, đình đám, ca hát, khiêu vũ v.v.. đã không còn quyến rũ họ nữa. Cả hai dần cảmthấy, bên dưới cái bề mặt hào nhoáng, se sua kia, là vô vàn những "âm bản" dáng tởm lợm. Có lẽ cuối cùng, thế giới văn chương là nơi trú ẩn an toàn nhất, với họ, bây giờ.

Chuông điện thoại chợt reo vang làm Nguyễn giật mình.

Thùy cũng choàng thức. Theo thói quen, nàng quơ tay tìm ống điện thoại

trên đầu giường, vừa kéo “ăng-ten” vừa càu nhàu,

“Giờ này... còn điện thoại...”

Nguyễn buông sách, nôn nóng,

“Điện thoại Việt Nam?”

Nguyễn nôn nóng là phải! Ngoài những cú điện thoại từ Việt Nam (vài năm trở lại đây chàng vẫn thường liên lạc), không ai từng sống ở ngoại quốc không biết có những giờ giấc cần tránh cho nhau những phiền hà.

“Vâng! Đây là nhà ông Nguyễn. Cám ơn ông... vợ chồng tôi vẫn mạnh. Thưa, ông cũng khỏe luôn?”

"..."

Chợt Thùy ngồi bật dậy,

“Ông nói sao. Bà... bà ấy đã qua đời...? Ôi, Chúa ôi!"

Nguyễn buông sách quay qua nhìn vợ. Thùy trao ống liên hợp cho anh,

“Điện thoại của ông Ách. Bà Hồng vừa mới mất.”

Nguyễn thoáng bàng hoàng:

“Helô! Chào ông Eric. Thưa ông vẫn khỏe?..."

Bên kia đầu dây, giọng ông Eric Hacksaw khác hẳn lúc bình thường,

“Ngu đó hở? Bà Rose vừa mới mất đêm kia...”

Câu nói đứt bị quãng bởi tiếng hù hụ lạ tai. Lần đầu tiên Nguyễn nghe ông khóc.

Trong đầu Nguyễn, hình ảnh bà Rose, vợ ông Eric, rõ dần. Bà Rose tuổi khoảng trên dưới bốn lăm, Nguyễn khó đoán chính xác vì khuôn mặt rất trẻ của bà, so với ông Eric Hacksaw , tuy chỉ ngoài năm mươi nhưng trên vầng trán và cuối đuôi mắt đã cày sâu nhiều nếp nhăn. Vẻ mệt mỏi không thể che dấu, dù về mặt thể lực, ông vẫn còn rất khỏe.

Nguyễn quen biết cặp vợ chồng này đã khá lâu, lúc chàng còn làm chung hãng với ông Eric ở một thành phố khác...

Chiếc máy cày loại nhỏ, khá thông dụng với những người làm vườn "văn nghệ", dùng cày xới mảnh vườn nhỏ sau nhà, những khi rỗi rãnh cuối tuần, như một trò tiêu khiển. Tiếng máy nổ đều, hòa tiếng vỡ đất lạo xạo, tạo nên một thứ âm thanh nhộn nhạo dòn dã quen thuộc mà hơn mười năm Nguyễn mới được nghe và nhìn thấy lại từ khi anh rời quê nhà. Thằng Bi con của Nguyễn ngồi gọn lỏn trong lòng ông Eric Hacksaw, đôi môi mím lại đưa hai chân ngắn ngủn cố đạp xuống chân ga bên dưới chưa với tới. Cu cậu đành rú bằng mồm phì phì văng đầy bọt, mặt đỏ kè, mồ hôi mồ kê tuôn dọc hai bên thái dương. Ông Eric cười theo, đẩy thằng bé về trước nhường tay lái. Thằng Bi thích quá, càng rú mạnh "ga mồm", hai tay cứ xoay liên tục hết trái sang phải cày nát mảnh đất quanh nhà.

Chiếc máy cày này ông Eric chở tới, để xới lại mảnh đất xung quanh căn nhà mới, Nguyễn vừa mua. Từng kinh nghiệm, ông Eric cho Nguyễn biết những mảnh đất mới, chưa dẻ, dễ lún sau này vì mưa và tuyết; do đó cần phải xới lên. Thay vì nện bằng những loại chày, vồ gỗ cho dẻ đất, ông Eric sử dụng phương

tiện cơ khí này, vừa nhanh lại vừa ít tốn công sức, thời gian.

Nguyễn đang dựng hàng rào ngăn hai bên hông nhà hàng xóm; thỉnh thoảng, anh bỏ dở tay đứng ngắm "hai ông cháu" đang vừa làm vừa vui đùa. Nhìn thằng Bi bi bô cái miệng tía lia, Nguyễn nhớ lại khoảng đời thơ ấu nghèo khổ của anh hơn ba mươi năm về trước... Chiếc xe thổ mộ cũng già nua như con ngựa ốm gõ móng lọc cọc phía trước, Nguyễn ngồi lọt thỏm trong lòng ông Nội. Phía trên,tấm mui rách tả tơi phần phật trong gió chiều, Hai bên con lộ đất ngổn ngang ổ gà, cánh đồng phủ ngập cỏ dại cùng những gốc rạ mục. Đã bao lâu rồi ruộng nương hoang phế? Chiến tranh triền miên, dân quê bỏ làng ra phố kiếm ăn, kẻ ở lại thì thoi thóp với đói nghèo... Tuy nhiên, tuổi trẻ nào đã biết gì! Khi được ông trao cho dây cương, Nguyễn cũng hả hê như thằng Bi con anh bây giờ, Anh cảm thấy hãnh diện được ông nội giao cho trọng trách, miệng anh cứ nhíp "tắc tắc" liên tục thúc hối con ngựa già kéo cho lẹ, sợ nắng tắt sớm, không về kịp buổi cơm chiều... Giữa hai hình ảnh, anh ngày xưa và con anh hiện tại, ai hạnh phúc hơn ai? Nguyễn không biết. Thật tình anh không biết.

"Anh ơi. Nghỉ tay đã, vào ăn cơm. Mời luôn ông Eric."

Thùy ở nhà bếp kéo khung cửa kính ló đầu ra gọi chồng. Bà Rose đứng cạnh Ly, đứa con gái ba tuổi của vợ chồng Nguyễn, bảo:

"Ly nào! Gọi ông Eric Hacksaw vào ăn cơm đi con."

Con bé ngọng nghịu, láu táu:

"Ông H...ách-sồ ăn cum, cum..."

Vợ chồng Nguyễn cười vang giữa sự ngạc nhiên của đôi vợ chồng người da trắng gốc Nga vừa mới quen không lâu. Nguyễn giải thích sự tích về ông Nghị Hách, một nhân vật tiểu thuyết điển hình của văn học Việt Nam. Ông Eric có vẽ thích cái tên này lắm! Nhưng vì có âm H, ông thường đọc ngọng trại ra thành Ách. Cũng như họ Nguyễn, đối với người Tây phương, âm giọng này rất khó đọc vì hai chữ Ng, vì thế bà Hồng thường gọi Nguyễn ra Ngu. Từ đó, vợ chồng Nguyễn và ngay cả bà Rose (Nguyễn cũng dịch ra tên Việt Nam là Hồng) đều gọi ông Eric Hacksaw là Ách,một cách thân mật.

"Bà Hồng, bệnh làm sao, lúc nào mà qua đời vậy ông Ách?"

"Có bệnh gì đâu! Bị động tim. Vừa phát tác, tôi gọi điện thoại ngay, xe cứu thương chưa kịp đến, bà ấy đã đi rồi..."

Ông Ách ngưng ngang. Tiếng hỉ mũi của ông, Nguyễn nghe vang rõ mồn một trong ống liên hợp.

"Cũng tại cái số cả, Ngu à! Không hiểu tại sao lúc trước, vợ chồng tôi đi mua chi mảnh đất quá xa khu thị tứ, để bây giờ xảy ra cớ sự, có hối hận đã muộn rồi. Tưởng mua nhà để dưỡng lão! Ai dè dưỡng... lão đâu chả thấy, chỉ thấy..."

Tiếng xù xụ, tiếng hỉ mủi lại vọng tới từ hơn hai ngàn cây số làm Nguyễn thêm mủi lòng. Nhưng nhìn cái đồng hồ con báo thức, Nguyễn thấy đã gần ba giờ sáng và Thùy vẫn ngồi bên ngóng chuyện, anh muốn tìm lời an ủi ông

bạn già, đồng thời chấm dứt cuộc điện đàm.

"Ông Ách. Bây giờ, ông tính sao? Tôi nghĩ, ông cứ tiếc nhớ bà nhà mãi, nhất là lúc này cũng không giúp được gì ông đâu."

"Cậu vẫn làm chỗ cũ chứ Ngu?"

Nguyễn hơi ngạc nhiên, đang nói chuyện này ông Ách bắt sang chuyện khác bất chợt.

"Vẫn đi làm bình thường, nhưng công việc trì trệ lắm, một tuần chỉ làm ba bốn hôm."

Ông Ách hơi ngập ngừng.

"Này Ngu... cậu có thể lên đây giúp tôi một tay? Một mình tôi bối rối và buồn quá, không biết phải làm sao cả"

Nguyễn hơi khựng lại trước lời yêu cầu.

"Còn thằng David đâu?"

"Nó đang đóng ở Kuwait trong đoàn quân của Liên-hiệp-quốc. Cả tháng nay tôi cũng rầu thúi ruột! Tôi nghĩ, má nó mất cũng phần nào do hoàn cảnh của nó. Ban ngày bả đi làm, chiều về vừa đến nhà bỏ cả ăn uống, ôm cái ti-vi; từ cái đêm lão Bush tuyên bố cuộc chiến ở Trung Đông. Cậu cũng biết thằng David nhà tôi là sĩ quan trong binh chủng không quân. Hôm kia, bà nhà tôi nhìn mấy thằng không quân Mỹ, bị lính của Sadam Hussen đánh bầm mặt bầm mày làm bả càng lo thêm. Cứ sợ hôm sau nhìn thấy nó "được" lên ti-vi thì hết đời thằng nhỏ. Cậu cũng biết, vợ chồng tôi chỉ có một đứa con trai độc nhất là nó."

Thấy hoàn cảnh của ông Ách quá bi thương, Nguyễn không sao chối từ. Dù rằng, Nguyễn biết sự có mặt hay không của anh cũng chẳng giúp gì được ông Ách. Tuy nhiên, chỉ những lúc như thế này, sự quan tâm đến nhau mới thực sự cần thiết... Nguyễn nhớ đến buổi sáng mùa đông năm nào...

Bầu trời xám xịt màu chì nặng nề, mây vần vũ kéo xuống thật thấp, gió giật từng cơn ngắn và mạnh, thổi tốc những bông tuyết cuốn xoáy lại tạo nên những vòng trôn ốc. Âm độ xuống thật thấp gần 30 độ C, lạnh cắt da mỗi khi gió thổi.

Nguyễn xuống bãi đậu định đề máy xe, rồi trở lên nhà ngồi uống tách càfê buổi sáng, đợi xe ấm hẳn mới đi làm. Nhưng lui cui bật công tắc đề mấy lần chiếc xe vẫn không chịu nổ máy. Nguyễn chợt nhớ đêm qua anh quên cắm điện vào máy xe, giờ đã hết cả bình điện. Nguyễn bực bội trở lên nhà, lẩm bẩm chửi thề. Anh biết chắc sẽ đi làm trễ hôm nay. Thùy đang pha càfê và cho hai con ăn sáng, nghe chồng lẩm bẩm, ngước nhìn.

"Có chuyện gì mà sáng sớm mặt anh một đống khó coi vậy?"

Nguyễn bưng tách càfê uống một ngụm nhỏ.

"Xe không nổ máy."

"Anh không cắm điện xe tối hôm qua à?"

Nguyễn bực dọc:

"Ai biết thời tiết thay đổi nhanh dữ vậy. Mới hôm qua trời vừa ngưng tuyết; vả lại đài khí tượng còn báo tuyết sẽ bớt rơi trong tuần này nữa kia mà. Thiệt

rõ chán! Cái xứ gì lạnh nóng bất chợt tùy hứng..."

"Anh ngồi đó lâu bầu cũng chẳng nên tích sự gì đâu. Điện thoại đến mấy ông bạn nhậu của anh nhờ họ câu giùm bình điện. Em đi làm, trễ lắm rồi."

Thùy uống vội hớp càfê còn lại rồi lấy chiếc xách tay đeo lên vai, vội vã bước ra cửa. Xưởng làm của Thùy gần nhà, nàng thường đi bộ thay vì cùng đi chung xe với chồng, trừ những hôm tuyết rơi nặng.

Nguyễn quay số gọi một thằng bạn khá thân. Nguyễn vắn tắt câu chuyện xong hỏi bạn,

"Nhờ ông chạy lại câu bình điện dùm, được không?"

"Trễ lắm rồi ông ơi! Chỉ còn mươi mười lăm phút lái xe đến sở, sao kịp..."

Nguyễn hấp tấp.

"Tiện đường đi ngang tôi, ông ghé lại vài phút "boost" (*) một cái là xong ngay, tốn phí thời gian là bao..."

"Hay ông kêu xe kéo lại. Ông có mua bảo hiểm của CAA? Gọi bảo nó lo. Còn không thì... mười lăm đồng bạc chứ nhiều nhỏi gì..."

Nguyễn dằn mạnh ống điện thoại, văng tục:

"Đù mẹ. Bạn với bè!"

Chàng định gọi nhờ vài người bạn khác, nhưng anh lại ngại một sự chối từ khéo léo khác, lại thôi.

Chợt tiếng điện thoại reo. Nguyễn thoáng mừng vì ngỡ Vinh liên lạc lại. Anh bốc ống liên hợp.

"Hélô. Ngu đó hở? Ách đây. Hôm nay cậu có đi làm được không? Sở dĩ tôi điện thoại đến cậu, vì thấy sáng nay tuyết rơi khá dày và nhiều. Tôi đã phải bỏ hơn tiếng đồng hồ để xúc cả cái sân đầy tuyết sau nhà mới dời được cái xe ra đường. Cậu thế nào?"

Nguyễn nói vài lời cám ơn, đoạn than van.

"Ông Ách ơi. Xe tôi nó chết máy vì hết bình điện. Có lẽ tôi nghỉ làm hôm nay."

"Cậu nghỉ làm sao được! Cậu hổng nhớ hôm nay thằng Bob làm bên chính phủ, nó sẽ xuống chụp x-ray cái "boiler" và đóng dấu mộc vào hay sao? Hay là thế này. Cậu đợi mười phút, tôi chạy lại câu bình điện ngay."

Nguyễn mừng lắm, nhưng ngại, vì anh mới quen ông Ách không bao lâu, nhà ông lại khá xa và phải lái xe ngược đường. Anh chối từ.

"Cám ơn ông. Phiền ông quá. Tôi quên hôm nay có thằng Bob bên chính phủ xuống. Tôi gọi taxi đi làm cũng được..."

"Cậu đừng ngại. Tôi tới ngay, tới ngay... kêu taxi làm chi tốn tiền. Nhớ chờ tôi mươi phút, ô-kê...?"

Và ông cúp ngang như sợ Nguyễn từ chối.

"Mình đâu có từ chối được, phải không em?" Nguyễn nhớ lại lời chàng nói với vợ khi nàng làm va-li cho chàng, sáng nay.

Trời tháng giêng, buổi sáng nhiều gió và mây. Mưa lất phất rơi xiên xiên, những sợi nước li ti ngắn ngủn bám vào khung cửa kính tròn như muốn đóng

băng, chợt tan loãng nhanh chóng dưới sức nóng từ hệ thống sưởi tỏa ra.

Thân tàu rung mạnh khi vượt khỏi phi đạo sũng nước.

Nguyễn lấy tờ báo phủ úp trên mặt, dấu hiệu từ chối buổi điểm tâm vội vả trên đoạn đường bay xuyên bang ngắn ngủi 1h35'. Mắt anh cay xè sau một đêm gần như thức trắng. Nguyễn cố ru mình vào giấc ngủ, nhưng thân tàu cứ mãi rung nhẹ bởi áp suất trên cao cùng gió làm anh hơi chóng mặt...

Chóng mặt thật, dù nơi ông Ánh đang ngồi cưa một đoạn gỗ thừa trên mái nhà xuống đất không là bao. Mình già rồi, ông Ánh nghĩ. Chợt tiếng còi xe ré lên ngoài cổng làm ông giật mình. Ông Ách nhìn ra, thấy gia đình Nguyễn đang ồn ào khuân nồi niêu, đồ ăn đi vào. Bà Hồng lau vội hai tay vào vạt áo, từ bếp chạy ra, tíu tít hỏi Thùy. Bà lúc nào cũng thế, luôn luôn vui nhộn một cách... ồn ào.

"Hôm nay cô cho chúng tôi thưởng thức món ngon gì đây?"

"Bồ câu rô-ti, bà Hồng ạ."

Bà Hồng lập lại câu nói của Thùy cộng thêm dấu hỏi và cười ngặt ngẻo, để lộ những lớp nhăn khó dấu khi không son phấn.

"Ôi, những con bồ câu dễ thương của nhân loại sắp bị tử hình!"

Thùy cũng vui vẻ cười theo. Nàng hiểu câu đùa ý nhị của bà Hồng.

Thùy còn nhớ cách đây khá lâu, trong một buổi tiệc cuối tuần có mặt cả Tây lẫn Việt ở nhà nàng. Hôm ấy, Thùy làm các món ăn cho cả đôi bên, bày biện trông rất bắt mắt ở hai đầu chiếu dưới thảm giữa phòng khách. Buổi tiệc đang dở chừng, Nguyễn đứng dậy vẻ trịnh trọng giới thiệu một món ăn ngon rất thuần túy Việt Nam. Anh nói chưa dứt, Thùy đã mang lên hai cù lao nghi ngút khói. Phía Việt nhà ta vừa nhìn thấy là biết ngay món tuyệt khẩu.Nhưng khi Thùy mở nắp cù lao,nhìn thấy những con lươn nằm cuộn tròn bên trong, bà Hồng hét lên một tiếng "snakes" hãi hùng làm tất cả mọi người cũng hoảng hồn theo. Ông Ách ôm chầm lấy vợ trấn an. Là một nông dân gốc Nga, vừa nhìn ông Ách biết đó là những con lươn, được nấu nướng theo cách của người Á-châu. Ông Ách cười, thản nhiên đưa cây xiên xắn ngang khúc đầu con lươn bỏ vào mồm nhai, trước đôi mắt mở to gần như kinh khiếp của vợ.

Sau vài ly rượu mạnh, ông Ách cố nài ép bà Hồng khúc lẩu lươn còn nóng. Được hơi men kích thích, dù vẫn còn sợ những "con rắn" nằm cuộn tròn quanh cù lao đầy ắp rau cải, bà Hồng cũng cố nhắm mắt mà nuốt "khúc rắn" vào bụng. Từ hôm ấy, dần dà cũng quen, dần dà, không một món ăn Việt Nam nào bà chối từ, lại còn nhờ Thùy chỉ vẽ cách nấu nướng...

Ở cuối vườn, ông Ách cùng Nguyễn đi song song chuyện trò. Con Ly ngồi ngất ngưỡng trên đôi vai lực sĩ của ông Ách, cười ngặt ngẻo trêu thằng Bi đang đếm những đồng bạc kền vừa móc trong túi quần ông Ách.

Những mảng tuyết lớn chưa kịp tan hết sau mùa Xuân, lốm đốm trắng rải rác khắp vườn sau nhìn như những căn nhà egoes bằng tuyết của người Da đỏ miền cực Bắc.

Bên kia vườn không xa lắm, ngôi giáo đường cũ kỹ, cây thánh giá xiêu vẹo

cắm trên mái hình cung tròn - lối kiến trúc cổ của Nga - làm Nguyễn liên tưởng đến ngôi mộ vĩ đại của một Nga hoàng nào đó di dân chết và được chôn nơi đây. Qua cánh đồng bát ngát, một làng của những di dân gốc Nga có đạo, sống tập thể và tách biệt với người bản xứ, quây quần với nhau trong những dãy nhà khang trang với những đàn gia súc. Họ cưới gã con cái cho nhau; cứ thế ngày một đông đúc thêm, tạo thành một thế giới riêng trên đất nước của người bản xứ.

Đó là lý do mà vợ chồng Ách mua ba mẫu đất rất xa khu thị tứ này. Ông thường tâm sự với Nguyễn, niềm ám ảnh lớn nhất của ông là luôn luôn hoài vọng về một đất nước Nga thanh bình. Cổ ngữ dân tộc nào cũng có câu "chim có tổ người có tông", con chim bị thương trước khi chết còn cố bay về cái tổ của nó nằm liếm vết thương; và con người khi già cũng hướng vọng về nơi mình đã chôn nhau cắt rốn. Đất Nga quá xa trong tầm mắt ông Ách bây giờ. Vì thế cái làng của những di dân Nga có đạo là hình ảnh một nước Nga thu nhỏ trong lòng một ông già sống xa quê hương mòn mỏi ngày về. Và, cái mái vòm hình cung lớn, có dát những mảnh gương màu lập thể đội lên ngôi giáo đường đứng sừng sững giữa cánh đồng cô quạnh, luôn gợi lên trong lòng ông Ách những kỷ niệm của thời thơ ấu. Thỉnh thoảng vợ chồng ông qua làng bên mua vài con gà lôi, dăm đôi vịt xiêm, con lợn đất để dành ăn vào những tháng dài mùa đông; nhưng chủ ý ông bà muốn tìm lại hình ảnh quê hương,sau những thổ ngữ ríu rít, những trang phục dân tộc đặc thù...

Nguyễn dừng lại, chỉ cái ao khá lớn có bắc nhịp cầu ra tới khoảng giữa, thắc mắc hỏi ông Ách đào làm chi khi ở đây mùa đông kéo dài và mặt hồ sẽ đóng băng suốt sáu tháng. Ông Ách thở dài, ở xứ sở này tìm được cái ao để nhìn thật hiếm. Ông bảo, đào ao chỉ để nhìn được mấy chú ếch, nhái nhảy lỏm chỏm và những con gọng vó chân dài bơi đùa trên mặt nước trong vài tháng hè, cũng nguôi ngoai phần nào nỗi nhớ quê hương. Ông Ách chỉ ngôi nhà, tiếp, "nó nhất định sẽ thành hình đúng khuôn mẫu của tổ tiên tôi, bên Nga"

Ra khỏi phi trường, Nguyễn vội gọi ta-xi trở lại "quê cũ". Sau ba năm, nhìn cảnh cũ, tâmtrạng anh vẫn trống rỗng. Dù nơi đây gia đình anh từng sống hơn mười năm qua. Mảnh đất này chẳng gợi trong tâm thức anh một chút luyến tiếc gì. Hơn bao giờ hết, Nguyễn thấy thấm thía khôn cùng hai chữ "tha phương"

Nguyễn nhìn cùng khắp, vẫn không một đổi thay. Ngôi giáo dường vòm cung đội tuyết đứng ngạo nghễ cô đơn giữa cánh đồng cô quạnh với cây thánh giá rỉ sét xiêu vẹo; cái làng của những di dân Nga vẫn lạnh lùng, xa cách, mọi cửa ngỏ khép kín trầm mặc.

Chợt mắt Nguyễn bắt gặp một đổi thay. Trên chóp mái nhà ông Ách, là cái vòm vòng cung tròn có dát những mảnh gương đủ màu lập thể đang cất dở dang. Nguyễn nhẩm tính thời gian. Năm năm! Hình ảnh của xứ Nga được tái tạo trên mảnh đất tạm dung, bằng số lương hai vợ chồng ông Ách kiếm dược, hàng tháng, vẫn chưa thành hình, ngoại trừ cái vòn vòng cung, những

mảnh gương lập thể và cột thu lôi trơ trọi. Nguyễn hình dung đến hình ảnh một đôi chim sẻ, cần mẫn tha từng cọng rơm cỏ để xây cho mình một tổ ấm, trong nhọc nhằn và kiên trì.

Ông Ách đón Nguyễn ở bậc cửa tầng dưới đã cất xong từ những năm đầu dựng căn nhà. Ông vẫn vậy không thay đổi mấy, thân hình vẫn to lớn dềnh dàng, duy những nếp nhăn trên mặt thì hình như nhiều hơn, sâu hơn, và mái tóc đã bạc trắng.

Cả hai ôm nhau im lặng.

Nguyễn nhìn ngôi nhà. Bên kia thế giới mù ảo liệu bà Hồng có hài lòng những gì vợ chồng bà đã bỏ công sức dựng nên, và chưa biết đến bao giờ mới hoàn tất.

Ông Ách đưa Nguyễn vào nhà. Chỉ cái lọ cổ đựng hài cốt của vợ, ông nói.

"Cuối tháng tôi về Nga, bên đó giờ đã thanh bình. Tôi sẽ đưa bà ấy về theo, về với quê hương, về với mảnh đất chúng tôi đã từng sinh sống, vui đùa thuở thiếu thời. Tôi nghĩ chắc bả sẽ hài lòng. Còn gì vui sướng hơn khi được yên nghỉ vĩnh viễn trên chính quê cha đất tổ của mình, phải không, Ngu?."

Nguyễn ngạc nhiên.

"Ông hồi hương, vậy căn nhà và David?"

"Tôi đã bán căn nhà cho người bạn, riêng thằng David tùy nó lựa chọn, dù sao nó cũng sinh ở đây."

Ngoài kia tuyết rơi mỗi lúc một trắng xóa, dày đặc hơn. Căn nhà đứng chơ vơ, nhỏ nhoi, tội nghiệp giữa đồng không hiu quạnh, Nguyễn biết chắc căn nhà của ông Ách sẽ mãi mãi không thành hình như một căn nhà kiểu Nga trong trí anh, ngoài cái vòng cung tròn có dát những mảnh gương đủ màu sắc lập thể với cột thu lôi sáng ngời đến lạnh buốt tê người.

VŨ ĐÌNH KH.

Vancouver 17/5/993

(*) Câu bình điện xe.



LUÂN HOÁN

xuất hồn

Tặng K. Trường.

1.

Này những bạn quỉ sứ
thủng thỉnh để ta đi
còng tay chi cho mệt
lôi kéo có ích gì

Sống không làm quân tử
chết đua đòi làm chi
nếu được thành quỉ dữ
cũng xứng đời nam nhi

Ta xuống tầng thứ nhất
xuống tiếp tầng thứ hai
chão dầu hay xẻo thịt
bình thản hưởng lai rai

Đã sống gần trọn kiếp
trên dương thế của người
xuống âm ty mới thấy
đây là cõi an vui

Cháo lú đâu chưa múc
cho ta xơi vài tô
may ra quên phức được
cái đời xưa giang hồ

2.

Này những bạn quỷ sứ
nơi đâu là cửa vào
tầng thứ chín địa ngục
ghê gớm như thế nào?

Ta đã từng cầm súng
phơ bờ bụi cỏ cây
bắn chim và câu cá
hình như chưa chùn tay

Bây giờ chịu thọ phạt
nặng mấy cũng không sao
lòng ta đã thanh thản
bay cao làm ngôi sao

Người đời nếu tinh mắt
sẽ thấy trên bầu trời
lấp lánh lòng thi sĩ
vằng vặt sáng muôn đời

Ta chết cùng ta sống
vĩnh viễn từ hôm nay
trái tim vô lượng nở
thơm ngát giọt thơ này

LUÂN HOÁN
1993



NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

ngày ấy chưa thể nói được



Ít nhất là có hai lần trong cuộc đời tị nạn - một cuộc đời bình lặng tẻ nhạt, không có gì sôi nổi trái khoáy lắm - tôi đã cố gắng phá vỡ sự bình lặng của mình bằng cách trèo cao, hỏi một vài người từ những bực thông minh thức giả cho đến những tên bạn lăng nhăng chuyện trò giăng cuội hằng ngày về cái cách xử thế lịch lãm ở đời, thế nào cho khôn ngoan giữa trắng đen, ta địch, phải trái, nặng nhẹ, hiếu tình. Đại loại là áp dụng vào mọi chuyện thì mọi câu trả lời đều khuyên lời chừng mực, có trời mà cũng có ta, không đen không trắng mà chỉ xam xám, không thiện, không ác, mà nên khôn ngoan suy qua xét lại, tóm lại là chữ nghĩa cực đoan bị nhiệt liệt phản đối ở khắp nơi.

Có vị làu thông địa lý Âu Tây thì dẫn câu tục ngữ Tây: chân lý bên này và bên kia đỉnh Pyrenneés không phải là một, có vị thạo khoa học thì dẫn lời cụ Einstein về thuyết tương đối (tôi có một bức hình cụ rất lớn, to gần như người thật, treo trong phòng ngủ, mỗi sáng tinh sương gật gù thức dậy, tôi thường gật đầu với cụ: *Hi, Albert!* Còn khi sửa soạn đi làm thì vừa mang giày vừa nói lầu bầu *Bye, Albert!*, để có cảm tưởng mình là bạn chí thiết và hằng ngày của ông thiên tài toán học đó. Ấy là cách chữa bệnh vay mượn hào quang, bệnh liên miên ảo tưởng của mình, tôi khỏi đi bác sĩ phân tâm mà chỉ chi ra một cách sáng suốt mươi đồng bạc, khiêng cái poster ấy về). Trở lại chuyện cũ, thì có bạn còn chứng minh thuyết tương đối bằng những chuyến bay, bay theo chiều quay của trái đất, thì rõ ràng ý niệm ngày giờ, đồng hồ cứng nhắc sẽ chảy dài ra như trong tranh Salvador Dali, *đi một ngày đàng học một sàng khôn* hết nửa vòng trái đất, mà ngày hôm qua vẫn cứ là ngày hôm nay... Còn ý niệm thời gian bay trên phi thuyền khi trở về trái đất thì cũng tương tự như hai chàng Lưu Nguyễn ngày xưa, năm sau trở về chốn cũ thì thôn xóm làng mạc, bà con quuyến thuộc đã trải qua hàng trăm năm rồi.

Vậy mà một lần trong đời cái chủ thuyết xam xám, hoàng hôn nhá nhem,

tương tương đối đối, bên nớ bên ni của tôi đã bị thất bại đau đớn nặng nề là cái lần tôi dám chơi ngông đặt câu hỏi với những người quen biết xa gần:

- Anh chị (ông bà chú bác cậu mợ cô dì...) có sợ Việt Cộng không?

Tôi chưa bị mắng như tát nước vào mặt là may vì câu trả lời xiết bao rành mạch như thế này:

- Chỉ nghe hơi chưa thấy bóng Việt Cộng đến là đã co cẳng chạy là những đợt di tản khổng lồ không tiền khoáng hậu bằng tàu bay tàu lặn năm bảy lăm, thấy Việt Cộng rồi mới rục rịch chạy bằng mấy thứ ô như ô đi pi*, ô đi ghe, ô chính thức, ô bán chính thức và hát ô*, sao lại bảo là không sợ?

Vậy thì có phải cộng đồng Việt Nam hải ngoại ta sở dĩ thành hình lớn mạnh được khắp năm châu bốn biển là cũng nhờ cái sợ ấy mà nên? Câu hỏi của tôi thực sự ngớ ngẩn và phạm thượng vì chân lý vốn chắc nịch, lần này không có sắc sắc không không gì ráo trọi, nhất định như hai với hai là bốn vậy.

Vậy thì đã có đồng lòng sợ Việt Cộng tức phải đem Việt Cộng ra hù nhát người khác (có giống như mấy tay sợ ma lại hay kể chuyện ma để làm ra vẻ ta đây là anh hùng hảo hán hay như tụi ăn cướp thì thường lại đánh trống?). Tôi dám cam đoan một ăn mười là dù cộng đồng Việt Nam ở Tây, Tàu, Mỹ, Nhật, Úc, Á cho dù họ đang ở giữa một xã hội văn minh, quyền làm dân có bảo đảm, chẳng thấy có bóng anh khu vực vàng, khu vực xanh nào hỏi giấy hộ khẩu hay giấy đi lại, thế mà thoắt một cái, nghe đến hai tiếng Việt Cộng, thì thiếu điều làm xấu ra trong quần, rồi ba chân bốn cẳng cắm cổ chạy cho xa.

Việt Cộng, ông ngáo ộp, ông kẹ dọa con nít nín khóc? Việt Cộng, vũ khí tối độc để tung vào những kẻ thù cá nhân, vì cạnh tranh tài năng và nghề nghiệp? Việt Cộng, lời cảnh giác tối ư sáng suốt của những bậc ái quốc thực sự yêu dân yêu nước? Việt Cộng, lợi khí của các thương gia vốn xuất thân từ chốn thương trường tranh đua tiền bạc ráo riết, đập bể nồi gạo, đốt tiêu thương vụ của nhau?

Việt Cộng, nón cối, mười tám năm nay ở hải ngoại, mọi người tung qua hứng về, nón cối bay đẹp như bươm bướm, nam phụ lão ấu tham dự trò chơi hấp dẫn này say sưa chưa thấy mệt? Bất đồng chính kiến, Việt Cộng, đã đành, cạnh tranh nghề nghiệp, Việt Cộng, ghen tị tài năng, Việt Cộng, ú ớ đuối lý, Việt Cộng, thanh toán vì gái, Việt Cộng, băng đảng tiền bạc, Việt Cộng, lá là la...

Có người thâm thúy bảo với tôi: như thế cũng là một cộng đồng tốt, chúng ta biết phát huy khả năng sợ, rủ nhau cùng sợ, xuống đường sợ, rỉ tai sợ, biểu dương sợ, phản đối sợ, kiến nghị sợ, tuyên cáo sợ, thì như thế chúng ta đã xúm lại kiếm nhau mà cùng lo chung một mối không như nhà thơ nói:

Đất nước đã gom về một mối
*một mối hận thù, một mối đau thương***

Lời nhận xét chí lý và hợp tình, hợp ý mọi người lắm vì dường như mọi điều tốt đẹp ở chỗ chúng ta đang có một kẻ thù chung và ai ai cũng dứt khoát không muốn dây với hủi. Nhưng có người e rằng sự thực không được lạc quan bánh chưng vuông báng dầy tròn như thế. Lại có người thâm thúy khắc lắc đầu, chỉ cho tôi xem nhan nhản những đường dây chuyển tiền, những cửa hàng buôn bán thuốc tây gởi thẳng về trong nước và gần đây nhất, những dịch vụ du lịch, thăm nhà, làm mai, cưới vợ, vui vẻ, ồ ạt của Việt kiều ở khắp năm châu, bốn biển.

Nếu vậy, theo vị thông thái thứ hai thì xưa nay giữa đám quần chúng ta vẫn có những người Việt hải ngoại vẫn muốn dây với hủi đấy chứ?

Lại có vị thâm thúy thứ ba thì chỉ rõ rằng cái thực tế của bóng ma Việt Cộng chỉ tổ chia rẻ cộng đồng chúng ta thôi. Ra khỏi nước tìm tự do, nói là tránh chế độ một người rình mọi người, mọi người rình một người đâu không thấy, mà chúng ta vàng thau lẫn lộn, sư nói sư phải, vải nói vải hay, chả biết anh nào gian chị nào ngay, vậy thôi cơm ta ta ăn, việc ta ta cày, nhà ta ta ở, chả cộng đồng với trừ đồng gì, lạng quạng lại lãnh một chồng nón cối thì mất ăn mất ngủ ngay với vợ con.

Đó là về phía mấy vị bàng quan thức giả. Còn về phía nạn nhân với thủ phạm thì tình hình có mòi gay go hơn. Phần lớn các chiến sĩ xưa nay vốn hiếu chiến, có lẽ do méo mó nghề nghiệp và dù ngày nay không còn ôm súng giỡn đạn nữa nhưng có mòi lại hiếu chiến hơn, có người nằng nặc thề với lòng phải giết đến tên Việt Cộng cuối cùng, mặc dù có một nhà văn quân đội gốc Cộng Hòa bảo rằng miền Nam đã gãy súng đau thương***, cũng đồng thời, có người muốn diệt Cộng bằng văn chương, tư tưởng, có người bàn cách vận động nâng cao dân trí, phổ biến tư tưởng tự do dân chủ, tổ chức bầu cử tự do, để giao quyền trọn vẹn chọn lựa cho quốc dân hai miền, không phân biệt gốc Quốc Gia hay Cộng Sản, trên con đường kiếm tìm ấm no, hạnh phúc, thực hiện giấc mơ chung của nhân loại muôn đời.

Sự va chạm trí tuệ giữa các đầu óc sừng sỏ của các chính trị gia lưu vong tị nạn, những người viết sách, làm báo, các trí thức, chuyên gia, nghệ sĩ Việt Nam hải ngoại đua nhau tranh luận tơi bời, cãi nhau tới tấp. Nói gì thì nói, lấp ló sau những trí tuệ siêu đẳng, những lý luận dài dòng quanh co hay khúc chiết gãy gọn, những lời tỏ tình thống thiết với quê hương dân tộc, những lời thề nguyền hào hùng bất khuất, khi tung khi hứng như hình với bóng, như ma trơi, như quỷ ám, hai bên chỉ hờm nhau trong những cú hờm ác liệt của hai võ sĩ lên đài, đợi địch thủ sơ hở trong tích tắc để lộ cái đầu trần trụi ra thì liền lanh tay chụp cho một cái nón cối nặng ịch.

Hạng người thấp bé, kém cỏi như tôi, lý luận thì chậm chạp, kiến thức thì thiển cận mù mờ khó phân biệt, phê bình thì ú ớ ba phải, nên chỉ còn chú mục rành rành vào cái nón cối mà quí vị nào đang cầm ở tay và đang rình rập chụp thiên hạ...

Đến khi phát hiện ra bọn buôn nón cối này chỉ lóp ngóp vài ba tên bất tài vô tướng, chẳng có bao nhiêu so với đám người đầu trần đứng giữa nắng bị

lảnh nón, thì hạng thấp kém như tôi mới hoàn hồn, toát mồ hôi, rồi thở phào nhẹ nhõm. Rõ là hình ma bóng quế, rung cây nhát khỉ.

Mấy lâu nay cứ liên tiếp ti vi chiếu bức tường Bá Linh ngả rụp rụp, tượng Lê- nin khổng lồ như trái núi, mũi dài như khúc mía mây cũng bị kéo xuống ào ào, xác người lãnh đạo Đảng Cộng Sản Quốc tế cũng đi hạ thổ rồi, tôi tự hỏi vì sao cái nón cối ta-bu của cộng đồng nhỏ bé của tôi cũng vẫn còn sức nặng ngàn cân? Theo tôi, tôi xin góp ý với các nạn nhân nón cối, nên tự nhiên phấn khởi hồ hởi, triển khai mặt mạnh mà mình đang có. Thí dụ dù lỡ có đứa nó đội nón cối ẩu lên cho mình, thì nạn nhân có đi làm sở Canada thì Canada vẫn không đuổi, dẫu cho nạn nhân lái xe Mỹ thì phú lít Mỹ vẫn không thắc mắc gì về cái nón cối vu vạ đó. Tây, Tàu, Mỹ, Nhật, chưa thấy có dân tộc nào sợ nón cối bằng nhân dân ta. Vậy thì, một đặc trưng dân tộc, niềm tự hào chẳng kém gì trống đồng Đông Sơn, nón cối, một bảo vật nay mai sẽ chạy vào bảo tàng viện để cực tả một khía cạnh tinh thần sống động của cộng đồng Việt Nam tị nạn.

Hằng năm ở Mỹ, vào ngày ba mươi mốt tháng mười, bọn trẻ con lại rạo rực chào đón ngày lễ *Halloween*. Trong đêm lễ đó, chúng được quyền cải trang làm ma làm quỷ, đeo mặt nạ, cầm đầu lâu đến đập cửa mọi nhà bất kể người quen kẻ lạ gọi là *trick or treat* để vòi kẹo. Bọn người lớn cũng đua nhau ăn có (chắc chẳng phải vì kẹo) thay hình đổi lốt và cái mốt thời thượng của cộng đồng Việt ta hiện nay là những buổi dạ hội khiêu vũ hóa trang *Halloween*. Tha hồ mọi người có dịp thực hiện những giấc mơ thầm kín, những ước muốn ẩn ức, tôi sẽ là hoa hậu Mexico, chị là vũ công Ai Cập hở rốn, anh là tổng thống George Washington, là Cleopatre và Caesar, là cô dâu trong ngày cưới, là nữ hoàng tình dục Madonna... Năm nay, nếu có may mắn được tham khảo ý kiến của ai đó, tôi xin đề nghị một kiểu mới: kiểu cải trang thành bộ đội Việt Cộng và bắt buộc sẽ đội nón cối (chứ không chỉ cầm).

Dẫu sao thì cũng là một mốt mới, lạ mắt và ngổ ngáo, dưới ánh đèn mờ ảo, nón cối sẽ lả lướt bước ra sàn nhảy mời một bạn nhảy nào đó phục vụ mình một khâu tango hoặc một điệu slow Mông Cổ **** cũng là một kinh nghiệm tuyệt vời đầy phấn chấn!

Chỉ ngại mốt mới tôi lăng xê ra hôm đó lại ăn khách quá đáng, bọn lái buôn thuốc Tây, buôn tiền, buôn người, buôn du dịch, buôn ái tình sẽ bỏ nghề mà quay ra buôn nón cối.

Tới chừng đó thì cái chủ thuyết khôn ngoan xam xám, chạng vạng, tranh tối tranh sáng, ngủ ngày thức đêm của tôi mới thực sự là trở lại có đất sống.

Trên đà phấn khởi này, tôi có dò đường tìm hỏi đến một vị thâm thúy thứ tư về cái ngày đang mong ước ấy, thì được nghe đáp rằng:

- Ngày ấy bao giờ đến thì chưa thể tiết lộ được!

Nhưng mà một tên bạn khác thuộc loại cà chớn chuyện trò lăng nhăng hàng ngày của tôi thì lại nói một cách trật đường rầy không đầu không đũa gì về chuyện này như sau:

- Hễ làm người lớn hay lấy ông kẹ, ông ba bị ra để nhát con nít. Con nít lớn

hết rồi thì trò chơi hết hứng thú. Bởi vậy, hễ cứ còn con nít thì mãi còn ông kẹ!

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

---

* O.D.P.: *Ordered Departure Program*: Chương trình ra đi trong trật tự

* H.O.: *Humanitarian Operation:* Chương trình định cư ở Mỹ cho các cựu tù nhân chính trị.

** Cao Xuân Huy, *Tháng ba Gãy Súng (Hồi ký)*

*** Thơ Nguyễn Chí Thiện.

**** Slow Mông Cổ: Khi nhảy, tay của bạn trai đặt lên mông của bạn gái, tay của bạn gái đặt lên cổ của bạn trai thì gọi là Slow Mông Cổ



NGUYỄN LẬP ĐÔNG

lõ

Ngày u - sóng giận cao như vời
Gió giật - chồm lên khỏi kiếp người
Gỗ lỏng - chạy qua tay nước níu
Nổi tăm - in rõ mặt trời mù.

Mộng tồn sinh - chìm sâu cổ tích
Bến bờ nào - đạo dạo ngu ngơ
Đêm đặc ruột - truy tầm ngôn cách
Hóa trang chung - mắt đỏ không ngờ.

Ly rượu dựng - mắt lồi lồi mở
Giọt trăng đen - vỡ nát hiên say
Cây hoa lạ - thở ra dị ứng
Chữ quanh co - ngụy tạo nhân quần.

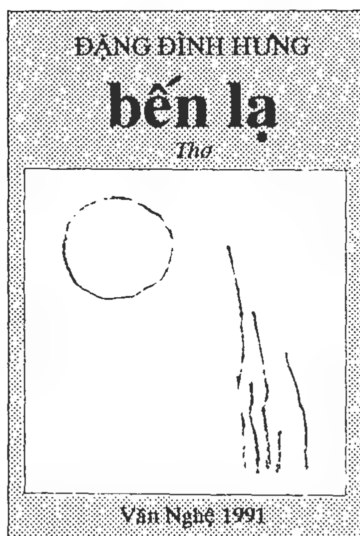
Lúc bình sinh - tóc lông mọc lộn
Bữa tiệc mời - lúc nhúc buồn nôn
Đôi đũa lệch - so ngang chân gãy
Bờ, bờ, bờ... - lõ mắt nhìn nhau.

NGUYỄN LẬP ĐÔNG



THANH THẢO

về bến lạ



Đặng Đình Hưng bị ám ảnh bởi con số 0 và con số 8. Con số 0 là một hình tròn, con số 8 là một chuyến đi loanh quanh, là cái gì nữa nhỉ?

Tôi đã tiếp đau thương những nhỏ nhỏ thường thường
Đã húp ra đi từng bát những nhạt nhạt mềm mềm và rất ngon

Những đau thương dù lớn tới đâu, khi *đã tiếp* rồi thì cũng nhỏ, cũng như những bát gì gì của đời này, dù *nhạt nhạt mềm mềm* ởn ởn kinh kinh tới đâu, khi đã *húp* rồi thì cũng có thể rất ngon. Đặng Đình Hưng, ở tuổi sáu mươi, đã chấp nhận tất cả.

Và ông đã vượt thoát tất cả. Như trên băng chuyền nhận hàng ở sân bay, những cái va-li cứ kìn kìn trôi về Bến Lạ, trôi một cách không cưỡng nổi, tự động, thụ động, như những câu thơ. Những câu thơ trôi giữa ý thức và tiềm thức, giữa nhớ và quên, trôi một cách không cưỡng nổi.

Đặng Đình Hưng đã thoát xác:

hễ mưa, một cái túi to
tôi ra đường vồ sẹo

Những vết thương đã nhảy ra khỏi đời ông, nhảy lung tung trên mặt ruộng sau trận mưa rào, và ông lão sáu mươi hóa thành đứa trẻ, vồ chơi những nỗi đau của chính mình.

Tôi lại đi, tôi đi đây, chào tôi đi. Vâng, tôi chán Bến Lạ
Tôi già rồi. Tôi không làm gì được quyển lịch...

Có cảm giác nhà thơ chẳng muốn đi đâu cả mà cứ phải đi, dù đích tới đã biết trước, đã chán rồi, nhưng cứ phải đi. Hiếm có thi sĩ nào diễn tả cái cảm giác bị câu thúc này của thời gian, của dòng đời, cái gánh nặng phải gánh của số phận, rõ ràng tới mức sờ mó được như Đặng Đình Hưng.

Lên vai, vứt, vác, chạy... Những động từ cứ đâm sầm vào nhau, hốt hoảng như một cuộc di tản, di tản về Bến Lạ.

Nó cắn một nửa...: cắn 3/4-cắn còn một tị... chỉ một tị nữa thôi. Vào hội đi!

Còn một miếng cuối cùng. Nghĩa là đã một chân hẫng ngoài miệng vực, nghĩa là sắp tiêu tùng, rồi đột ngột, quay trở lại, với những thèm muốn thật tầm thường, thật gay gắt: thèm muốn sống cái đời mình, với một chút dịu dàng, một chút ấm nóng:

tắm nước nóng cọ bàn chân khô lau cái khăn không.

Toàn *Bến Lạ* là triền miên một tiếng nói Cô Đơn, vượt qua những rào cản, kể cả rào cản cuối cùng là cái chết. Đó là sự trình bày của một đời người:

91 lần mất
mất tuột
Ai cũng phải buồn cười
cái chai cũng buồn cười

Mất nhà thơ cười ra nước mắt, mất cái chai thì cười... ra rượu thuốc rầy, cái cười ấy đầu độc chính chủ nhân của nó. *Hình như, 91 cược, cuộc, tôi chưa hề 91 lần được...* Nhưng ông đã được một lần:

Khi ấy tôi còn bé, kiễng chân lên, bắt ghế không cao quá cái hòm nhòm nhòm... miếng ngon & đậy lồng bàn. Miếng ngon X, Y, Z, miếng ngon nào chả là miếng ngon với tuổi thơ. Đặng Đình Hưng đã được *cái trẻ thơ*, phải chăng là cái cuối cùng trong ba biến thái tinh thần mà cụ Nietsche hằng ao ước? Toàn *Bến Lạ* là ngấp ngứ, ngây ngơ một tiếng nói *đã trẻ thơ hóa*, tiếng nói ấy hóa giải cho cả cuộc đời thăng trầm, đau buồn của tác giả, tiếng nói ấy như muốn tìm đường đến với sự đồng cảm của tha nhân, qua con đường trắc trở của những giấc mơ, của đường dây điện thoại bị nhiễu. Tôi nhớ có lần đến chơi nhà Đặng Đình Hưng, lúc ra về, ông nhắc: "Mình mới mắc điện thoại, nhớ gọi điện cho mình nhé!" Tiếc thay, dạo đó tôi đang ở nhờ những nhà chưa bao giờ biết tiếng chuông điện thoại, nhưng tôi đoán, ông cần, thèm nghe tiếng người, nghe nho nhỏ, xa xa, đứt quãng, ông còn muốn giữ một liên lạc nào đó với thế giới bên này. Nhà thơ, quả thật nhà thơ, họ có khả năng liên lạc với nhiều thế giới, nhưng có lẽ, liên lạc với thế giới mình đang sống là vui hơn cả, mặc dù không dễ hơn. *Con người, hãy để phần người của mình liên lạc với nhau.* Hình như, đó là thông điệp của *Bến Lạ*, một tập thơ, đứng vào hàng cô đơn nhất trong những thi phẩm Việt Nam, cô đơn không hẳn vì hình thức thể hiện, mà cô đơn chính vì nó khát khao những liên lạc, khát khao cực độ.

Khi nghe tin Đặng Đình Hưng mất, rồi mãi gần đây, khi được đọc tập *Bến Lạ* này do em ruột ông, nhà toán học Đặng Đình in ấn và gởi cho, tôi nghĩ Đặng Đình Hưng không chết, ông chỉ *chuyển kênh*. Ông đã kịp phát sóng thơ của mình lên vệ tinh địa tĩnh, và giờ đây, chúng ta có thể nghe được tiếng nói của ông, mà không cần những tiếng gắt gỏng hay mơn trớn của chuông điện thoại.

THANH THẢO
(Trong nước)

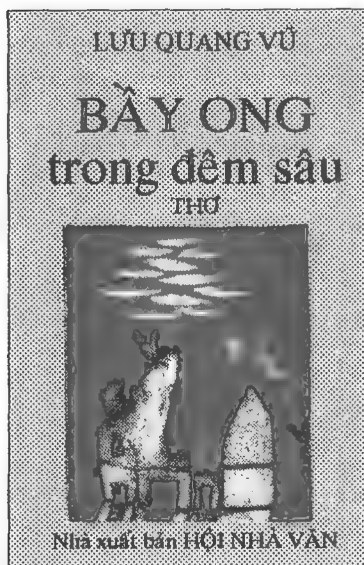
---

* BẾN LẠ, thơ Đặng Đình Hưng. NXB Văn Nghệ thành phố HCM 1991

PHẠM XUÂN NGUYÊN

“tâm hồn anh dằn vặt đời anh”

(Nhân đọc tập thơ mới của Lưu Quang Vũ)



*Bầy Ong Trong Đêm Sâu** là quãng đời năm năm (1970-1975) Lưu Quang Vũ đã sống trong cảnh chiến tranh ác liệt. Chiến tranh gây đổ vỡ trên đất đai, đổ vỡ trong con người. Bản thân Vũ, theo lời chứng của bạn bè, những năm tháng ấy sống rất khó khăn và vật vã. Anh tuyệt vọng, anh đập vỡ mình ra, xé nát lòng mình, anh cảm thấy buồn mênh mông trước con người và cuộc đời, anh thấm cay đắng, cô đơn. Các trạng thái đó là biểu hiện một cơn khủng hoảng tâm hồn lớn lao để thoát xác, trưởng thành. Dễ hiểu là những vần thơ như được viết ra khi đó chỉ để cho mình, cho bạn bè thân. Giờ đây, chúng có được “chỗ đứng dưới mặt trời” của mình và người đọc chợt run lên trước một Lưu Quang Vũ run rẩy thành tâm biết bao, tha thiết sống, tha thiết yêu biết bao. Tâm hồn đằm thấm hương cây ấy đã tự kết mật.

Thơ Lưu Quang Vũ ở đây rất thật, thật đến dễ sợ. Anh viết: *Tôi chán cả bạn bè. Mấy năm rồi họ chẳng nói được câu gì mới* Anh viết: *Em đã tin trời xanh ngoài cửa sổ. Trời đen sầm cửa sập nát vai em* Anh viết: *Lòng tốt ai cần đến. Thơ không đâu dùng....* Còn nữa... Còn nữa... Rất nhiều những câu thơ thật đến đau đớn, đến cháy lòng được viết ra như nói, như giãi bày trong cả tập thơ này. Và anh vẽ người anh thành ngọn gió mà ngay cả “em” cũng không dễ nắm bắt được, nói gì đến những người khác hờ hững và độc ác với anh: *Anh bỏ nhà đi như ngọn gió. Ngọn gió âm thầm quằn quại vẫn yêu em... Bây giờ anh trong suốt như không khí. Như gió hoang không hình không giới*

hạn. Chỉ có gió. Em làm sao thấy được... Tôi ảo tưởng quá nhiều ư? Có lẽ. Em cần gì gió lốc của đời tôi... Và anh khơi hồn mình thành giếng lạnh: *Anh đã mất cả mây qua lòng giếng... Em cần gì giếng lạnh. Tâm hồn anh cô quạnh dưới lòng sâu.*

Nhưng Lưu Quang Vũ không hề muốn kỷ niệm về anh là một điệu hát buồn, dẫu anh đã rất buồn, bởi lẽ cuộc đời này mỗi con người chỉ một lần được sinh ra.

Tôi chọn bài ca của mùa hạ trắng
Tôi chọn bài ca của người gieo hạt
Hôm nay là mầm, mai sẽ thành cây
Khổ đau dẫu nhiều, tôi chọn niềm vui.

Cũng với cảm hứng đó, anh khẳng định về đất nước, về chỗ đứng của mình trong lòng đất nước. Người tuyển chọn tập thơ (Vương Trí Nhàn) đã khéo chọn để đọng lại cho người đọc một chân dung Lưu Quang Vũ lớn lên trong số phận đời tư và lớn lao trong số phận cộng đồng. Thú thật đọc bài *Việt Nam Ơi*, tôi đã muốn khóc vì nỗi lòng thành thật của nhà thơ, vì anh khi viết có lẽ cũng đã khóc cho số phận đau thương của đất nước mình: *Người sẽ đi đến đâu. Hả Việt Nam khốn khổ? Đến bao giờ bông lúa. Là tình yêu của Người?* Tháng giêng năm 1973, hòa bình trở lại với miền Bắc sau Hiệp Định Paris. Tháng hai, anh bắt ngay vào mạch liên tưởng *nhiều tin đồn mà chẳng có gì ăn* để xác quyết chức phận *gã làm thơ da vàng* của mình là:

Chúng ta mở những cánh cửa
Chúng ta suốt đời đi mở những cánh cửa
Xuyên bóng tối bốn bề bao phủ
Chúng ta đã nhận ra nhau
Chúng ta đã tìm đến bên nhau
Chúng ta mãi mãi ở bên nhau
Những bàn tay không còn đơn độc nữa.

Những câu thơ viết trước hai mươi năm là cho bây giờ, cho mọi người Việt dù ở phương trời nào.

Hai mươi năm về trước ấy, Lưu Quang Vũ đang ở giữa tuổi hai mươi.

"Tuổi hai mươi không phải hai mươi tuổi" - tập thơ này của anh khẳng định điều đó. Anh mất đã được năm năm giữa độ tuổi sung sức của đời người, đời nghệ thuật. Lời thơ anh linh nghiệm đời anh. Anh không là ong vò vẽ, ong xanh, ong trắng, ong đỏ, anh là ong nâu: *Đã chết rồi ơi chú ong nâu. Để hoa rụng mùa thu thương nhớ bạn...*

PHẠM XUÂN NGUYÊN
Hà Nội, 8.1993

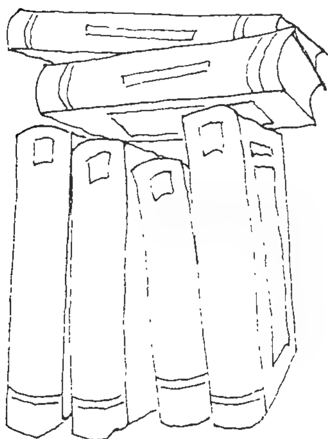
---

* Di cảo thơ Lưu Quang Vũ, nhà xuất bản Hội Nhà Văn xuất bản nhân kỷ niệm năM năm ngày mất của nhà thơ (29-8-1988 - 29-8-1993)



THỤY KHUÊ *thực hiện*

giáo sư hoàng xuân hãn nói chuyện về thân thế và sự nghiệp hồ xuân hương



Tháng 12 năm 1983, trên tạp chí Khoa Học Xã Hội *số 10 và 11, xuất bản tại Paris, xuất hiện công trình nghiên cứu của học giả Hoàng Xuân Hãn với tựa đề* Hồ Xuân Hương Với Vịnh Hạ Long, *trong đó giáo sư khảo sát một cách khoa học cuộc đời và tác phẩm của Hồ Xuân Hương, xác định thời điểm Hồ Xuân Hương đã sống và những nhân vật có quan hệ tình cảm với Hồ Xuân Hương đã được phản ảnh lại trong tập* Lưu Hương Ký, *tác phẩm chính của Hồ Xuân Hương. Sau cùng, giáo sư đặt vấn đề phải khảo sát lại những văn bản mà từ trước đến nay vẫn được xem là của Hồ Xuân Hương.*

Mười năm qua, hầu như trong nước chưa có tiếng vang nào đáp ứng lại nhu cầu đi sâu vào công việc nghiên cứu mà học giả Hoàng Xuân Hãn đã mở đường.

Với mục đích giới thiệu những công trình nghiên cứu nghiêm túc về văn học cho một quần chúng rộng rãi, chúng tôi đã tiếp xúc với giáo sư Hoàng Xuân Hãn, và buổi nói chuyện này đã được truyền thanh trên đài RFI vào những chương trình chủ nhật 9/5 và 16/5 vừa qua. Chủ nhật 23/5, giáo sư Tạ Trọng Hiệp tiếp lời học giả Hoàng Xuân Hãn để phát biểu thêm về những chi tiết sau cùng liên quan đến số phận của tập Lưu Hương Ký.

Hôm nay chúng tôi ghi lại toàn bộ ba buổi nói chuyện này trên Hợp Lưu *để độc giả* Hợp Lưu, *trong cũng như ngoài nước, có thể tiếp thu được phần tư liệu quý giá này.*

*

THỤY KHUÊ: *Thưa bác, bác đã bắt đầu công việc nghiên cứu thân thế và sự nghiệp văn học của Hồ Xuân Hương trong trường hợp nào?*

GIÁO SƯ HOÀNG XUÂN HÃN: Thực ra thì đầu tiên câu chuyện Hồ Xuân Hương là thế này: Từ xưa ai cũng thích Hồ Xuân Hương cả. Nhưng có thể có người cho rằng đó là một nhân vật tượng trưng hơn là có thực. Đến khoảng 1965 bên nhà vẫn còn đặt vấn đề không biết Hồ Xuân Hương sống vào đời nào? Có thực có một người là Hồ Xuân Hương hay không?

Đối với tôi, cái tên Hồ Xuân Hương tôi bắt đầu thấy trong cuốn *Quốc Sử Di Biên* của ông thám hoa Phan Thúc Trực, người Nghệ An, trong đó nói Hồ Xuân Hương là tiểu thiếp của ông hiệp trấn Trần Phúc Hiển ở Yên Quảng, tức là vùng Quảng Yên bây giờ. Việc ông Trần Phúc Hiển bị án tử hình vì ăn hối lộ được ghi trong *Quốc Sử Di Biên* và cả trong chính sử *Đại Nam Thực Lục*. Nhưng riêng trong *Quốc Sử Di Biên*, ông Phan Thúc Trực có nói đến cô vợ bé tên là Hồ Xuân Hương, giỏi văn chương và chính trị, được dự vào việc xử án, phê phán với chồng. Nhưng có lẽ Vì Hồ Xuân Hương có đối xử cay nghiệt với một thủ hạ của chồng (trách nhiệm về an ninh), nên hắn đã tố cáo ông hiệp trấn ăn hối lộ. Tôi để ý và chỉ biết về con người Hồ Xuân Hương là thế mà thôi, nhưng về đường văn học thì chưa thấy một manh mối gì.

Năm 1952 tôi qua Pháp, thư viện quốc gia ở đây có nhờ tôi làm mục lục về những sách chữ nho và chữ nôm của họ. Tình cờ nữa, tôi lại thấy một cuốn sách địa dư, trong đó nói đến tỉnh Quảng Yên. Cuối phần tỉnh Quảng Yên thấy có sáu bài thơ đề là của Hồ Xuân Hương, thành ra hai chuyện ấy nhập lại thì rất có giá trị. Bởi vì Hồ Xuân Hương đã là vợ lẽ một ông hiệp trấn ở Quảng Yên, và đấy lại thấy có sáu bài thơ vịnh Vịnh Hạ Long thì tôi chắc chắn rằng cả hai chuyện đều có thực cả. Đến lúc xét lại mấy bài thơ về Vịnh Hạ Long thì có 5 bài chắc chắn là của Hồ Xuân Hương. Còn bài thứ sáu không phải, người ta thêm vào.

Thưa bác, bây giờ chúng ta trở lại thân thế của Hồ Xuân Hương, Hồ Xuân Hương là con Hồ Phi Diễn?

Từ hai mối ấy tôi mới đi tìm xem Hồ Xuân Hương là con người như thế nào? Thứ ba nữa, từ lúc còn dạy ở trường Bưởi, tôi rất quen với ông Dương Quảng Hàm. Ông Dương Quảng Hàm lúc ấy đang viết cuốn *Việt Nam Văn Học Sử*, cũng đang tìm kiếm cái gốc của Hồ Xuân Hương. Có mấy người bạn là ông Nguyễn Thiện Lâu và ông Phan Mỹ (em ông Phan Anh) lúc ấy đang tìm kiếm về đường kinh tế, đường sử học ở huyện Quỳnh Lưu. Họ có mang về một ít tài liệu, nhờ đó chúng tôi được xem một số gia phả và hương phả của mấy làng Quỳnh Đôi, trong nói rõ ràng rằng Hồ Xuân Hương là con ông Hồ Phi Diễn: Do đó, ông Dương Quảng Hàm là người đầu tiên viết ở trong sách rằng Hồ Xuân Hương người Nghệ An. Sau này vào năm 1963, tôi đọc các báo ở Hà Nội, trên tạp chí *Nghiên Cứu Văn Học*, ông Trần Thanh Mại và ông Hồ Tuấn Niệm lại nói rõ ràng về gốc tích Hồ Xuân Hương hơn nữa.

Riêng phần bác, bác còn khám phá thêm rằng Hồ Xuân Hương có họ hàng với Nguyễn Huệ?

Sau này tôi có một phần gia phả của họ Hồ, tra ra thì thấy rằng Hồ Xuân Hương với Nguyễn Huệ cùng một thế hệ đối với gốc họ Hồ này, mà họ Hồ này bắt đầu ở Việt Nam từ đời hậu Đường lúc mình còn đương thuộc nhà hậu Đường vào khoảng thế kỷ thứ 10. *Hồ Xuân Hương và Nguyễn Huệ cùng ngang hàng, vào khoảng hàng thứ 12*, nhưng có lẽ đến đời thứ 5, thứ 6 thì mới chung một gốc. Có một gốc đi từ Quỳnh Lưu vào Hưng Nguyên, rồi từ Hưng Nguyên vào Bình Định, đổi thành họ Nguyễn của Nguyễn Huệ. Một gốc nữa, phần lớn ở Quỳnh Lưu, chỉ có Hồ Phi Diễn là một thầy đồ đi ra Bắc, trong họ coi như là đã ly hương với làng Quỳnh Lưu. Và hình như ông không có con trai cho nên sau này không có người nối tiếp vết tích trong gia phả. Vì thế, dấu tích của ông Hồ Phi Diễn rất ít trong các ngành gia phả. Có nhiều gia phả lắm, nhưng chỉ hai ba có dấu tích của Hồ Phi Diễn, trong ấy người ta chú rằng có người con gái sinh ở phường Khán Xuân (làng Nghi Tàm bây giờ) tên là Hồ Xuân Hương. Theo ông Trần Thanh Mại và tôi cũng đồng ý, Hồ Xuân Hương tên là Mai, Xuân Hương chỉ là tên hiệu mà thôi.

Bây giờ sang đến cuốn "Lưu Hương Ký" *là tác phẩm chính của Hồ Xuân Hương. Thưa bác, trong hoàn cảnh nào đã tìm thấy* "Lưu Hương Ký"*?*

Đến lúc tôi định tìm kiếm về Hồ Xuân Hương thì tôi lục trong các báo ở Việt Nam, từ 54 trở đi có chừng 7, 8 báo văn học có nói đến Hồ Xuân Hương, nhưng cũng chỉ bâng quơ chuyện văn Hồ Xuân Hương tục hay không tục, chứ không đả động đến đời sống, mà về đường văn học của Hồ Xuân Hương cũng nói rất ít. Duy chỉ có ông Trần Thanh Mại, tình cờ, ông đọc những sách của trường Viễn Đông Bác Cổ để lại, sau bài *Đi Chơi Hương Tích* của Chu Mạnh Trinh thì có một bài tựa sách của một người ký tên là Nham Giác Tốn Phong, bài tựa đó có nói đến một cuốn sách tên là *Lưu Hương Ký* của Hồ Xuân Hương mà ông được đọc và làm cái bài tựa này. Sau bài tựa ấy có những bài thơ của ông Tốn Phong tặng cho Hồ Xuân Hương. Ông Trần Thanh Mại mới nghĩ rằng nếu tìm được *Lưu Hương Ký* thì sẽ biết nhiều về Hồ Xuân Hương. Chuyện này vào khoảng 1963, ông Trần Thanh Mại kể lại trong tạp chí *Văn Học* như thế. Rồi ông ấy loan báo muốn tìm cuốn *Lưu Hương Ký*, thì có một cử nhân người làng Hành Thiện viết thư cho ông ấy bảo rằng cách đây 8, 9 năm trước tôi đã gửi biếu các ông cuốn *Lưu Hương Ký* mà tôi tìm thấy ở trong thư viện của tôi. Lúc ấy Trần Thanh Mại mới ngã người ra: à thì ra mình đã có trong tay *Lưu Hương Ký* gần 8, 9 năm rồi mà không biết. Từ lúc ấy, ông Trần Thanh Mại mới bắt đầu khảo cứu *Lưu Hương Ký*. Thì *Lưu Hương Ký* là một tập thơ và từ bằng chữ Hán và chữ Nôm. Theo bài tựa của Tốn Phong, chính Hồ Xuân Hương nói rằng: *đây là tập thơ của cả đời tôi*. Nhưng sự thực thì không phải thế đâu. Sự thực, tâm hồn của cô ở trong tập này chứ không phải tất cả tác phẩm của cô ở trong tập này. Cả tập hình như chỉ có 52 bài: 24 bài chữ Hán, 28 bài chữ Nôm. Trong Nôm thì có thơ đường luật mà cũng có những bài từ. Phần Nôm rất đặc biệt vì nó nói hẳn cái tình cảm của mình - tình đây là tình ái - mà nói thật thà không giấu diếm,

không ngượng ngùng. Phần văn chữ Hán có hơi sáo một tí bởi ảnh hưởng văn cử nghiệp. Nhưng mà thơ cô cũng không kém gì những người văn học đàn ông đời ấy.

Bằng phương tiện riêng, tôi tìm kiếm qua những bài thơ của cô và qua *Đại Nam Thực Lục* thì tôi đã tìm lại được một số tình nhân của Hồ Xuân Hương, trong ấy có đến bốn, năm người mình biết tên tuổi, thì *người đầu tiên là cụ Nguyễn Du.*

Trở lại một chút về sự khác nhau giữa công việc tìm kiếm của bác với ông Trần Thanh Mại.

Ông Trần Thanh Mại có trong tay 2 tác phẩm và ông ấy dịch ra một phần. Ông ấy chỉ dịch ra một phần, cái khổ là thế vì bây giờ chưa chắc đã tìm lại được *Lưu Hương Ký*. Nhưng ông không tìm cách liên lạc các việc với nhau và ông cũng không kiếm ra những con người giao thiệp với Hồ Xuân Hương là những người nào. Tôi ở bên này, tôi chỉ tìm được những cái gì có ghi chép trong sử, còn những tên ở ngoài, nếu ở bên nhà thì may ra mới tìm được.

Thưa bác, có phải bài "Tiễn Bạn Trên Sông Bạch Đằng" trong tập Lưu Hương Ký *đã chứng minh rõ thêm mối liên lạc giữa Hồ Xuân Hương và Trần Phúc Hiển?*

Đối với tôi, bài "Tiễn Bạn Trên Sông Bạch Đằng" rất quan trọng vì nó làm dây nối giữa hai quãng đời ta biết chắc của Hồ Xuân Hương: Đời làm bạn với Tốn Phong và đời làm vợ bé Trần Phúc Hiển. Không những trên con đường đi từ Thăng Long ra Quảng Yên lúc ấy phải đi bằng sông Bạch Đằng mà trong lời thơ mình cũng hiểu rằng có sự hứa hẹn. Ông Trần Phúc Hiển hứa hẹn sẽ trở lại cưới Hồ Xuân Hương, nhưng cô đã bị bốn năm chuyến hứa hẹn mà không thành, hoặc vì người ta hoặc cô, cho nên cô cũng hồ nghi. Tuy hồ nghi nhưng hơn 40 tuổi rồi, cô cũng đành lấy ông làm lẻ. Trong lời thơ mình thấy cả hai hồ nghi ấy.

Qua bài tựa của ông Tốn Phong thì Hồ Xuân Hương là người đẹp?

Đối với người mà đã yêu người đàn bà thì tự nhiên ông ấy ví cô ấy như tiên, người trên trời, cái ấy thì mình cũng không biết là như thế nào. Chắc là đẹp lắm thì không, nhưng nói theo tiếng mình rằng xinh thì chắc là có, dễ yêu và tính cô hồn nhiên lại thơ hay. Lúc gặp ông Tốn Phong cô đã qua nhiều đau khổ và muốn kiếm chồng.

Vậy trái với những lời đồn đại về Xuân Hương, rằng Xuân Hương là người đàn bà xấu?

Về những lời đồn đại mình không thể tính được. Đây mình tính đến những

điều người ta đã viết ra: các ông hiệp trấn kia, nhiều người muốn gần cô như thế thì cô không xấu đâu.

Bây giờ bác nói về những bài thơ trong Lưu Hương Ký *phản ảnh những mối tình của Hồ Xuân Hương.*

Trong những bài thơ ghi lại trong *Lưu Hương Ký*, tôi thấy rằng cụ *Nguyễn Du là mối tình đầu của người con gái lúc 18, 20 tuổi.*

Ta biết được năm sinh của Hồ Phi Diễn (1703), cho nên ta có thể đặt 1772, 1770 là thời điểm Hồ Xuân Hương sinh ra. Sớm thì 70, chậm 72, khi đó Hồ Phi Diễn cũng đã gần 70 tuổi. Lại biết cụ Nguyễn Du sinh năm 1765. Khi Tây Sơn lên, Nguyễn Huệ ra Bắc thì cụ Nguyễn Du đã gần 25 tuổi (1789-90). Chuyện gặp gỡ đây, chắc là trước thời điểm ấy vì chính cụ Nguyễn Du cũng tránh Tây Sơn, bởi vì không muốn Ngô Thời Nhậm kéo ra làm việc với Tây Sơn. Vậy sự gặp gỡ một cách thoải mái phải ở trước thời điểm ấy: Xuân Hương chưa tới 20 và cụ Nguyễn Du chưa tới 25 tuổi. Mối tình đầu tiên chắc chắn là với Nguyễn Du rồi.

Thưa bác, có phải là họ gặp nhau, họ xa nhau, rồi lúc Nguyễn Du đi sứ thì họ có gặp lại nhau lần nữa?

Tôi chắc là không. Trong những bài thơ không thấy có sự tái lại. Cụ Nguyễn Du chắc là tránh không muốn gặp. Không dám gặp vì Nguyễn Du là người rất dè dặt. Hai nữa, đối với cả hai bên câu chuyện tình tứ lúc trẻ có thể cũng mạnh đấy. Nhưng cụ Nguyễn Du lúc ấy là phương diện quốc gia đi sứ, lại một quan lớn nữa thì cũng không thể nhắc lại chuyện xưa. Thêm nữa, Hồ Xuân Hương là một người đặc biệt, từ trong sử sách, bạn bè, những văn nhân, không có người nào dám nói đến tên cô cả. Lúc ấy không phải họ tẩy chay - như tiếng bây giờ - nhưng không ai dám nói tới. Nhất là về sau này cô lại là vợ ông Trần Phúc Hiển, một ông quan bị xử tử thì lại càng không dám nhắc tới, thành ra sau này cô quạnh lắm cũng là vì thế.

Câu chuyện tình duyên giữa cụ Nguyễn Du với Hồ Xuân Hương, nói thực ra ở trong nước người ta không tin lắm. Tôi có đọc đâu đó người ta đặt nghi vấn rằng: một người đứng đắn như cụ Nguyễn Du mà lại đi gian díu hồi trẻ thì người ta không muốn. Về mặt ấy, bên nhà còn đương bảo thủ lắm.

Bài thơ Hồ Xuân Hương trong *Lưu Hương Ký* đề rõ ràng là gởi Nguyễn Hầu người Tiên Điền và trong lại nói đến chuyện đi sứ. Với tên ấy và sự việc ấy thì tôi chắc chắn là Nguyễn Du.

Bài thơ ấy nói lên tấm lòng của Hồ Xuân Hương đối với Nguyễn Du, còn Nguyễn Du đối với Xuân Hương như thế nào? Nguyễn Du có để lại dấu tích gì về mối tình đó không, thưa bác?

Cụ Nguyễn Du đối với Hồ Xuân Hương là như thế nào? Cái ấy có nhẽ là

tôi phát minh ra. Tôi thấy rằng trong lúc viết quyển *Kiều* cụ không thể không nghĩ đến mối tình cũ với Hồ Xuân Hương hồi xưa.

Về thân phận đàn bà cụ rất tế nhị. Người ta nói rằng chính mẹ cụ Nguyễn Du ngày xưa cũng là người con gái đẹp ở Bắc Ninh, làm hầu, làm thiếp. Cụ Nguyễn Nghiễm hồi đó nhiều hầu, nhiều thiếp lắm. Cô hầu ấy có con thì có thể nói là có chút danh giá. Nhưng trong gia phả cũng không thấy nói gì đến người mẹ của Nguyễn Du có lẽ chỉ vì là người thiếp mà thôi. Cụ Nguyễn Du, qua người mẹ, thấy phận đàn bà bạc bẽo lắm, nên trong thơ cụ, chữ Hán cũng như trong *Kiều*, khi nào nói đến danh phận của người đàn bà thì tấm lòng của cụ rất cảm động.

Trong những tập thơ chữ Hán cụ để lại tôi thấy có hai bài cụ nhắc đến đời trẻ của cụ có quan hệ đến hai người đàn bà. Bài đầu *Long Thành Cầm Giả Ca* (Bài ca người gảy đàn đất Long Thành) nói về một người đàn bà hồi xưa là cung nữ của vua Lê, thời anh cụ Nguyễn Du là Nguyễn Lễ làm quan lớn của Tây Sơn ở Hà Thành, một hôm có bữa tiệc mời những người con hát tới hát, cô ấy cũng được mời, ngồi trong tối, ngồi xa. Nguyễn Du lúc ấy còn đương trẻ, độ 20, 25 tuổi (Hồi đang gian díu với Hồ Xuân Hương) cụ có mặt và cũng nghe tiếng đàn ấy, rồi quên đi. Sau đến lúc Nguyễn Du đi sứ (1815) qua Hà Thành, các quan Hà Thành mời cụ tới dự tiệc, cũng có mời những con hát tới hát. Người đàn bà ấy được mời, khi ấy già rồi, ngồi trong tối. Cụ Nguyễn Du nghe tiếng cầm, nhớ lại tiếng cầm hồi xưa, cụ hỏi ra thì chính là người đàn bà ngày xưa cụ đã nghe đàn. Bài *Cầm Giả Hành* ấy, theo tôi, đứng về phương diện Hán văn của Việt Nam, là bài hay nhất. Cụ viết trong tập *Bắc Hành Thi Tập*.

Bài thứ hai đặc biệt nữa là bài *Hái Sen Ở Hồ Tây*. Người nào để ý thì cũng phải tự hỏi; trong các bài thơ khác nói về chuyện giao tế, thơ sáo, thơ thù tiếp, thì tự nhiên có một bài "souvenir" nói về một người con gái cụ gặp, đã hái sen với cụ ở Hồ Tây. Bài này ông Lê Thước có dịch, đối với tôi, thì bài thơ đó nói về Hồ Xuân Hương. Tức nhiên không nói rõ tên, nhưng tôi có linh cảm rằng người con gái ấy là Hồ Xuân Hương. Trong bài ấy có những câu ngụ ý rằng:

Yêu sen, ai cũng vì cái lá xanh và cái hoa tím đẹp nhưng không ai nghĩ rằng trong cái sen ấy có cái ruột, trong ruột có cái tơ, dù có bẻ đi nó vẫn còn giăng díu. Dặn người ta có hái sen đừng có bẻ cái ngó bởi vì sau nó không sinh hoa được. Rồi trong *Kiều* cũng có câu:

Những từ sen ngó đào tơ
Mười lăm năm mới bây giờ là đây.

Theo ý tôi, khi viết câu ấy cụ Nguyễn không thể nào mà không nghĩ tới chuyện hái sen với Hồ Xuân Hương.

Một câu nữa:

Tiếc thay chút nghĩa cũ càng
Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng.

Lúc cụ viết là để chỉ mối tình Kiều với Kim Trọng tuy đã xa cách nhau lâu thế rồi mà không thể dứt được, không thể không tưởng nhớ tới nhau, thì cái

ý về tình nó cũng đúng như thế và dùng về cây sen "ngó ý" và "tơ lòng" cũng đúng. Tôi nghĩ rằng bài hái sen trên đây và những câu thơ trong *Kiều* phù hợp với mối tình của cụ với Hồ Xuân Hương lúc trẻ

Thưa bác, bây giờ đến mối tình thứ nhì của Hồ Xuân Hương trong Lưu Hương Ký. *Mối tình thứ hai là ông* Mai Sơn Phủ?

Vào khoảng năm 1787, lúc Nguyễn Hữu Chỉnh lên làm tướng thì Nguyễn Tiên Điền đã mất thế ở ngoài Bắc rồi, lúc ấy cụ Nguyễn Du có lẽ đã có vợ rồi, làm rể một ông tiến sĩ và làm bạn với những người văn học giỏi ở ngoài Bắc. Mấy ông anh rể theo Tây Sơn. Cụ không theo. Cụ bấy giờ có lẽ đã rút lui về vùng quê vợ là Nam Định. Cho nên sự quen biết gặp gỡ Hồ Xuân Hương có thể coi là chấm dứt vào khoảng 87-89.

Từ lúc ấy cho đến suốt cả đời Tây Sơn, trong hơn 10 năm, Hồ Xuân Hương ở một mình hay có lấy chồng không, cũng không biết nữa, nhưng còn dấu tích một mối tình rất nồng nàn với một người tên là Sơn Phủ. Sơn Phủ là hiệu. Chữ phủ ta hay dùng làm hiệu. (Phủ là mới, phủ là tên một người ẩn dật). Nhưng đây là một chàng trai, tôi chắc cũng người Nghệ và mối tình sâu sắc lắm. Bởi vì qua những bài thơ cô để lại, mình thấy rõ ràng không những là mối tình bề ngoài nhưng có thể thành vợ chồng. Sau có những bài từ cô viết tặng Sơn Phủ rất tha thiết. Sơn Phủ ra đi rồi không thấy trở lại nữa. Tôi nghĩ bấy giờ vào khoảng trước lúc Tây Sơn mất.

Từ đấy cho đến năm 1807 mới gặp ông Tốn Phong. Ở giữa thì mình không biết. Trong đời sống của Hồ Xuân Hương mà dân gian truyền lại có nói đến ông Tổng Cóc, ông thầy thuốc... nếu là thực thì có thể trong quãng ấy.

Thế còn về ông phủ Vĩnh Tường?

Về việc phủ Vĩnh Tường, tôi chắc không phải đâu. Cái tên phủ Vĩnh Tường mãi đến năm 1822 mới có. Phủ Vĩnh Tường hồi xưa là Tam Đối, ta gọi là Tam Đái. Tam Đái là ba con sông châu lại với nhau: Sông Lô, sông Đà và sông Thao. Đấy là vùng Bạch Hạc, Việt Trì bây giờ. Ông Trần Phúc Hiển là tri phủ Tam Đới, nói rằng Hồ Xuân Hương là bà phủ Tam Đới còn có lý ít nhiều, chứ gọi là bà phủ Vĩnh Tường thì không đúng. Mà gọi là bà phủ Tam Đới cũng không đúng bởi vì cô ấy lấy ông Phúc Hiển sau khi ông ấy làm hiệp trấn rồi, thì không đời nào người ta trở lại gọi là bà phủ nữa.

Vậy, nếu có bài thơ khóc ông phủ Vĩnh Tường thực do Hồ Xuân Hương làm ra thì là làm cho một bà phủ Vĩnh Tường khác, mà chồng chết, Hồ Xuân Hương làm để giỡn bà kia. Nhưng tôi cũng nghi rằng chưa chắc đã phải, bởi vì phủ Vĩnh Tường đến năm 1822 mới có mà Hồ Xuân Hương có lẽ đã mất năm 1820 rồi.

Những bài thơ người ta gán cho bà, nhiều khi chỉ nghĩ một tí ti thì thấy rằng là không phải.

Bây giờ bác nói tiếp về những mối tình sau đó của Hồ Xuân Hương.

Sau ông Sơn Phủ đến ông Tốn Phong. Ông Tốn Phong là một ông thầy đồ Nghệ ra dạy học ở phường Bích Câu bây giờ. Rồi có người bạn là ông Cư Đình ở Thăng Long mách với ông Tốn Phong rằng: ở đây có người con gái người Nghệ có tiếng là hay chữ, nếu ông muốn gặp thì ông lên Hồ Tây mà hỏi thăm. Ông này lên gặp, lấy làm ngạc nhiên thấy một người con gái Nghệ nói rằng cô là em của ông Hồ Phi Đống (là ông Thượng Thư), lại người Nghệ nữa cho nên gặp gỡ cũng dễ. Đến lúc gặp gỡ làm thơ họa với nhau thì thích thú lắm, nhưng đi sâu tới mức lấy nhau thì chắc ông này cũng muốn cưới cô đấy, nhưng xem trong các thơ ấy thì có nhẽ cô không muốn, bởi vì ông ta chưa có công danh gì, rồi sau chấm dứt bởi vì ông này về Nghệ để đi thi (khóa thi đầu tiên của đời Gia Long là 1807). Đến 1814, ông ấy trở lại Hà Nội, gặp lại Hồ Xuân Hương, Xuân Hương mới đưa tập thơ *Lưu Hương Ký* cho ấy xem và nhờ ông ấy viết bài tựa. Nhờ hai thời điểm 1807 và 1814 mình biết về không thời gian bảy năm ấy của Hồ Xuân Hương, vì ông ta có viết rằng: cô ta lúc ấy mẹ già nhà khó. Ta biết chắc chắn như vậy. Hơn nữa, có một nghị luận về thơ Hồ Xuân Hương trong *Lưu Hương Ký*, ông viết rằng: người về đường chữ nghĩa rất nhiều, về đường tình tứ cũng lắm nhưng biết dừng ở chỗ lễ giáo, tức là không lả lơi. Tình là tình thực cả.

Ngoài ra, lại có những bài thơ xướng họa với những ông hiệp trấn Sơn Nam Thượng và hiệp trấn Sơn Nam Hạ. Cả hai cùng họ Trần. Sơn Nam hồi xưa có hai Trấn: Sơn Nam Thượng là Hưng Yên bây giờ; Sơn Nam Hạ là Châu Cầu, vùng Nam Định. Xem trong *Đại Nam Thực Lục* thì có thể biết rằng ông trước, Trần Quang Tĩnh, hiệp trấn Sơn Nam Hạ là người theo Gia Long, quê ở Gia Định, đã nhiều tuổi, nguyên làm cai bạ Bình Định. Ông sau là Trần Ngọc Quán, hiệp trấn Sơn Nam Thượng, trước làm cai bạ Quảng Đức (Thừa Thiên). Lại có sự thú vị như thế này: bài thơ Hồ Xuân Hương trả lời ông Quán thì lại tìm được trong Thanh Hóa. Còn bài của ông ta viết cho Hồ Xuân Hương thì lại tìm thấy trong *Lưu Hương Ký*. Thành ra có những nguồn rất khác nhau, nhưng khi nhặt lại thì nó hợp, điều đó chứng minh sự thực của những bài thơ, chứ không phải người ta bịa đặt ra.

Trở về với văn phong trong Lưu Hương Ký *và những bài thơ mà Xuân Hương làm ở vịnh Hạ Long, văn phong ấy rất khác với những bài thơ được truyền lại bây giờ là của Hồ Xuân Hương. Bác giải thích ra sao chuyện đó?*

Bây giờ nói đến cái văn in bằng quốc ngữ từ trước đến bây giờ mà người ta gán cho Hồ Xuân Hương, thì phải nhìn những bài thơ ấy như thế nào? Và những bài thơ ấy lấy đâu ra?

Sang bên Pháp này tôi lục được một tập văn của một người Pháp tên là Antony Landes, ông là người sang Nam Kỳ thời Pháp chiếm Nam Kỳ, ông ta học tiếng Việt ở trường Thông Ngôn thành ra giỏi tiếng Việt lắm, ông ta có dịch cả *Nhị Độ Mai*. Vào khoảng năm 1892, ông ta được bổ làm đốc lý ở Hà Nội. Landes có nhẽ là người Pháp đầu tiên ra Bắc tìm kiếm các tác phẩm của

người Việt Nam, rồi thuê hay sai người chép lại. Nhưng những người đó làm để lấy công, lấy tiền, hay lấy tiếng chứ không có trình độ hoặc thực tâm, cho nên tuy góp được khá nhiều văn nhưng không chắc chắn lắm. Những văn mà ông góp lại, chỉ về tuồng không cũng có độ mười cuốn dày. Tập thơ, nhiều thơ lắm do con cháu ông Landes cho Société Asiatique trữ lại. Trong đó có hai ba người chép lại thơ, gọi là thơ Hồ Xuân Hương. *Gốc tích đầu tiên về văn học mà sau này bên ta in ra thơ Hồ Xuân Hương, tôi chắc là ở trong ấy!*

Xét ra thì thấy họ hoàn toàn bịa. Ở trong ấy có nhiều thoại khác nhau. Cái anh viết nhiều nhất thì một bài thơ anh ta bịa ra hết cả những chuyện đã xảy ra, rồi thì mới đến bài thơ ấy. Ví dụ như bài thơ *Bù Nhìn* (bây giờ nhiều người nói là của Lê Thánh Tông) thì trong ấy họ cho là của Hồ Xuân Hương. Anh ấy kể chuyện rằng một hôm Hồ Xuân Hương về già đi bộ giữa đồng, rồi thấy một con bù nhìn, thế rồi làm bài thơ này. Thì mình biết rằng bịa. Nhưng trong ấy cũng có một quãng thơ không biết là bịa hay lấy ở đâu mà cũng có thể nhận là của Hồ Xuân Hương được.

Những bài thơ dịch trong *Văn Đàn Bảo Giám* hay là in trong các sách quốc ngữ đều lấy ở đấy cả. Mình không tin được phần nào đâu. Trong mười bài có thể có 1, 2 bài có thực. Người ta bịa ra để tuyên truyền rằng Hồ Xuân Hương là người hay chớt nhả, hay đùa, hay nói một cách tục tĩu: những người đàn ông đặt ra những bài thơ tục tiễu cho vui rồi gán cho Hồ Xuân Hương. Bài thơ *Quả Mít* là cũng bịa ra cả một câu chuyện: hôm ấy Xuân Hương tới nhà ông quan huyện, ông đang xử kiện, quan huyện trỏ một cây mít rồi đố Xuân Hương làm một bài thơ, nếu không làm được thì phải đòn... Kể chuyện như thế để có một cái ngoại tướng là thực. Thực ra thì họ bịa.

Các bài thơ đó đối với tôi, tôi coi rằng nếu có thì là thơ lúc Hồ Xuân Hương còn trẻ. Vì sự đùa bỡn của Hồ Xuân Hương thì chắc là có bởi vì cá tính của Hồ Xuân Hương khác với những người con gái thời ấy. Ông Hồ Tuấn Niêm là người trong họ kể lại là cô có về làng và đùa với ông Dương Trí Tạn. Ông Tạn có làm một bài thơ vịnh cái *điếu* để mà bỡn cô và cô ấy chấp nhận đùa với những người như thế thì đủ biết cô không phải là người con gái nhút nhát gì cả: nếu người nào kích thích cô thì cô cũng trả lời quá cả con trai nữa. Cho nên một số những bài thơ đùa bỡn có tính dục tình có thể có nhưng chỉ làm lúc còn trẻ, đùa bỡn thôi, chứ không phải là bản chất thơ của cô. Sau lúc cô ấy quá lứa rồi, chắc cũng kén lắm mà không lấy được chồng thì mình thấy thơ của cô trữ tình rất nhiều nhưng không còn chất cợt nhả như hồi trẻ nữa.

Thưa bác, với tất cả những khó khăn như thế, thì giới văn học phải làm thế nào để lựa chọn những văn bản của Hồ Xuân Hương?

Tôi thấy rằng bổn phận của những người làm văn học sử nên họp nhau mà xử định trong số thơ truyền lại nói là của Hồ Xuân Hương bài nào đích thực, bài nào phải bỏ đi.

Bỏ đi thì cũng có nhiều loại: chỉ một vài câu thì thấy rõ là không phải của

Hồ Xuân Hương. Có người nói là ông thầy đồ đi dạy ở chỗ nào rồi nghĩ đến vợ ở nhà thì chắc chắn không phải là của Hồ Xuân Hương. Những bài ấy thì phải vứt đi.

Bài phủ Vĩnh Tường theo nhẽ tôi vừa nói trên, cũng không phải của Hồ Xuân Hương. Một số bài tục tĩu, bông đùa không sâu sắc, không hay gì thì cũng không nên để vào tác phẩm của Hồ Xuân Hương.

Lúc mà sách quốc ngữ đã in về phong trào Hồ Xuân Hương đã làm cho nhiều người thích rồi thì ở hàng Gai cũng có người khắc lại một số bài thơ chữ Nôm, dưới có khắc chữ quốc ngữ. Tuy những bài ấy cũng có vài bài có thể nói là của Hồ Xuân Hương được, nhưng có nhiều bài người ta cho là của bà Huyện Thanh Quan, thì cũng phải tồn nghi mà xét lại.

Chắc chắn nhất là *Lưu Hương Ký*. Về thơ chữ Hán thì có mấy bài về Vịnh Hạ Long và hình như có 16 bài về Đồ Sơn mà ông Trần Văn Giáp đã trình bày trên tạp chí *Văn Học* ở Hà Nội, tôi chưa được xem nhưng tôi nghĩ rằng có nhẽ cũng đúng. Đấy là những bài của Xuân Hương thực, các giáo viên hoặc các viện Văn Sử Học nên xét lại vấn đề này.

Trong bài viết trên tạp chí *Khoa Học Xã Hội* năm 1983, tôi cũng đã bắt đầu làm công việc ấy. Tôi trình bày những bài thơ bằng các dấu hiệu bài nào có thể tin được, bài nào không tin được, tức là bước đầu, nhưng tôi ở xa, không thể làm công việc ấy một mình được.

Thưa bác, thế tập Lưu Hương Ký *hiện giờ ở đâu?*

Không biết là ở đâu. Tôi có nhờ nhiều người ở Hà Nội hoặc chép lại hoặc photocopie lại cho tôi. Cuối cùng có người nói với tôi: khi các ông trong ban văn học muốn nghiên cứu về Hồ Xuân Hương, các ông ấy cầm về nhà. Đến khi Mỹ ném bom, các ông ấy tản cư rồi thất lạc. Bây giờ thì người ta chưa thấy. Tôi mong rằng chưa mất. Nếu người nào ở Hà Nội còn giữ mà muốn làm về công việc ấy thì phải tiếp tục mà làm. Ít ra thì cũng phải in hoàn toàn những bài thơ ấy ra và dịch ra để mà lưu lại một cái dấu tích của Hồ Xuân Hương.

Vậy tổng kết về Hồ Xuân Hương, bác có lời gì nhắc với giới nghiên cứu, nhất là giới nghiên cứu trong nước?

Tôi mong rằng bên ấy đọc bài viết của tôi một cách cẩn thận và thêm vào vì nhiều chỗ vẫn còn khuyết lắm. Về mặt thân thế của Hồ Xuân Hương, về tác phẩm của Hồ Xuân Hương, trong giáo giới và trong văn học sử phải xét lại mà nhất quyết một số nhất định những bài nào có thể cho là của Hồ Xuân Hương được. Công việc này mình phải làm. Nếu mình không làm thì hiện giờ các nước quốc tế người ta để ý đến văn học Việt Nam mà trong ấy những người như người Nhật Bổn là những người biết Hán tự, biết chữ Nôm, họ đi sâu lắm. Mình mà như hồi xưa, dùng một cách - có thể nói là bịp người ta - không thể được nữa đâu. Hồi trước, cũng không phải là mình có ý bịp đâu nhưng là vì cái dốt của mình nên nhiều khi nó sơ sài quá. Phải quan tâm lại.

Xin cảm ơn bác Hoàng Xuân Hãn.

Thơ HỒ XUÂN HƯƠNG

cảm cựu kiêm trình cần chánh học sĩ nguyễn hầu

(Hầu, Nghi Xuân, Tiên Điền Nhân)

Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung
Mượn ai tới đây gửi cho cùng
Chữ tình chốc đã ba năm vạn
Giấc mộng rồi ra nửa sắc không
Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập
Phấn son càng tủi phận long đong
Biết còn mảy chút sương siu mấy
Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng chong
HỒ XUÂN HƯƠNG *(Lưu Hương Ký)*

Thơ HỒ XUÂN HƯƠNG ĐỀ VỊNH HẠ LONG

độ hoa phong

Phiến phàm vô cấp độ Hoa Phong
Tiệu bích đan nhai xuất thủy trung
Thủy thế mỗi tùy sơn diện chuyển
Sơn hình tà khảo thủy mông thông
Ngư long tạp xử thu yên bạc
Âu lộ tề phi nhất chiếu hồng
Ngọc động vân phòng tam thập lục
Bất tri thùy thị Thủy tinh cung

qua vũng hoa phong

(Đường Luật)
Lá buồm thủng thỉnh vượt Hoa Phong
Đá dựng bờ son mọc giữa dòng
Dáng nước lần theo chân núi chuyển
Mình làn nghiêng để lối duềnh thông
Các rồng lẫn nấp khơi thu nhạt
Âu lộ cùng bay bóng xế hồng
Băm sáu phòng mây cùng động ngọc
Đâu nào là chốn thủy tinh cung?

(Lục bát)
Buồm êm vượt vũng Hoa Phong
Giữa dòng đá dựng vách hồng bao quanh
Nước theo mặt núi chuyển mình
Núi ngăn cửa lạch nép mình nước thông
Khơi thu che dấu cá rồng
Bóng chiều âu lộ nhuốn hồng cùng bay
Kìa kìa động ngọc buồng mây
Thủy tinh cung biết chốn này nơi nao?
(HOÀNG XUÂN HÃN dịch

Thơ NGUYỄN DU

mộng thấy hái sen

Xắn gọn quần cánh bướm
Chèo thuyền con hái sen
Nước hồ đầy lai láng
Dưới nước bóng người in
Tây hồ hái hái sen
Hoa gương bỏ lên thuyền
Hoa tặng người mình sợ
*Gương tặng người mình quen**
Sáng nay đi hái sen
Hẹn cô kia đi với
Chẳng biết đến lúc nào
Cách hoa nghe cười nói
Hoa sen ai cũng ưa
Cuống sen chẳng ai xót
Trong cuống có tơ mành
Vấn vương không thể dứt
Lá sen màu xanh xanh
Hoa sen dáng xinh xinh
Hái sen chớ dụng ngó
Năm sau hoa chẳng sinh

NGUYỄN DU
(Phạm Khắc Khoan
và Lê Thước *dịch*)

*Chữ dùng vì vần, nhưng không đúng ý "thương xót" (Chú thích H.X.Hãn)

NÓI CHUYỆN VỚI GIÁO SƯ TẠ TRỌNG HIỆP

Thưa anh, theo giáo sư Hoàng Xuân Hãn thì Lưu Hương Ký *đã thất lạc, anh là người được giáo sư Hãn giao phó trách nhiệm về Việt Nam tìm lại tập* Lưu Hương Ký, *xin anh thuật lại sự việc đã xảy ra?*

Về phần tư liệu, những gì Trần Thanh Mại đã giới thiệu trong tạp chí *Văn Học* (Hà Nội), năm 1964, thì trong bài biên khảo tác giả Hoàng Xuân Hãn đã giới thiệu lại hết. Tổng cộng ông Trần Thanh Mại mới giới thiệu 16 bài trong số 52 bài (24 bài chữ và 28 bài chữ Nôm). Sau đó miền Bắc đi vào chiến tranh chống Mỹ nên bẵng đi một thời gian rất dài, không ai trở lại vấn đề Hồ

Xuân Hương và không ai mở lại *Lưu Hương Ký* mà đọc nữa. Rất tiếc ngoài số 16 bài đã được giới thiệu mà qua phiên âm nhiều khi thất cách. Trong bài của tác giả Hoàng Xuân Hãn đã điều chỉnh một vài tiếng cổ rất quan trọng bị đọc sai. Còn những bài chưa được giới thiệu thì bây giờ không có hy vọng gì được đọc nữa, bởi vì cuối năm 1988, khi tôi có dịp đi công tác ở Hà Nội, tôi đã cố gắng thực hiện một lời dặn của thầy Hãn là yêu cầu anh em trong nước cho phép chụp hay chép lại những bài chưa được Trần Thanh Mại giới thiệu và cả những bài Trần Thanh Mại chỉ phiên âm, dịch theo kiểu của mình. Việc sử dụng 16 bài đó rất bấp bênh.

Khi tôi đến Viện Văn Học là nơi có chức năng bảo tồn bản *Lưu Hương Ký* quý báu đó thì không tìm ra. Các vị chuyên gia về văn học cổ Việt Nam đều cho biết cuốn ấy đã mất rồi. Tôi hỏi: mất như thế nào? Trong trường hợp nào? Năm nào? Ai làm mất? Thì được biết sau ông Trần Thanh Mại (sau loạt bài viết về Hồ Xuân Hương, bài cuối cùng năm 1964, ông ấy bị bệnh, mất), người kế tục công tác nghiên cứu Hồ Xuân Hương, lại là người giữ công việc gần như quản thủ thư viện sách Hán Nôm của viện Văn Học, ông Hoàng Tuấn Phổ. Trong những năm sơ tán để tránh bom Mỹ, ông Phổ đem theo trong ba lô cuốn *Lưu Hương Ký* mà không để lại Hà Nội một bản chụp nào cả và ông ấy cũng đã chết, không biết chết trong đợt sơ tán hay chết vì bệnh. Trong khi ông ấy chết thì số phận của tập *Lưu Hương Ký* cũng biến mất theo cái ba lô của ông ấy. Điều tra mãi mới bật ra được sự thật ấy.

Còn có một hy vọng nhỏ nào tìm thấy Lưu Hương Ký *không, thưa anh?*

Tôi còn một hy vọng bé tí. Có thể một người duy nhất ở Hà Nội may ra còn giữ được bản chép tay toàn bộ 52 bài thơ trong *Lưu Hương Ký*. Đó là một tác giả khác cũng viết về Hồ Xuân Hương: ông Đào Thái Tôn. Trong cuốn thơ Hồ Xuân Hương của Nguyễn Lộc có nói rằng Đào Thái Tôn là người đã được giao cho đọc tập *Lưu Hương Ký* và đã dịch trọn vẹn 52 bài. Nếu không may cho chúng mình thì Đào Thái Tôn chỉ làm bản dịch mà không chép lại bản chữ gốc. Còn nếu ông ấy là người có lương tâm nhà nghề thì sẽ chép bản chữ và bản Nôm để dùng và kiểm tra, rà đi rà lại bản dịch của ông ấy cho tốt. Trong đợt về Việt Nam công tác, tôi cũng có yêu cầu cho tôi được gặp ông Đào Thái Tôn. Dù được nhiều người giúp đỡ, nhưng không may gặp dịp ông ấy đi công tác ở chỗ khác, hơn nữa, tôi được biết quan hệ của ông ấy với các chuyên gia của Viện Văn Học không được tốt lắm. Ông ấy công tác ở viện khác cho nên cũng không dễ bắt liên lạc. Vậy chỉ còn hy vọng cuối cùng là hôm nào được gặp ông Đào Thái Tôn để hỏi: Anh còn giữ được bản chép tay *Lưu Hương Ký* không? Nếu không thì đây là một tổn thất không thể nào cứu vãn được nữa.

Anh nghĩ sao về sự coi nhẹ việc bảo tồn những văn bản cổ của nước nhà như vậy?

Khi được biết những tin đó, tôi quay sang một viện khác. Đó là Viện Hán

Nôm. Viện này có chức năng - do sắc lệnh của hội đồng chính phủ ghi rất rõ khi sáng lập - là hễ có phát hiện những tư liệu quan trọng về cổ văn, cổ sử thì Viện Hán Nôm phải có một bản chụp hay bản sao. Tôi có hỏi tại sao các anh không có sáng kiến chụp một bản *Lưu Hương Ký* cho mọi người dùng? Thì lúc đó tôi lại biết thêm một lầm lẫn khác cũng rất đáng tiếc:

Đầu mối của sự phát hiện ra *Lưu Hương Ký*, lần đầu tiên, là năm 1963. Trần Thanh Mại đọc một cuốn bản thảo trong Viện Hán Nôm, không mang tên *Lưu Hương Ký* mà mang tên khác, nó là tác phẩm được ghi vào phiếu thư viện dưới nhan đề *Du Hương Tích Động Ký*, cả thảy gồm 9 tờ (bài ký chiếm khoảng một nửa), 4, 5 tờ còn lại chép 31 bài thơ chữ Hán của một người mình chỉ biết bút danh là ông Tốn Phong (là người bạn thơ và bạn tình của Hồ Xuân Hương), trong ấy có *bài tựa* ông ấy viết cho tập *Lưu Hương Ký* và 31 bài thơ của ông ấy tặng bà Hồ Xuân Hương. Khi tôi đặt yêu cầu của thầy Hãn là muốn có một bản chụp *Lưu Hương Ký* thì Viện Hán Nôm rất dễ dàng chụp cho tôi *bài tựa Lưu Hương Ký* và 31 bài thơ của Tốn Phong và *tưởng rằng đây là "Lưu Hương Ký"* của Viện Văn Học.

Đến khi tôi nói với họ chỉ có thơ Tốn Phong thôi, còn các thơ khác của Hồ Xuân Hương và những bài thơ nôm trong có một bài tặng Nguyễn Du thì không có (mà Viện Hán Nôm lại tưởng mình có rồi nên không chụp bản của Viện Văn Học). Ngày hôm nay, chúng ta phải chua chát nhận rằng: tài liệu vẫn chưa được bảo tồn tốt.

Thưa anh, từ 1983, sau công trình nghiên cứu của giáo sư Hoàng Xuân Hãn cho tới bây giờ, ở trong nước đã có ai tiếp tục công việc mà bác Hãn đã mở đầu?

Theo tôi biết thì chưa có và không có vì khi đã mất *Lưu Hương Ký*, khó mà tiến hành được. Ông Đào Thái Tôn đã tìm một hướng khác: nhân ông ấy tìm được tập bản thảo mang tên *Xuân Đường Đàm Thoại* có một số bài thơ của một người cũng ký tên Hồ Xuân Hương.

"Xuân Đường Đàm Thoại" *Đào Thái Tôn đã tìm ra trước khi bác Hãn công bố bài viết về Hồ Xuân Hương?*

Bác Hãn có biết *Xuân Đường Đàm Thoại*. Nhưng tập này gây phiền phức cho vấn đề Hồ Xuân Hương, vì nó cho mình biết ít nhất có hai Hồ Xuân Hương. Hồ Xuân Hương của *Xuân Đường Đàm Thoại* là người đời Tự Đức, lúc đó thì bà Hồ Xuân Hương kia cũng đã về núi từ 3, 4 chục năm rồi. Ông Đào Thái Tôn có đưa ra một nhận xét hồi đó tôi rất tán thành: có nhiều Hồ Xuân Hương.

Có một Hồ Xuân Hương chân chính như thầy Hãn đã cố dựng lại sự nghiệp và tiểu sử và. Sau Hồ Xuân Hương chân chính ấy thì có một vài Hồ Xuân Hương khác mình chưa biết sự thật thế nào.

Còn riêng giả thiết cá nhân của tôi thì tôi nghi rằng có rất nhiều thơ về sau được đem vào cái gọi là *thơ Hồ Xuân Hương* của nhà nho đàn ông mà có

thể là nhà nho vùng Nghệ An, Hà Tĩnh, là đám đồ rất giỏi chữ và rất tinh nghịch. Hiện bây giờ thì sau bài của Hoàng Xuân Hãn in trong tập san *Khoa Học Xã Hội* năm 1983, sau đó hay trước đó một chút có tác phẩm của Nguyễn Lộc đề là thơ Hồ Xuân Hương, tuyển những bài mà Trần Thanh Mại đã giới thiệu, còn những bài Trần Thanh Mại chưa giới thiệu thì ông Nguyễn Lộc nói là Đào Thái Tôn sẽ xuất bản 52 bài kia. Sau đó rồi thôi. Đào Thái Tôn lúc này làm gì tôi cũng không biết rõ.

Anh có thể cho biết đích xác năm nào mất Lưu Hương Ký *không?*

Trong những năm sơ tán sau 64. Bởi vì từ bài của Trần Thanh Mại *Bản Lưu Hương Ký Và Lai Lịch Phát Hiện Của Nó* đăng trong tạo chí *Văn Học* tháng 11 năm 1964, sau đó không có một công trình nào khác trở lại vấn đề khảo chứng và giới thiệu một cách khoa học như thầy Hãn đã thử làm về thơ Hồ Xuân Hương. Những bạn ở Viện Văn Học thông tin cho tôi về trường hợp đã để mất tập *Lưu Hương Ký* cùng số phận với cái chết của anh Hoàng Tuấn Phổ. Tôi không ghi được cái chết của anh ấy là năm nào, có thể vào những năm sơ tán, khoảng 68-70.

Nhân tiện, xin thêm một hai câu về tác giả Đào Thái Tôn vì ông này có đưa ra một quan niệm xử lý tôi cho là khá linh hoạt về vấn đề *những Hồ Xuân Hương*. Về mặt sử học thuần túy, như thầy Hãn đã chứng minh, thì khó có thể chấp nhận có hai, ba Hồ Xuân Hương tài năng ngang nhau. Nhưng tôi biết Đào Thái Tôn có đủ cái độc đáo để dựng ra một khả năng: sau Hồ Xuân Hương thật có nhiều Hồ Xuân Hương tạm gọi là giả đi, mà cũng không dở đâu. Và từ đó nẩy sinh ra một thứ trường phái gọi là *thơ Hồ Xuân Hương*, như gần đây ở Việt Nam nẩy trường phái thơ Bút Tre: một người đã có công mở một con đường và những người khác ùa vào, núp dưới tên người kia.

Đào Thái Tôn, theo tôi được biết, là người có nhiều ý kiến độc đáo, cho nên sự chung sống hòa bình của ông ấy với các bạn nghiên cứu văn học ở Việt Nam không dễ. Là một người nghe nói cũng hơi bướng bỉnh, thích cãi, vì thế nhiều học giả thuộc các viện chính qui không ưa. Tôi không may về Việt Nam làm việc với các ông chính qui, lại nhờ mấy ông này đặt môi giới để gặp Đào Thái Tôn, thành ra hơi mệt. Kỳ sau tôi sẽ đi con đường khác.

Xin cảm ơn anh Tạ Trọng Hiệp.

*

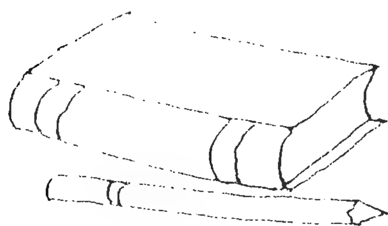
Giáo sư Hoàng Xuân Hãn vừa cho biết: giáo sư đã nhận được cuốn Hồ Xuân Hương do ông Đào Thái Sơn gửi tặng. Nếu có những phát hiện mới, chúng tôi sẽ trở lại tác phẩm này.

THỤY KHUÊ *thực hiện.*



KIM THI *phụ trách*

ngày... tháng...



Ngày 1 tháng 8, 1993

Hợp Lưu số 12 vừa phát hành, tòa soạn nhận được - qua điện thoại và thư từ - nhiều lời phiền trách về bài viết của Nguyễn Thị Chân Quỳnh: *"Con Thuyền Buộc Một Mối Tình Nhà"? Nguyễn Bính (1918-1966).*

Vì quan niệm *Hợp Lưu* không phải của một nhóm người, mà là diễn đàn chung của mọi độc giả, mọi văn hữu. Như vậy cũng có nghĩa, *Hợp Lưu* đã và sẽ tôn trọng mọi tiếng nói, dù trái ngược, miễn những tiêng nói này phát xuất từ ước mong soi sáng, tiếp cận với chân lý, sự thật, cùng tấm lòng thiết tha với văn hóa dân tộc. Đó là lý do *Hợp Lưu* xin phép trích đăng lại một đoạn thư, kèm theo bài viết ngắn rút từ tuyển tập *Nguyễn Bính, Thi Sĩ Của Yêu Thương* do nhà xuất bản Hội Nhà Văn xuất bản tại Việt Nam năm 1992 do một văn hữu gởi đến tòa soạn, với hy vọng, cái "nghi án" Nguyễn Thị Chân Quỳnh nêu ra trong bài viết của bà trên *Hợp Lưu* số 12, sẽ được giải đáp sáng tỏ.

Lá thư dưới đây đề cập đến nhiều vấn đề, tuy nhiên Kim Thi chỉ trích một đoạn ngắn, liên quan đến nhân vật *"Chị Trúc"*, là trọng tâm bài viết của Nguyễn Thị Chân Quỳnh, đồng thời cũng là lý do chính gây "phẫn nộ" từ nhiều vị.

... Nguyễn Bính là một nhà thơ được tất cả mọi người yêu mến, từng tham dự Nhân Văn Giai Phẩm, bị chính quyền thất sủng, và từ 1958 trở đi cho đến lúc mất (1966) hầu như là sống rất tối tăm, bệnh tật, không ai ngó ngàng tới. Đến năm 1986 mới được in lại các tác phẩm cũ. Nguyễn Bính là một trường hợp như Văn Cao, nhưng Văn Cao may mắn hơn (...) Ngày nay chị Nguyễn Thị Chân Quỳnh viết sai về Nguyễn Bính, là một xúc phạm lớn, không thể chấp nhận được.

- Về chị Trúc, là một sáng tạo văn học do Nguyễn Bính tưởng tượng ra - từ đó ghép Nguyễn Bính vào tội loạn luân thì khủng khiếp quá. Tôi gởi kèm theo đây cuốn sách: Nguyễn Bính, Thi Sĩ Của Yêu Thương, *để* Hợp Lưu *xem và*

ghi lại một số điều cần làm sáng tỏ (tôi đã đánh dấu), và đặc biệt bài: Chị Trúc Là Ai?

- Về gia cảnh Nguyễn Bính, trong bài viết của Bùi Hạnh Cẩn: "Thôn Vân Quê Mẹ" *(cũng trong cuốn sách vừa dẫn trên) trang 69, có ghi: 2 anh trai và 2 em gái (không có chị gái).*

...

Phần dưới đây được trích từ *Nguyễn Bính, Thi Sĩ Của Yêu Thương* (nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội 1992. Trang 179-180):

CHỊ TRÚC LÀ AI?

Trong bài thơ dài nổi tiếng Lỡ Bước Sang Ngang *nhà thơ Nguyễn Bính đề tặng* "Chị Trúc" - "Chị Trúc" *còn được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong một số bài thơ khác của anh* (Xuân Tha Hương, Xuân Vẫn Tha Hương...) *Một lần ngồi đánh cờ với anh, tôi lẩm bẩm đọc:*

"Tết này em chắc không về được
Xin gửi về đây một tấm lòng
Chị của em, em một chị
Trời làm xa cách mấy con sông..."

Nguyễn Bính đang cầm quân cờ bỗng ngừng tay lại, nhìn tôi:

- Ông cũng thuộc bài thơ này của tôi à?

- Không chỉ thuộc một bài ấy mà tất cả các bài ông viết cho chị Trúc tôi đều thuộc. Nhất là vào những ngày cuối năm như hôm nay, đọc thơ ông lòng tôi cứ thấy xốn xang hoài.

Nguyễn Bính cười, cái miệng rất rộng. Nhưng rồi mặt anh chợt nghiêm lại, mắt xa xôi:

- Chả lẽ ông cũng có một chị Trúc như tôi?

- Chị Trúc là chị ruột của ông à?

Nguyễn Bính lặng im. Lâu lâu mới khe khẽ lắc đầu, giọng trần hẳn lại:

- Hồi đó, tôi ở với anh Phác (tức nhà viết kịch Trúc Đường, anh ruột Nguyễn Bính). Anh Phác dạy học ở trường Hà Văn (Hà Đông). Tôi cũng theo học ở đó. Có một người quen anh Phác. Người đó quí tôi như em..

Nói đến đó, nhà thơ dừng lại. Anh bỗng thở ra một hơi:

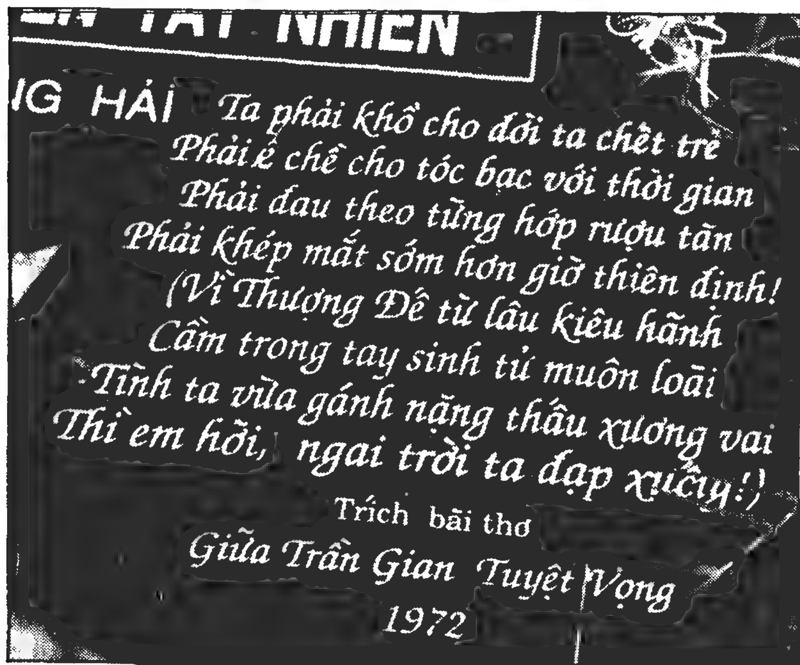
- Nhưng đó là **một nhân vật văn học... phải... một nhân vật văn học** (tòa soạn HL nhấn mạnh) *Tôi hay ông, hay anh nhà văn nào cũng thế, bọn ta có quyền tạo dựng nên một mẫu người phải không nào?*

Anh kéo cái điếu thuốc lào đến bên cạnh. Tôi bật lửa cho anh. Dường như hình ảnh chị Trúc phảng phất luẩn quẩn trong hơi khói anh ngửa mặt thổi lên cao và ngẩng đầu theo dõi mãi. Tôi vẫn chờ anh đi tiếp nước cờ.

HOÀI VIỆT.

Kim Thi thay mặt ban biên tập *Hợp Lưu* cảm ơn mọi đóng góp của quí độc giả và văn hữu. Nếu không yêu mến và không quan tâm đến nội dung của tờ báo, chắc chắn quí vị đã không bỏ công viết thư hoặc điện thoại bày tỏ ý kiến (kể cả những ý kiến gay gắt).

Ngày 3 tháng 8 năm 1993



Đoạn thơ khắc trên mộ Nguyễn Tất Nhiên

Ngày này, năm trước, Nguyễn Tất Nhiên từ trần. Một cái chết tình nguyện. Một cái chết, tự nó, đã nói lên đầy đủ nỗi bất hạnh khôn nguôi của thân phận một con người.

Kỷ niệm ngày giỗ đầu, và được sự cho phép của gia đình cố thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên, *Hợp Lưu* trân trọng gởi đến độc giả bốn trong mười một *Minh Khúc*, di cảo cuối cùng của nhà thơ, đã làm từ năm 1989 (khởi đầu những ngày lang thang, xa vợ xa con) đến 1990. Thời gian này anh còn tương đối tỉnh táo.

Nhân đây Kim Thi xin đưa ra một gợi ý: Nhà xuất bản *Tân Thư*, thuộc tạp chí *Hợp Lưu*, đã thu tập một số nhạc phẩm (do chính Nguyễn Tất Nhiên soạn nhạc và lời), cùng vài truyện ngắn anh đã cho phổ biến hoặc còn trong dạng bản thảo, dự định sẽ in chung với 11 *Minh Khúc* dưới tên: **"Nguyễn Tất Nhiên, Minh Khúc Và Di Cảo"**. Cuốn sách sẽ được thực hiện trên giấy dày,

với bìa, minh họa bảy màu của nhiều họa sĩ Việt Nam (trong, ngoài) tên tuổi. Đây sẽ là một tác phẩm giá trị về hình thức lẫn nội dung, rất cần giữ lại cho văn học Việt Nam.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh xuất bản hiện nay, in thơ, cũng đồng nghĩa với... "đốt tiền" (các nhà sách không nhận bán thơ, vì độc giả không chịu mua thơ!). Để có đủ phương tiện ấn loát, và để gởi đến hai con của nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên (Nguyễn Hoàng Vĩnh Niên - Nguyễn Hoàng Vi Diệu) TẤT CẢ TIỀN LỜI CỦA TÁC PHẨM, xem như tấm lòng của những yêu thơ đối với bố của hai cháu, Hợp Lưu trân trọng đề nghị độc giả hãy ĐẶT MUA TRƯỚC (tùy hảo tâm) tập thơ này. Nhà thơ Nguyễn Hoàng Nam (em trai cố thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên) đứng ra quản lý việc chi thu, qua một trương mục mang tên anh: Nicolas Blair. Nếu độc giả đồng thuận gợi ý của Kim Thi, xin hãy liên lạc với tòa soạn HL.

Sau đây là bốn bài thơ trích từ *"Nguyễn Tất Nhiên, Minh Khúc Và Di Cảo"*:

minh khúc 4

chút lòng, đáp lễ cho nhau
vết đau hạnh ngộ kiếp sau bù đền

chút tình, đáp nghĩa nhân duyên
dấu sinh ly mãi còn riêng vợ chồng

chút son thô, chắc đủ hồng
cho môi ai dễ thương còn thương thêm

em cười, không sót chút duyên
cho anh chê xấu mà quên chữ tình

em tươi, không sót chút hiền
cho anh chê nết không thèm dây dưa

thôi thì tan hợp nghìn xưa
thì thôi gió đập đò đưa mặc đò...
(Santa Ana, CA. 25/7/89)

minh khúc 6

đường không gian - đã phân ly
đường nhân gian - đã một đi không về...

những con đường mịt sương che
tôi vô định lái chuyến xe mù đời
cu tí ngủ gục đâu rồi?
băng sau, ngoái lại, bời bời nhớ con!

đường trăm năm - nát tan lòng
đường ngàn năm - hận, xin đừng trả nhau!

những con đường cuối năm nào
cho tôi tìm lại cành đào ba sinh
khi em lễ mễ với tình
thắp nhang tạ tội sinh thành con đi...

đường chung đôi - đã chia đời
đường chia đôi - vẫn hơi người quẩn quanh

chim đêm hót tiếng đau tình
đau tim tôi chở lòng thành kiếm em...
(Westminster, CA 02/01/90)

minh khúc 7

ơn đời tha thứ cho nhau
ơn người buông thả nhau vào nhớ quên
ơn sông kỷ niệm dòng hiền

mang mưa hiện tại kêu thềm nhà
xưa:

nhà xưa
có lửa hương vừa
có đau đớn đủ
có chưa trọn đời
có dòng nhẫn nhục rơi
rơi... xuống môi run rẩy khóc muôi trăm năm
có chung mang một chỗ nằm
có riêng quang gánh nên
đường đôi
nơi!

ơn chim hót tiếng thương người

sáng nay thức dậy
vườn đời
thiếu
nhau!
(Westminster, CA, 09/01/90

minh khúc 10

đẩy nhau đến tận tàn đời
đủ chưa? đau khổ bật lời yêu thương
hiu hiu gió nhẹ nhàng, thường
bóng cây thư thả động lòng tháng năm...

xô nhau cuối tận đường hầm
gặp chưa? tia sáng từ tâm nhiệm mầu
hay là hóc hiểm thâm sâu
vẫn nuôi ích kỷ cho màu tàn phai...

dìu nhau trên những đường dài
đâu đâu cũng tiếng người thay đổi lòng
rồi sao? có thấy chi không?
con ơi, bố mẹ diễn tuồng sinh ly...

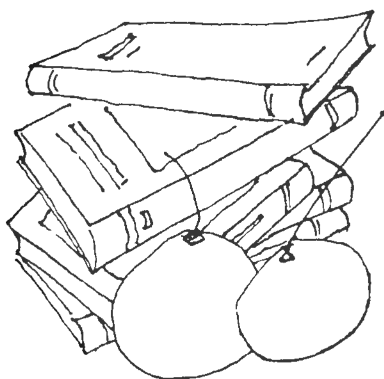
(Santa Ana, CA. 21/6/90)
NGUYỄN TẤT NHIÊN

Kim Thi *phụ trách*



NGUYÊN THỊ GIÁNG CHÂU

giới thiệu sách mới



TUYỂN TẬP NGUYỄN KIẾN GIANG, nhà xuất bản *Trăm Hoa*, biên tập Hoàng Sử Mai. Bìa Khánh Trường. Đánh máy Cao Xuân Huy, Phan Tấn Hải, Nguyễn Quốc Trung. Sửa chữa chính tả Lê Thứ. Giá 10MK.

Trong *"Mấy Điều Thưa Trước"*, Nguyễn Kiến Giang tâm sự: *Viết những tiểu luận này không phải là kết quả của một giây phút suy nghĩ bất thần, một "cơn hứng" chốc lát, mà thực sự đây là kết quả của cả một đời người (gần như thế) thể nghiệm chủ nghĩa Cộng Sản bằng trí tuệ và hành động của chính bản thân mình. Nghĩa là kết quả của một cuộc "tự lột xác" không phải không đau đớn.*

Chúng ta sẽ hiểu *cuộc "tự lột xác " không phải không đau đớn* đó, nêu biết Nguyễn Kiến Giang (còn ký dưới các bút hiệu Lương Dân, Lê Diên, Lê Minh Tuệ) tham gia hoạt động Việt Minh ngay khi mới 14 tuổi. Năm 1945-1955 công tác tại tỉnh Quảng Bình. 1956-1961: công tác tại nhà xuất bản *Sự Thật* và lên tới chức Phó giám đốc nhà xuất bản này. Năm 1962-1964: Học trường Đảng cao cấp thuộc Trung Ương Đảng Cộng Sản Liên Xô. 1964-1967: bị đưa đi "công tác thực tế" tại Quảng Bình và Thái Bình. 1967- 1973: bị giam giữ trong vụ "xét lại chống đảng" (không xét xử) cùng với ông Hoàng Minh Chính. Năm 1973-1976: Bị quản chế tại huyện Thanh Ba, tỉnh Vĩnh Phú. Từ tháng 9-1976, sống tại Hà Nội, làm nghề viết và dịch sách báo. Không được người ngoài nước biết nhiều, nhưng trong cuốn "Hồ Chí Minh", tác giả Jean La Couture đã gọi ông Nguyễn Kiến Giang là một "sử gia chính thống"...

Trong công cuộc đấu tranh cho một Việt Nam hùng cường, giàu mạnh, sẽ cần thiết vô cùng những trái tim và tấm lòng, như thế, cả *tả* lẫn *hữu*.

ĐOÀN VIẾT HOẠT VÀ NHÓM DIỄN ĐÀN TỰ DO, biên tập: Nguyễn Hương, Thân Trọng Mẫn, Trương Vũ. Thực hiện: Lương Thị Ánh, Hoàng Sử Mai, Nguyễn Quốc Trung. Bìa Khánh Trường. Nhà xuất bản *Trăm Hoa.* Giá 10 MK.

Sách được chia làm ba phần.

Phần một: Lập trường, nội dung của nhóm Diễn Đàn Tự Do, gồm các bài viết của Đoàn Viết Hoạt, N.P.P., Việt Luận, Tuệ Quang, Lương Dân, Phan Tự Chủ, Dương Thu Hương.

Phần hai: Diễn biến, phản ứng của vụ án Diễn Đàn Tự Do, gồm lời kêu gọi từ nhà tù của Đoàn Viết Hoạt gửi những nhà lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam và những tài liệu liên quan đến vụ án: Nguyên văn bản cáo trạng của chính quyền Việt Nam về trường hợp Diễn Đàn Tự Do, tường thuật "phiên toà xử vụ DĐTD của ông Đoàn Viết Hoạt của Nguyễn Thành Nam (người có mặt trực tiếp tại phiên tòa). Kháng nghị của bà Trần Thị Thức (vợ ông Đoàn Viết Hoạt). Kháng thư về việc nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam dàn áp Diễn Đàn Tự Do của trí thức, văn nghệ sị hải ngoại (đã đăng ở HL số 10); Các bài viết của Thân Trọng Mẫn, Trương Vũ.

Phần ba: (English Section): The Case of Fredom Forum

Tất cả mọi nguyên nhân và diễn tiến của vụ án sẽ được trình bày tường tận qua 200 trang sách. Đây là một cuốn sách cần đọc và nên tìm đọc.

CÁT VÀ BỌT BIỂN, Khalil Gibran, bản dịch Diêu Ngọc; và **NHỮNG TIẾNG NÓI**, Antonio Porchia, bản dịch Diêu Ngọc. Cả hai tập đều do *Hoa Phương Đông* xuất bản. Không ghi giá bán.

Tác phẩm gồm 322 đoạn ngắn, thật ngắn, cô dọng và hàm súc, gần như những châm ngôn, ngạn ngữ. Hãy thử đọc một đoạn:

Tấm áo đẹp nhất của anh là do người khác dệt.
Thức ăn mỹ vị nhất là thức anh ăn ở bàn ăn của người khác.
Chiếc giường êm ái nhất của anh ở trong nhà người khác.
Này, thế thì làm sao anh lại có thể phân cách với người ấy?

Về **NHỮNG TIẾNG NÓI** của Antonio Porchia, nhà xuất bản viết:

Tác phẩn NHỮNG TIẾNG NÓI (voces) của Porchia được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1943 (Nxb Impulso, Buenos Aires). Đây là một tập sách dày hơn 100 trang, gồm những câu mà ta quen gọi là cách ngôn hay ngạn ngữ. Theo lời Jorge-Luis Borges thì đây lại không phải là "những phương trình ngôn từ thuần túy" là vì "người đọc cảm thấy sự hiện diện trực tiếp của một người và định mệnh của người đó". Borges gọi Porchia là "người bạn thân thiết của tôi mặc dù có lẽ ông không hay biết điều đó". Một nhà văn Âu Châu (có lẽ là Roges Caillois) đã tuyên bố sẵn sàng trao toàn bộ tác phẩm của mình để đổi lấy một vài mẩu, đoạn câu ấy của Porchia.

Cùng phương thức như nhà xuất bản Trình Bày của thi sĩ Diễm Châu, các ấn bản của nhà Hoa Phương Đông rất chọn lọc về nội dung. Tiếc, rất đáng

tiếc, là những ấn bản này, có lẽ do điều kiện tài chánh eo hẹp, chỉ được in, phổ biến giới hạn.

PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO, Tarthang Tulku, Phạm Công Thiện dịch. Bìa Đinh Cường. *Thanh Văn* xuất bản. Giá 12MK.

Hiện nay, tên tuổi của Tarthang Tulku đứng hàng đầu trong bảng liệt kê tên tuổi những vị thầy danh tiếng ở thế giới. Cách đây vài chục năm, Tarthang Tulku đã âm thầm xuất hiện ở California, không một đồng xu dính túi, và chẳng biết nói tiếng Mỹ, thế mà chỉ trong vòng 10 năm thôi Tarthang Tulku đã thành tựu sự nghiệp văn hóa vượt xa hơn cả những gì mà tất cả những bậc thầy Trung Hoa, Nhật Bản và Đại Hàn đã kiến lập tại đất Mỹ trong vòng 100 năm qua.

Phương Tiện Thiện Xảo, tiếng Anh gọi là *"Skillful Means"*, tức là chữ dịch lại từ chữ Phạn: *Upaya-Kausalya*, là phương pháp, lề lối, cách thức, thể cách khôn ngoan, khéo léo, tinh diệu, tinh xảo, lành mạnh, nhẹ nhàng, uyển chuyển để tự chuyển hóa bản thân và đồng thời chuyển hóa người khác, vì lợi ích người khác.

CUỐI ĐÊM DÀI, tập truyện Nguyễn Thị Thanh Bình. Bìa Đinh Cường, *An Tiêm* xuất bản. Giá 10MK.

Là tác giả của các tác phẩm đã xuất bản: *Ở Đời Sống Này* (tập truyện, *Đại Nam* 1989; tái bản: *Đại Nam*, 1992); *Giọt Lệ Xé Hai* (Truyện dài, *Văn Khoa* 1991). Đã cộng tác với các tạp chí: *Văn Học, Làng Văn, Thế Kỷ 21, Sóng, Phụ Nữ Diễn Đàn, Thời Tập, Hợp Lưu, Văn, Văn Uyển, Độc lập, Bách Việt...*

Cuối Đêm Dài là tác phẩm thứ ba của Nguyễn Thị Thanh Bình vừa được trình làng, gồm 15 truyện ngắn, đa số đã được đăng rải rác trên các tạp chí vừa nêu trên.

MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI của Tạ Chí Đại Trường. Bìa Đinh Cường. *Thanh Văn* xuất bản. Giá 16MK.

Tạ Chí Đại Trường viết hồi ký theo cung cách một người chép sử. Ông không xem kinh nghiệm lao tù của mình là một bất hạnh phải kêu than, hay một vinh dự phải cao rao. Ông xem kinh nghiệm cá nhân như một tài liệu sử. Cho nên đọc hồi ký cải tạo của Tạ Chí Đại Trường có cái thú là được nghe kể tỉ mỉ những chuyện đời chuyện người bình thường, sau đó được nghe tác giả phân tích dẫn giải vì sao những chuyện như vậy lại xảy ra. Tạ Chí Đại Trường khách quan tối đa khi ghi nhận về thân phận người tù cải tạo lẫn các trái chứng bất trắc của người canh tù. Nhiều đoạn tập hồi ký có những phân tích tâm lý sâu sắc về phản ứng và thái độ của người tù cải tạo, giống như tác phẩm của Arthur Koestles hay Alexander Solzhenitsyn.

Đây là một tác phẩm giá trị, trung thực cần tìm đọc.

VIỆT NAM VÀ NHẬT BẢN TRONG THẾ GIỚI ĐÔNG Á, Vĩnh Sính. *Sở*

Văn Hóa Thông Tin thành phố Hồ Chí Minh - Khoa Sử Đại Học Sư Phạm thành phố Hồ Chí Minh xuất bản 1993. Không ghi giá bán.

Trong trật tự của thế giới Đông Á truyền thống, Việt Nam và Nhật Bản là hai nước nằm trên ngoại vi và Trung Quốc là trung tâm. Ngoài Nho Giáo, Phật Giáo và chữ Hán là hai yếu tố văn hóa không kém phần quan trọng mà Việt Nam và Nhật Bản đã tiếp thu từ Trung Quốc. Tác giả (...) đã phác họa được phần nào những tương quan thú vị và có ý nghĩa giữa Việt Nam và Nhật Bản trên hai khía cạnh này qua hai bài "Kiikai: Vị Đại Sư Đa Tài" *và* "Thiền và Thơ Haiku Của Matsuo Bashô". *Các điểm tương đồng và dị biệt trong mối liên hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản đối với Trung Quốc (...), đã có ảnh hưởng quan trọng đối với cách ứng xử của hai nước khi trật tự của thế giới Đông Á bị đảo lộn trước làn sóng Tây xâm vào giữa thế kỷ thứ XIX. Những ý kiến sơ bộ (...) trên vấn đề này được trình bày trong hai bài* "Hồn Đại Việt Giọng Hàn Thuyên..." *và "Giấc Mộng Chưa Thành...". Trước hiểm họa Tây xâm, độc lập quốc gia là vấn đề tiên quyết đối với bất cứ nước nào ở Đông Á. Những khác biệt quan trọng trong quan niệm độc lập quốc gia của Phan Bội Châu và Fukuzawa Yukichi - hai nhân vật điển hình của Việt Nam và Nhật Bản cận đại - được phân tích và đánh giá qua bài* "Quan Niệm về Độc lập Quốc Gia Của Việt Nam Và Nhật Bản". *Ngày xưa người Nhật mượn chữ Hán từ Trung Quốc, nhưng từ cuối thế kỷ thứ XIX đầu thế kỷ XX, người Trung Quốc lại phải mượn những chữ Hán do người Nhật đặt ra để dịch những danh từ cận đại trong sách vở Tây Phương. Sau đó, từ các sách Tân thư của Trung Quốc, sĩ phu nước ta tiếp thu những chữ Hán do người Nhật đặt; phần lớn những danh từ này ngày nay đã trở thành tiếng Hán Việt rất phổ biến như "chính trị", "kinh tế", "xã hội" v.v... Quá trình giao lưu văn hóa đó đã được xác định lại trong bài* "Trục Giao Lưu Văn Hóa Nhật Bản - Trung Quốc - Việt Nam..." (Lời Nói Đầu)

Trên đây là nội dung của tập biên khảo.

Được biết Vĩnh Sính là tiến sĩ sử học, hiện ông đang giảng dạy tại đại học Alberta, Canada. Đây là tác phẩm thứ hai của cùng tác giả, sau *Nhật Bản Cận Đại*, cũng do nhà xuất bản vừa nêu trên xuất bản năm 1991.

THẰNG BẮT QỦY, tập truyện của Cung Tích Biền. Bìa Khánh Trường. *Tân Thư* xuất bản, *Hồng Lĩnh* tổng phát hành. Giá 10 MK.

Gồm 11 truyện ngắn viết trước và sau 1975 tại Việt Nam.

Chúng ta đã từng biết đến một Cung Tích Biền qua những tác phẩm nổi tiếng của những thập niên 60, 70: *Hoà Bình, Nàng Tình Rồng, Ngoại O, Dĩ An Và Tôi, Luống Cải Vàng...* Sau 1975, ông ngưng viết một thời gian, rồi trở lại với sáng tác, qua một truyện dài (đã xuất bản năm 1990. V.N.). Nhưng đặc biệt và tiêu biểu nhất, vẫn là những truyện ngắn của ông. Những truyện ngắn với một bút pháp già dặn, thơ mộng, đầy ẩn dụ và "có không khí". Hơn một lần, trên *Hợp Lưu*, chúng tôi đã giới thiệu vài truyện ngắn này và đã được độc giả nồng nhiệt ngợi khen. Nay, nhà xuất bản *Tân Thư*, với sự đồng ý của tác giả, đã thu tập và cho ra đời tập truyện *"Thằng Bắt Quỷ"*, gồm 11 truyện

ngắn tiêu biểu nhất viết trước và sau 1975. Gần ba mươi năm, khoảng thời gian có lẽ đủ dài để chúng ta có thể nhìn rõ diễn biến cùng sự trưởng thành của một ngòi bút. Đó là lý do chúng tôi trân trọng giới thiệu đến độc giả tác phẩm này. Một tác phẩm, chúng tôi tin, rất xứng đáng đại diện cho một tầng lớp nhà văn sinh trưởng, lớn lên và có nhiều hệ lụy với nửa đất nước bên này, sau bao nhiêu tang thương dời đổi, vẫn có thể cần được cây bút, và vẫn có thể viết hay, nếu họ có đủ tài năng và nội lực.

Sách đã bày bán trên khắp thế giới. Độc giả ở xa, không tiện lui tới các nhà sách, có thể liên lạc trực tiếp với nhà xuất bản *Tân Thư* (cùng địa chỉ với *Hợp Lưu*) hoặc nhà xuất bản *Hồng Lĩnh* (địa chỉ ở quảng cáo trang bìa sau).

CÂY ĐÀN MIẾN ĐIỆN, nguyên tác của Takeyama Michio, bản dịch Đỗ Khánh Hoan, *Nắng Mới* tái bản 1993 tại Canada. Giá 10MK.

Nguyên ngữ có tên *Biruma No Tategoto*, được in tại Tokyo năm 1946, sau đó đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Bản tiếng Việt của Đỗ Khánh Hoan do nhà xuất bản *Sáng Tạo* in năm 1971 tại Sài Gòn. Nay, tái bản tại hải ngoại.

Bằng giọng văn hiện thực, đơn giản, tác giả kể lại những sinh hoạt thường nhật của một đại đội binh sĩ Nhật trong rừng nhiệt đới Miến Điện. Câu chuyện với nhiều tình tiết ly kỳ, hấp dẫn, cuốn hút, vẽ ra một sự thật; những thử thách trong và sau chiến tranh có lẽ còn cam go, gian khổ nhiều lần hơn khi trực diện với quân thù ngoài chiến trường. Khí hậu, thổ ngơi, phong tục, tập quán... tất cả đều xa lạ, cộng với lòng hoài nhớ quê hương và những ấn tượng do cuộc chiến phi lý tạo ra đã biến đổi tâm trạng của con người, đến nỗi, kẻ thân thiết nhất cũng trở nên xa lạ.

Một tác phẩm giá trị rất nên tìm đọc, nếu chưa đọc.

MỘT CHÚT HẠNH PHÚC NHỎ, tập truyện Nguyễn Thị Ngọc Lan. Tác giả tự xuất bản. Bìa Hồ Thành Đức, phụ bản tác giả. Giá 12MK.

Tác phẩm đầu tay gồm mười bốn truyện ngắn, hầu hết từng xuất hiện trên các tạp chí *Văn, Văn Học, Làng Văn, Tân Văn*... trên dưới một thập niên vừa qua.

Cũng có nghĩa Nguyễn Thị Ngọc Lan đã tham dự vào sinh hoạt chữ nghĩa khá lâu. Vài năm trở lại đây vì bận bịu chuyện gia đình, sinh kế, Nguyễn Thị Ngọc Lan không còn hiện diện thường xuyên trên những diễn đàn văn học. Nay, nhân tập truyện đầu tiên của chị vừa ra đời, chúng ta hy vọng đó là nhịp cầu giúp chị có đủ hứng khởi tiếp tục cầm lấy cây bút, như đã, trên dưới mười năm qua.

Văn chương Nguyễn Thị Ngọc Lan hiền lành, nhẹ nhàng, phảng phất không khí "tuổi ngọc".

NHỮNG GỢI Ý CHO TƯƠNG LAI (VĂN HÓA, GIÁO DỤC, KINH TẾ), tài liệu hội thảo tái thiết Việt Nam sau giai đoạn cộng sản, do hội *Văn Hóa*

Khoa Học Việt Nam tổ chức ngày 4 tháng 7 năm 1993 tại Houston, Texas, Hoa Kỳ. Trách nhiệm xuất bản: Cơ sở Văn Hóa Hướng Việt. Trách nhiệm thực hiện: Nguyễn Ngọc Bảo, Nguyễn Ngọc Chương, Nguyễn Mỹ Hạnh, Nguyễn Gia Hội, Phạm Huy Hợp, Lê Mộng Hùng, Nguyễn Lê Tâm, Lê Đức Trung. Giá 15MK.

Có thể xem trích đoạn dưới đây (ở bìa sau tác phẩm) là lời giới thiệu nội dung:

Ngày hôm nay, người trí thức và chuyên viên hải ngoại chứng kiến được sự phồn thịnh của xã hội và hạnh phúc của nhân dân các quốc gia mình đang cư ngụ, nhìn lại thực trạng đau lòng của nhân dân Việt Nam, xác tín một cách mãnh liệt rằng: công cuộc tái thiết Việt Nam sau giai đoạn cộng sản là một sứ mệnh cấp bách của toàn dân.

Cuộc hội thảo qui tụ được một số đông giới chuyên gia, trí thức Việt Nam hải ngoại.

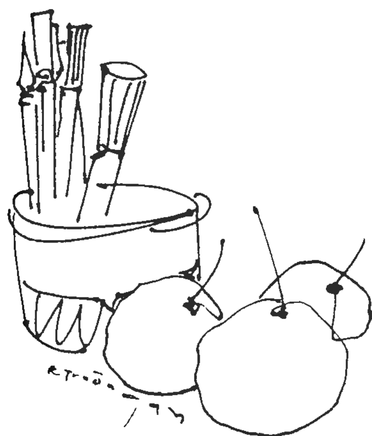
Độc giả muốn theo dõi tường tận cuộc hội thảo này, xin tìm mua tác phẩm trên tại các nhà sách hoặc liên lạc về:

Hội Văn Hóa Khoa Học Việt Nam.
P.O.Box 79105, Houston,
Texas 77279. USA.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



với văn hữu và độc giả



THƯ VĂN HỮU VÀ ĐỘC GIẢ

Góp ý với ông Phan Quốc Sơn về nội dung nghệ thuật Baroque trong bài "Đồ Sứ Khang Hy".

Bài "Đồ Sứ Khang Hy Của Thuyền Buôn Trung Quốc Đắm Tại Côn Đảo Nước Ta" của ông Phan Quốc Sơn trong Hợp Lưu *số 12 tháng 8 và 9, 1993 đã cống hiến cho độc giả một tài liệu mỹ thuật tốt, mặc dù nội dung bài viết ấy không liên hệ gì tới lịch sử đồ gốm Việt Nam. Tuy nhiên, về mặt sử liệu Tây phương ông Phan Quốc Sơn đã có một vài ghi nhận không chính xác. Xin gởi mấy dòng này tới* Hợp Lưu *để góp ý với ông Sơn và độc giả.*

1. Trang 78: - "*Chữ Baroque có gốc từ Bồ Đào Nha Barroco*". Nếu viết như vậy người đọc sẽ hiểu lầm là phong trào văn học và nghệ thuật Baroque mượn danh từ Barroco. Trên thực tế, đây chỉ là một giả thiết vì cho tới ngày nay vẫn chưa ai khẳng định được cỗi nguồn của từ ngữ Baroque.

2. Cũng trang 78: - van Eyck (1390-1441) không phải là học trò của Peter Rubens (1577-1640). Có lẽ ông Sơn sơ ý viết lầm (hoặc là lỗi sắp chữ), hoặc lầm với van Dyck (1599-1641).

3. Cũng trang 78: - Theo ông Sơn, phong trào Baroque nhằm triệt tiêu tính chất sùng bái tôn giáo của thời Phục Hưng. Điều này không đúng. Trước tiên, thời Phục Hưng đề cao triết học Tân-Plato (*Neo-Platonism*), coi con người là thước đo vạn vật (*Hummanism*). Thứ hai, chính các danh họa như Rubens, và Rembrandt cũng vẽ các đề tài tôn giáo với bút pháp khác hẳn với bút pháp thời Byzantine và thời tiền Phục Hưng. Cũng cần lưu ý là trong thời cực thịnh của Phục Hưng, giáo hội Cơ Đốc mới chính là cơ cấu khai sinh ra phong trào Baroque. Vậy làm sao phong trào này lại triệt tiêu tôn giáo? Phong trào Baroque liên quan tới *Counter-Reformation*, nhằm chống lại sự bành trướng của *Protestant Reformation. Counter-Reformation* đề ra mấy điều cốt yếu sau đây:

A) Nhìn nhận giá trị siêu việt của kỹ thuật và nghệ thuật La Mã,

B) Học hỏi cái hay trong kỹ thuật và nghệ thuật La Mã rồi tạo nên một thứ nghệ thuật vĩ đại,

C) Thứ nghệ thuật vĩ đại ấy sẽ vượt lên trên nghệ thuật La Mã về kích thước cũng như về giá trị,

D) Thứ nghệ thuật vĩ đại ấy - họa họa, điêu khắc cũng như kiến trúc - phải có tính cuốn hút (*dramatization*),

E) Tính cuốn hút tưng bừng như trên sân khấu sẽ chú trọng vào chức năng của ánh sáng để gợi ý niệm tâm linh. Đây là điểm nằm trong hội họa.

F) Tính cuốn hút tưng bừng như trên sân khấu ấy chú trọng vào đường nét bay lượn ra ngoài trí tưởng tượng để gợi ý niệm tâm linh. Đây là điểm trong điêu khắc.

G) Tính cuốn hút tưng bừng như trên sân khấu ấy chú trọng vào các kiến trúc tân kỳ bay bướm trong khoa kiến trúc nội ốc cũng như ngoại ốc, để gợi ý niệm tâm linh. Đây là điểm trong kiến trúc.

Tất cả những điểm nêu trên đã tạo thành bút pháp *Baroque*, do công lao của những thiên tài nửa đạo nửa đời (tức con người Công Giáo mang tinh thần cá nhân sáng tạo Phục Hưng, như Brunelleschi, Michelangelo, Maderno, và đặc biệt Bernini). Trường hợp con người hiện thực *Baroque Carravagio* là một trường hợp ngoại lệ. Do đó *Carravagio* đã trở thành nạn nhân của thời đại. Dĩ nhiên trong nghệ thuật *Baroque* cũng có những thể tài khác như trình bày thú vui trong xã hội trưởng giả, và trình bày các nhân vật có thực đến từ các giai cấp khác nhau trong xã hội.

Như vậy, bút pháp chính hiệu *Baroque,* nếu căn cứ vào các mô hình lý tưởng - ví dụ St. Peter Basilica, và những tác phẩm hội họa cũng như điêu khắc có liên quan trong thời đại - ai cũng phải nhận rằng bút pháp đó chỉ xảy ra ở Ý mà thôi. Những tính chất nêu trên của nghệ thuật *Baroque*, từ A đến G, bớt đi rất nhiều trong các nước ở Âu châu ngoài Ý Đại Lợi thời ấy. Và vì thế không thể nói là nghệ thuật *Baroque* nhằm triệt tiêu tinh thần tôn giáo, mà phải nói rằng sau phong trào nghệ thuật *Baroque* - ý thức sáng tạo cá nhân, đặc biệt trong hội họa - dần dần lìa xa tôn giáo kể từ Rococo. Chẳng những lìa xa tôn giáo, nó còn lìa xa cả những gì đã có trong truyền thống - một đặc điểm của tư tưởng sáng tạo Tây phương.

NGUYỄN QUỲNH
*(Dept. of Visual Arts and Technology
San Antonio College of the University of Texas.)*

Vâng, đúng như anh nói, tòa soạn rất thiếu người (nhất là những vị chuyên môn cho từng bộ môn). Có thể nói: hoàn toàn thiếu! Nếu anh hiểu rõ hơn hoàn cảnh của Hợp lưu, có lẽ anh sẽ thông cảm.

Rất mong gặp lại anh ở Cali vào một dịp thoải mái hơn lần trước.

Ráng "gồng mình" thêm...

Nhiều độc giả, tôi chắc chắn vậy (trong số đó có tôi), ước ao các anh thử

ráng "gồng mình" thêm cho Hợp Lưu mỗi năm hai số nữa coi - cho khoảng cách hai tháng sáu số thâu hẹp bớt lại , nói thâu hẹp cũng là một cách nói khác của mở rộng, phải không các anh?

...

Một số quốc gia thuộc khối Đông Âu thật là những dân tộc diễm phúc vì đã tạo nên được cuộc cách mạng nhung, không đưa đất nước vào cuộc nội chiến như Nam Tư. Mong thay đến lượt Việt Nam cũng sẽ như Hung. Nếu được thế, là phần lớn nhờ những người đã khởi xướng giải pháp ôn hòa tiệm tiến, để đi đến đa nguyên, trong đó hẳn nhiên Hợp Lưu góp phần không nhỏ.

Đối với một địch thủ có nhiều tai tiếng và thành tích độc tài, tôi nghĩ hay hơn hết là cảm hóa họ. Trong một bản nhạc tôi quên nhan đề, có câu "đem tình yêu xóa bỏ hận thù", rất đúng để cả hai phía cùng suy gẫm. Tôi thấy giáo hội Thiên Chúa Giáo đã đi con đường này. Nó tránh cho đất nước khỏi suy kiệt thêm tài nguyên và xương máu. Nếu bình tâm suy nghĩ một cách khách quan, chúng ta đều hiểu hận thù sở dĩ còn dai dẳng đến hôm nay, ngoài những nguyên nhân sâu xa, một phần cũng tại phía chiến thắng muốn đẩy mọi người vào chân tường, coi ai cũng có tội, nên họ phải đứng vào thế đối kháng. Trong những năm đầu sự đối kháng biểu lộ rõ rệt bằng lãng công (Nguyễn Mộng Giác đã có nhận xét này trong *Bèo Giạt*). Bản thân là một người tù cải tạo, tôi hiểu rõ nếu Cộng Sản Việt Nam không theo đuổi chính sách trả thù và làm nhục, thì họ đã sử dụng được lực lượng đông đảo này vào bao chuyện hữu ích. Lại nữa, nếu họ đừng quá kiêu căng thì chính quyền Mỹ thời Carter đã thiết lập quan hệ ngoại giao bình thường với họ lâu rồi, đâu đến nỗi phải khốn đốn trăm chiều vì lệnh cấm vận 18 năm qua, phải không các anh?

...

Gorbachev đã có lần hô hào xóa bỏ những ISM (chủ nghĩa - Thập Lang có chia xẻ điều này) quả thật là chí lý. Chỉ vì nó mà đưa đến sự phải diệt trừ những người khác chính kiến, cho dù họ có chung một màu da, một tiếng nói!

...

NGUYỄN QUỐC (El Cajon, CA)

- Hợp Lưu xin phép trích một vài đoạn thư liên quan đến "chuyện chung", còn mấy lời ưu ái anh dành cho cá nhân "gã kia", xin để một mình gã... sướng.

- Nhan truyện ngắn ấy, hầu hết đều chọn "Thừa Dư". Tôi cũng đồng ý với anh: nó nằm "chình ình" ra đó, và nó "thiếu chất sáng tạo", nhưng mà... phía sau lưng nó có nhiều cánh tay "vung lên" đòi quyền... sống. Ta cản sao đặng? Thôi thì đành thực thi "quyền dân chủ" vậy. Tuy nhiên, cũng sẽ gởi đến anh một bản thay lời cảm ơn. Sách đã in xong, đang chạy... tiền khuân về. Khổ, cứ cơm nhà ngà voi đến héo cả tinh thần lẫn thể xác!

- Về những cái "xanh xanh đỏ đỏ" anh hỏi. Tôi nghĩ, anh nên... quên đi là tốt nhất. Định thuê một thùng rác rõ to để ném hết vào cho đỡ chật garage.. Bao năm đi tìm một cái chi "ngoạn mục" mà tìm mãi không ra! Nhiều đêm

đang ngủ bỗng choàng thức, nằm suy nghĩ vẩn vơ rồi tủi thân suýt rống lên mấy tiếng như thi sĩ họ Vũ: "Ta đã làm chi đời ta!". *Nhưng gẫm đi gẫm lại, thấy... cải lương quá, đành câm! Sự bất tài thường làm khổ mình là thế. Thân kính.*

Công của Hợp Lưu...

Rất mừng khi thấy tờ báo ngày càng khởi sắc và cũng rất là cảm phục và cảm ơn các anh đã bỏ công sức, thì giờ (và cả... tài chánh) để đều đặn gởi món ăn tinh thần này đến cho người Việt trên toàn thế giới. Công của HL trong việc đánh thức và mở ra một tâm thức mới cho người Việt chúng ta không phải là nhỏ và mong rằng tất cả chúng ta sẽ cùng nhau gìn giữ vun trồng cho tờ báo được mãi mãi hiện diện và sáng chói như một đóng góp tích cực cho văn học Việt hiện đại.

Riêng phần tôi, trong khả năng giới hạn và hoàn cảnh của mình, sẽ luôn luôn giới thiệu và cổ động HL tới bạn bè và các người thân quen như một đóng góp nhỏ của mình để ủng hộ các anh...

NGUYỄN MẠNH THẮNG (Ont. Canada)

Số báo dư anh cứ gởi đến bất cứ ai muốn đọc. Biết đâu chúng tôi được thêm một độc giả dài hạn. Còn "bồi hoàn chi phí" thì xin miễn. Mất thì giờ và công sức của anh. HL nghèo, không dám chê tiền. Nhưng thêm hay bớt vài tì thì cũng chẳng làm gì được. Phải không, thưa anh?

Uổng nhỉ, vùng anh ở chả có nhà sách nào, bằng không, chúng tôi dám mời anh làm... đại diện lắm (Khà... khà... Chưa biết mặt mũi nhau đã rắp tâm... lợi dụng!). Nhưng không sao, anh đã có lòng "sẽ giới thiệu HL đến bè bạn và các người thân quen" là tuyệt lắm rồi. Thân mến.

... đã để lại cho tôi nhiều ấn tượng đẹp.

Thực tình mà nói, nếu vì lý do nào đó không được đọc HL chắc sẽ là một sự thiếu vắng lớn về tinh thần đối với tôi. HL là một tờ báo dù chỉ mới đọc qua 2, 3 số nhưng đã để lại cho tôi nhiều ấn tượng đẹp. Đẹp không chỉ vì hình thức thanh nhã mà còn đẹp cả nội dung phong phú đa dạng. Tôi thích HL ở sự không ồn ào bè phái mà chỉ vô tư như tên gọi giữa thời điểm giao lưu. Những sáng tác giá trị thực sự của những ngòi bút trong, ngoài nước là sự phối hợp dung hòa tinh hoa văn hóa của dân tộc VN hiện đại. Từ đó tôi thấy được đất nước chúng ta như thế nào sau bao thăng trầm thay đổi từ sau ba mươi tháng Tư đến nay. Cám ơn HL đã có mặt trên diễn đàn báo chí để làm ấm lòng những kẽ tha phương.

HUỲNH NGỌC NGA (Italia)

Mừng chị đã "trở lại" với HL sau "trận" tranh tụng nhà cửa, tất bật liên miên. Và cảm ơn chị đã "mai mối" thêm cho HL một độc giả. Đã điều chỉnh địa chỉ của chị. Từ nay, rất mong ông bưu điện làm việc... có lương tâm để báo sẽ đến tay chị đều. Kính mến.

Có phải các vị đều xuất thân từ...?

Càng đọc HL càng thấy thích. Sao càng ngày "ảnh" càng phong phú, mượt mà vậy? Tác giả trong nước tương đối đông đảo, thấp thoáng đâu đó vài khuôn mặt, vài cây bút Đông Âu. Đúng là "Hữu xạ tự nhiên hương". Thành thật chúc mừng HL đã "đắc nhân tâm". Mà nè, xin hỏi nhỏ, có phải các vị đều xuất thân từ... lò tâm lý (Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt hay Ngành Tâm Lý Văn Khoa Sàigòn)?... Bạn trai của em thì mơ ước dành "ghế" của Nguyễn Thị Giáng Châu (Giới Thiệu Sách). Em thích "Ngày... Tháng..." hơn, ngòi bút sắc sảo của Kim Thi đã tạo nên một nét riêng, rất riêng cho HL. Đôi lúc anh chàng "quẹt" hơi mạnh tay, nhưng trong cái phẫn nộ, cay đắng ấy vẫn ứ tràn chua xót (vốn dốt văn chương, em nhận xét đại, có sai xin đừng cười)

HOÀI HƯƠNG (Canada)

Làm cách nào với tư cách "tường nhân", lại bò qua được Canada, hay vậy? Rất mong cái ngày HH bay về Đức để hoàn tất thủ tục "đưa chàng dzề dinh" đến sớm. Chỉ tiếc, "chàng" thuộc trường phái "trà đá chanh đường", không có tí cay cay thì "bốc phét" đâu có... "linh"? (Đả đảo sĩ phu Bắc Hà!)

Câu hỏi nhỏ của HH khiến cho "các vị" trong tòa soạn thảy đều đỏ mặt (vừa tức vừa xấu hổ!) Trời ạ, nếu "đắc nhân tâm" theo đường lối của trường CTCTĐL hoặc ngành TLVKSG mà "ngon lành" thì nửa nước chưa đến nỗi tiêu tùng thê thảm như đã! Nhưng thôi, "bứt dây động rừng", chỉ xin thành thật khai báo: hầu hết những "vị" chủ lực của HL đều có từ 7 đến 20 niên "đánh đấm ra trò" ngoài chiến trường, nghĩa là nếu ngày xưa gặp HH (ví dụ ta xấp xỉ tuổi tác) trên Trường Sơn, thì "ai bắn chậm, nấy ngỏm", chứ chả "vị" nào là lính kiểng cả. Từ đó suy ra, có thể khẳng định: chỉ những ai từng đổ máu, từng biết đau thì mới sợ máu và sợ đau. Do vậy, mới thiết tha tới việc chữa trị thương tích. Giản dị vậy thôi. Đã qua được "thế giới tự do", dần dà HH sẽ thấy, hầu hết những cái thùng kêu to nhất, đều là những cái thùng rỗng, đúng như cổ nhân dạy. Chúc sớm có được một cuộc sống ổn định. Thân mến.

HỢP LƯU TRẢ LỜI VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC

Các bạn Hoàng Ngọc Tuấn, Trần Hồng Hà, Đỗ Quyên (Đức): các bạn gắng gởi bài về tòa soạn càng nhanh càng tốt. Độc giả đang nóng lòng chờ đợi số *"Văn Học Việt Nam Vùng Đông Âu"* đấy. Thân mến.

Anh Lê Văn Tài (Úc): Cảm ơn những tấm post cards rất đẹp của anh. Riêng ước mong: *Một ngày nào đó, rất gần, trên đường đi mua gạo, thực phẩm hằng tuần, mọi người có thể được "tự do" tha hồ mua HL mà không phải nhìn nó ở bên ngoài cửa kính, trên giá sách các thư viện... như một loại thực phẩm hiếm*, cũng là ước mong của tất cả chúng ta. Vâng, hy vọng một ngày "không

xa". Thân mến.

Anh Nguyễn Hưng Quốc (Úc): Lâu quá không thấy liên lạc. Định thư riêng mà rồi bề bộn công việc quá thành ra chưa biên được. Giấu bút kỹ thế. "Xuất chiêu" đi. Độc giả thỉnh thoảng vẫn hỏi thăm, và chờ. Nhận báo đều chứ? Nếu có chi trục trặc, xin cho biết ngay để gởi bù (những số thiếu). Thân mến.

Ông Nguyễn Long (Úc): 1) Cuốn sách ấy đã làm xong từ lâu lắm nhưng không có điều kiện (tài chính) để ra đời (rất đắc vì nhiều hình màu). 2) Sách về hội họa Việt Nam không nhiều, trước bảy lăm tại miền Nam VN chỉ độ vài ba cuốn. Sau 75, tương đối nhiều hơn, nhưng cũng đại khái. Nói chung, có lẽ tại giới tiêu thụ quá ít, và tốn kém in ấn cao, nên việc xuất bản gần như bế tắc hoàn toàn (trừ phi được cơ quan văn hóa của chính phủ tài trợ). Đó là điều đáng buồn. Nhìn ra thế giới, thấy người ta in ấn và bày bán nườm nượp, lòng dạ cứ xốn xang thế nào. Phải chi những vị có tiền của Việt Nam ta (đâu phải ít, trong cũng như ngoài nước) chịu chi ra một phần nhỏ (thật nhỏ thôi) gia tài đồ sộ của họ, để thực hiện những công trình tốt đẹp kia, thì quí hóa cho nền nghệ thuật dân tộc biết bao nhiêu. Ở Cali, tôi từng thấy, và báo chí từng loan tin, có những mệnh phụ dám tặng khơi khơi 5, 7 nghìn (đô la) để được đứng cạnh... Lương Triều Vĩ chụp hình! Thế mà cho một cái quảng cáo vài chục, hoặc mua một cuốn sách vài đồng thì... còn khuya. Vậy đó, *có những bực mình tức khôngthể nói!* Thân kính.

Vũ Đình Kh. (Canada): Đừng bực bội chuyện bà chủ hiệu sách ấy làm gì. Chỗ nào cũng đầy rẫy những vị này. Về VN xoành xoạch, mua nhà tậu đất, mối lái đặt cơ sở làm ăn, nhưng ra ngoài này thì "chỗ mô chống cộng, chỗ đó có tui". Cũng được. Chuyện "chống cộng" với chuyện "bắt tay cộng làm ăn" là hai "phạm trù" khác nhau! Còn chuyện người ta bảo HL là CS thì nào phải lần đầu? Chẳng cần đôi co (và việc quái gì phải đôi co?). Riêng khoản thuế, đóng và trừ "béng" vào tiền báo. Không sao hết. Sẽ điều chỉnh lại số lượng báo bên ấy cần. Thân mến.

Bà Hoàng Hoa (Nhật): Chúng tôi chưa tìm ra người đại diện bên ấy . Nếu bà lo giúp được thì vô cùng biết ơn. Kính.

Với các văn hữu trong ngoài nước và bạn đọc gởi bài cho số Thơ Ca Việt Nam Hiện Đại: Vì số trang có hạn, HL không thể cùng một lúc đi hết tất cả mọi bài vở nhận được. Nếu vị nào chưa xuất hiện trong sồ này, chúng tôi thành thật xin lỗi, và sẽ lưu giữ để đi dần. Bài không đi được, chúng tôi đã có thư riêng. Thân kính.

HỢP LƯU

NGUYEN TRONG KHOI
Recent Paintings

THE MAYOR'S OFFICER OF THE ARTS AND HUMANITIES
is pleased to invite you to the opening reception for artist
NGUYEN TRONG KHOI
exhibit in the SCOLLAY SQUARE GALLERY, etc.

October 7 - October 31, 1993
SCOLLAY SQUARE ART GALLERY
BOSTON CITY HALL
PLAZA LEVEL



OPENING RECEPTION
THURSDAY, OCT. 7, 1993
5:30 - 7:30 PM

TÌM ĐỌC:

Tập truyện

đôi bờ

ê Thị Thấm Vân

... M. có h i điều kiện cốt yếu: thành thật và tâm hồn. (Khi nình thành thật, mình có lập dị nó vẫn duyên dán . Khi mình có tâm hồn, mình có vụng về nó vẫn xú động người khác). Ngoài ra M. có khả năng, cứ t ế mà tiến...

Như Hạnh. Virginia, Hoa Kỳ.

... Lê Thị hấm Vân là nhà văn mới và trẻ. Tập truyện phc n ảnh đời sống người Việt trẻ tuổi tại Hoa Kỳ. Lời vi n trong sáng, giản dị, giàu cảm xúc. Tác giả viết tự thiên và chân thành, không theo thời thượng, nl ưng có phong cách và nghệ thuật.

Cần đọ để tiếp cận với nghệ thuật và ngôn ngữ trẻ ở hải ngoạ ...

Đặng Tiến. Báo Diễn Đàn, Pháp.

Sách có bày bán tại các nhà sách. Hoặc liên lạc:

Trần Mạnh
P.O. Box 360923
Milpitas, C.A. 95035

Giá 8 Mỹ kim, tính luôn cước phí.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(*Tất cả xin ghi rõ bằng chữ in*)

Tôi tên____

Địa chỉ:____

____

____

____

Giá tiền:

* Trong nội địa Hoa Kỳ và Canada:

Hạng thường: $18.00 ☐ (1/2 năm) - $36.00 ☐ (1 năm)

Hạng nhất: $24.00 ☐ (1/2) năm) - $48.00 ☐ (1 năm)

* Âu châu, Úc châu, Á Châu:

Đường thủy: $24.00 ☐ (1/2 năm) - $48.00 ☐ (1 năm)

Hàng không: $34.00 ☐ (1/2) - $60.00 ☐ (1 năm)

Xin gởi bằng Mỹ kim, ngoài Hoa Kỳ bằng internatinal money order hoặc bưu phiếu, đề:



P.O. Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA



TÂN THƯ

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA
Tel: **(714) 537-2468**

Hân hạnh giới thiệu:

Giá 10MK, ngoài Hoa Kỳ thêm 2MK cước phí

HỒNG LĨNH

độc quyền phát hành

Liên lạc: 9601 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683. USA
Tel: **(714) 531-7223.** Fax: **(714) 531-1107**

13

Giá Sáu Mỹ Kim